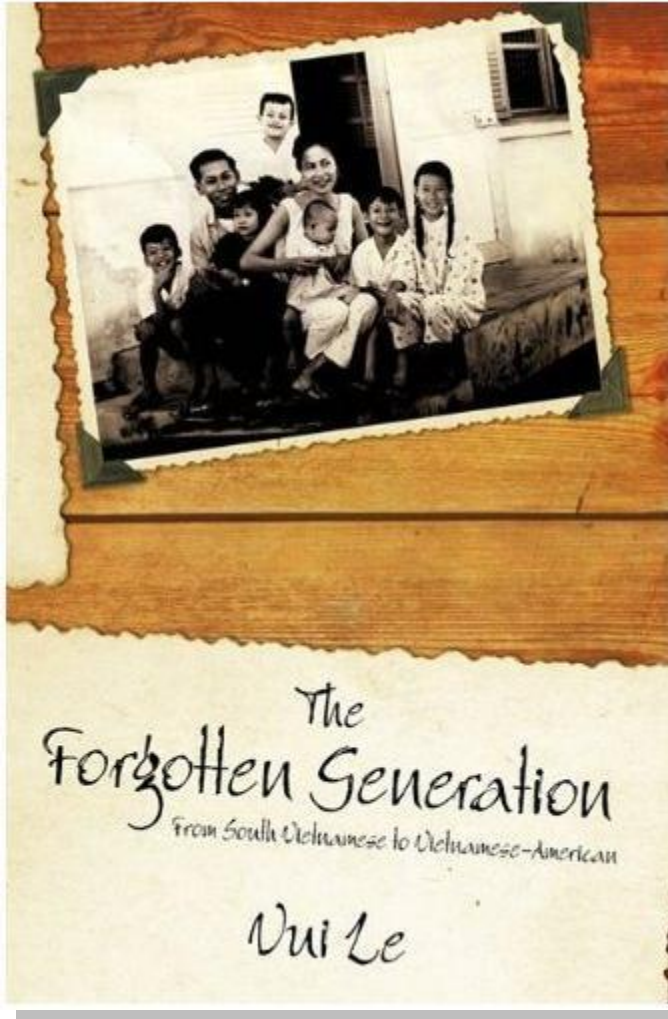


The Forgotten Generation

THẾ HỆ LÃNG QUÊN



Lê Công Vui - Hồi Ký
Trần Ngọc Hà - Dịch

Thân ái dành cho

Hoàng Thị Phương Dung
Lê Hoàng Vân
Lê Công Vinh
Lê Công Minh

Qua đèo ngang

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông, rợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

-- Bà Huyện Thanh Quan

Nhập

Bài thơ Qua Đèo Ngang này, tôi đã thuộc nằm lòng trong những năm còn ngồi miệt mài ở ghé nhà trường An Phong Học Viện, một tu viện Công Giáo thuộc Dòng Chúa Cứu Thế, tọa lạc không xa nhà tôi ở thành phố Sài Gòn cho lắm. Hồi ấy, tôi chỉ mới mười hai mười ba tuổi gì đó, cho nên tôi không thể nhớ hết từng chữ trong bài, nhưng tôi vẫn nhớ như in cái cảm xúc bồi hồi do bài thơ ấy đem đến.

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc...

Bài thơ tả lại tâm trạng một khách lữ hành khi nàng tình cờ ghé qua một nơi hiu quạnh và cổ kính, làm nàng bỗng băng khuâng tưởng nhớ cố hương.

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia...

Nói chung, chúng ta ai cũng từng đi xa nhà, từng là dân tị nạn hoặc từng là kẻ tha hương. Không lúc nào thì cũng lúc khác trong suốt một đời người, chúng ta đã buộc phải ra đi, trốn chạy một điều gì đó, hoặc bỏ lại sau lưng mình cả một quá khứ. Đôi khi ta cũng cần có lúc phải ôn lại những gì đã xảy đến trong đời, chúng ta đang ở đâu, cũng còn là dịp để sống lại những hoài niệm ấy.

Cuốn sách này để tôn vinh một thế hệ người Việt tha hương bị quên lãng, họ là những người đã chiến đấu cho sự sống còn của miền Nam Việt Nam, đã liêu chết trên đường đi tìm tự do, và đã dâng hiến vô vàn những hy sinh cho thế hệ tương lai của con cháu họ.

Xin Chúa thương che chở và ban bình an cho thế hệ lãng quên.



Lớp Gabriels, bức ảnh này được chụp năm 1972 tại An Phong Học Viện, Thủ Đức, Việt Nam

Tác giả đứng ở hàng cuối, người thứ hai từ bên phải. Cha Giám Đốc nhà Đệ tử Phê-rô Đặng Văn Đào đứng bên trái và Cha Giu-se Nguyễn Tiến Lộc đứng ở bên phải bức ảnh.

CHƯƠNG MỘT

Chuẩn bị

Một ngày vào cuối tháng Ba năm 1975, má tôi gọi phôn cho Cha Đào và xin phép người cho tôi được nghỉ học ở An Phong Học Viện, một tu viện ở Thủ Đức, là một thị trấn nhỏ cách Sài Gòn độ mười cây số. Ở đó, tôi đang đeo đuổi việc học để trở thành một linh mục Công Giáo. Vị linh mục già, có họ hàng với tôi và đang trông coi nhà đệ tử, gọi tôi lên văn phòng và báo tin cho tôi biết mà không có một lời giải thích:

“Con về nhà ngay. Má con cần gặp con”.

Bối rối và hoang mang, tôi bỏ các bạn tu ở lại đằng sau và đón xe đò để đi ngay. Trên đường về, tôi hơi lo vì má tôi có bao giờ làm chuyện kỳ quặc này? Tôi học hành đàng hoàng và ăn ở hòa thuận với tất cả bạn bè. Các cha vẫn phàn nàn rằng tôi hơi khô khan, nhưng má tôi đã biết điều đó. Hơn nữa, năm nào Ba Má tôi cũng trả học phí nội trú một lần cho nguyên năm học của tôi. Cũng vì lẽ đó, các cha khó mà gọi tôi về giữa năm, e phải hoàn trả món tiền học phí quá lớn chẳng?

Niên khóa 1974- 1975 là một niên học đầy vất vả cho các cha quản nhiệm và các giáo sư ở trường An Phong. Khoản đóng góp của những mạnh thường quân và từ phía Giáo hội Công Giáo Việt Nam đã nhanh chóng khô cạn, bởi tất cả cơ sở ở Việt Nam thời đó đang phải đối phó với cuộc tiến công của quân Cộng Sản Bắc Việt. Các cha cũng lao đao khi vừa bắt chúng tôi chú tâm vào việc tu đức, vừa phải kín đáo không đề cập gì về những diễn tiến của thời cuộc. Những chuyện biểu tình của dân chúng trở nên những sinh hoạt thường xuyên ở Sài Gòn. Tháng nào cũng có những cuộc biểu tình của sinh viên và những cuộc tự thiêu của các tăng nhân Phật giáo.

Trong một chuyến về thăm nhà ở Sài Gòn, tôi bị kẹt ở một ngã tư đường, nơi xảy ra một cuộc ñụng ñộ lớn. Mọi người ñổ xô xuống đường chạy rầm rập, la oí oí và vẫy tay kêu gọi những người khác nhập bọn. Tất cả trông nhón nháo và hơi hãi giữa cơn hỗn loạn. ðàn bà cũng như ñàn ông bỏ hết việc ñang làm và hồi hải tìm một chỗ ñể trông cho rõ.

“Về kêu bà con lên, chớ không hết chỗ bây giờ”, một người gần đó gào lên.

Thắc mắc, tôi nhập bọn với họ và hỏi một người ñàn ông ñứng bên cạnh, *“Có chuyện gì vậy, chú?”*.

Ông ta khựng người lại, ngó tôi trần trời, ý như muốn nói tôi làm bộ không biết chuyện gì ñang xảy ra. Ông ta xô mọi người rẽ ra ñể đi khuất mà không trả lời tôi một tiếng.

Một chiếc xe tải chở ñầy tầng nhân mặc áo cà sa vàng bỗng ñổ xích ngay giữa ngã tư. Khoảng ba chục tầng nhân nháy vội ra từng người một và ñứng xếp thành một vòng tròn lớn chắn ngang bốn ngã đường

Mọi người bỗng bàn tán huyên náo như biết trước một việc nghiêm trọng sắp xảy ñến. Những người ñang ngồi trên xe hơi, xe vận tải, xe vespa, xe ñạp, lẫn những người đi bộ bỗng ngừng đi chuyển. Những ông già, bà cả, bạn hàng và con nít ñứng ñầy sau các tầng nhân, nhưng tôi không thấy bóng một thầy cảnh sát nào gần ñó. Tôi leo lên ñứng trên một quầy bán báo bằng sắt và vịn tay vào cột ñèn ngay góc ngã tư ñể nhìn cho rõ.

Chiếc xe tải khi nầy vừa lăn bánh đi khuất, tôi thấy một vị sư già mặc cà sa vàng của nhà Phật ñang ngồi nghiêm trang giữa vòng tròn. Hai bên vị sư già, mỗi bên có một chú tiểu cũng ăn mặc tương tự ñang ngồi nghiêm trang ngay trên mặt đường hun nắng. Vị sư già bắt ñầu niệm Phật, các tầng nhân còn lại cũng rên giọng tụng theo.

“Nam Mô A Di ðà Phật, Nam Mô A Di ðà Phật, Nam Mô A Di ðà Phật...”. Họ niệm Phật, tụng kinh và chẳng bao lâu sau,

những người già cả trong đám đông cũng ngồi xuống phụ họa với họ.

Hai phút trôi qua, hai chú tiểu ngồi ở giữa vòng đứng dậy và lôi ra những bình xăng nhỏ giấu dưới những bộ cà sa. Đám đông chột huyền não. Vài người khóc thành tiếng trong khi những người khác nghẹn ngào những tiếng nấc sững sờ. Các bà quính quáng che mắt các con họ trong khi có người lôi hẳn con họ đi cho khuất mắt.

Một người đàn ông đứng cạnh yêu cầu tôi bước xuống đất, nhưng tôi nhã nhặn từ chối.

Hai chú tiểu rưới xăng lên vị sư già, lúc ấy đang ung dung tụng kinh. Xăng thấm vào, làm áo cà sa của vị sư đổi sang màu cam sẫm, có lúc thành màu đỏ ở những khoảng dính vào thân thể của ông. Mùi xăng càng nồng nặc bao nhiêu thì những tiếng tụng kinh của đám tăng nhân ngồi xung quanh càng lớn bấy nhiêu.

“*Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật ...*” họ gào lên, và đám đông gào theo họ thành những tiếng thét.

Vị sư già bình thân thò tay vào áo và moi ra một cái bật lửa. Mắt ông ta vẫn nhắm và miệng thì vẫn tụng kinh đều đặn. Vài tăng nhân ngồi gần bắt đầu áp úng nói không thành tiếng. Tiếng ồn ào huyền não từ đám đông càng lúc càng hỗn loạn vì những tiếng khóc la của cả đàn ông lẫn đàn bà đang dự khán lúc ấy. Người thì méu não quệt nước mắt một cách công khai; kẻ thì bụm miệng che giấu nỗi kinh hoàng. Mặt đất như đang run rẩy than khóc cho điều gì đó sắp xảy ra.

Với một tiếng tách êm ái từ chiếc bật lửa, ánh lửa bùng lên thành ngọn tỏa ra quanh vị sư già. Ông ta ngồi giữa quả cầu lửa và cảnh tượng ấy trong khoảnh khắc đã hằn sâu trong ký ức của hàng trăm kẻ bàng hoàng chứng kiến. Nhưng ông ta không

nhúc nhích. Ông cũng không kêu la. Ông ta đã tự thiêu đến chết theo nguyện vọng của mình.

Khói đen bốc mù trời, mùi thịt cháy làm hôi khét cả một khu phố. Đàn ông, đàn bà, rồi trẻ em hết than khóc lại dỗ nhau nín. Nỗi kinh ngạc trên khuôn mặt họ giờ như đã nhường chỗ cho óc trầm tư. Những người già lặng lẽ chấp tay vái thật sâu về phía ngã tư đường, nơi xác vị sư già đang ngồi co quắp.

Họ tụng kinh thầm thì “*Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật ...*”

Có tiếng còi xe cảnh sát và xe cứu hỏa vọng từ xa, nghe rền rĩ như tiễn đưa linh hồn của vị sư già vừa quá cố. Những tầng nhân còn lại hối hả thu dọn cái xác cháy và trịnh trọng gói vào khăn liệm. Chiếc vận tải khi nãy chở họ đến, nay chậm rãi de lại và các tầng nhân đặt xác lên xe một cách cẩn thận. Cuối cùng, như hoạt cảnh đã diễn ra lúc đầu, từng tầng nhân trật tự xếp thành hàng chữ nhật và lần lượt leo lên xe, rồi chiếc xe lăn bánh đi mất dạng.

Không có lấy một diễn từ tôn giáo hoặc chính trị, không cả biểu ngữ hay loa phóng thanh ồn ào, chỉ còn những người đứng ngơ ngác vô tư lự, không lý giải được những sự kiện mà chính mắt họ vừa chứng kiến.

Rốt cuộc xe cảnh sát cũng đến, đám đông tự động giải tán, trả lại vẻ bình thường của ngã tư đường lúc ấy đã đầy những xe cộ qua lại, như chẳng có gì lạ xảy ra.

Tôi nhảy thót xuống đất, mắt còn hoa lên vì những gì tôi vừa thấy. Là một học sinh lớp tám, tôi chưa đủ trí khôn để hiểu vì sao sự kiện vừa rồi lại xảy ra và để làm gì, nhưng vẫn làm tâm trạng tôi thăng thốt. Trí óc non nớt của tôi không hiểu nổi tại sao lúc ấy không một ai đứng ra ngăn cản hành vi tự sát của vị sư già hiền lành.

Ở một đất nước có đến hơn 80 phần trăm dân số không theo

Thiên Chúa Giáo, một tín đồ Công Giáo như tôi đã cảm thấy lạc lõng, lại càng không hiểu được ý nghĩa của sự hy sinh bằng hình thức tự sát. Tự sát là có tội, đó là điều mà tôi được dạy dỗ, nhưng khi thấy lòng kính trọng của mọi người dành cho vị sư già, tôi chỉ biết cảm phục lòng can trường của ông vì cái chí quyết tử cho lý tưởng của mình.

Tôi chợt liên tưởng đến ba tôi và nguyện vọng được dâng hiến đời mình cho xứ sở của ông. Lòng chợt buồn kinh khủng, tôi vội rảo bước đi tới, tay quét vội hàng lệ vừa tuôn trên khoeo mắt.

Năm 1975 là năm đầy khó khăn cho mọi người dân Việt Nam. Quân Cộng Sản Bắc Việt vẫn leo thang cuộc chiến xâm lược miền Nam, và tiếng súng càng ngày càng nghe gần kề hơn đến các thị thành. Mọi người, bất kể già trẻ, ngày càng hoang mang vì tin chiến sự, trong khi hàng đoàn quân xa chờ quân binh và súng trọng pháo cứ tới tấp qua lại ở vùng ngoại thành.

Mỗi ngày có hàng chục chiếc quân xa GMC Mỹ chở đầy những quân nhân rầm rập chạy ra quốc lộ 1 ở những vùng ngoại biên thủ đô. Những xe này lại được các xe tăng hạng nặng M1, T-41 và thiết vận xa đi kèm hộ tống làm rung cả mặt đất khi chúng chạy qua. Không như những lần trước đây, các anh Biệt động quân không còn cười và vẫy tay với mọi người nữa mà ngồi lặng lẽ với những khuôn mặt chiu nặng âu lo.

Bên trong thành phố, không khí thì nặng nề, bứt rứt. Nhiều cửa tiệm và hàng quán đóng im im với cánh cửa sắt khóa chặt đằng sau những tấm biển kê vội bằng tay, chữ đề:

- Đóng cửa, Xin trở lại ngày khác.

Khu chợ búa lại huyên náo hơn bao giờ hết với tiếng người mua hàng ối ối mặc cả để mua về tích trữ những mặt hàng nhu yếu phẩm. Nhà thờ và chùa chiền thì cả ngày lúc nào cũng đầy người. Trẻ em chạy tứ tán vì cha mẹ chúng ngăn không cho chúng đến trường và lúc nào cũng bắt chúng đi kè kè sát bên. Mấy ông già thì ngồi thờ thẩn ở những quán cà phê vỉa hè để

nghe tin chiến sự và bình luận với nhau. Hàng người xếp hàng ở các ngân hàng thì kéo đuôi ra tận ngoài đường. Ở phi trường Quốc Tế Tân Sơn Nhất và Bến Bạch Đằng, hàng ngàn người đứng nối đuôi nhau để chờ được đến phiên mình xuất cảnh.

Ở Trường An Phong nơi tôi theo học, các cha và các giáo sư dặn chúng tôi phải cầu nguyện, hãm mình và hằng cầu xin ơn Chúa phù trợ. Và mỗi ngày trôi qua, dù vẫn bình tâm cầu nguyện cho đất nước và dân tộc, chúng tôi vẫn nhận ra vẻ phiền muộn trên khuôn mặt của các vị giáo sư hiền hòa.

Tôi là một học sinh giỏi suốt niên học, lại còn là trưởng lớp; tôi chuyên cần học tập và đứng hạng nhất trong nhiều bộ môn. Từ lớp Toán và Vạn vật lúc sáng sớm, đến những lớp Việt văn, Sử và Nhạc buổi chiều cho đến giờ đàm thoại Pháp Văn do cha Tiến Lộc, một linh mục đa tài mà tôi rất mến phụ trách, tôi luôn học hành đến nơi đến chốn. Ngay cả cha Tiến Lộc, một linh mục trẻ nhiều tài có khả năng nói nhiều ngôn ngữ, cũng ngạc nhiên một cách thích thú vì sự chuyên cần của tôi đối với môn học do ngài giảng dạy năm ấy.

Chỉ có một môn mà tôi vẫn không khá nổi là môn Giáo Lý; tuy nhiên, môn học này lại không có chấm điểm. Đối với các bạn học của tôi, Giáo Lý là một môn học quan trọng. Các cha vẫn dùng những bài giảng của môn này để tuyển lựa các đệ tử và để lưu họ lại nhà dòng trong niên học kế tiếp. Tôi vốn không ở trong số những người ấy.

Chỉ còn hai tuần nữa là hết niên học, tôi dự biết là tôi sẽ hân hạnh được lãnh nhiều giải học sinh xuất sắc. Ngay từ đầu niên khóa ấy, tôi đã hứa sẽ làm ba má tôi hãnh diện vì tôi; thế nên khi cha Đào gọi tôi lên văn phòng của ngài và bảo tôi xuất viện, tôi biết chắc phải có chuyện gì quan trọng lắm nên má tôi mới lôi tôi về bất ngờ như thế.

Tôi bảo bác tài xế xe đò cho tôi đi xuống Thị Nghè, gần Thảo Cầm Viên quốc gia (Sở Thú), và tôi bắt đầu thả bộ trên những đường phố của Sài Gòn để đi về nhà tôi ở xa tít gần Chợ Lớn. Tôi thấy những người lính, các cảnh sát viên, các công chức,

và thường dân đang thiết lập những chướng ngại vật đúc bằng bê tông khắp nơi trong thành phố. Ở những chỗ chướng ngại vật bê tông không có sẵn, dân chúng tự chế những chướng ngại vật tạm thời bằng ván gỗ và thép gai. Những chướng ngại ấy nhằm mục đích ngăn chặn, không cho quân xa và xe tăng tiến vào thành phố, thế nhưng, cùng lúc ấy, chúng tạo nên vô số phiền toái và làm dân chúng bị kẹt xe tứ tung khắp thành phố.

Trong lúc ấy thì có nhà dùng đinh đóng chặt tất cả những cửa sổ làm bằng gỗ. Có người còn kỹ lưỡng hơn bằng cách dùng thép gai giăng chông lên hàng rào quanh nhà họ. Lần đi bộ giữa Sài Gòn cuối tháng ba năm ấy giữa những tiếng máy xe ồn ào, tôi vẫn nghe mồn một tiếng búa nện chan chát và tiếng xe cần cẩu xây dựng vang lên âm ỉ. Quả là một cung điệu lỗi nhịp của một thành phố đang dồn những nỗ lực còn lại để tự vệ.

Nhưng Sài Gòn vẫn đẹp. Tôi vẫn nhớ từng hàng cây me cao vút với những cánh hoa vàng viền đỏ nở ngập các nẻo đường, tàng của nó che cả những phố phường rợp bóng mát, chạy len lỏi qua những biệt thự và công viên hoa lệ. Trong sân nhà của thường dân, những cây mận cao lêu nghêu đang trở hoa đầu mùa màu vàng lẫn với màu hồng thắm tỏa ngan ngát đâu đó một hương vị ngọt ngào.

Tôi thả bộ ngang qua Đại Sứ Quán Mỹ, một tòa nhà đồ sộ với những bức tường cao ngất. Hai người lính Thủy Quân Lục Chiến cầm lăm lăm trong tay khẩu tiểu liên M16 đứng gác hai bên vệ cổng chính. Số phận hàng triệu gia đình ở miền nam cũng như miền bắc đều bị định đoạt bằng những quyết định đằng sau những bức tường ấy, hoặc từ một tòa nhà tương tự ở một nơi xa xôi nào đó. Cuối đường là Dinh Độc Lập, nơi cư ngụ của tổng thống miền Nam và gia đình của ông. Đó là một dinh thự nguy nga được kiến trúc rất ít tầng lầu theo kiểu dinh toàn quyền của Pháp với những cửa sổ trang hoàng tỉ mỉ và những bậc tam cấp rộng thênh thang. Đây cũng là một nơi nữa có những quyết định liên quan đến số phận của hàng triệu người Việt Nam. Tôi nhớ đến ba tôi và lý tưởng đời lính của ông và thầm cầu nguyện cho ba tôi, không biết giờ này đang ở

đâu.

Tôi rẽ sang bên trái và dừng lại trước Nhà Thờ Đức Bà (Vương Cung Thánh Đường). Thánh đường mang vẻ thật yên hàn ngay giữa thủ đô Sài Gòn. Người Pháp đã xây nhà thờ này phỏng theo kiểu nhà thờ Notre Dame ở Paris. Ngay trước nhà thờ là một công viên, giữa công viên này là một tượng Đức Mẹ Maria vĩ đại đặt trên một bệ đá cẩm thạch màu đỏ với quả địa cầu nâng trên tay, mắt nhìn lên bầu trời như muốn dâng nó cho Thiên Chúa. Bên trong nhà thờ thì tối tăm, nhưng trang nghiêm và yên tĩnh.

Má tôi có nhiều dịp đã dắt mấy đứa con lớn, kể cả tôi, đi lễ ở đây. Đây là nơi mà giới Công giáo giàu có và quyền lực vốn vẫn đến để phô trương và để được người ta trông thấy. Cứ mỗi ngày lễ chủ nhật, họ ăn mặc những trang phục đại lễ thật bảnh bao, đàn ông thì vận đồ vét và đàn bà thì diện áo dài. Người có máu mặt cũng như những người đang bon chen đều đến dự lễ thật sớm để mọi người có thể thấy họ ngồi ở những hàng ghế đầu.



Nhà thờ Đức Bà

Những buổi lễ thường lê thê và chán ngắt, nhưng ai nấy đều tham dự sốt sắng. Sau lễ, má tôi luôn vẫy tắc xi chờ chúng tôi đến Chợ Bến Thành ở gần đó. Lễ cố nhiên là chúng tôi có thể tản bộ tà tà độ sáu hoặc bảy ngã tư đường là tới chợ, nhưng má tôi muốn ai nấy cũng đều thấy là chúng tôi được ăn diện bánh bao lại được tắc xi đưa đón hẳn hoi.

Tôi đi lần theo con đường quen thuộc dẫn ra Chợ Bến Thành. Chợ này ở ngay trung tâm Sài Gòn, là một kiến trúc to lớn không có thiết bị máy lạnh và bao trùm cả ba dãy phố. Người Pháp xưa đã xây chợ này cho dân chúng tề tựu để mua bán hàng hóa đủ loại. Bao nhiêu năm trường trôi qua, chợ đã có những sạp hàng thường trực mọc lên thành từng hàng với những hàng cá tươi, thịt tươi, bên cạnh những dãy hàng trái cây, rau quả và hoa kiểng.

Hàng đồng trái cây bốc mùi hỗn độn, mùi thơm lẫn mùi hôi thối làm ngộp cả bầu không khí. Đầu mùa xuân, mùi sầu riêng nếu làm người này hấp dẫn thì cũng làm người khác khó chịu. Nhưng nó lại ngon lạ lùng. Kế đến là khu bán các loại bánh nướng và bánh ngọt. Mùi bánh mì và bánh ngọt Pháp thoang thoảng thật cảm dỗ. Cả người bán lẫn người mua trả giá qua lại một cách tinh bơ, tựa như họ đang chơi thể thao toàn đội vậy. Ở góc xa xa là những quầy bán đồ lưu niệm gồm những nghệ phẩm và kỹ phẩm. Rồi đến những sạp bán các hàng đồ chơi thủ công nghệ của Tàu. Ngay cả những gian hàng áo quần, giày dép cũng có đủ. Toàn chợ Bến Thành là một cảnh hỗn loạn trong trật tự, người ra người vào có đến hàng trăm người, đúng là một cái chợ, kiểu Việt Nam.



Chợ Bến Thành

Những ngày Chủ nhật ấy, má tôi dắt chúng tôi đến chợ này ăn bánh cuốn và đi chợ. Bà thường trả giá và bông đùa với các bạn hàng quen biết. Câu mở đầu luôn vẫn là :

-- Sao mắc quá vậy cô ?

Nghe thế, chị bán hàng đơn đả: “Rẻ mà người đẹp. Cô Sáu mua một, tôi tặng một nhé”.

Chị bán hàng chỉ biết má tôi qua cái tên Cô Sáu, vì má tôi là người thứ sáu trong nhà. Theo phong tục Việt Nam, tên thật của một người thường chỉ được bạn bè hoặc những thân thích trong gia đình dùng để gọi nhau. Má tôi trả lễ ngay “Cô hai lúc nào cũng mua một tính hai, phải không ?”

(Chữ “hai” tiếng Việt có nghĩa là “số hai”). Rồi cả hai cùng phá lên cười, trong khi má tôi móc tiền ra trả cho món hàng vừa ngã giá. Và cứ thế, má tôi vừa đi chợ, vừa nói đùa với các bạn hàng khắp chợ Bến Thành.

Trước cửa chính của chợ Bến Thành là một cái bùng binh vĩ đại, nơi dân chúng chen chúc nhau đi xe đạp, xe gắn máy, xe tắc xi, xe hơi, xe vận tải, đủ thứ và đủ cỡ, tranh giành nhau từng tắc đường một. Bùng binh này là tụ điểm chính, nơi sáu đường lớn của thành phố hội tụ nhau. Các xe trọng tải nhích từng chút một, trong khi các xe gắn máy luồn lách qua lại, ùn ùn đẩy, va cả vào nhau. Có lúc xe cộ bị kẹt cứng khi dân đi bộ chiếm cả lòng đường để băng qua bùng binh. Tôi không dám liều lĩnh như họ nên đành phải đánh bộ một đường đi vòng xa hơn, hòng kiếm một ngã tư đường vắng vắng mà băng qua.

Nhà ba má tôi toạ lạc trên một đường lớn của thành phố, đại lộ Trần Hưng Đạo. Đây là con lộ chính nối liền Sài Gòn với Chợ Lớn. Dọc hai bên đại lộ là vô số các rạp chiếu bóng và rạp hát cải lương, với những biển quảng cáo đủ màu sắc và khách vãng lai thì cứ nuồm nuộm đi về tấp nập.

Tôi luôn thích nhìn xe cộ, tiếng ồn ào và những gánh hàng rong. Tôi không ngờ lần đi bộ đó là dịp cuối cùng để tôi nói lên lời chia tay với thành phố thân yêu này.

Khi tôi về đến nhà, người mẹ tuyệt vời của tôi bảo cho tôi biết lý do tại sao bà phải gọi tôi về: bởi vì Cộng quân đã tràn vào Quảng Trị, nơi ba tôi đóng quân. Má tôi không nghe nói gì về ông trong suốt một tháng trời. Bà bảo giờ thì cả nhà phải lo liệu việc tang chế cho ba tôi.

Quá đau lòng, giọng má tôi thẫn thức, nhưng dáng bà vẫn điềm tĩnh, bình thản, và chịu đựng. Ánh mắt bà xa xăm, như muốn gọi ba tôi. Những giọt lệ âm thầm tuôn trào trên khuôn mặt, nhưng giọng nói bà vẫn cương quyết. Má tôi gượng lắm mới không quy xuống trước mặt con cái, nhưng tôi biết tâm trạng bà đang rất phiền não. Bao năm trường nay, má tôi một tay nuôi đàn con tám đứa, bởi lẽ ba tôi hiếm khi được về nhà vì phải thi hành những sự vụ lệnh của một sĩ quan quân đội. Đối với chúng tôi, bà vừa làm cha lại vừa làm mẹ, và lần này thì bà ắt phải liệu hết việc sinh kế mà không có ba tôi.

Má tôi là một người tinh khôn và giàu có. Bà sinh ra trong một gia đình có sáu người con ở Nha Trang, một thành phố du lịch vùng biển tuyệt đẹp nằm ngay trung phần đất nước. Nha Trang có hàng mấy cây số bãi biển chạy dài trên những triền cát trắng như thủy tinh ngó ra biển Thái Bình Dương xanh biếc. Chỉ vài cây số cách bờ biển là một chuỗi các đảo nhỏ, nơi ngư dân vừa đánh cá, vừa thưởng ngoạn khoảng trời riêng tư trên một dãy những bãi biển nằm rải rác vẫn còn vẻ hoang sơ. Cư dân Nha Trang tuy được hưởng tiện nghi của một thành phố lớn, nhưng vẫn không thiếu lòng hiếu khách của người dân ở tỉnh lẻ. Bên ngoại tôi vốn sinh sống ở đây đã nhiều đời.



Bà Nguyễn Thị Khánh, má tôi, ảnh chụp năm 1954

Ông ngoại tôi là một người Công giáo quyền hành, trọng lễ nghi và khắc kỷ. Bà ngoại mất năm má tôi chỉ mới ba tuổi, cho nên ông tôi một mình nuôi nấng má tôi và các cậu dì theo kiểu thượng sách của ông: một đường lối giáo dục cứng rắn và khuôn phép của một gia đình Việt Nam giàu có và lễ giáo.

Những luật như: lúc ăn cơm tại bàn, bọn con nít chúng tôi phải ngồi đợi và không được phép cầm đũa cho đến khi ông cầm đũa lên trước. Không ai được phép nói năng huyên náo tại bàn ăn và tuyệt đối không được chạy quanh trong nhà. Chúng tôi phải cúi đầu mỗi lần gặp hoặc cất tiếng chào ông. Trước khi đi ra khỏi nhà, chúng tôi phải đến gặp ông trước, cúi đầu xuống và xin phép hân hoi. Và mỗi lần đi đâu về, chúng tôi cũng phải làm y như thế. Má tôi vẫn nghe ngóng xem chúng tôi có quên hoặc dám làm sai với những định lệ ấy không. Lạ thay, sau khi dọn nhà về thành phố Sài Gòn xô bồ, chúng tôi cũng bỏ hẳn những qui luật ấy.

Má tôi thường dắt chúng tôi ra thăm ông ngoại tại căn nhà trang nghiêm của ông mỗi khi hè về. Ông rất mừng khi đón chúng tôi, nhưng vẫn giữ một sự cách biệt và vẫn giữ những nề nếp theo lẽ thói riêng của ông. Chẳng bao giờ thấy ông ôm chầm lấy hoặc hôn ai, chỉ tỏ dấu quen biết và gật đầu, bất quá chỉ có một cái vỗ nhẹ vào đầu là hết! Má tôi thương ông ngoại lắm và lúc nào cũng biếu quà cho ông bằng những bộ bát đĩa sành sứ hoặc những loại trà nhập cảng đắt tiền.

Những cuộc thăm viếng của chúng tôi vẫn thường làm hàng xóm khuấy động lên. Mỗi khi chiếc Citroen DS chờ chúng tôi vừa queo vào góc rẽ xuống con đường về nhà ông ngoại, bọn con nít ở gần đường chính hay ủa nhau chạy đàng sau xe. Rồi đến chòm xóm kéo đến chào hỏi kèm theo một số người khác đi cùng. Tin Cô Sáu (má tôi) về thăm nhà vừa loan ra là cả một đám người hiếu kỳ kéo đến dòm ngó. Họ đứng đầy sân trước và cả bên kia hàng rào hàng giờ chỉ để nhìn chúng tôi chằm chặp. Người thì chòm tới chào thăm ba má tôi; người khác bắt tay ba tôi và hỏi chuyện thời sự.

Những lần như thế, một mặt ông ngoại tôi bảo chúng tôi đừng để ý đến họ, mặt khác ông niềm nở chào hỏi họ, đầu ngẩng cao hơn một chút. Những chuyến viếng thăm ấy luôn làm ông hãnh diện và là niềm vui của má tôi. Ba tôi cũng năng dắt chúng tôi về thăm ông ngoại vào mỗi dịp hè.

Cũng như má tôi, ba tôi cũng xuất thân từ một gia đình giàu có và quyền thế ở Nha Trang. Ông Nội tôi mất lúc còn trẻ, và ba tôi được bác Ba, bác Bốn nuôi nấng nên người. Bác Ba là một điền chủ giàu có, chủ nhân ông của vô số ruộng đất khắp Trung phần Việt Nam, trong khi Bác Bốn là một linh mục chánh xứ có thế lực. Ba tôi xuất thân từ một gia đình có đủ giai cấp trong xã hội: nông gia có, linh mục có và có luôn cả lính tráng. Ba tôi là một quân nhân chuyên nghiệp. Ông tốt nghiệp thủ khoa của Khoa đào tạo Sĩ quan, Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt và phục vụ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa của miền Nam đã 25 năm ròng. Quá trình phục vụ của ông bao gồm chức vụ Quận trưởng ở những tỉnh quan trọng khắp miền Nam Việt Nam. Ông cũng từng làm tư lệnh cho những trung đoàn Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân ở tiền phương.



Ba tôi, Trung Úy Lê Công Chính, ảnh chụp năm 1955

Ba má tôi quen nhau theo kiểu thời xưa, với lễ nghi và những sắp đặt trước khi cưới, chỉ dành cho những gia đình môn đăng hộ đối. Ba tôi là một sĩ quan trẻ nhiều cao vọng và má tôi là một thiếu nữ trẻ đẹp đã được dạy dỗ thuần thực về việc quản lý gia đình. Thoạt đầu, ba tôi thấy má tôi trong một buổi lễ

chủ nhật và ráng hết sức để bắt chuyện, nhưng làm sao mà một người con gái đoan trang thuở ấy lại dám đi dây dưa trò chuyện với bọn con trai sau khi tan lễ? Thế nên, ba tôi đã viết thư cho Ông Ngoại tôi ngõ ý xin phép gặp má tôi.

Khi biết má tôi vẫn chưa ai dám ngõ, ba tôi liền hỏi vị linh mục làng họ để giàn xếp lễ hỏi và một năm sau đó thì ba má tôi làm đám cưới. Họ yêu nhau cuồng nhiệt và có với nhau đến tám mặt con: bốn trai và bốn gái. Tôi là đứa thứ tư trong gia đình.



Ba tôi và bốn đứa con đầu ở Long Thành

Anh lớn tôi là Hưng và tôi sanh ở Nha Trang trước khi ba tôi dọn nhà vào Nam. Năm 1962, ông đang là Quận Trưởng quận Long Thành, một quận trù phú ở phía Nam thủ đô Sài Gòn. Em gái tôi là Huyền, về sau trở thành bác sĩ nhãn khoa, đã ra đời ở đây và cũng là đứa đầu tiên trong bốn đứa nữa đã chào đời ở miền Nam.

Một ngày nọ, trên đường trở về Long Thành từ Sài Gòn, ba tôi chợt thấy một chiếc xe hơi bị lật nhào xuống rãnh mương bên vệ đường. Người tài xế bị thương nặng và đang tuyệt vọng chờ

được cứu giúp. Ba tôi và người cận vệ đỡ nạn nhân vào chiếc xe Jeep ông đang chạy và tức tốc đưa ông ta vào bệnh viện ở Long Thành. Về sau ba tôi mới biết nạn nhân là một Pháp kiều, lúc bấy giờ đang là chủ nhân ông của những doanh điền mênh mông trồng cây cao su gần Long Thành.

Khi đã bình phục, ông ta đi tìm ba tôi với mục đích cảm ơn người đã cứu mạng ông. Để biểu lộ lòng biết ơn, ông nhượng cho ba tôi quyền sở hữu vài doanh điền của ông. Nguồn lợi tức tạo ra từ những doanh điền ấy đã nâng cao mức sống gia đình và cho chúng tôi, tạo cho ba má tôi cơ hội khởi nghiệp hiếm có ở miền Nam. Người Pháp kiều sau đó đã hồi hương về Pháp và chúng tôi không còn nghe biết gì đến ông nữa.

Trong lúc ấy, ba tôi vẫn miệt mài phục vụ trong Quân Đội và làm quận trưởng ở những quận trọng yếu khắp lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Má tôi khôn khéo đầu tư vào địa ốc và thương mại. Chẳng bao lâu sau, bà mua vài căn nhà ở Sài Gòn, một trong số đó là căn nhà lầu bốn tầng nằm ngay trên một trong những con đường sầm uất nhất Sài Gòn mà bà đã chọn làm tổ ấm cho chúng tôi. Bà dùng tầng trệt để mở một hiệu mỹ phẩm rất đắt khách và gia đình chúng tôi cư ngụ ở những tầng trên. Thoạt đầu, cửa hiệu này chỉ để bà làm việc tiêu khiển nhằm mục đích phục vụ cho những bạn bè giàu có ở một Sài Gòn đang hồi vươn lên phơi phới. Nhưng rồi cửa tiệm ngày càng phát đạt khi các tài tử chiếu bóng và tầng lớp những nhân vật nổi tiếng năng lui tới hơn để mua sắm. Chẳng bao lâu sau, việc buôn bán đã chiếm hết thì giờ của bà và làm thanh danh bà được nhắc nhở nhiều trong giới thượng lưu ở Sài Gòn.

Những năm đầu thập niên 60, ba tôi bị những công vụ lôi kéo ông đi xa có khi đến hàng mấy tháng trời. Má tôi càng vất vả hơn với sáu đứa con lúc nào cũng háo động. Bà quyết định gửi những đứa lớn vào trường nội trú Công Giáo để được các dì phước trông nom. Hai đứa còn nhỏ là Huyền và Huyền (Ti) chưa đi học thì được bà mướn vú nuôi về chăm sóc ngay trong nhà.

Các bà sơ ở trường tư thục Thánh Linh vừa dữ dằn lại vừa nghiêm khắc. Vô phúc cho tên nào trong lớp bị bắt gặp xì xào trong khi cả lớp yên lặng, chắc chắn hẳn sẽ bị “nhắc nhở” ngay bằng một phát thước kẻ. Ai ngủ gật trong giờ đọc kinh thì bị các sơ nhéo tai. Ban đêm, các sơ lão rảo ngoài hành lang phòng ngủ để rình xem có ai chưa ngủ hoặc không chịu nằm yên một chỗ. Hồi đó tôi chỉ mới năm tuổi, nhưng đã nhiễm một tật rất xấu. Tôi cứ khóc vùi và vung văng mỗi lần các sơ bắt tôi làm bất kỳ chuyện gì. Hình phạt của các sơ chẳng làm tôi sợ tí nào, cho nên các sơ thường chỉ biết bắt tôi ngồi xoay mặt vào vách tường trong lớp học.

Tôi thường thấy tức tối mỗi khi ngó ra cửa sổ lớp học nhìn về phía căn nhà gia đình tôi đang ở chỉ để thấy hai đứa em gái của tôi, dù không nhỏ tuổi hơn tôi bao nhiêu, đang nhờn như vui chơi trên sân thượng, mà tôi thì không được chạy về với chúng. Các sơ thì không cách nào hiểu nổi vì sao lúc nào tôi cũng rầu rĩ và cau có. Cũng may, tôi là con một gia đình giàu có, cho nên các sơ khó đuổi tôi về lắm. Thay vào đó, họ phạt tôi bằng cách cho tôi ở lại lớp mẫu giáo. Điều đó gây ra nhiều sóng gió giữa tôi và má tôi. Bà cho rằng tôi chậm chạp, hoặc bị khủng hoảng bị cả hai thứ.

Chị Lêvi mới là người duy nhất đã tận tình chăm sóc tôi trong suốt quãng thời gian ấy. Cách đây hai năm, nhân dịp lễ Thêm Sức của Andrea, đứa con gái duy nhất của chị Lêvi, tôi viết cho nó lá thư dưới đây để ca tụng chị về những điều chị đã làm cho tôi:

Andrea thương,

Chúa thương con lắm nên Người mới ban cho con đặc ân được làm con của mẹ Lêvi, chị của cậu. Có thể đôi khi con nghĩ ngược lại, nhưng con hãy nghe cậu, con thật có diễm phúc mới được làm con của một người mẹ tuyệt vời. Để cậu cắt nghĩa cho con hiểu.

Xưa, cậu là một đứa bé sanh thứ giữa trong một đại gia đình. Thứ nhớ lại, là đứa con duy nhất trong gia đình, nếu con cảm

thấy bị đè nén vì những quan tâm và yêu sách của người lớn ra sao thì hỏi đó cậu cũng bị y hết như vậy. Vừa mới học lớp mẫu giáo, cậu đã bị gởi vào trường nội trú. Bà Ngoại con hỏi đó bận quá nên chị Lêvi của cậu (mẹ con) là người duy nhất đã thay vào đó để đóng vai trò làm mẹ của cậu.

Mặc dù lớn con, cậu lại là một đứa trẻ hay bị bệnh vặt. Có khi nào con lâm bệnh nặng đến nỗi thấy dường như thiên hạ ai cũng bỏ rơi mình? Cảm giác ấy tăng lên bội phần khi con phải sống cảnh không cha, không mẹ trong nhà nội trú. Chị Vy đã ở kề bên để đỡ đàn cậu mỗi khi cậu đái dầm, hung hăng, cộc cằn, sinh sự, và ngang ngược, nhất là nhớ nhà. Nhiều lúc mẹ con đã bị lôi ra khỏi lớp học để đi giặt những áo quần bị ướt của cậu, để giải thích cho các sơ hiệu về thói hỗn hào của cậu, và để dỗ dành cậu mỗi khi cậu khóc lóc, vung văng. Mà mẹ con thì chỉ mới có mười tuổi!

Rồi cậu được đi tu. Thử hỏi mẹ xem bao nhiêu lần mẹ đã dắt cậu ra bến xe đò đưa tiễn và dúi cho cậu tiền bỏ túi. Thử hỏi mẹ, xem bao nhiêu lần mẹ đã vỗ về, dỗ dành cậu và cố giấu những giọt lệ mỗi khi cậu thối mác vì sao bà ngoại con không bao giờ đến trường để thăm cậu.

Khi đến Mỹ định cư, Chị Vy làm việc ở một nhà hàng Tàu, cho nên đến bây giờ, mỗi khi cậu đi ăn ở nhà hàng, cậu không sao quên được mẹ con đã tận tảo ra sao hầu phụ giúp việc chi tiêu gia đình với ông bà nội. Mẹ con cũng rất chăm học. Cậu vô cùng hãnh diện khi mẹ con được nhận vào Trường Đào Tạo Nha Sĩ, và sau đó đã tốt nghiệp thành Nha sĩ thực thụ.

Thử hỏi xem mẹ con đã xoay sở ra sao để vừa học thành tài lại vừa đi làm cật lực để phụ giúp gia đình.

Đó là quãng đời mẹ con đã nêu gương sáng cho cậu; mẹ con còn là người tin cậy của cậu. Mẹ con luôn khuyến khích cậu tự lập và dạy cậu hãy hiền ngang lãnh nhận những trọng trách. Cậu đã nhập học ở trường Texas A&M trái ý Bà Ngoại, nhưng biết chắc là mình đã theo đuổi đúng sở nguyện của mình. Khi

cậu gặp cô Dung (mợ con) lúc còn đi học, chính mẹ con cũng đã khuyên cậu nên nghe theo tiếng gọi của con tim.

Cậu rất thương mẹ con vì đối với cậu, vai trò mẹ con bao la hơn cả một người chị. Mẹ con cũng là mẹ thân yêu nhất đời của cậu. Cho nên cậu mới bảo con rằng con thật may mắn mới có được một người mẹ như thế.

Andrea, con sắp nhận Bí Tích Thêm Sức rồi đó, hãy tạ ơn Chúa vì những ơn lành Người đã ban cho con. Khi tín thác niềm tin vào Chúa, hãy ôm lấy mẹ con để xác quyết tình thương của con đối với mẹ. Hãy làm điều đó, không những là cho chính bản thân con, nhưng cũng là để cho cậu nữa.

Cậu Vui.

Chị Lêvi là chỗ dựa ấm áp cho trái tim tôi. Từ thuở ấu thời ở Việt Nam, tôi đã ngưỡng mộ chị. Lòng nhân ái và óc vị tha của chị vẫn là mẫu mực cho tôi noi theo. Tính tình chị rất giống ba tôi ở chỗ hiền hòa và lòng bác ái.

Khi má tôi bảo tôi rằng bà không biết tin ba tôi đã hơn tháng trời, bà rất tuyệt vọng. Phần tôi thì tức giận bọn Việt cộng đã làm tôi mất đi người cha, bên cạnh bao nỗi đau thương và thống khổ của những đồng bào miền Nam Việt Nam. Chiến tranh là một sự vô nghĩa đối với tôi, nhưng những đau khổ cho gia đình tôi là có thật. Tôi nhớ ba tôi vô cùng và bật khóc.

Chiến tranh đã đến hồi kết thúc. Việt cộng đang thắng thế trên khắp các trận tuyến cũng như trong tim óc của những bè phái nổi lên giữa quần chúng. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ngày càng trở nên quá thối nát, đến nỗi dân chúng cũng không tin tưởng chính quyền còn đủ khả năng để lãnh đạo và bảo vệ họ nữa. Cứ như là mỗi tuần đều có sự sãi tự vẫn. Sinh viên của các đại học thì hết biểu tình chỗ này đến tuần hành chỗ khác khắp thành phố. Càng ngày, những cuộc biểu tình này càng lớn hơn và bạo động hơn. Họ ẩu đả với cảnh sát, làm tắt nghẽn xe cộ đang lưu thông và gây gián đoạn những sinh hoạt thương mại. Mặt khác, họ trưng những biểu ngữ đòi hòa bình. Tôi

có linh cảm là chính bọn Việt cộng đã gài người vào để sách động sinh viên đi biểu tình. Ở thôn quê, những cuộc giao tranh giữa quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng ngày càng đẫm máu và quyết liệt, với phần thắng nghiêng hẳn về phía cộng quân, làm chúng càng thêm xung độ.

Năm 1973 và 1974, ba tôi tình nguyện ra tiền tuyến làm tư lệnh vài trung đoàn Thủy Quân Lục Chiến và Lực Lượng Đặc Biệt ở Kontum và Pleiku. Sau đó, ông được chuyển về Đà Nẵng (Danang), một thành phố lớn ở mạn Bắc, gần khu phi quân sự (DMZ). Ở đó có một căn cứ quân sự to lớn của Mỹ đang đồn trú nên tôi yên chí là ông sẽ an toàn đóng quân. Nhưng đầu năm 1975, khi chiến sự bắt đầu leo thang, ba tôi lại tình nguyện đi ra sát mặt trận hơn nữa. Ông điều động toàn bộ binh lính ra Quảng Trị, chỉ cách vùng phi quân sự độ mười cây số ngàn.

Cộng quân đã tràn qua khu phi quân sự hồi tháng hai năm 1975 và bắt đầu tiến xuống miền nam. Chẳng mấy chốc, chúng bao vây Quảng Trị, và chỉ trong vài ngày, chúng chiếm luôn Đà Nẵng. Được đà chiến thắng, chúng mạnh dạn băng qua trung phần, thọc sâu xuống phía nam và càng cố đánh nhanh hơn để tiến về Sài Gòn.

Tin ấy làm chấn động đến Sài Gòn, má tôi khóc suốt ngày vì lo cho ba tôi và những bà con ruột thịt còn kẹt lại ở Nha Trang. Bà còn lo sợ cho những cơ sở điền sản của gia đình ở rải rác khắp nước, vì bà không thể làm gì được để bảo toàn tất cả. Ngân hàng nào cũng đóng kín cửa, còn dân chúng thì cứ mãi xếp hàng để đợi rút hoặc chuyển tiền đi nơi khác. Má tôi phải đảm đương đủ thứ. Con cái thì lại còn quá nhỏ. Đứa em gái út là Hà vừa được chín tháng trong khi thằng em trai tên Huy-Hoàng thì chỉ mới có hai tuổi.



Má tôi, năm 1970

Má tôi buộc phải cho mấy người ở ra về và cho các nhân viên cửa tiệm mỹ phẩm nghỉ việc để họ có thể chuẩn bị cho những gì sắp xảy đến. Ngoại trừ má tôi ra, không còn ai khác để phụ việc nấu nướng, đi chợ và trông coi đàn con. Cùng lúc ấy, những gia đình bà con của chúng tôi chạy giặc từ Nha Trang vào đây, hiện cũng đang lánh nạn ở ngay trong nhà chúng tôi. Anh của mẹ tôi là Cậu Năm, với vợ và mười con, thầy đều ở trong nhà. Má tôi quay quắt nhớ ông ngoại tôi, nhưng cũng không còn sức mà ôm ấp cả một nhà quá đông đúc. Hơn nữa, bà cũng không biết phải mưu sinh làm sao, một khi Việt cộng chiếm đóng. Trước kia, bà chưa hề nao núng vì bất kỳ chuyện gì, nhưng bây giờ thì bà khóa kín cửa phòng, ngồi trong ấy và khóc vùi cả hàng giờ.

Một buổi xế chiều, cả nhà ngồi quây quần trong phòng khách gia đình. Bọn con nít chúng tôi uể oải, người lớn thì chỉ biết vô công rồi nghề. Tin chiến sự trên TV cho biết cộng quân và quân lực Việt Nam Cộng Hoà đang giao tranh ác liệt ngay tại Xuân Lộc, chỉ cách Sài Gòn vài chục cây số về phía bắc. Mùa hè oi bức đang hành hạ mọi người. Nhiệt độ trong bóng râm

đã lên đến 38 độ C. Độ ẩm của không khí cứ đứng ngang mức 100 phần trăm. Má tôi đã vặn máy lạnh tối đa, nhưng vì có quá nhiều người trong phòng cho nên không khí vẫn nóng hầm và ai nấy cũng toát mồ hôi nhễ nhại.

Có tiếng chuông bấm trước cửa. Ai cũng ngồi ù lì, không ai muốn ra mở cửa. Chắc lại một người ăn mày nào đó hoặc một người tị nạn miền trung đang ăn xin chứ gì ? Đạo này, ai còn lạ gì những người ăn xin vãng lai như thế. Cũng có thể có một ai khác đến báo thêm một tin không lành nào đó. Chuông cửa lại reo, nghe như khẩn khoản hơn. Tôi bỏ dậy và chạy xuống cầu thang.

Tôi mở toang cửa và kìa, người cha yêu dấu già cỗi của tôi hiện ra ! Tôi nhảy vào lòng ông và ôm ông cứng ngắc. Da ông đen hơn, tóc ông dài hơn và cảm thì mọc râu lởm chớm. Rõ là ông không cạo râu, không tắm rửa gì cả trong mấy ngày, đôi khi là trong mấy tháng trời cũng nên. Ông cũng ghi xiết tôi vào lòng với nụ cười đắc thắng. Ông đã sống sót để trở về.

Tôi nắm tay ông và lôi ông tuốt lên lầu, vừa chạy vừa la : *“Ba về tới rồi ! Ba về tới rồi !”*

Tôi sung sướng đến nỗi vừa hét lên với cả buồng phổi của mình, vừa tuôn nước mắt ràn rụa.

Má tôi đứng đón ở đầu cầu thang với hai mắt mở tròn, tưởng như không tin những gì trước mắt. Bà òa khóc, rồi vỡ tiếng cười và ôm chầm lấy ba tôi, mừng phát điên lên vì chợt thấy lối thoát ra khỏi những bế tắc. Bà tưởng ông đã chết, nhưng ông vẫn còn đây. Quả là một phép lạ. Mọi người trong phòng nhào ra ôm chầm ông và hôn ông tứ tung như mừng đón một người chết vừa được sống lại.



Ba tôi, Trung tá Lê Công Chính, năm 1970

Ba tôi đòi ẵm Huy Hoàng và Hà, và ôm chặt lấy hai đứa. Khoái quá, bọn con nít chúng tôi quần quanh ông. Chúng tôi nhảy nhót, nói năng huyên thuyên. Đứa nào cũng lôi, cũng dành, bắt ông phải chú ý nghe chuyện và ôm lấy mình. Má tôi đứng bên ngoài miệng cười mà khuôn mặt vẫn còn đăm lẹ. Tôi chưa bao giờ thấy má tôi vui đến thế và lòng tôi bỗng rộn lên niềm sung sướng.

Đây là ngày hạnh phúc nhất đời của gia đình tôi, thời còn ở Việt nam.

Cậu Năm và dưỡng Bảy, tức anh ruột và em rể của má tôi, ghé thăm ngay ngày hôm sau. Họ gặp ba tôi một hồi lâu. Tôi thoáng nghe ai đó cao giọng rồi lại trầm thì, vì cả ba đang thương lượng gì đó với nhau gay gắt lắm.



Ảnh trên: Gia đình cậu Năm ở Nha Trang, khoảng đầu năm 1970



Gia đình dì Bảy ở Nha Trang, năm 1975

Ba tôi, một sĩ quan lục quân chuyên nghiệp, muốn trở ra đăng lính lại rồi đi Xuân Lộc để đánh tiếp. Ông rủ dưỡng Bảy tôi, cũng đang là một sĩ quan tại ngũ, để đi cùng với ông; nhưng cậu Năm tôi, một công chức thâm niên, lại không muốn hai người tùy tiện quyết định. Cậu Năm cũng phải bỏ hết tài sản, bà con lại Nha Trang, kể cả những gì thân thương nhất đời để di tản nguyên gia đình vào Sài Gòn; và giờ thì cậu lại muốn thoát chạy ra khỏi nước. Cậu biết là cuộc chiến đã đến lúc tàn, miền nam đã thua trận. Cậu van ba tôi hãy nghe lời cậu, hãy nghe theo lý trí hơn là tình cảm. Bàn đi bàn lại mấy giờ liền đến cuối cùng thì cậu Năm xông xộc bước ra khỏi phòng. Cậu gọi má tôi và đi Bảy vào để nói chuyện phải quấy với ba tôi cho ra lẽ.

Má tôi ghen ngào và năn ni ba tôi hãy nghe lời cậu Năm. *“Anh nên nghe lời anh Năm. Giờ này mà còn ghi tên đi đánh giặc chi nữa? Tụi Mỹ đã bỏ VN rồi thì mình còn làm gì được?”*

Ba tôi từ tốn cắt nghĩa cho má tôi hiểu rằng tình thế vẫn có nhiều triển vọng. *“Nếu mình giữ được Xuân Lộc thì Sài Gòn sẽ không mất đâu. Anh sẽ trở về sau khi đẩy lui tụi Việt cộng.”*

Má tôi rên rỉ : *“Không có vũ khí và tiếp liệu thì làm sao mà đánh được. Anh nên ở nhà lo kiếm cách chạy đi là tốt nhất.”*

Rồi bà tấm tức khóc trong khi ba tôi ôm lấy bà và lau bớt những giọt nước mắt cho bà. Ông ôn tồn bảo : *“Nếu mất nước thì gia đình mình sẽ tan rã. Tụi Việt Cộng sẽ giết chết anh. Anh Năm, dưỡng Bảy và có thể cả Hùng nữa. Anh phải hy sinh để chặn lại tụi gian ác này.”*

Má tôi khóc gào lên. *“Anh đi thì anh sẽ chết một mình. Tại sao anh không chịu ở lại. Dù sao đi nữa, nếu có chết, thì mình sẽ chết chung với nhau.”*

Đến phiên ba tôi ghen ngào. *“Anh sẽ không bị sao đâu. Em ở lại lo cho tụi con mình. Nếu anh có bị gì đi nữa thì tụi nhỏ sẽ*

biết rằng ba chúng nó đã hy sinh bảo vệ chúng nó đến giây phút cuối cùng.”

Cả bọn anh em chúng tôi bắt đầu mếu máo. Ai cũng thấy sờ sợ và má tôi thì biết chắc chuyến này ông sẽ một đi không trở lại. Bà ôm ghì ba tôi lại và chúng tôi thì vây quanh cả hai người, tất cả khóc òa lên. Những đứa anh em họ của chúng tôi và cha mẹ chúng đứng cạnh đấy cũng rơm rớm nước mắt.

Sau một hồi thỉnh lặng tưởng như không bao giờ dứt, má tôi ngồi phịch xuống ghế. Nước mắt bà ràn rụa chảy trên khuôn mặt, bà chẳng biết còn gì hơn để mà nói. Đã nhiều lần trước đây, bà đã van xin ba tôi đừng ra tiền tuyến, nhưng chẳng bao giờ ông chịu nghe. Lòng ái quốc và tinh thần trách nhiệm của ông còn lớn hơn cả tình thương ông dành cho gia đình. Hết lần này đến lần khác, ông trở về từ mặt trận trên chiếc băng ca, và má tôi đã chăm nom ông trong khi ông nằm hàng tuần ở bệnh viện quân đội, để rồi lại thấy ông tiếp tục xông ra vùng lửa khói.

Trước những con mắt bàng hoàng của mọi người, má tôi chụp lấy khẩu súng lục đang nằm ở trên bàn. Bà lên đạn và đưa nòng súng lên ngang tang.

“Em sẽ tự tử bây giờ cho anh đi một mình.”

Bọn con nít chúng tôi khóc thét lên, *“Má, má đừng làm như vậy.”*

Anh Hùng và chị Lêvi nhào tới, ngăn không cho má tôi thực hiện ý định tự tử.

Ba tôi quỳ xuống cạnh chân bà với giọng lệ tuôn tràn. Ông lặng lẽ ôm lấy má tôi và khẽ nói, *“Em bỏ súng xuống đi. Anh sẽ không đi đâu.”*

Má tôi đã bỏ súng xuống và vói tay ôm lấy ba tôi. Bọn con nít chúng tôi vây quanh hai người và cùng sụt sùi thổn thức.

Đời binh nghiệp của ba tôi đến đây là hết. Trải qua hai mươi lăm năm trường vào sanh ra tử, ông đã chiến đấu cho sự sống còn của đất nước, để đến giờ phút này, ông chỉ còn một trận chót để giành lấy sự sống còn cho chính gia đình mình.

CHƯƠNG HAI

Cuộc Chiến Tranh của Ba Tôi

“Hãy cho mọi dân tộc đều biết, dù họ muốn đất nước chúng ta suy hay thịnh ra sao, chúng ta vẫn sẵn sàng trả bất kỳ giá nào, chịu bất kỳ thử thách hoặc khó khăn nào, hỗ trợ bất kỳ bè bạn nào, chống trả bất cứ thế lực nào, để bảo đảm cho sự sống còn và thành công của sự Tự Do”

-- Tổng Thống Hoa Kỳ John F. Kennedy
Trong Lễ tuyên thệ nhậm chức, ngày 20 tháng 01 năm 1961

“Nước Mỹ đã bại ước trong công cuộc hỗ trợ chúng ta chiến đấu cho Tự Do, một cuộc chiến mà chính nước Mỹ cũng đã tổn thất 50,000 con em của họ.”

-- Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu
Trong diễn văn từ chức, ngày 21 tháng 04 năm 1975

Việt Nam là một nước nhỏ nằm ở vùng Đông Nam Á. Quốc gia này nhỏ hơn tiểu bang California một chút, và hầu hết bị núi non rừng thẳm bao phủ từ miền bắc vào đến miền trung. Vùng đất màu mỡ phì nhiêu nhất là vùng đồng bằng nam bộ chạy dọc theo lưu vực sông Cửu Long.

Cao nguyên trung phần Việt Nam bắt đầu từ phía nam thành phố Đà Lạt chạy thẳng lên phía bắc cho đến tận biên giới Trung Hoa. Suốt những tháng mùa đông (mùa khô) là mùa kéo dài giữa tháng 11 và tháng 4, gió lạnh từ lục địa Trung Hoa thổi xuống vùng duyên hải và mang theo một lượng khí ẩm đáng kể vào Cao nguyên Trung phần. Những tháng hè (mùa mưa), mưa to gió lớn từ Biển Đông càng làm tăng thêm lượng khí ẩm lùa lên miền cao nguyên, cũng như trên toàn cõi đất nước.

Tọa lạc ngay trên vùng đồi núi của Cao nguyên Trung phần thuộc miền Nam Việt Nam, khí hậu ở các thị trấn Kontum và Pleiku luôn lạnh lẽo và ẩm ướt. Trong suốt thế kỷ vừa qua, hầu hết dân cư đã dọn nhà về các thành thị và bỏ mặc đất đai cho những bộ lạc người Thượng vốn vẫn sinh sống rải rác đây đó quanh vùng. Những đồng bào Thượng xưa nay vẫn sống về nghề trồng trọt và săn bắn. Họ khẩn khít với núi rừng và hạp với phong thổ hơn ai hết.

Ngày 13 tháng 1 năm 1975, toàn cảnh núi đồi cao nguyên bị phủ mây chập chùng sau màn sương dày đặc. Ba tôi lúc ấy đang phục vụ dưới trướng của Quân Đoàn II đã hơn một năm và đã ra công gìn giữ từng tấc đất của núi đồi nơi đây. Ông muốn đi nơi khác và đã yêu cầu vị Tư Lệnh Quân Đoàn cho ông được chuyển công tác. Chính ông cũng không hiểu vì sao ông lại muốn được đóng quân ở địa đầu giới tuyến thuộc Quân Đoàn I, nơi giáp ranh với vùng phi quân sự. Nếu đất nước lâm nguy, ông muốn ra sức gìn giữ biên cương ngay tại nơi tiền tuyến. Ông đã nộp đơn xin chuyển từ mấy tháng nay, đến hôm nay thì ông được Đại Tá Phạm Duy Tất, Tư Lệnh của Lữ Đoàn thuộc Quân Đoàn II, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ký chấp thuận. Ông được lệnh chuyển

ra Bộ chỉ huy Quân Đoàn I tiền phương, lúc ấy đang đồn trú gần Đà Nẵng.

Chiếc trực thăng Huey xanh vạch rời xa Bộ tư lệnh Quân Đoàn II giữa làn sương mù hôm ấy, chỉ để chở một hành khách duy nhất là ba tôi với một túi quân trang nhỏ.

Ông tựa lưng vào ghế và bâng khuâng tư lự về những sứ mạng mà ông đã thi hành trong đời lính. Lúc ký Hiệp Định Genève năm 1954, khi người Pháp bắt đầu xây dựng đội ngũ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH), ba tôi mới chỉ là một viên Trung úy. Ông đã vào sinh ra tử từng ngày một để chiến đấu cho quê hương điêu tàn này. Ông cũng hứng lấy đạn thù khá nhiều, đến nỗi không còn nhớ mình bị thương đã bao nhiêu lần nữa!

Áp suất không khí ở cao độ và khí hậu âm thấp làm ông đau râm sau lưng, nơi ông bị trúng đạn cách đây một vài năm. Ông nhớ lại cuộc hành quân vào một buổi chiều, lúc đại đội ông bị nguyên một tiểu đoàn Cộng quân phục kích. Cả đại đội bị hỏa lực địch dè bẹp không góc đầu nổi và chiến đấu đến tận xâm tói. Khi đạn dược bắt đầu cạn, ông không biết làm gì hơn là phải truyền lệnh lui binh.

Làn đạn truy kích của quân thù làm sáng đỏ cả một vùng giao tranh quanh ông, làm các đồng đội ông thi nhau gục ngã. Ông gọi quân tiếp viện, nhưng ngay cả không lực yểm trợ cũng không có. Đơn vị Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) tung lực lượng đi tiếp ứng, nhưng vẫn còn cách trận địa khá xa. Người lính đứng cạnh ông bị trúng đạn AK-47 vào cánh tay trái làm anh ta té cái đui, máu xịt có vôi. Khi ba tôi cúi xuống đỡ anh ta thì bị một viên đạn bắn trúng ngay chiếc mũ sắt ông đang đội, làm cả chiếc mũ xoáy văng qua một bên.

Sức xoáy của chiếc mũ sắt mạnh như một cái búa tạ bổ lên đầu ông. Cột ông phập phồng và mắt ông mờ dần. Phải ít giây đồng hồ sau ông mới định thân lại. Tuy đã mất chiếc mũ sắt bảo vệ, nhưng ông vẫn ráng trườn đến bên cạnh người lính bị thương và lôi anh ta ra khỏi lằn đạn. Ông chỉ nhận ra quân

tiếp viện đã đến cứu đơn vị ông, khi lần đạn đỏ chuyển hướng, nã về phía địch quân.

Trong khi loay hoay kiếm chỗ nằm cho người lính để nghỉ lấy hơi, cái áo giáp ông mặc bị xóc lên, và ông bị bắn ngay vào chỗ hở. Ông té xỉu tại chỗ và chỉ tỉnh lại một vài ngày sau đó trong một bệnh xá, toàn thân ngang phần bụng bị băng bó chằng chịt.

Quá nửa đại đội của ông bị thiệt mạng trong vụ phục kích lần này trong rừng. Ông càng ghét chiến tranh hơn và càng căm hận bọn cộng quân tham tàn đã giết chết những đồng đội của ông. Viên Đại Tướng Tư Lệnh đã tưởng thưởng ba tôi một Huy Chương Trái Tim Màu Tím và một tháng về nhà nghỉ phép. Sau lần bị thương này, ông còn bị trúng đạn thêm nhiều lần nữa, nhưng không nguy kịch bằng lần ấy.

Ông từng bảo tôi rằng ông còn sống được là nhờ thánh ý Chúa. Giờ ngồi trên băng ghế của chiếc trực thăng, ông tự hỏi Chúa đã che chở và dẫn đường đưa lối cho ông ra sao qua bao năm trường miệt mài với binh lửa.

Khi còn phục vụ ở vùng đồi núi Kontum và Pleiku heo hút, ông không ngừng cảm tạ ơn Chúa đã hằng gìn giữ tánh mạng ông trước một chiến trường đầy bất trắc.

Kontum và Pleiku là trọng điểm chiến lược của miền nam Việt Nam. Những đồi núi chập chùng ở đây ôm trọn nhiều hành lang tiếp liệu quan yếu của quân đội đang đồn trú toàn cõi miền trung, bao gồm nhiều thành phố, thị trấn và hải cảng. Pleiku tọa lạc ngay tại tâm điểm của cao nguyên trung phần, giữa thị xã Kontum ở phía bắc và thành phố Ban Mê Thuột về phía nam. Điểm này đã khiến Pleiku trở thành trung tâm điểm phòng tuyến của chiến trường cao nguyên Việt Nam. Hai phe giao tranh trong cuộc chiến đều nhận thức yếu điểm chiến lược đáng kể này. Chả trách Cộng quân Bắc Việt cứ liên tục nã trọng pháo vào đây và không ngớt mở những đợt tấn công vào lực lượng đồn trú của QLVNCH.

Người lính đóng quân ở Kontum và Pleiku là những người không bao giờ được nghỉ ngơi. Đời sống của thường dân càng thêm phần khốn nạn. Có những ngày cộng quân rút đạn đại bác không ngớt vào thị xã, kể đến là những ngày im bật thật ghê rợn. Dân chúng luôn hoang mang trong những ngày im bật ấy, bởi họ dư biết cộng quân đang củng cố lực lượng hầu chuẩn bị cho đợt tấn công kế tiếp. Hễ cộng quân đánh vào là có chết chóc và thương tích cho những thường dân vô tội. Nhà nào cũng khóa cửa kín mít và dân chúng thì lom khom chui vào những phòng có tường chắn bao cát xung quanh. Có người thì bỏ cả nhà cửa chạy khỏi thị xã, nhưng cũng có kẻ vẫn ở lại vì không biết phải đi đâu. Đi về đâu nữa, khi nơi nào cũng chỉ thấy những điều linh và tang tóc?

Ba tôi đã từng trải qua nhiều trận chiến kiểu này mà ông gọi là giống như mèo vờn chuột. Cộng quân tuy giao tranh không ngừng với phe miền Nam, nhưng vẫn chưa dám mở những cuộc hành quân đại qui mô. Hễ mỗi lần chúng mở những trận công kích lớn, các lực lượng TQLC và Biệt động Quân (BDQ) luôn đẩy lùi chúng, gây cho chúng không ít những tổn thất nhân mạng và thương tích. Dạo gần đây, những cuộc chạm súng lẻ tẻ đã tăng cường thành những cuộc giao tranh lớn, kể từ khi quân chính qui Bắc Việt lần chiếm một vài vùng hẻo lánh và cầm cự được trong một thời gian dài. Các đơn vị TQLC và BDQ đã đánh trả quyết liệt hơn và phe miền Nam do đó phải chịu khá nhiều tổn thất về nhân mạng.

Ba tôi chán đánh trận kiểu rừng núi lắm rồi và chỉ muốn được chuyển. Ông tình nguyện ra tiền tuyến, không màng tới những chức vụ ngon lành hơn mà ông được cất nhắc. Chức vụ mới được đề bạt cho ông gần đây nhất là làm chỉ huy trưởng của Lực Lượng Đặc Biệt. Hoặc một chức vụ khác là làm chỉ huy trưởng của Trung Đoàn Địa Phương Quân, trực thuộc Quân Đoàn II, đồn trú tại Ban Mê Thuột. Cả hai nhiệm sở đều cho ông cơ hội lãnh đạo binh sĩ chiến đấu chống quân thù, nhưng ông vẫn chọn ra tiền tuyến. Ông cầu xin được sự che chở của Chúa, như Người đã từng che chở ông biết bao nhiêu lần trước đây.

Trách nhiệm của ông là phải cầm chân cộng quân ở vùng phi quân sự càng lâu càng tốt, hầu cho người dân chạy loạn có thì giờ đào thoát khỏi vùng Cao nguyên trung phần. Nhiệm vụ này đòi hỏi lòng hy sinh vô bờ bến của người lính, nhưng sẽ cứu được muôn ngàn sinh linh vô tội. Đây mới chính là sứ mạng mà ông đã được huấn luyện suốt đời trong quân ngũ cũng là điều mà ông luôn ước nguyện. Ông khẩn cầu Chúa cho ông thành công.

Ngày 26 tháng 1 năm 1975, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Tối cao của Quân Đoàn I với Bộ Tư lệnh Quân Đoàn đóng tại Đà Nẵng, đã làm lễ trao chức Tư lệnh Trung Đoàn 913 Khinh Binh cho ba tôi, bao gồm ba tiểu đoàn đầy đủ túc số và có 5.000 quân nhân phục vụ dưới trướng. Ngày hôm đó, ba tôi trở thành vị sĩ quan bộ binh cao cấp nhất được trao phó sứ mạng bảo vệ miền Nam, với phòng tuyến nằm ngay giáp ranh địa đầu giới tuyến với miền Bắc. Trách nhiệm của ông là phải giữ vững phòng tuyến Quảng Trị bằng mọi giá.

Tỉnh lỵ Quảng Trị là một tiền đồn nhỏ nằm ngay bên bờ phía đông của giòng sông Thạch Hãn, cách vùng phi quân sự độ hai mươi dặm ngàn. Nó nằm ngay trên tuyến giao thông vùng duyên hải, Quốc lộ 1, lọt thỏm vào giữa hai tỉnh lộ 560 ở hướng tây và tỉnh lộ 555 về hướng đông. Mạng giao thông Bắc-Nam và Đông- Tây trong vùng có những hành lang chạy xuyên qua tỉnh lỵ này. Đây là một cổ thành rập theo kiểu kinh đô Huế và có thành lũy riêng biệt. Quan trọng hơn nữa, Quảng Trị chỉ cách cố đô Huế, nơi cư ngụ của những hoàng gia cựu trào của Việt Nam, độ bốn mươi lăm dặm ngàn.

Thị xã Quảng Trị (trùng tên với tên của tỉnh Quảng Trị) mọc lên ngay giữa vùng đồng bằng duyên hải, lại còn là nơi hứng mũi chịu sào của những cuộc tấn công từ các phía giao tranh. Ròng rã suốt cuộc chiến, tỉnh lỵ này đã nhiều lần đổi chủ giữa hai phe cộng quân Bắc Việt và QLVNCH. Cả hai phía Cộng Sản lẫn Hoa Kỳ đều lầm tưởng rằng thị xã này, với những người lính phòng thủ ù lì, trang bị èo uột, sẽ bị tan rã nhanh chóng. Thế nhưng, những quân nhân can trường của QLVNCH vẫn ghi chặt tay súng chiến đấu và kiên vững với

phòng tuyến hết trận này đến trận khác. Với tư cách của một vị Tư lệnh, ba tôi quyết sẽ giữ vững truyền thống hào hùng này. Ông quyết cố thủ trận địa này và sẽ ra trận hùng mạnh với cộng quân. Quảng Trị là quê hương mới của ông do chính ông lựa chọn và ông quyết sẽ cố thủ nó bằng mọi giá.

Ba tôi nhận những sự vụ lệnh trực tiếp từ Tướng Ngô Quang Trưởng, một ông Trung Tướng trẻ, cao ráo, nom giống như một gia trưởng thuần túy, nhưng lại là một danh tướng và rất được lòng binh sĩ cũng như thường dân ở miền Nam.

Đại tướng Mỹ Norman Schwarzkopf từng nhắc đến ông trong hồi ký *“Đâu cần gì đến anh hùng”*, rằng: “Khuôn mặt ông ta nhẵn rúm và nghiêm khắc, chẳng bắt mắt cho lắm, nhưng lại được các sĩ quan và binh lính dưới quyền kính nể -- còn bọn đầu sỏ của cộng quân Bắc Việt thì khiếp vía vì chúng đâu lạ gì những tài năng của ông... Tướng Trưởng là vị Tư lệnh chiến trường sáng chói nhất mà tôi từng biết đến.”

Sáng hôm đó, một chiếc trực thăng khác đón ba tôi về mạn bắc. Buổi sáng vẫn còn tinh sương và mặt trời vừa mới ló dạng lờ mờ sau rặng núi chập chùng. Nhìn ra cửa trực thăng đang mở rộng, ông nhìn thấy Đèo Hải Vân hoành tráng đang thấp thoáng đằng xa. Nhìn về phía nam, Đà Nẵng hiện ra chói lòa dưới nắng ban mai; ngó về phía bắc, ông thấy Cố đô Huế vẫn còn mơ màng sau làn sương dày đặc.

Ba tôi vẫn cắt nghĩa cho tôi biết cách thức chiếc trực thăng chở ông phải bẻ góc đường bay thật gắt ra sao về phía vùng biển để tránh đạn bắn sê. Rồi cứ trực chỉ về hướng bắc, chiếc trực thăng sẽ yên chí bay dọc theo bờ biển một cách an toàn. Bay đến Quảng Trị, ba tôi đã có thể thấy được hàng ngàn nhà cửa và mái tranh trống rỗng của dân chúng, vốn đã cao bay xa chạy khỏi thị xã. Mùa hè đỏ lửa năm 1972 đã tiêu hủy gần như toàn bộ, đến độ thị xã như bị bỏ hoang. Sau cuộc binh lửa ấy, một số thị dân có hồi hương để chứng kiến căn nhà họ từng ở, nay chỉ còn là những hoang tàn đổ nát không ai ở nổi, nhưng họ vẫn quyết tâm xây dựng lại.

Từ cao ngó xuống, thật khó mà phân biệt được đâu là nhà đang xây và cái nào là nhà bị bỏ hoang, vì hầu như chẳng có nhà nào trông có vẻ nguyên vẹn. Rồi chiếc trục thăng lượn hai vòng, trước khi đáp xuống trụ sở dã chiến của Bộ chỉ huy. Bộ chỉ huy là một dãy những nhà tiền chế kiểu Quonset của lính, có mái vòm với sườn bằng sắt uốn cong theo hình bán nguyệt. Những dãy nhà vòm này đã được QLVNCH vội vã dựng lại, sau khi đã bị cộng quân san thành bình địa hai năm trước đó. Nó đứng sừng sững như một biểu tượng hiên ngang bất khuất của QLVNCH.

Trung Tá tỉnh trưởng Đỗ Kỳ tiếp đón ba tôi với vòng tay hân hoan. Ông đã từng nghe biết tính gan lì của ba tôi và rất mừng khi hai ông gặp nhau. Ông tỉnh trưởng là một người thấp lùn, đầy đà và nói giọng Bắc. Như nhiều người trong quân đội, ông cũng tin dị đoan một cây và đã chọn ngày để giới thiệu ba tôi với binh sĩ, đồng thời trao cho ông chức vụ mới. Ông cho rằng nếu nhậm chức vào ngày lành tháng tốt, ba tôi sẽ được gặp hên trong cách chỉ huy hầu giúp binh sĩ ông thắng trận. Là người chẳng bao giờ tin vào những điều dị đoan nhằm nhí, ba tôi nói phải chi ông được không lực yểm trợ thay vào đó thì vẫn hên hơn! Tuy nhiên, vì đây là màn diễn tuồng của Trung Tá Đỗ Kỳ, ông đành phải xuôi xị nghe theo.

Sau buổi ăn trưa với ông tỉnh trưởng tại căn cứ, ba tôi làm một vòng đi thăm dân tình thị xã. Cổ thành Quảng Trị thay đổi quá nhiều so với lần ông đến thăm hồi mười bốn năm trước đây. Từ một thị trấn sầm uất năm xưa, Quảng Trị nay chỉ còn lại những dãy nhà tạm bợ và những cái chòi lợp mái tôn do chính phủ VNCH cấp phát. Tiêu chuẩn phân phối là cứ mỗi hộ gia đình thì được cấp cho 10 tấm tôn. Có lúc có đến hơn hai trăm ngàn người sống lầy lất nơi đây nhờ vào những phẩm vật cứu trợ của chính phủ. Kể từ đó, dân chúng lần lượt bỏ về thành phố Huế. Bên ngoài những dãy nhà chòi này là những nhà thờ xiêu vẹo và các chòi tạm bợ dùng làm các văn phòng cơ sở xã hội, cũng làm bằng những tấm tôn cấp phát theo tiêu chuẩn. Hàng đêm, gió lạnh từ núi rừng xa xôi lùa về càng khiến những cái chòi lạnh lẽo này thêm phần tê tái. Ban ngày, nắng lại đổ hừng hực làm chúng trở thành những lò lửa khiến không ai ở

trong nhà được. Thế nhưng, chúng lại là tất cả những gì còn sót lại của người dân ở đây.

Ba tôi đi thẳng đến Nhà thờ La Vang gần trung tâm thị xã. Nơi đây đã từng là một thánh địa được nhiều người đến hành hương, và cũng là nơi xảy ra vô số phép lạ. Nhưng rồi Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 đã tàn phá gần hết. Giáo dân Quảng Trị lục tục xây lại nhà thờ, để rồi nó lại bị trúng bom trong những trận giao tranh gần đây. Mái nhà thờ đã bị sập để lại bốn bức tường, mà thật ra chỉ còn một mảng tường là còn đứng trơ trọi đằng sau bàn thờ trên cung thánh. Không ai hiểu vì sao bức tượng uy nghiêm của Đức Mẹ La Vang thì vẫn khiêm tốn đứng giữa những hoang tàn mà không một chút suy suyễn hoặc hư hại. Ba tôi kể rằng ông đã đến quỳ dưới chân tượng và thầm cầu nguyện cho chính bản thân ông, cho gia đình và cho cả quê hương.

Lần trước, cách đây đã mười bốn năm, ông đi hành hương ở nơi này với má tôi trong lúc bà đang mang thai. Hồi ấy, ông luôn cầu xin Chúa ban cho ông một đứa con trai để sau này đi rao giảng tin mừng và đem niềm vui đến cho mọi người. Hy vọng của ông cũng giống như bao giáo dân ngoan đạo khác, là muốn dâng một đứa con trai của mình cho Giáo hội. Ông muốn con cái ông phải có một đứa làm linh mục. Khi má tôi đến quỳ cạnh ông trước tượng Đức Mẹ, cái thai trong bụng bà bỗng quặn lên như đang nhảy mừng. Bà cầm lấy tay ba tôi đặt lên cái bụng chửa của bà. Cảm nhận được niềm vui từ cái thai đang chuyển, ba tôi gọi tên của thai nhi là “Vui”, với ngụ ý Vui Mừng và đặt tên thánh cho thai nhi là Gioan Bao-ti-xi-ta. Theo điển tích trong Kinh Thánh, thánh Gioan đã nhảy mừng trong bụng mẹ là bà thánh Y-sa-ve, khi được Đức Mẹ Maria đến viếng thăm.

Đó là thời kỳ hạnh phúc của dĩ vãng, chứ không phải của thực tại năm 1975 này trong lúc chiến cuộc đang gây bao điều tàn đổ nát. Cũng như ba tôi, nhà thờ này cũng hẳn sâu những thương tích và thống khổ. Ba tôi kể rằng ông đã thầm cầu nguyện cùng Đức Mẹ Maria, cảm tạ Mẹ đã ban cho ông có một đứa con trai mười bốn tuổi, hiện ông đang cho đi tu ở An

Phong Học Viện như ông đã hứa. Ông cầu xin Mẹ Maria hằng luôn che chở đứa con tên Vui của ông.

Ông rời nhà thờ và đi thăm lũy thành. Thành Lũy Đinh Công Tráng là một nơi thắng cảnh ngai lên bên bờ sông Thạch Hãn. Nó chẳng còn gì sót lại khác hơn là một đồng gạch vụn và những thanh sắt cong queo. Nhà cửa gần đó cũng không khác hơn chút nào; tất cả đều bị chiến cuộc tàn phá. Hai chiếc cầu nối liền Thành Lũy và xa lộ nằm gãy ngang giữa sông. Ba tôi chợt nhớ đến hai câu thơ chìm sâu trong ký ức đã từ lâu:

*“Thế hệ tôi làm như trang liệt sử,
Một giòng sông một chứng tích tương tàn.”*

Ba tôi đứng đó với vài anh BĐQ và ngó qua bên kia sông, nơi kẻ thù cũng đang ghì tay súng trừng mắt ngó lại. Cuộc chạm súng ắt sắp tái diễn.

Tết sắp về, tin đồn cho biết Việt Cộng sẽ lợi dụng thời cơ đồng bào đang ăn tết để mở một cuộc công kích lớn. Đức Giám Mục Địa phận Nha Trang Nguyễn Văn Thuận, người vừa mới viếng linh địa La Vang, đã nhắc các linh mục sở tại phải thôi thúc con chiên chạy về phía nam, đến tận thành phố Phan Rang để thoát cảnh máu đổ thịt rơi mà Ngài biết chắc chắn sẽ xảy ra. Giáo dân thì có người đã nghe lời vị chủ chiên và đã đi lánh nạn; nhưng cũng có người bỏ dở những nỗ lực tái thiết thị xã, chỉ để ngồi đó chờ thời.

Tết Ất Mão, ngày 11 tháng 2 năm 1975 ...

Năm nay là năm con Mèo, ba tôi nhớ lại một chuyện hồi ông còn làm Quận trưởng Quận Tân Châu ở tuốt dưới miền Tây. *Dương Năm*, người em rể của vị Giáo chủ Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, một tôn giáo mới có nhiều người theo, có truyền bá sấm của Huỳnh giáo chủ như sau:

*“Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến khi Rồng Rắn máu đào chinh ghê,
Con ngựa lại đá con dê,*

*Khấp trong thiên hạ nhiều bề lao xao,
Khi kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng.”*

Lời sấm tiên đoán bảy năm chiến tranh tương tàn, khởi sự từ đầu năm con Mèo. Dù chẳng tin gì vào những lời sấm ấy, ba tôi cũng đã chứng kiến những trận đụng độ khốc liệt ở Ban Mê Thuột, Pleiku và Kontum, và tự hỏi điều gì sắp phải xảy ra.

Vào mùng ba mươi tết, một phái đoàn gồm các nghị sĩ và dân biểu của chính phủ VNCH đến ủy lạo các tiền đồn và trao tặng những phẩm vật thông thường như tiền mặt, máy phát thanh radio, đồng hồ đeo tay và thuốc lá cho các binh sĩ. Trong một lúc tâm sự riêng, ba tôi được biết chính phủ vừa tóm được một bọn mười ba tên VC nằm vùng trá hình làm phóng viên chuyên nghiệp ở Sài gòn.

Ông cho rằng chính bọn này đã len lõi và gieo tâm lý hoang mang trong quần chúng, khiến họ tin rằng chiến tranh đã đến hồi kết thúc và người Mỹ đã thua cuộc. Nhiều người tin theo lời đồn và sợ hãi rụng rời. Những tuyên truyền chủ bại ấy đã làm người dân sống xa rời thực tế. Thân làm lính, ba tôi và binh sĩ thuộc cấp có dư sức ăn thua đủ với quân thù trên khắp các chiến trường, nhưng lại bất lực trước những đòn hỗn chiến tâm lý kiểu này ở thủ đô, do một bọn chuyên nghề lão khoét và dọa nạt tung ra.

Đêm hôm ấy, ba tôi truyền lệnh cho tất cả binh sĩ phải cảnh giác cao độ, phải thức trắng đêm và sẵn sàng ứng chiến để đụng trận ác liệt với địch. Gió đêm lạnh vi vu cộng với nỗi âu lo cho cuộc tập kích làm ông và các binh sĩ càng thêm bồi hồi nao nức. Hồi đó, đồng hồ miền Bắc đi một giờ trước giờ của miền Nam. Khi đồng hồ giờ miền Bắc giống tiếng chuông báo Giao thừa, tìm mọi người đập mạnh, hơi thở họ đứt quãng vì tưởng sẽ có tằm máu và hỗn chiến. Tất cả vừa thao thức chờ đợi trong những giao thông hào mới đào dọc theo bờ sông, vừa định ninh phen này ắt phải bỏ mạng nơi đây. Trận này ắt tiêu tòng, chắc sẽ chẳng còn ai sống sót đặng về ăn Tết năm sau với gia đình! Rồi đồng hồ giờ miền Nam cũng giống tiếng chuông

báo Giao thừa. Cũng chẳng có gì xảy ra, nhưng ba tôi và binh sĩ vẫn ở tư thế cảnh giác và sẵn sàng ứng chiến. Mãi đến khi ánh hùng đông lờ mờ ló dạng sau rặng núi, tất cả mới thở phào nhẹ nhõm.

Ba tôi đi lễ ngày Tết năm mới khi trời vừa sáng theo tập tục mà ông vẫn đeo đuổi hằng bao năm nay. Xong, ông cho binh sĩ tập hợp chào Quốc Kỳ và hát bài Quốc Ca của VNCH để chào mừng Năm Mới. Sau đó, họ cho nhau những lời chúc tụng thông thường đầu năm như năm mới nhiều may mắn, khỏe mạnh và phát tài. Tướng Ngô Quang Trưởng bất ngờ ghé thăm và cho biết ông rất hài lòng cung cách làm việc của ba tôi qua việc trang bị súng ống cho binh sĩ, cùng tinh thần đề cao cảnh giác và sẵn sàng ứng chiến của mọi người.

Đến phiên ba tôi đi thăm binh sĩ của các đại đội, các pháo đội và các tiểu đoàn. Trời vẫn lạnh. Đi đâu cũng chỉ thấy đường sá đậm một màu bùn đất sét đỏ loét. Mưa bụi lất phất bay suốt ngày. Trên sườn đồi, cây cỏ vẫn mơn mớn mọc xanh rì, hứa hẹn một rừng hoa xuân sắp tung bùng nở rộ.

Cố làm ra vẻ tự tin, vừa chúc tết các binh sĩ, ba tôi vừa thào cầu mong cho tất cả sẽ yên hàn qua ba ngày nghỉ tết. Và, tuy may mắn vì không có gì xảy ra, nhưng có ai ngờ những giờ phút đau thương rình rập đâu đó đang sẵn sàng ụp xuống.

Non ba tuần sau Tết, ngày 1 tháng 3, quân chánh qui Bắc Việt tung ra những cuộc công kích đại qui mô, khởi đầu bằng hàng loạt đợt pháo kích bằng trọng pháo và những phát súng đại bác từ các chiến xa T-54 và PT- 76. Trong nhiều ngày, trận mưa đạn móc-chê của địch cứ rỉ rả rót không ngớt xuống đơn vị Trung Đoàn 913 Khinh Binh. Nhiều binh sĩ đã thiệt mạng hoặc bị thương, nhưng dù bị tổn thất nặng nề, họ vẫn giữ ghi súng chiến đấu. Ba tôi yêu cầu yểm trợ bằng không kích, nhưng lần này thì chẳng có một chiếc F-5 lẫn Phantom nào đến để cứu ứng.

Quân chánh qui Bắc Việt tung ra những đợt tấn công lớn suốt phòng tuyến khắp Cao nguyên Trung phần. Vì chỉ còn những

phương tiện cực kỳ hạn hẹp, chỉ những chiến trường có tính cách chiến lược và hiểm yếu mới được sự yểm trợ của Không lực VNCH. Cả hai binh chủng Không quân và Hải quân của đồng minh Hoa Kỳ đều đã được lệnh án binh bất động và không được can thiệp. Và rồi, chiến cuộc ở Cao nguyên Trung phần đã trở thành một cuộc thảm sát. Ba tôi gọi máy kêu gào trực thăng đến tải thương những binh sĩ và thường dân bị thương nằm la liệt, nhưng chẳng một ai trả lời trong máy điện đàm. Hàng ngàn binh sĩ và thường dân vô tội đã thiệt mạng, nhưng ba tôi và thuộc cấp của ông vẫn nhất quyết không lùi.

Đâu đã hết, giữa khuya ngày 6 tháng 3, cộng quân giựt sập cây cầu duy nhất nối liền Quảng Trị và Huế, cắt đứt toàn bộ tuyến đường tiếp liệu vào thị xã. Cả đời ba tôi chưa bao giờ chịu thua một cách dễ dàng, ông cùng các binh sĩ của Trung Đoàn 913 và Trung Đoàn 110 tiếp tục ngăn bước tiến của quân chánh qui Bắc Việt. Cộng quân lại liên tiếp tung từng đợt bộ đội xung phong có xe tăng T-54 và trọng pháo yểm trợ. Nhưng mỗi đợt xung phong của chúng đều bị các binh sĩ dũng cảm của ba tôi đẩy lùi về bên kia sông. Chiến trường tiếp diễn sôi động trong nhiều ngày với những tổn thất nhân mạng càng ngày càng cao nhanh chóng cho cả hai phía.

Ở miền trung, vào ngày 10 tháng 3, Sư Đoàn 320 của quân Chánh qui Bắc Việt (BV) tung ra trận tổng công kích vào Ban Mê Thuột, một cú điểm chiến lược trọng yếu, để khởi đầu cho chiến dịch xâm lược toàn bộ miền Nam VN. Quân chánh qui BV không những đã được trang bị thật hùng hậu, còn được trọng pháo yểm trợ, đã dễ dàng đè bẹp những đơn vị phòng thủ trang bị thật ẻo uột của QLVNCH tại Ban Mê Thuột. Kể từ hôm ấy, quân khu Cao nguyên Trung phần của miền Nam bị mưa pháo xối xả. Tiếng đạn đạo và tiếng súng nổ réo tung bùng khắp trời. Dù bị đạn pháo toi bời, ba tôi và thuộc cấp vẫn giữ chặt phòng tuyến.

Chẳng mấy chốc, Ban Mê Thuột thất thủ. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu buộc phải ra lệnh cho binh sĩ và toàn thể Bộ chỉ huy Quân Đoàn phải triệt thoái. QLVNCH đã tháo chạy bằng con đường thứ ba, Liên tỉnh Lộ- 7B qua ngã Cheo Reo về Tuy Hòa,

hợp với hàng ngàn thường dân đang cầm cổ chạy loạn. Cộng quân vẫn công hãm ác liệt. Chúng đóng vị trí tác xạ trên những đồi cao và rót những trận mưa pháo xuống đầu binh sĩ lẫn thường dân đang di tản. Thiếu hỏa lực, Không lực VNCH đành bó tay trước cuộc thảm sát hàng loạt những thường dân vô tội bên dưới. Có đến hơn một trăm ngàn người di tản từ Pleiku và Kontum đã thiệt mạng hoặc mất tích trên con đường này.

Ba tôi kể rằng kho đạn ở căn cứ Đà Nẵng, Phan Rang và Biên Hòa vẫn còn dư bom đạn, nhưng người Mỹ đã tháo hết ngòi nổ của những bom đạn này. Đối với họ, chiến tranh đã chấm dứt.

Trước mũi tiến của cộng quân BV vào các thị trấn và làng mạc, dân chúng từ những vùng giao tranh cũng hối hả chạy từng đoàn về phía Nam trong hỗn loạn. Khi Kontum và Pleiku thất thủ, lại thêm hàng ngàn đàn ông, đàn bà, con nít chen chúc nhau chạy, khiến các tuyến đường đều bị tắc nghẽn. Lốp bị đâm đạp đến chết, lốp thì không chịu nổi đói lạnh trong lúc băng qua cánh rừng đầy bất trắc nên đoàn người rụng dần ở hai bên vệ đường.

Trở lại miền giới tuyến, nơi ba tôi đang đóng quân, dầu chưa bị bận tâm vì chuyện di tản, hoàn cảnh của ba tôi lúc ấy cũng không kém phần bi quan. Ông và binh sĩ thuộc cấp bị vây hãm xa hơn ở phía bắc, tức là gần khu phi quân sự, ngay trong lòng thị xã Quảng Trị hoang tàn. Bên kia sông, cộng quân không ngớt tung quân tấn công và rót đạn đại bác suốt đêm ngày. Sau khi chiếm được Kontum và Pleiku ở phòng tuyến phía nam, bộ đội chánh qui Bắc Việt chia mũi dùi công kích trở ra Đà Nẵng và Huế. Dù biết mọi nẻo đường di tản đã bị cắt đứt, ba tôi và binh sĩ vẫn quyết bám trụ cứ điem.

Ngày 14 tháng 3, Bộ Tư Lệnh Miền Trung QLVNCH truyền lệnh cho ba tôi phải lui binh toàn bộ ra khỏi Quảng Trị và chuyển quân vào Đà Nẵng. Trung Đoàn 913 Khinh Binh của ba tôi sẽ là đơn vị rút lui cuối cùng. Biết bao binh sĩ của ông đã anh dũng chiến đấu và gục ngã nơi đây để giữ từng tấc đất, nhưng bây giờ thì ông đành phải lui quân để bảo toàn những gì

còn lại cho lực lượng. Cộng quân vẫn tiếp tục rót đạn móc-chê như mưa bắc và ngày càng tiến gần hơn đến cứ điểm của ông.

Ngày 18 tháng 3, Bộ Tư lệnh Quân Đoàn I thuộc QLVNCH triệt thoái khỏi Huế và chuyển vào Đà Nẵng, nhưng cộng quân Bắc Việt còn hành quân thần tốc hơn. Chúng vừa rót đạn trọng pháo vào làm nổ tung các làng mạc và thị trấn, vừa cho quân đi kèm xe tăng tiến về mạn bắc của sông Mỹ Chánh. Chúng thi nhau đốt phá nhà cửa và giết chóc thường dân một cách bừa bãi.

Tôi hôm ấy vào lúc 7 giờ, khi người lính cuối cùng vượt qua khỏi cầu Trường Phước, ba tôi ra lệnh giật sập cầu hầu làm chậm bước tiến của cộng quân. Đứng bên mạn nam của giòng sông, ông ngoái cổ nhìn về nhà thờ La Vang. Ông đọc một lời nguyện và chào chia tay Đức Mẹ Maria, thăm cảm tạ ơn Người đã thương che chở ông được bình yên.

Có đến hàng ngàn binh sĩ của quân đội miền Nam đã thiệt mạng trong cuộc triệt thoái. Thế nhưng, các tướng lĩnh vẫn muốn ba tôi tiếp tục chiến dịch duy trì áp lực với cộng quân và làm chậm mũi dùi công kích của chúng. Họ tăng cường lực lượng cho ông bằng binh lính của hai Tiểu Đoàn 120 và 121, cộng với đơn vị đại pháo. Mục đích của chiến dịch này là cho cư dân miền trung có đủ thời giờ di tản. Mặt khác là bắt địch phải trả giá bằng chính xương máu của chúng cho từng tấc đất mà chúng đang đánh cướp.

Ông rải quân trên một phòng tuyến trải dài 15 cây số dọc theo bờ sông Mỹ Chánh và rót lên đầu địch quân ở bờ sông bên kia với những cơn mưa pháo. Suốt bốn ngày dài đặng đặng, cuộc giao tranh vẫn tiếp diễn với những thiệt hại nặng nề cho cả hai phe tham chiến. Hơn hai ngàn binh sĩ thuộc cấp của ba tôi đã thiệt mạng. Địch quân có lẽ còn bị tổn thất nặng hơn. Xác chết của các binh sĩ chất la liệt dọc theo các giao thông hào. Tiếng kêu gào của những thương binh nghe như rền vang khắp chiến trường. Thuốc men thì lại khan hiếm. Vì đạn dược đang cạn dần, tất cả binh sĩ phải cố bám vị trí bằng súng M-16 và

AR-15 thu được từ xác chết của những đồng đội đã hy sinh của họ.

Phe ba tôi ở phía bên này sông, lương thực đã sạch và cũng chẳng còn ai tiếp tế. Những cơn mưa tầm tã bắt đầu làm ngập các giao thông hào, trông như những con sông nhỏ. Binh lính ông vừa đói, vừa lạnh, vừa ướt như chuột lột. Họ không được nghỉ ngơi đã nhiều ngày và tuột dốc tinh thần. Nhưng họ vẫn giữ được phòng tuyến trước kẻ thù.

Tướng Lâm Quang Thi, một người sanh trưởng ở miền Nam từng thụ huấn cùng với ba tôi ở Trường Võ Bị Quốc Gia, đến thị sát tiền tuyến và hết lời khen ngợi lòng can đảm của những binh sĩ thuộc cấp. Ông còn đưa tin cho ba tôi biết là phần lớn dân chúng ở Huế đã chạy vào Đà Nẵng và giờ thì đến phiên ba tôi rút quân. Ba tôi vội gọi ngay người bạn thân tín của ông là Đại Úy Đỗ Thiên Phan về Huế. Ông muốn Đại Úy Phan đánh một bức điện tín về nhà để báo cho má tôi biết là ông đã rút khỏi chiến trường Quảng Trị, và hãy cầu nguyện cho ông cùng các binh sĩ dưới quyền.

Đêm Chủ Nhật ngày 23 tháng 3, ba tôi truyền cho binh sĩ rút khỏi huyện Mỹ Chánh và lui về An Lỗ, một huyện cách đó độ 30 cây số. Hàng ngàn binh sĩ vốn đã kiệt quệ nay lại phải âm thầm rút quân dưới màn đêm dày đặc. Vừa đeo ba-lô súng ướt nặng chịch của mình, họ vừa dắt díu các đồng đội đang bị thương. Không còn những đoàn công xa rầm rộ, trực thăng ngợp trời và xe tăng hùng hổ xông đến để tiếp cứu họ. Chỉ có ý chí sống còn sắt đá là phương tiện duy nhất giúp họ thoát hiểm. Những trận mưa đầu mùa phủ phàng càng cho làm nổi thống khổ của họ thêm phần ray rức. Dầu vậy, ba tôi đã rút quân êm thấm và binh sĩ ông đã không phải đổ máu hay hoặc bị thiệt mạng thêm một người nào.

Chưa hết, cộng quân vẫn bám gót rượt theo. Tại An Lỗ, ba tôi và binh sĩ chưa kịp nghỉ lấy sức đã phải chạy tiếp. Trong ba tuần lễ liền, cộng quân đã bị Trung Đoàn 913 Khinh binh và Trung Đoàn 110 BĐQ của QLVNCH cầm chân tại chỗ. Chúng đang nổi khùng vì những con kỳ đà cản mũi đã làm chúng

khụng lại từ mấy tuần nay, sức mấy mà chúng buông tha cho đoàn quân thất trận? Như một bày sư tử xông chuồng, cộng quân xông vào quất những đòn thù thật phũ phàng lên những người lính đang tháo chạy. An Lỗ thất thủ lúc 6 giờ 30 chiều ngày 24 tháng 3.

Trước sức tiến quân như vũ bão của giặc, pháo đạn tầm xa của ta trở nên bất khiển dụng. Lý do đơn giản chỉ vì giặc đã đến quá gần. Ba tôi đành truyền lệnh phá hủy tất cả các khẩu đại bác và trọng pháo, phòng ngừa địch có thể dùng lại những thứ ấy bắn vào đoàn quân đang triệt thoái của ông.

Rồi ông ra lệnh chuyển hết các xe tăng còn khiển dụng về Cố Đô Huế càng nhanh càng tốt. Cộng quân giờ chỉ gặp những tiếng súng chống trả lẻ tẻ hoặc yếu ớt, chúng thừa thắng xông lên chiếm đóng Cố đô Huế. Chúng mặc sức đốt phá nhà cửa và bắn giết thường dân, giết sạch các binh sĩ miền nam bị chúng bắt được một cách không thương tiếc.

Lúc 9 giờ tối cùng ngày, Cố đô Huế bỏ ngõ. Còn dân chúng cũng như binh lính, hầu như ai cũng ăn mặc như thường dân, chen nhau chạy về Cửa Thuận An. Trước đó, đoạn đường Quốc lộ 1 từ Huế vào Đà Nẵng đã bị cộng quân chiếm đóng và kiểm soát. Muốn vào Đà Nẵng, dân tị nạn từ Huế và các tỉnh thành vùng giới tuyến còn biết chạy ngã nào, ngoại trừ đường biển? Cửa Thuận An là hy vọng cuối cùng của họ.

Cửa Thuận An nằm phía đông Cố Đô Huế. Đường về Thuận An giờ đây đã thành một cái chài bị tắt nghẽn vì đoàn người tuyệt vọng đang bỏ chạy trước sức tiến của quân thù. Xe hơi, xe vận tải, xe gắn máy đủ loại bị hết xăng phải bị vớt lại la liệt ở hai bên vệ đường. Cảnh đó là hàng núi đồ gia dụng của dân tị nạn mang theo, nhưng vì kiệt sức không mang nổi chúng nữa, nên đành phải vớt lại tất cả. Nhiều xe bị bốc cháy, tiếng súng, tiếng nổ của lựu đạn nghe rền vang từ mọi phía. Những quân nhân có trang bị vũ khí, có người mặc quân phục, có người không, cứ gạt phăng đám đông mà tiến tới. Một binh sĩ trẻ báo cáo cho ba tôi biết là anh thấy Trung Tá Kỳ và Trung

Tá Nhiễm bơi qua cửa vịnh để đến chiếc phà đang neo phía bên kia bờ vào lúc sẩm tối.

Thế là hết! Cơ cấu chỉ huy của Quân Đoàn I QLVNCH đã tan rã toàn bộ. Chỉ còn duy nhất một lối thoát là phải bơi ngang qua vịnh để đến bên kia cửa và tìm cách lủi trốn về Đà Nẵng. Với tư cách của một vị Tư Lệnh, ba tôi đã ban một nhật lệnh cuối cùng qua máy điện đàm trên chiếc xe Jeep của ông. Ông kêu các sĩ quan chỉ huy của ba tiểu đoàn dưới quyền và chỉ cho họ cách thoát thân. Đó là những nhật lệnh ngắn ngủn, khó nói, lại khô khốc, nhưng may ra sẽ cứu được người nào hay người nấy! Rồi ông hủy hoại toàn bộ máy điện đàm trước khi ù té chạy ra bờ biển. Ông đinh ninh rằng cho dù ông phải chết đêm hôm nay, lương tâm ông chẳng có gì để cắn rứt vì ông đã làm những gì có thể được trong khả năng hạn hẹp của mình để cứu được càng nhiều người càng tốt. Ông xin Chúa tha tội cho ông và xin Người dẫn đưa ông đến nơi an toàn. Ông nghĩ đến vợ con và cầu xin được bình an để về sum họp với gia đình.



Đường về Thuận An

Ba tôi kể rằng, lúc ấy vào khoảng 2 giờ sáng ngày 25 tháng 3, ông lột hết quần trang trên người và chỉ còn mặc một chiếc quần sa-lông, rồi bơi miết giữa lòng nước biển lạnh lẽo. Ông dùng ruột bánh xe làm phao để giữ cho thân thể được nổi trên mặt nước. Ông và thuộc cấp bơi ròng rã nhiều giờ liền trong nước biển lạnh cóng để sang bên kia Cửa Thuận An phía đông. Cửa càng mở rộng thì nước rút dưới chân họ càng mạnh và nước biển càng lạnh hơn. Họ bám lấy cái sóng bằng cách trò chuyện với nhau và luôn bảo nhau phải vừa bơi vừa dưỡng sức. Họ âm thầm bơi trong đêm tối và không biết đã bơi cách sao đó thì đến phía bên kia cửa.

Sau khi tấp vào bãi, một số người chạy tuốt vào các làng ven biển với ý định chạy tiếp bằng đường bộ, nhưng ba tôi và mười người nữa cứ cắm đầu chạy dọc theo bờ biển và nhắm phía Đà Nẵng. Trời tờ mờ sáng, họ chạy đến một làng đánh cá nhỏ và tìm thấy một ghe máy dùng đánh cá trông vẫn còn tốt và còn đầy xăng trong bình. Đang hề nhau đẩy chiếc ghe máy ra biển thì chủ ghe, một lão ngư phủ bỗng từ trong làng xông ra đuổi theo. Mọi người lôi ông luôn vào ghe và bắt ông cùng đi với họ. Và may mà họ đã làm điều đó.

Sóng biển cao cuộn cuộn và đập mạnh vào mạn thuyền, nhưng ngư ông đã tài tình lèo lái chiếc ghe một cách điệu nghệ trong khi ghe phải chở đầy ắp người. Chiếc ghe nhỏ xinh xịch nổ máy tiến ra biển, rồi từ từ lướt sóng tiến về Đà Nẵng trong tiếng thở phào của mọi người. Mặt trời ló dạng, hiên ngang ngời sáng trên những lượn sóng xanh biêng biếc. Gió từ hướng bắc thổi về làm cho lòng người càng thêm phơi phới. Ba tôi và thuộc cấp của ông được sống thêm một ngày nữa cơ mà!

Sau tám giờ đồng hồ bập bênh trên sóng biển, họ cập bến Đà Nẵng vào lúc xế chiều. Đà Nẵng là một trong những hải cảng quan trọng nhất nước. Hải cảng này cũng còn là một trong những thành phố lớn nhất miền nam Việt Nam với một bên giáp những rặng núi chập chùng và bên kia ngó ra Biển Đông. Người Mỹ đã thiết lập ở đây một căn cứ không quân và

một quân cảng gần Bãi Non Nước để cung ứng những phối hợp hỗ trợ hành quân cho toàn miền trung Việt Nam. Bãi Non Nước, một bờ biển cát trắng ở vùng ngoại thành Đà Nẵng, nổi tiếng không những vì có thắng cảnh tuyệt đẹp, mà còn là một địa danh lịch sử. Nó chính là điểm hẹn để nghỉ phép và giải trí của hầu hết các quân nhân Mỹ trong suốt cuộc chiến.

Khi ba tôi và thuộc cấp cập bến, Bãi Non Nước đã tràn ngập tàu bè. Toàn bãi tập nập những ghe đánh cá nhỏ cũng như nhiều tàu chở hàng to lớn nườm nượp kéo vào từ những thị trấn giáp vùng giới tuyến. Căn cứ không quân bị bỏ trống của Mỹ nay đã trở thành một trại tị nạn mệnh mông chứa những người chạy giặc từ Huế và Quảng Trị vào đây. Tại căn cứ hải quân, dân chúng chen chúc nhiều đến nỗi các tàu chiến của hải quân VN không thể neo bến để bốc hàng hoặc dỡ hàng. Tàu nào cũng sợ cái cảnh đoàn người tị nạn ùa nhau xông tới, xô lẫn nhau trèo lên và chèn ép ngay cả các thủy thủ ở trên tàu. Dân số Đà Nẵng bỗng chốc phình lên đến hơn một triệu người với đa phần là những đồng bào tị nạn.

Chẳng có ai trong đám binh sĩ thuộc cấp của ba tôi ra trình diện ở Bộ Tư Lệnh Miền Trung; thay vì vậy, họ làm lủi đi lòng sục gia đình họ đang chen chúc đâu đó trong biển người chạy loạn. Ba tôi đơn thân rẽ đám đông và đi một mạch đến Câu lạc bộ Sĩ quan Đà Nẵng. Một sĩ quan vừa gầy lại vừa cao bạn của ba tôi là Trung Tá Đặng Đình Kiên, đã tốt bụng cho ông mượn đỡ hai bộ quân phục. Đồ mặc thật vừa vặn! Trong bộ quân phục chỉnh tề, ông đến trình diện ngay tại văn phòng Bộ Tư Lệnh. Hai ông Trung Tá Kỳ và Nhiễm cũng vừa trở tới.

Hầu hết Bộ Tư Lệnh Miền Trung đã di tản theo lệnh của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Văn phòng của Bộ giờ chỉ còn lèo tèo vài nhân viên dân sự và một ít sĩ quan cao cấp làm việc. Họ đang lo sốt vó để đốt cho bằng sạch những tài liệu tình báo tối mật và phá hủy hết những thiết bị quân báo.

Chỉ mới hai tháng trước, Tướng Ngô Quang Trưởng đã trao cho ba tôi chức vụ mới tại nơi đây, và ông đã lên đường ra tiền

tuyên bằng trực thăng. Lần này, ba tôi trở lại cũng nơi này, nhưng bằng ghe đánh cá cướp được và với thân thể trần trụi, chỉ để trình diện với một Bộ Tư Lệnh đã mất đi hơn một nửa túc số. Dầu vậy, ông vẫn thấy sung sướng vì mình vẫn còn sống.

Sau một vài thủ tục giấy tờ quen thuộc, ông vội vàng chia tay các bạn lính và đi gấp ra bưu điện. Phải xếp hàng đợi hàng mấy giờ đồng hồ liền mới đến phiên mình, ông đánh vội một bức điện tín cho má tôi để báo cho bà biết là ông đã vào đến Đà Nẵng. Thâm tâm ông vẫn hy vọng má tôi sẽ nhận được bức điện này ở Sài Gòn. Xong xuôi, ông lần đường đi đến một nhà thờ gần đó.

Ba tôi kể rằng, bốn ngày kế tiếp ngay sau đó là cả một sự hỗn loạn khắp thành phố. Dân tị nạn khôn khổ khắp miền Trung đổ về tràn ngập tứ phía. Từ phía bắc và phía tây, gọng kềm bao vây của cộng quân đang siết dần. Toàn bộ những tuyến đường thông thương vào Nam đã bị cắt sau khi giặc chiếm được quyền kiểm soát Pleiku, Kontum và Ban Mê Thuột. Chỉ còn một lối thoát duy nhất là ra biển, nhưng tất cả các ghe thuyền lớn nhỏ đủ loại đều đã rời bến. Xa xa, các chiến thuyền của Hải Quân VNCH đang neo đợi ngoài biển, nhưng không chiếc nào dám vào cập bến. Dân chúng phải dùng những ghe đánh cá nhỏ nếu muốn ra vào những chiến thuyền ấy. Họ đâu có sợ phải liều mạng với sóng to gió lớn từ Biển Đông đang chờ đón họ!

Khi một vài chiếc giang đĩnh hạm dám rà máy cập vào gần bến, lập tức có cả một đám đông dân chúng rượt theo và quăng phao xuống nước để bơi theo tàu. Hàng trăm người, nhất là những người khỏe nhất với phần lớn là lính, đã vật lộn với sóng nước trên những chiếc ghe chèo bằng mái dầm hoặc bằng chính tay của họ, chỉ để dành một chỗ trên tàu chiến. Ngay cả khi họ trèo được vào tàu, một chỗ để ngồi trên tàu cũng không còn vì đã có cả hàng ngàn người trèo lên tàu trước họ.

Trên bến cảng, vẫn còn hàng ngàn người mong ngóng trong nhiều ngày đêm, hy vọng ai đó có lòng tốt cho họ quá giang để tiếp tục chạy giặc. Ở ngoại thành, quân Cộng sản Bắc Việt và xe tăng chúng đã tiến đến gần kề. Lần này, chúng chẳng cần phải bắn đạn đại bác. Bao nhiêu lính tráng thuộc QLVNCH đều đã trà trộn vào dân chúng. Những chống đỡ còn lại chỉ là vô số xe cộ, công xa bất động đang nằm ngổn ngang, làm tắt nghẽn các nẻo đường tiến quân của giặc.

Vào lúc 5 giờ sáng thứ bảy ngày 29 tháng 3, Tướng Ngô Quang Trưởng, hai vị Trung Tá Kỳ, Nhiễm và ba tôi âm thầm boi qua bờ bên kia của căn cứ hải quân. Một chiếc tàu đổ bộ mang số bên sườn là LSM-404 Hương Giang lặng lẽ tấp vào bãi và há rộng miệng, vốn là bưng thếp ở đàng đuôi dùng để đổ quân, xuống bãi cát. Bốn vị sĩ quan và một nhóm vài người rảo bước lên tàu trong đêm tối. Xong, con tàu vội lùi nhanh ra biển.

Khoảng 10 giờ sáng cùng ngày, cộng quân Bắc Việt đã hoàn toàn chiếm đóng Đà Nẵng. Cờ đỏ sao vàng của chúng được giương lên phát phới ở cột cờ kỳ đài, nằm ngay chính giữa khuôn viên của Bộ Tư Lệnh QLVNCH ngày nào.

Từ quãng xa xăm ngoài khơi, đoàn tàu di tản của quân miền Nam đang từ từ rẽ sóng xuôi Nam.

Trên bãi biển im lìm, sóng lượn từng ngọn cao vỗ vào những triền cát thủy tinh trắng, rồi mưa lũ kéo về làm xóa sạch hàng triệu dấu chân còn in lại của những con người tuyệt vọng.

Ba tôi ngồi cầu nguyện thầm thì, mắt hướng về phía bờ, tay lặng lẽ gạt lệ. Xin Chúa ra tay che chở những người dân miền Trung.

CHƯƠNG BA

Di Tản



Từ hàng ngàn năm qua, người Tàu phương bắc từ thời này qua thời khác lúc nào cũng âm mưu tìm cách sát nhập nước Việt Nam vào đế quốc Trung Hoa của họ. Lần nào âm mưu của họ đều bị thất bại, nhưng không phải vì họ thua trận tại Việt Nam, nhưng chính vì nước Việt Nam không đáng công cho họ. Nước Việt Nam đã chẳng có tài nguyên thiên nhiên gì cho đáng, người Việt lại khó thuận phục, không như người Tàu chính công, và lại ưa đánh người Tàu để giành giật từng gốc cây ngọn cỏ.

Rồi thực dân Pháp sang đô hộ. Trong một trăm năm, người Pháp đã chiếm đóng toàn lãnh thổ Việt Nam. Người Pháp cũng đã du nhập Thiên Chúa Giáo vào Việt Nam và sáng tạo ra chữ Quốc Ngữ. Sự góp phần của Thiên Chúa Giáo và chữ Quốc Ngữ là hai yếu tố văn hóa đã giúp dân Việt Nam mở rộng cửa ra thế giới bên ngoài. Người Việt có thể hội nhập dễ dàng với văn hóa Tây Phương và những nền văn hóa khác. Tuy cùng ở Châu Á, nhưng dân Việt Nam ta có thể học tập các ngôn ngữ khác sử dụng đến mẩu tự La tinh nhanh chóng hơn những dân tộc Á-Châu khác. Trải qua nhiều năm, sự sống chung với người Pháp càng ngày càng dễ chịu hơn ra phết. Đến nỗi dân Việt Nam tưởng đã quên bằng một sự kiện là đất nước họ đang là một thuộc địa của một thế lực ngoại bang và là nguồn tài nguyên thiên nhiên cho Thực Dân Pháp khai thác.

Đệ Nhất Thế Chiến và Đệ Nhị Thế Chiến đã làm cục diện thay đổi hoàn toàn. Thấy trước sự suy tàn của Thực Dân Pháp, những phe đảng người Việt bắt đầu mơ tưởng đến một quê hương độc lập, tự do, hầu thoát khỏi ách cai trị và ảnh hưởng của người Pháp.

Hồ Chí Minh đã biết lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân và sách động đồng bào miền bắc Việt Nam nổi dậy chống Pháp. Trong lúc ấy, người Pháp thì lại muốn tập trung mọi nỗ lực để tái thiết đất nước họ, vốn đã bị Đức Quốc Xã tàn phá trong trận Đệ Nhị Thế Chiến. Người Pháp chỉ muốn lực lượng của họ đang trú đóng ở Việt Nam hồi hương trở về mẫu quốc. Dựa vào viện trợ của Trung Cộng, Hồ Chí Minh và lực lượng của y, (quen gọi là Việt Minh) đã đánh bại người Pháp trong trận cuối

cùng ở Điện Biên Phủ. Chiến thắng của họ Hồ thật ra không phải vì thực lực của người dân Việt Nam thuở ấy, mà chính là vì Thực Dân Pháp đã bị nhụt chí.

Hoàn cảnh đất nước năm xưa tuy nghiệt ngã nhưng hào hùng, làm tôi nhớ lại một hoạt cảnh quảng cáo thật vô tư trên tivi ngày nào. Cảnh tượng hai đội bóng đá thiếu niên: đội này reo mừng chiến thắng, đội kia đau khổ vì bại trận. Trong khi kẻ chiến thắng giơ cao chiếc cúp thì kẻ bại trận đi ăn hamburger của McDonalds. Người thắng ra đi với cái bụng đói, kẻ bại trận sung sướng ra về.

Hồ Chí Minh và bè đảng của y đã oanh liệt đánh bại Thực dân Pháp, nhưng vẫn không thắng nổi *cuộc chiến thật*. Chúng vẫn chưa đoạt được phần thưởng mà chúng hằng mong muốn, đó là trái tim và tâm hồn của toàn dân Việt Nam, nhất là người dân ở Nam bộ.

Khởi sự từ khoảng năm 1950, Hoa Kỳ bắt đầu gởi những “cố vấn” đến Việt Nam. Với một lý do không chính đáng là để hỗ trợ cho đồng minh của họ, tức là người Pháp, Hoa Kỳ đã nhúng tay sâu hơn vào Việt Nam chỉ để thỏa mãn óc tự phụ của họ. Dân Mỹ ở thời điểm ấy vốn đang ngạo nghễ vì những chiến thắng quân sự ở Âu Châu và Châu Á, giờ họ còn muốn làm đàn anh cho cả người Pháp ở Việt Nam.

Hoa Kỳ và Pháp đã đạt một thỏa thuận với Hồ Chí Minh và lực lượng Việt Minh của y. Đó là chia cắt nước Việt Nam thành hai miền nam bắc và dùng vĩ tuyến thứ 17 làm vùng phi quân sự. Sự chia cắt có tính tạm thời này nhằm giúp người Pháp rút quân một cách trật tự trong danh dự. Tuy vậy, Hoa Kỳ lại có một mưu đồ khác: vĩnh viễn chia đôi nước Việt Nam. Chính sách chia cắt này sẽ giúp Hoa Kỳ ngăn chặn được sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Sự kiện này cũng tương tự như họ và Liên Xô đã chia cắt hai miền Nam và Bắc Cao Ly, với miền bắc theo chủ nghĩa cộng sản và miền nam với chế độ cộng hoà đang trong thời kỳ phôi thai. Người Mỹ đã tham chiến và đóng quân ở Việt Nam hơn hai mươi năm trời cũng vì lẽ đó.

Năm 1965, chiến tranh bắt đầu trở nên nghiêm trọng khi con số binh sĩ Mỹ bị hy sinh mỗi ngày một lớn. Dân chúng Mỹ, cũng như dân Pháp năm nào, dần dà mất hết hào hứng với chiến cuộc ở Việt Nam. Thế hệ trẻ mới bùng phát, vốn không muốn chết trên những đất nước xa lạ như thế hệ của cha anh họ, đã đòi hỏi các lực lượng quân sự Mỹ phải rút khỏi Việt Nam.

Trong khi dân chúng đang ăn mừng Tết Mậu Thân năm 1968 thì cộng quân Bắc Việt, với sự hậu thuẫn của Liên Xô và Trung Cộng, đã đồng loạt mở cuộc tổng công kích trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Mục tiêu của Hồ Chí Minh là dùng vũ lực để chiếm trọn miền Nam bằng một trận đánh lớn, nhưng lực lượng của y đã bị QLVNCH đánh bại thảm hại dưới sự hỗ trợ của người Mỹ.

Việt Cộng lại đánh lớn vào mùa hè năm 1972. Lần này, thay vì rải lực lượng ra khắp miền Nam, chúng tập trung hỏa lực vào những trận địa chính ở ba tỉnh: Bình Long, Kontum và Quảng Trị. Chiến cuộc đã diễn ra thật dai dẳng và tàn khốc với những tổn thất to tát cho cả hai phe tham chiến. Một lần nữa, lực lượng TQLC và BĐQ của miền Nam đã anh dũng đánh bại quân xâm lược.

Cùng năm ấy, Tổng Thống Mỹ Richard Nixon bắt tay hoà giải với Trung Cộng. Dưới con mắt của những phe thù địch nhau trong Chiến Tranh Lạnh, đó là Trung Cộng, Liên Xô và Mỹ, chiến tranh Việt Nam coi như đã kết liễu. Tuy nhiên, trên thực tế ở Việt Nam, cả Trung Cộng lẫn Liên Xô vẫn tiếp tục thúc đẩy Bắc Việt áp đặt chế độ cộng sản cho cả miền Nam Việt Nam. Từ khi người Mỹ bắt đầu rút quân khỏi Việt Nam, những tuyên bố ngày nào của Tổng Thống John F. Kennedy bỗng trở nên vô nghĩa:

“Chúng ta sẽ...hỗ trợ bất kỳ bè bạn nào, chống trả bất cứ thế lực nào...”

Đầu năm 1975, dù biết là người Mỹ sẽ bỏ rơi, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn đánh một canh bạc liều lĩnh bằng cách

gởi một số lớn binh sĩ của QLVNCH ra tiền tuyến, ngay sát vùng phi quân sự. Ba tôi là một trong những vị Tư Lệnh chiến trường trong nỗ lực cuối cùng này. Dân miền Nam hy vọng hành động này sẽ giúp ngăn chặn bước tiến của cộng quân Bắc Việt.

Không như những trận đánh của mùa hè 1972 -- khi B-52 của Mỹ dội hàng tấn bom napalm lên đường mòn Hồ Chí Minh ở Lào và Cam bốt, khiến cộng quân phải rút khỏi Cao nguyên Trung Phần -- lần này, QLVNCH phải lâm trận mà không có yểm trợ của không lực. Người Mỹ cúp cả trực thăng tải thương cho QLVNCH. Những phương tiện chuyển giao đạn dược và trọng pháo trở thành bất khiển dụng chỉ vì thiếu nhiên liệu chuyên chở. Sự phản bội của người Mỹ và sự liều lĩnh của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã làm dân chúng thất vọng ê chề, khiến hàng ngàn người phải thiệt mạng.

Bắc Việt được thể làm càn trong mưu đồ thống nhất đất nước theo kiểu của họ. Cộng quân chớp nhoáng cướp đoạt những thành phố vùng giới tuyến như Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng. Chúng thừa thắng xông lên cướp cả Qui Nhơn và Nha Trang. Chẳng còn ai có thể ngăn chặn hoặc kèm hãm chúng được nữa. Đầu tháng 4 năm 1975, bóng dáng của cộng quân đã thấp thoáng đầu ngưỡng cửa của phòng tuyến Xuân Lộc và Biên Hòa, chỉ cách Sài gòn độ mấy mươi cây số.

Ngày 10 tháng 4, Quốc hội Mỹ phủ quyết một dự thảo viện trợ khẩn cấp của TT Gerald Ford để cứu vãn miền Nam Việt Nam. Không những thế, Quốc Hội còn làm áp lực buộc TT Ford phải di tản toàn bộ viên chức chính phủ Mỹ ra khỏi Việt Nam trong vòng hai tuần.

Quá kiệt quệ sau bao năm trường chiến tranh dai dẳng, lại mệt mỏi vì tệ nạn tham nhũng lan tràn trong chính phủ và bực tức vì thái độ bỏ rơi của Mỹ, người dân miền Nam mất cả tinh thần chiến đấu. Binh lính đua nhau bỏ đơn vị đào ngũ hàng loạt và trà trộn vào những đoàn người tị nạn không lồ đang trốn chạy khỏi Cao nguyên Trung phần để vào Sài gòn. Chẳng mấy chốc, Sài gòn có quá nhiều dân đến nỗi đã có nhiều người bắt

đầu sinh sống bừa bãi trong những lều vải tạm bợ giăng khắp thành phố. Điều kiện môi sinh của họ ngày càng tệ hại không bút nào tả xiết.

Tối Thứ hai, ngày 21 tháng 4 năm 1975, Tổng Thống kiêm Tổng Tư Lệnh của QLVNCH Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức và trao quyền hành pháp cho nội các. Diễn văn từ chức đầy nước mắt của ông tuy có tác dụng làm người ngoại dư luận quần chúng phần nào, nhưng lại làm cho dân tình thủ đô tăng thêm bầu không khí hốt hoảng và sợ hãi. Dân tị nạn cũng như dân địa phương chẳng còn biết phải chạy đi đâu. Tất cả bị dính chùm vào nhau giữa một đô thị chật chội đầy bất trắc. Dân chúng đua nhau ủa ra phi trường và những bến cảng. Cộng quân Bắc Việt lại rót đạn trọng pháo như mưa vào một thành phố đầy nghẹt người, làm cháy nhiều nhà cửa và giết chết thường dân một cách bừa bãi. Nổi kinh hoàng càng lan nhanh khi xác chết của thường dân nằm rải rác khắp các đường phố và chất đầy trong các bệnh viện.

Chán chường và tuyệt vọng, nhiều viên chức lãnh đạo cũng như binh sĩ đã tự sát ngay tại những nơi công cộng như đền miếu và chùa chiền. Những cảnh tượng ấy lại càng làm dân tình thêm xao xuyên và càng xô đẩy chế độ miền Nam gần hơn đến bờ vực thẳm.



Viet Congs entered Tan Son Nhar airbase

Việt Cộng tiến vào phi trường Tân Sơn Nhất

Những ngày kế tiếp sau ngày TT Nguyễn Văn Thiệu từ chức, từng đoàn vận tải xa GMC của Mỹ và những chiếc xe Jeep chạy đi chạy về tấp nập. Những xe này chở người Mỹ và ngoại kiều của các nước đến những điểm hẹn an toàn. Dân chúng hai bên đường chứng kiến cảnh tượng này với tâm trạng bàng hoàng và bối rối. Ai nấy đều bầu xung quanh những chiếc radio và ti vi để nghe một giọng nói liên tục lặp lại những lời kêu gọi của chính phủ rằng mọi người hãy bình tĩnh. Những người khác thì hồi hả về nhà. Có kẻ đi tụ tập ở các nhà thờ và đền miếu. Trong khi đó, cũng có nhiều người lẻo đẻo bám theo những người Mỹ để tìm chỗ núp ở các tòa đại sứ ngoại quốc, ở phi trường, ở những căn cứ không quân và ở những bến cảng.

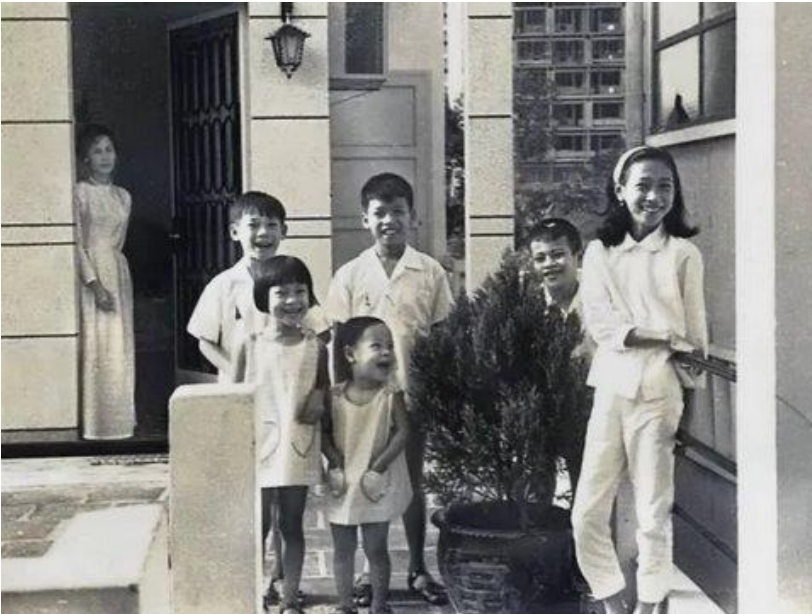
Trong nhà chúng tôi, ba tôi thu mình ngồi sâu trong chiếc ghế sofa, cổ họng nghẹt lại khi ông theo dõi tin Tổng Thống Từ chức trên đài truyền hình. Cạnh ông, Cậu Năm và Dượng Bảy cũng bàng hoàng không kém.

Đây là những người đã vào độ tuổi tứ tuần và đã cống hiến gần trọn đời mình để phục vụ cho xứ sở. Cả ba đều được đào tạo từ nền giáo dục Pháp và được huấn luyện để gìn giữ quê

huong, chiến đấu cho lý tưởng tự do và dân chủ mà chế độ đã đặt làm nền tảng.

Khi chiến tranh bùng nổ, ba tôi đang đi tu tại một Đại Chung Viện để trở thành linh mục. Ông xin hoàn tục và gia nhập Học Viện Lục Quân Việt Nam ở Đà Lạt. Đây là trường đào tạo sĩ quan cao cấp do người Pháp thành lập với sự hỗ trợ của người Mỹ. Học viện này tọa lạc tại một thành phố du lịch thật đẹp nằm chơi vơi trên một thành phố chập chùng núi non ở Trung phần. Sau đó, ông tốt nghiệp thủ khoa của khoá đào tạo sĩ quan và được tuyển dụng vào những lực lượng tinh nhuệ nhất của QLVNCH bao gồm binh chủng nhảy dù.

Ông được lên chức rất nhanh và được bổ nhiệm làm quận trưởng quận Long Thành. Sau bốn năm phục vụ đặc lực ở đây, ông được cất nhắc lên làm quận trưởng của một quận lớn hơn và ở một địa thế quan trọng hơn là quận Quảng Xuyên, nằm ở vùng ngoại thành thủ đô, phía bên kia sông Sài gòn. Ba tôi phục vụ ở đây tám năm và cũng chính tại tư thất của gia đình ở đây, em gái tôi là Huyền (Ti) đã chào đời.



*Từ trái sang phải : má tôi, anh Hưng, Huyền, Ti, Hùng, Vui
(tác giả), chị Lévi*

Thời ba tôi còn cầm quyền ở đây, dân Quảng Xuyên làm ăn khá giả và ngày càng phát đạt hơn trong cảnh yên hàn. Người dân ở Quảng Xuyên rất mến ông trong lúc ông còn tại chức. Ngay cả lúc ông đã được thăng cấp và đi nhận nhiệm sở mới, họ vẫn nhớ đến ông. Những thương gia thành công ở Quảng Xuyên, từ đàn ông cho đến đàn bà, vẫn thường ghé thăm để tặng quà và đồ kỷ niệm cho ba má tôi vào những dịp đại lễ.

Trong những ngày sóng gió của tháng 4 năm 1975, ba tôi, cậu Năm và dựng Bảy đã nghiên cứu kế hoạch dọn cả nhà qua quận Quảng Xuyên để tránh bom đạn của cộng quân, nhưng má tôi vẫn cương quyết không theo.

“Rồi mình sẽ đi đâu ?” bà hỏi.

Bà muốn cố thủ trong nhà, như tâm lý của bao nhiêu người dân Sài gòn lúc ấy. Cho nên chúng tôi ở rú luôn trong căn nhà trên đường Trần Hưng Đạo, khóa kín hai lần cửa, cửa ra vào cũng như cửa sổ. Lương thực thì đã có gạo sáy và lương khô cấp phân theo tiêu chuẩn của Mỹ mà cậu Năm đã dự trữ.

Thứ ba ngày 29 tháng 4, tình hình ở Sài gòn càng lúc càng thêm tệ hại. Người Mỹ hối hả di tản nhân viên và gia đình của họ. Khi chiếc xe van của Mỹ dừng ở điểm hẹn nào thì những người ẩn nấp trong đó sẽ được gọi ra và phải quyết định thật nhanh là có đi hay không. Những người còn do dự thường phải bị bỏ lại và làm gì thì mặc kệ họ.



*Thứ ba, ngày 29 tháng 4 năm 1975
tại Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn*

Sau nhiều ngày bị pháo kích nặng nề, phi cảng Tân Sơn Nhất ở vùng ngoại ô đã lọt vào tay cộng quân. Trên trời, những chiếc trực thăng xanh vạch đáp đến và bay đi liên hồi trên sân thượng Tòa Đại Sứ Mỹ ở trung tâm Sài Gòn. Những chuyến trực thăng này nỗ lực di tản hàng trăm người đang ở trong khuôn viên Tòa Đại Sứ hoặc chờ chực ở bên kia tường rào. Trên các đường phố, binh sĩ cũng như thường dân dựng thêm chướng ngại vật và càng lúc càng dựng những chướng ngại vật lớn hơn hầu cản đường tiến của xe tăng địch, không cho chúng tiến vào thành phố. Đạn pháo kích của cộng quân vẫn không ngừng nổ vang cả bầu trời. Càng lúc càng có nhiều tiếng súng cá nhân đùng đùng, nghe rải rác khắp thành phố.



Photo © Dirck Halstead

*Cảnh vật tại Tòa Đại Sứ Mỹ
vào ngày thứ ba, 29 tháng 4 năm 1975*

Từ trên sân thượng của căn nhà lầu bốn tầng, chúng tôi đã chứng kiến tận mắt cảnh Sài Gòn bị tàn phá. Nhiều binh sĩ bực tức vì bị sự phản trắc của người Mỹ, đã chia các loại súng ngắn súng dài lên trời và cứ nhắm vào những chiếc trực thăng đang bay lượn mà bắn. Chưa hả cơn tức, họ quay súng về phía những tòa nhà cao ốc mà bắn loạn xạ. Không một chiếc trực thăng nào bị trúng đạn, nhưng chắc cũng đủ làm cho những người đang bay cũng như đang đợi được trực thăng đến đón phải thất kinh. Ba má chúng tôi bắt tất cả phải xuống dưới lầu vì sợ chúng tôi bị trúng đạn lạc, nhưng bọn con trai chúng tôi, gồm mấy anh trai của tôi, mấy người anh em họ và ngay cả tôi nữa, cứ nấp rình để xem những cảnh tượng gay gân. Trông dễ sợ thật nhưng hào hứng vô cùng!

Tiếng súng đạn càng lúc càng nổ nhiều hơn và nghe gần nhà chúng tôi hơn. Tất cả những lời kinh nguyện của chúng tôi chẳng làm cho tiếng súng bớt đi chút nào hoặc ngừng hẳn.

Đến trưa, dù đã bị má tôi và dì Bảy ngăn cản, ba tôi, cậu Năm và dượng Bảy vẫn mạo hiểm ra đường để nghe ngóng. Họ hy vọng sẽ tìm ra một con đường để dắt mọi người thoát khỏi thành phố thật an toàn.

Khi cả ba không về nhà vào lúc một giờ như đã hẹn, má tôi, dì Bảy và mợ Năm bắt đầu lo lắng. Khi đồng hồ điểm hai giờ, cả nhà bắt đầu đọc kinh lần chuỗi Mân côi và cầu nguyện cho ba người. Đồng hồ đã điểm ba giờ nhưng vẫn chẳng thấy tăm hơi gì của ai nên chúng tôi tiếp tục cầu nguyện và lần chuỗi Mân Côi.

Cuối cùng, khoảng 5 giờ chiều hôm ấy, ba tôi, cậu Năm và dượng Bảy đèo nhau về đến nhà trên một chiếc xe truck Ford lớn. Đằng sau băng ghế ngồi trong xe là một đồng súng ngắn, lựu đạn, súng tiểu liên M-16. Khuôn mặt ai cũng xám xịt với cặp mắt căng tròn, chứng tỏ là họ vừa trải qua một điều gì thật kinh hoàng, đến nỗi chẳng ai dám kể lại. Không ai buồn reo mừng hội ngộ, mà chỉ thấy cả ba người hò hét ra lệnh cho mọi người trong nhà phải mau mau đóng gói hành trang để lên đường càng sớm càng tốt.

Cũng may mà cậu Năm và dượng Bảy đã có kinh nghiệm và có chuẩn bị trước, cho nên khi gom cả ba gia đình lại thì có đến hơn hai mươi đứa con nít dưới hai mươi tuổi, mà mỗi đứa trong đám đều đã chuẩn bị hành trang sẵn sàng. Trong mỗi cái áo gói dùng làm túi hành trang, mỗi đứa mang hai bộ áo quần, hai túi lương khô khẩu phần của lính, hai bịch gạo sấy và một món đồ chơi hoặc mấy cục kẹo. Những đứa lớn hơn thì phụ người lớn mang theo đồng giấy tờ quan trọng của gia đình và một cái đồng hồ dùng để nuôi trẻ sơ sinh.

Tôi tuy chưa đủ lớn để được coi là “lớn”, ba tôi vẫn giao cho tôi vác túi đồ của bé Huy-Hoàng và lúc nào cũng phải trông chừng nó. Anh kể tôi là Hưng thì được giao nhiệm vụ vác túi

đồ của đứa em gái là Hà. Người anh lớn hơn nữa là anh Hùng thì phải công đứa em gái tên là Huyền và chị Lêvi thì được giao cho trông coi đứa em gái khác tên là Huyền, nếu cần đến. Tất cả đều tuân lệnh răm rắp, đúng kiểu nhà binh.

Những đứa anh em họ của chúng tôi từ Nha Trang vào lại còn sẵn sàng hơn cả thế! Chúng đã từng trải qua cảnh này trước đây trong lúc chạy loạn. Chúng ở ngay trong nhà ba má tôi và bày cho chúng tôi cách thức phải xếp hành lý và sẵn sàng ra sao. Mỗi đứa trong đám đều dùng áo gối làm túi hành lý và dùng viết mực xạ màu đỏ để ghi tên trên túi đồ của mình. Cho nên nghe nói đến chạy loạn, đứa nào cũng mau mắn tuân lệnh, lại trông có vẻ hào hứng hơn cả mấy anh em nhà tôi nữa!

Nhưng đến lúc chỉ còn vài phút nữa là khởi hành, má tôi bỗng thay đổi dự tính. Bà muốn người anh lớn nhất của tôi là anh Hùng phải ở lại để coi nhà. Anh Hùng lúc ấy đã được mười chín tuổi. Việc này đã làm ba má tôi cãi nhau thật quyết liệt.

Sự kiện phải vứt bỏ toàn bộ tài sản bà đã dành dụm được cho gia đình sau những năm tháng làm ăn tảo tần, trong lúc ba tôi miệt mài chiến đấu cho quê hương, là một mất mát quá lớn mà bà không thể chấp nhận được. Bà cho rằng nếu còn tí hy vọng gì để gia đình quay về thì cái nhà vẫn còn được anh Hùng giữ gìn nguyên vẹn. Ba tôi nhấn mạnh là sẽ không có chuyện quay lại. Mọi người sẽ cùng chết với nhau hoặc cả thấy mọi người cùng trốn thoát. Điều này đã làm ba má tôi gây gổ nhau từ mấy tuần nay, nhưng chưa hề có giải pháp thỏa đáng. Giờ đã đến lúc họ phải quyết định.

Chúng tôi vừa chen chúc nhau ngồi sau thùng chiếc xe truck, vừa trở mắt nhìn cuộc đấu khẩu. Ba má tôi càng lúc càng cãi hăng hơn. Cả hai đều khóc. Quyết định bỏ lại đứa con trai cả cũng coi như là đã giáng lên đầu nó cái án tử hình. Nhưng nếu cộng quân chiếm đóng thành phố, chúng tôi sẽ chẳng có nhà để về nếu không thể chứng minh mình đã ở đó từ hồi nào đến giờ. Cả cậu Năm lẫn dì Bảy lúc ấy cũng van nài má tôi cho anh Hùng đi theo.

Ba tôi sợ sẽ mất đứa con cả trong gia đình nên cứ hỏi đi hỏi lại, “*Con dám ở lại giữ nhà một mình không?*”

Tuy hơi sờ sợ, nhưng vẫn cố làm ra vẻ không sao, anh Hùng nói *Dạ*.

Má tôi đưa anh một bọc tiền và ôm anh một đỗi thật lâu. Bà khóc lóc và cầu xin Chúa cho mình quyết định đúng. Ba tôi đưa cho anh Hùng một khẩu súng ngắn và một khẩu tiểu liên bán tự động. Xong, ông chỉ cho anh biết cách phải làm thế nào để đào thoát ra khỏi nước trong trường hợp tình hình quá tệ hại, hoặc trong trường hợp anh không nghe ba tôi nhắn gởi điều gì trong vòng hai ngày tới.

Vừa trông theo chiếc xe truck nặng nề đang vội lăn bánh, anh Hùng vừa đứng yên trầm mặc trước cổng. Sau màn lệ nhạt nhòa, bọn con nít chúng tôi vẫy tay chào anh trong câm nín.

Cậu Năm lái xe qua nhiều đường phố ở Sài Gòn, trong khi ba tôi và dựng Bảy ngồi bên cửa sổ, tay mỗi người lăm lăm khẩu M-16 chia ra đường như muốn nói “*Đừng có lạng quạng mà lãn đũ!*” Đường phố đầy rác và các loại xe cộ bỏ hoang, những quân xa nằm im lìm và đó đây dọc hai bên đường là áo quần của lính vứt rải rác. Những chướng ngại vật được dựng lên, với ý đồ ngăn chặn xe tăng của cộng quân tiến vào thủ đô, giờ làm cho xe chở chúng tôi phải luồn lách thật vất vả trên đường chạy về phía sông Sài Gòn. Nhưng không hiểu xe chúng tôi đã làm cách nào mà chạy vòng hoặc ủi thẳng và vượt qua được hết những chướng ngại ấy.

Ngang qua tượng Thủy Quân Lục Chiến đặt sừng sững trước trụ sở của Hạ Nghị Viện, chúng tôi thấy xác chết của những vị sĩ quan quân đội đã tự sát nằm chết quanh đó. Gia quyến và những người thân yêu của họ ngồi khóc bên cạnh. Cảnh tượng này hầu như tái diễn rải rác khắp thành phố. Khi xe chúng tôi rà đến Bến tàu thì nơi này là một cảnh tượng vô cùng hỗn loạn. Thiên hạ ùa nhau đổ về đây. Họ xô đẩy, chen lấn, đập cả lên nhau để nhảy vào bất kỳ tàu thuyền hoặc ghe nào có thể dùng được để mang họ ra biển. Những đại gia đình có quá

nhieu con nít như đám chúng tôi thì đừng hòng giành nổi một ghe để tất cả được đi cùng!

Cậu Năm đánh một vòng cua thật gắt để tránh bến chính và bắt đầu rảo mắt tìm những chiếc đò ngang hoặc ghe đánh cá nhỏ. Khi cậu và gia đình chạy khỏi Nha Trang, họ giựt đại một chiếc ghe máy chạy thẳng ra khơi để hướng về Sài Gòn, chỉ cách mấy phút trước khi cộng quân làm chủ tình hình ở Nha Trang. Lần chạy này, ông đã áp dụng những kinh nghiệm ấy để chuẩn bị cho những gì cần phải làm.

Một chặp sau thì cậu đã thấy lác đác vài chiếc ghe đánh cá nhỏ đang neo bến mé cuối sông. Ba tôi, cậu Năm và dựng Bảy ra sức điều đình với vài chủ ghe và trả cho họ cả một đồng tiền để họ chở mọi người qua quận Quảng Xuyên.

Khi chúng tôi diu dất nhau lên ghe thì trời đổ mưa. Chắc Chúa cũng động lòng roi lệ cho những con dân Việt Nam khốn khổ đang trên đường xa lìa xứ sở!

Má tôi, dì Bảy và mợ Năm sụt sùi khóc trong lúc ghe đang lia bến tiến ra giữa giòng sông Sài Gòn đục ngầu phù sa màu nâu. Vô số tàu bè, ghe thuyền lớn nhỏ đủ cỡ cũng đang nối đuôi nhau tiến về phía biển. Tàu nào cũng nặng chĩu đầy nghẹt người đến nỗi chẳng người nào tìm được một chỗ để ngồi.

Nửa giờ sau, chúng tôi cập bến vào một làng đánh cá nhỏ thuộc quận Quảng Xuyên. Các bậc niên lão trong làng vui mừng khi thấy ba tôi vẫn còn sống. Dân làng niềm nở tiếp đón chúng tôi theo kiểu hiếu khách của người dân miền Nam. Họ lật đật thu dọn đình làng, vốn là một gian nhà trống hoác xây bê tông có lợp mái tôn, rồi dọn cơm nước lên mời. Sau khi dùng bữa, để mặc đám đàn ông người lớn ngồi bàn luận tình hình với dân làng, bọn con nít chúng tôi chạy xuống bờ sông để nhìn hàng đoàn ghe tàu đang rời cảng Sài Gòn.

Chúng tôi nghe vắng vẻ từ xa những tiếng súng và tiếng nổ vang trời, rồi thấy khói bốc lên từ những tòa nhà bốc cháy trong thành phố. Trong khi chúng tôi đứng bên bờ sông nhìn

ngắm mộng lung cho đến khuya, đoàn ghe tàu vẫn di chuyển trên sông không ngớt, nhưng tàu nào cũng tắt hết đèn và mở máy rì rì đi thật chậm để tránh bị chú ý. Dân chúng lặng lẽ ra đi trong đêm tối, không ai biết mình sẽ đi về đâu, và tương lai rồi sẽ ra sao. Trên nền trời đen thẫm, chúng tôi có thể thấy màu ánh lửa phản chiếu đỏ đỏ vàng vàng cháy bập bùng trên nóc các tòa nhà cao ốc ở Sài Gòn. Càng gần sáng càng có nhiều nhà bị đốt thiêu rụi. Chúng tôi thầm cầu nguyện cho anh Hùng được bình an.



Sông Sài Gòn trong đêm đen

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm lãn quay trên sàn xi măng ngủ một giấc ngủ xa nhà đầu tiên. Suốt đêm trường, ba tôi, cậu Năm và dượng Bảy thay nhau cầm súng canh thức.

Tảng sáng ngày thứ tư 30 tháng 4, chúng tôi choàng mình tỉnh giấc vì những loạt súng nổ liên thanh và những tiếng nổ ầm vang lại từ bên kia sông. Càng lúc càng thấy nhiều cột khói bốc lên, hình như những cuộc giao tranh ác liệt đang nổ ra khắp thành phố. Trên sông Sài Gòn, càng lúc càng thấy ít tàu bè hơn, tàu nào trông cũng nhỏ hơn nhưng mỗi tàu lại chở theo nhiều người hơn.

Dân Quảng Xuyên đem trứng luộc và bánh giò đến cho chúng tôi ăn sáng. Ông lý trưởng của làng hi hục đẩy đến một chiếc tivi trắng đen để chúng tôi cùng theo dõi tin tức.

Đúng 10 giờ sáng hôm ấy, người đứng đầu nội các chính phủ, Tổng Thống Dương Văn Minh, xuất hiện và tuyên bố đầu hàng quân chánh qui Bắc Việt. Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc. Nước Việt Nam giờ đây đã được thống nhất dưới ách cai trị của Cộng sản.

Đối với ba tôi và dượng Bảy, đó là bản án tử hình dành cho họ. Không những là đời binh nghiệp của họ bị cáo chung, nhưng bây giờ ai cũng trở thành những của nợ cho gia đình mình. Ai dám cuộc là họ sẽ không bị những kẻ thắng trận truy nã và giết họ một cách không thương tiếc? Miền Nam Việt Nam, quê hương mà ba tôi đã biết bao lần vào sanh ra tử để giữ gìn bờ cõi, nay đã không còn nữa. Những thương tích và những vết sẹo hằn sâu trên da thịt vốn khiến ông nhiều lần suýt chết quả đã là những hy sinh vô ích.



Việt Cộng tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975

Ông đứng lặng người mặc niệm. Mắt ông mở tròn dán lên màn ảnh của đài truyền hình. Ông không còn nghe hoặc thấy gì

nữa. Má tôi bụm miệng lại để che nỗi kinh hoàng và sụt sùi khóc. Cảnh đó là dựng Bảy và dì Bảy ôm nhau khóc ròng. Cách đó ít bước, cậu Năm nắm cả hai tay mẹ Năm siết chặt và lắc đầu như không muốn tin vào những gì vừa nghe thấy.

Sau một hồi im lặng thật lâu, ba tôi quay qua ông lý trưởng, vẫn lặng người vì bàng hoàng xúc động, và thậm chí nói với ông điều gì đó. Ông lý trưởng rảo nhanh bước ra ngoài và sắp sẵn cho chúng tôi một ghe đánh cá nhỏ làm bằng gỗ. Chiếc ghe này chỉ lớn bằng một chiếc ghe câu cá quá khô, cỡ hai mét rưỡi chiều rộng và sáu mét rưỡi chiều dài (8 ft x 20 ft). Đoàn chúng tôi có đến ba mươi người gồm cả ba gia đình gom lại. Dựng Bảy đi đón thêm mười sáu người bà con vào phút chót. Tổng cộng có đến bốn mươi sáu mạng nhét cứng vào một chiếc ghe đáng lẽ không nên dùng đi biển. Chưa hết, đã ra đi lén lút, chúng tôi còn cả gan thả ghe tà tà dọc theo sông Sài Gòn.



Một kiểu ghe chạy sông của người Việt Nam

Chiếc ghe nặng muốn chìm, đến nỗi khi tôi ngồi sát mép ghe với bé Huy-Hoàng đặt trên đùi, chúng tôi có thể dùng tay khoác nước sông lấp loáng màu nâu bên dưới. Máy động cơ ị ạch xì khói, cố kéo lê chiếc ghe đi con nước đang chảy ngược. Nền trời xám xịt với nhiều đám mây giăng rải rác. Một luồng gió nhẹ thổi qua. Mùi bùn từ nước sông trộn lẫn với mùi cá

tanh tuổi trên ghe bốc lên nghe thum thum. Có lẽ ghe của chúng tôi là một trong những chiếc ghe nhỏ chạy cuối cùng, bởi vì quanh sông chẳng còn mấy ghe tàu đi lại nữa. Chả bù với hàng đoàn tàu bè, ghe thuyền mà chúng tôi thấy nườm nượp trên sông hồi tối hôm qua.

Càng xuôi theo giòng sông xa chừng nào thì lòng sông càng mở rộng chừng đó. Những đợt sóng như lớn hơn và vỗ mạnh hơn vào mạn ghe. Ba tôi và dượng Bảy ngồi đầu mũi ghe và tròn mắt ngó xuống lòng sông mở rộng với vẻ mặt xốn xang. Mỗi một đợt sóng vỗ vào mạn ghe là mang theo một ít nước sông ừa vào. Mưa ở đâu bỗng kéo đến. Chỉ một chập sau thì ai nấy đều ướt như chuột lột. Thật ra thì cũng khó mà biết chúng tôi bị ướt vì mắc mưa hoặc vì bị nước sông tràn vào lòng ghe đang chũu nặng. Má tôi vội ôm bé Hà vào chỗ có che kín để núp.

Chiếc ghe đánh cá này là tiêu biểu cho những chiếc ghe làm bằng gỗ khả dĩ được dùng làm nguồn sinh sống cho các ngư phủ và gia đình họ dọc theo những con sông suốt miền Nam Việt nam. Lòng ghe này có diện tích xấp xỉ chín mét vuông và được thiết kế chỉ để chứa không quá mười người. Phần lớn bề mặt của chiếc ghe được để trống, chỉ có đuôi ghe là thỉnh thoảng được che sơ sài để máy ghe khỏi bị ướt. Mũi ghe được làm cao hơn đuôi và phần phía trước ghe thường được trải một phản gỗ dùng để làm sạch tôm cá đánh bắt được. Ngư phủ vẫn dùng loại ghe này thả dọc theo bờ sông để chài tôm và lưới những cá nhỏ.

Ghe kiêu này nhất định không chở nổi bốn mươi sáu người. Vì phải chở quá nặng nên càng lúc ghe càng có nguy cơ bị nghiêng hoặc bị chìm. Không có đến một chỗ hở để ngồi, ngoại trừ những người có thể kê móng ngồi đại lên mép ghe. Những người khác thì phải đứng một chỗ và níu chặt lấy nhau. Ghe càng đi xa thì sóng mỗi lúc một lớn. Vì mọi người đều đứng nên mỗi lần sóng vỗ vào mạn ghe, ai nấy cũng bị lắc lư nhôi theo chiều sóng vỗ như những con búp bê đồ chơi. Nước bên trong ghe dâng lên càng lúc càng nhanh và anh tài công đang chạy máy bỗng đâm hoảng. Anh ta chưa bao giờ dám

mạo hiểm cho ghe chở nặng như thế chạy một quãng xa như lần này.

Anh ấp úng nói với ba tôi, "*Dạ thưa Trung tá, tàu này không đi nổi nữa đâu. Xin Trung tá cho em quay về, chớ không thì chắc sẽ chết hết, Trung tá ơi.*"

Ba tôi gắt, "*Chú cứ tiếp tục mà đi. Không có được quay về đâu hết, nghe chưa?*" Vừa nói, ông vừa thò tay nắm báng khẩu súng lục đang giắt bên hông.



Trên đường tiến ra Biển Đông

Anh tài công bồng bị đặt vào cái thế phải lựa chọn bị chết đuối hoặc bị ăn kẹo đồng, làm bầm trong miệng, "*Thế là xong rồi. Thế là xong rồi.*"

Nhưng anh ta vẫn cho ghe tiến ra biển. Quả thật, hễ ai có súng là có phù phép để được những gì mình muốn.

Xế trưa, trong khi chúng tôi mãi tát nước ra khỏi ghe, cậu Năm bỗng phát giác một chiếc tàu khác từ đằng sau đang phăng phăng lướt sóng tiến về phía ghe chúng tôi. Càng đến gần, chúng tôi mới càng nhận rõ nó là loại tàu đi sông đa dụng làm bằng thép, thứ tàu mà lính Mỹ đã bỏ lại sau khi rút quân. Tuy là một tàu lớn hơn ghe chúng tôi nhiều, khoảng bốn mét chiều rộng và mười ba mét chiều dài (15 ft x 40 ft), nhưng chiếc tàu này đã chở khoảng hai trăm năm mươi mạng người và nhét chặt cứng! Dầu sao đi nữa, chiếc tàu này nhất định sẽ chịu những đợt sóng lớn khá hơn chiếc ghe chúng tôi đang dùng.

Chúng tôi ra dấu loạn xạ cho chiếc tàu thép dừng lại, nhưng hễ chúng tôi càng đến gần, chiếc tàu thép đã không đi chậm lại mà còn cố lách xa ra hơn.

Ba tôi quyết làm liều. Ông ra lệnh cho anh tài công bẻ quạt hướng ghe để chặn đường chiếc tàu thép đang trôi tới.

Ngập ngừng một chốc, anh tài công tuân lệnh ba tôi, và tôi thì ráng kèm lại tiếng rú hãi hùng trong họng.

Chiếc tàu thép không thể nào dừng kịp và đụng ghe chúng tôi cái "rầm", đúng ngay chỗ tôi đang ngồi ẵm bé Huy-Hoàng trong tay. Nó xóc mạn ghe chúng tôi lên cao rồi rớt âm xuống mặt nước đầy phù sa, làm mọi người ngã nhào. Nước thi nhau ùa vào ghe ở tứ phía. Tất cả mọi người trên ghe chúng tôi gào lên kêu cứu với những người trong chiếc tàu thép.

Trên chiếc tàu thép, một linh mục khăn khăn van nài viên thuyền trưởng ngưng máy. Những người khác thì rú lên kinh hãi và nhao nhao đòi viên thuyền trưởng phải cứu chúng tôi ra khỏi chiếc ghe đánh cá, kéo chúng tôi sẽ chết đuối. Như phép lạ xảy ra, chiếc tàu thép như chạy chậm lại để chờ chúng tôi.

Ba tôi ra lệnh cho anh tài công cột ghe vào chiếc tàu thép và bảo tôi ẵm Huy-Hoàng nhảy gấp qua tàu thép ngay sau khi hai chiếc đã cập sát vào nhau. Ông quay lại và hối mọi người chuẩn bị nhảy qua chiếc tàu thép càng nhanh càng tốt.

Dù đã ngập nước gần hết, chiếc ghe chở chúng tôi vẫn ráng tránh những đợt sóng phát ra từ chiếc tàu thép để khỏi bị nhận chìm và lết vào đước mạn bên phải của nó. Vừa lúc hai chiếc chạm nhau, tôi thấy đại bé Huy-Hoàng một cái thật mạnh vào một rùng tay của những người trên chiếc tàu thép đang giang ra. Những người này sau đó đưa nhau thò tay xuống ghe chúng tôi và lôi mọi người vào lòng tàu của họ.

Má tôi ngồi ngay đằng sau đuôi chiếc ghe đánh cá, tay ẵm bé Hà, người cứng đờ bất động vì thất kinh. Ba tôi và dượng Bảy phải túm lấy bà và bé Hà rồi xô cả hai vào chiếc tàu thép. Trong cơn nguy cấp, sự điềm tĩnh và những hành động chín chắn của ba tôi và dượng Bảy quả là một bài học để đời mà tôi hằng ghi tạc trong ký ức.

Trong cơn hỗn loạn, chúng tôi bị rải ra khắp sàn tàu. Đột nhiên, dì Bảy, mẹ Năm và má tôi đảo mắt nhìn khắp sàn tàu để tìm cho đủ bọn con nít chúng tôi, má tôi thảng thốt la lên.

"Huy-Hoàng đâu? Huy-Hoàng đâu?" bà tuyệt vọng gào lên thảm thiết, tay vẫn ôm cứng lấy bé Hà.

Ba tôi ngó tôi và nồn nóng thét lên cùng câu hỏi. Tôi đáp rằng tôi có thấy Huy-Hoàng lên tàu. Má tôi cứ đinh ninh tôi đã thấy thằng nhỏ rớt tọt xuống sông nên khóc tru lên như một loài thú trúng thương, vừa rên vừa rống đi rống lại tên Huy-Hoàng và ngó xuống dòng nước đục ngầu.

Sau vài phút hãi hùng trôi qua, một bà lạ hoặc ngồi tuốt phía bên kia chiếc tàu đem bé Huy-Hoàng đang oe oe khóc tiến về phía chúng tôi và hỏi. *"Con của cô phải không?"*

Má tôi sáng mắt lên và chụp ngay thằng nhỏ, lôi nó vào lòng và hôn hít lung tung. Ba tôi nhìn tôi mỉm cười, trong khi hai đầu gối tôi bấy giờ đã thấy yếu và chân tôi thì run lên bần bật như sắp quy xuống.

Chúng tôi ùa vào nhau, mừng rỡ vì tất cả đã vào hết trong tàu thép.

Trong khi ba tôi đến cảm ơn vị linh mục, má tôi, dì Bảy và mợ Năm trao hết những bọc vải chứa đầy tiền Việt Nam cho anh tài công. Giờ thì ghe anh ta đã nhẹ nhõm và dễ điều khiển hơn nhiều. Anh tài công hơn hờ vẫy tay chào chúng tôi và vội quay ghe chạy về hướng Quảng Xuyên.

Niềm vui chúng tôi chưa trọn vẹn thì chiếc tàu thép bỗng dờ chúng phun khói xanh xịch rồi ngưng chạy, không thể đi tiếp ra vùng biển đang mở rộng. May thay, dượng Bảy có biết chút ít về máy nổ. Dượng vội chui ngay xuống hầm máy để phụ những người thợ đang sửa máy bên dưới.

Nửa giờ sau, máy tàu lại xanh xịch nổ đều và chiếc tàu lại rẽ sóng tiến ra khơi. Rồi thì Dượng Bảy, lúc ấy mặt mũi vẫn còn dính đầy dầu máy đen thui, tái xuất hiện trên sàn tàu với nụ cười khoái trá. Cả ba tôi lẫn cậu Năm đến bắt tay dượng và vỗ vai dượng rồi rít. Dượng là vị cứu tinh của cả chiếc tàu. Những người trong tàu trước đây, vốn vẫn bực bội vì phải đón chúng tôi, nay bỗng thấy sung sướng vì có chúng tôi nhập bọn, nhất là dượng Bảy.

Trên đường ra khơi, chúng tôi thấy đó đây những chiếc ghe nhỏ thật xơ xác đang lê lét khắp sông. Có vài chiếc chạt ních người, nhưng chúng tôi cũng không dám ngưng cái máy tàu cà rịch cà tang này lại để đón một ai, cho nên con tàu vẫn lướt sóng đi tới. Khi chúng tôi rời khỏi sông Sài gòn thì kia, biển cả đang giang rộng hai tay chào đón. Ánh tà dương đang chìm dần ở phía chân trời và gió lạnh mơn man lướt trên từng cuộn sóng. Tàu chúng tôi tuy phải vật lộn với những đợt sóng phủ phàng, nhưng vẫn còn sức chờ chúng tôi cao bay xa chạy. Chúng tôi trốn chạy khỏi một đất nước vừa mới được thống nhất.

Tàu quá chật nên chị Lêvi và tôi được dành cho một khoảng trống bé xíu để ngã lưng. Đó là một cái bọc vuông vức đặt cạnh cột cờ của chiếc tàu. Cạnh chúng tôi là một cặp vợ chồng trẻ tuổi mới độ ngoài hai mươi. Người chồng mặc quân phục sĩ

quan VNCH. Anh ta trót uống độc dược để quyên sinh nhưng nay lại vật lộn chống chọi với tử thần. Anh ta thở thều thào bên người vợ trẻ vừa ôm anh vỗ về, vừa nức nở khóc và vừa đọc kinh suốt đêm. Tôi cũng hiệp ý với chị ta trong lời kinh, thầm cầu nguyện cho anh ta, cho chị, cho gia đình chúng tôi, cho đại gia đình họ hàng tôi và mọi người trên tàu. Tôi cầu nguyện cho xứ sở tôi vừa bỏ lại đằng sau và phó thác tất cả vào sự quan phòng của Chúa. Cuối cùng là lời nguyện tôi đặc biệt cầu xin cho anh Hùng tôi, hiện vẫn đang còn ở lại Sài Gòn.

Tôi liếc mắt nhìn về phía mũi tàu và bắt gặp ba tôi đang lâm râm cầu nguyện. Ông lặng lẽ đứng sát thành tàu lộng lộng gió, vừa đọc kinh, vừa dỗi mắt nhìn về dải đất yêu dấu mà ông vừa xa lìa.

Về sau, ba tôi bảo là dù ông đã từng vào sanh ra tử trên nhiều chiến trường vô cùng tàn khốc, nơi mạng sống đôi khi có thể ví như chỉ mảnh treo chuông và chỉ còn đức tin là hy vọng duy nhất để sống còn, ông vẫn chưa bao giờ phó thác mọi sự hoàn toàn trong tay Chúa như lần này ở trên sông Sài Gòn.

Ba tôi, một chiến sĩ bất khuất của hòa bình, từ dạo ấy đã trở thành cột trụ của đức tin. Kinh nghiệm của một đời tranh đấu đã tôi luyện ông đức điềm tĩnh và lòng quả quyết khi phải đương đầu với nghịch cảnh. Xin Chúa tăng thêm cho ông chí can trường để ông không sòn lòng trước những đau thương sắp đến trong những ngày tới.

Đêm hôm ấy biển lặng như tờ với hàng triệu ánh sao lấp lánh trên nền trời xa thẳm. Không còn nữa những tiếng súng đi đùng, cũng chẳng còn tiếng bom đạn nổ vang trời. Tất cả chỉ còn lại tiếng sóng miên man vỗ vào mạn tàu, dạt dào như khúc nhạc thần tiên đầy mộng ảo. Tôi thêm thiếp ngủ đầu ngủ trên vai chị Lêvi hồi nào không biết.

Sáng mai đây khi tỉnh giấc, chúng tôi sẽ là những người tị nạn, những người vô tổ quốc.

CHƯƠNG BỐN

Tị Nạn

*Dù phải vượt qua trùng dương đầy bão tố,
ngươi sẽ không bị nhận chìm.*

*Ngươi sẽ nói ngôn ngữ của mình trên những vùng đất lạ,
Và sẽ được hiểu,
Ngươi sẽ thấy mặt Đức Chúa Trời
và sẽ được sống.*

*Đừng sợ,
Ta luôn dẫn đường cho ngươi,
Hãy theo ta,
Và ta sẽ cho ngươi nghỉ ngơi.*

-- Bài Ca Công Giáo --

Thứ năm, ngày 1 tháng 5 năm 1975 là một ngày tuyệt đẹp ngoài khơi. Mặt biển lặng và không một tí gợn sóng, tựa như mặt một tấm gương soi. Làn gió mát từ phương bắc hiu hiu lùa về làm mọi người cảm thấy thật dễ chịu.

Chị Lêvi lay tôi dậy sớm để xem mặt trời mọc. Chúng tôi ngắm những tia nắng ban mai phản chiếu và nhảy nhót lấp lánh trên mặt nước. Những đợt sóng xanh biếc hiền hoà chạy lăn tăn tuốt đến chân trời xa thẳm. Bầu trời thật quang đãng và ánh hừng đông đang tỏa sáng chói lòa.

Chúng tôi đang đi giữa Biển Đông thuộc biển Thái Bình Dương và không thấy đất liền. Tàu đi trong cô đơn với tiếng rì rì đều tai phát ra từ hầm máy.

Má tôi vẫy hai chị em tôi đi về cuối tàu, nơi mọi người trong gia đình đã tề tựu đông đủ quanh bà. Thật phấn khởi khi thấy mọi người ai cũng an toàn và thoải mái, và cũng thật là vui khi thấy người sĩ quan trẻ đêm qua đã chiến thắng tử thần. Chỗ anh ta ngồi còn vương lại dấu vết chứng tỏ anh đã nôn thốc hết những gì trong bụng. Anh ta có thể ngồi thẳng lên một mình. Bên cạnh anh, người vợ trẻ ngồi tựa đầu vào vai anh với vòng tay ôm trọn quần quít. Họ vẫn sống trong an bình và yêu thương.

Khi chị Lêvi và tôi vừa ngồi bệt xuống thì bé Huy-Hoàng đã thức giấc và chúng tôi đùa với nó. Huy-Hoàng và Trâm, con gái của di Bảy, đang nghịch ngợm với mấy hộp nhỏ màu xanh lục, loại đồ ăn đóng hộp của lính Mỹ (MRE). Tiếng cười của hai trẻ thơ đại làm mọi người chung quanh vui lây. Má tôi phát bánh bích-qui và mút hộp lấy từ bịch MRE cho chúng tôi ăn sáng. Ngon thiệt tình. Vua chúa ăn điếm tâm cũng không bằng! Mọi người ngồi quanh thềm thường ngó, nên má tôi cũng ráng ra về không quan tâm lắm. Bà pha ít sữa cho bé Hà. Bé Hà nằm thật gọn trong lòng bà khiến tôi thắc mắc không biết ai đang hạnh phúc hơn ai.

Vì ba tôi là vị sĩ quan mang cấp bậc cao nhất trên tàu, ông triệu tập đám đàn ông lớn tuổi về phía cuối tàu để bàn luận và để quyết định những gì phải làm sắp tới. Sau một lúc ngấn ngủ, ba tôi trở lại và báo cho mọi người biết là tàu sẽ đi về hướng Đảo Côn Sơn. Đảo này nằm cách đất liền của Việt Nam độ chín mươi cây số ngàn. Họ nghe nói Đệ Thất Hạm Đội của Hải quân Hoa Kỳ đang đón người tị nạn ở đó. Ai cũng hớn hở với quyết định này và hy vọng tràn trề là người Mỹ sẽ ra tay cứu vớt chúng tôi.

Tàu quay về hướng Nam và tăng thêm tốc lực. Chị Lêvi và tôi mò về chỗ dành cho chúng tôi. Ngang qua chỗ người sĩ quan và cô vợ trẻ của anh đang ngồi, tôi ngừng nhanh lại để đưa cho họ ít bánh bích qui và mút hộp mà tôi đã giấu trong túi để ăn riêng. Chị đàn bà ngược mắt nhìn tôi, tuy mệt mỏi nhưng vẫn lộ vẻ biết ơn, lặng lẽ gật đầu và mỉm một nụ cười lịch sự.

Xế trưa, chúng tôi thấp thoáng thấy Đảo Côn Sơn đàng xa. Càng đến gần đảo, chúng tôi càng thấy nhiều ghe tàu đủ loại lớn nhỏ dàn thành hàng quanh đảo. Đảo Côn Sơn thật ra là một chuỗi các đảo nhỏ với một đảo chính thật rộng nằm ngay giữa. Người Pháp đã xây một nhà tù lớn trên đảo chính để giam cầm những tù phạm chính trị và những tù hình sự có trọng án. Về sau, chính phủ VNCH đã trưng dụng đảo này và nắm toàn quyền kiểm soát. Đảo có cây cỏ mọc xanh um và phong cảnh tuyệt đẹp. Nó đứng sừng sững thật hùng vĩ ngay giữa lòng đại dương và tuy không có những bờ biển soai soãi cát, nhưng lại có rất nhiều mỏm núi đá. Nói một cách trưng tự, trông nó không khác gì những mỏm núi đá mà ta vẫn thấy ở Vịnh Hạ Long ở miền duyên hải Bắc bộ. Khi trông thấy những đảo nhỏ, mọi người đều vui mừng và phấn khởi. Lần đầu tiên sau một thời gian khá lâu, tôi mới thấy má tôi, di Bảy và mẹ Năm mỉm cười.

Chỉ còn cách đảo độ mười cây số thì một chiến thuyền của Hải Quân Hoa Kỳ chặn chúng tôi lại và bảo phải ngưng máy tàu. Dượng Bảy bảo cậu Năm, người duy nhất trên tàu biết nói tiếng Anh, nói lớn giọng cho mấy người lính Mỹ tàu bên kia nghe để hiểu rằng nếu chúng tôi ngừng máy thì không thể nổ

máy lại được. Cậu Năm lớn giọng chuyển lời của dượng Bảy, nhưng những người lính Mỹ dứt khoát bắt chúng tôi phải ngưng máy ngay tức khắc, súng của họ lăm lăm chia về phía mọi người trên tàu chúng tôi.

Ba tôi bảo viên thuyền trưởng ngừng máy. Chiếc tàu Hải quân Mỹ chạy vòng quanh tàu của chúng tôi và họ ra lệnh cho cậu Năm bảo mọi người trên tàu phải vứt hết súng đạn xuống nước. Tôi chẳng biết họ đã giấu súng, đạn, lựu đạn, súng tiểu liên ở đâu mà khi không, cả một đồng vũ khí bỗng lòi ra và bị vứt cả xuống nước. Chừng như đã thỏa mãn, những người lính Mỹ bảo rằng chúng tôi có thể nhập vào đoàn ghe thuyền đang tập trung gần đảo.

Khi cậu Năm dịch lại lời nói đầy khích lệ ấy, mọi người trên tàu đều mừng rỡ. Tuy nhiên, như dượng Bảy đã tiên liệu, máy tàu chúng tôi không thể nổ trở lại nữa. May mà các thủy thủ trên tàu chiến Mỹ ném cho chúng tôi một dây chèo to tổ bố dùng để cột vào tàu chúng tôi, và họ kéo tàu chúng tôi theo họ tiến về phía quần đảo.

Lúc gần đến đoàn ghe thuyền, ba tôi nhận ra một khu trục hạm của Hải quân VNCH mang số “07” và ra dấu cho cậu Năm, bảo tàu Mỹ kéo chúng tôi đi về phía chiếc khu trục hạm ấy. Họ đã làm theo lời yêu cầu của cậu. Ba tôi quay lại và bảo má tôi rằng chiếc khu trục hạm của Hải quân Việt Nam mang số “07” ấy là do một người bà con của chúng tôi tên là dượng Hưng làm chỉ huy trưởng. Chúng tôi chắc sẽ đỡ khổ hơn nhiều nếu được chuyển qua tàu của dượng Hưng. Má tôi rất cảm kích khi nghe thấy có một người bà con đang hiện diện trong đoàn tàu nên bảo ba tôi cứ đi hỏi thử. Ba tôi, một vị tư lệnh quân đội với nhiều chiến tích, vẫn là người lãnh đạo, nhưng má tôi mới chính là người có thẩm quyền tối hậu cho những việc hệ trọng của gia đình.

Khi tàu chúng tôi đã rà gần khu trục hạm của dượng Hưng, dượng Hưng reo lên mừng rỡ khi gặp ba tôi. Ông ra lệnh cho những người trên tàu thả xuống một khung lưới lớn và họ đã

đỡ chúng tôi vào tàu của dựng. Ông ngo xuống hỏi lớn: “Vợ tôi có đi được với anh không?”

Ba tôi buồn bã lắc đầu. Mặt dựng Hưng bỗng tối sầm lại. Dựng quay mặt qua phía khác một chập và khi dựng quay lại thì mắt ông đã nhòa lệ.

Dựng Hưng và ba tôi có tình thân với nhau còn hơn cả tình bà con thuở còn niên thiếu ở Nha Trang. Cả hai chơi túc cầu ăn rơ với nhau từ nhỏ. Cả hai đều có lý tưởng yêu nước: dựng Hưng trở thành sinh viên của Học Viện Hải Quân Việt Nam trong khi ba tôi đi thụ huấn ở Trường Đào Tạo Sĩ Quan. Cả hai vẫn liên lạc thường xuyên với nhau suốt thời gian tại ngũ. Cũng như ba tôi, dựng Hưng phục vụ rất đặc lực và được giao phó trọng trách chỉ huy trưởng của một chiến thuyền riêng. Đây là một đặc quyền chỉ dành cho những sĩ quan cao cấp của Hải quân Việt Nam Cộng Hòa.

Gia đình dựng dọn từ Nha Trang vào hẳn ở Vũng Tàu, một thành phố du lịch miền biển chỉ ở cách Sài Gòn độ 80 cây số. Khi Sài Gòn thất thủ, vợ Hưng lúc ấy đã có ba đứa con dại, lại còn đang mang bầu được hơn tám tháng. Trước đó, ba má tôi có hỏi vợ cùng di tản với chúng tôi hay không, nếu chúng tôi phải rời Việt Nam, nhưng vợ Hưng đã khước từ. Vợ cảm thấy nếu ở lại thì sẽ an toàn hơn cho cái thai trong bụng và cho cả mấy đứa con còn nhỏ.

Sau khi tất cả đã lên tàu dựng Hưng đầy đủ, ba má tôi mới báo cho dựng biết quyết định của vợ. Dựng oà khóc. Dựng quá đau buồn vì nỗi thương nhớ vợ và đàn con, nhất là đứa bé sắp chào đời mà chắc dựng sẽ không bao giờ thấy mặt. Nỗi đau buồn ấy làm dựng khóc thành tiếng nức nở ngay trước mắt chúng tôi.

Dựng Hưng xa gia đình đã từ nhiều tháng nay vì phải làm công tác chuyển quân và tiếp tế cho tiền tuyến. Dựng rất ít khi liên lạc với gia đình. Khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức, vị Đô Đốc của dựng đã truyền lệnh cho tất cả các tàu thuyền của Hải Quân Việt Nam phải đóng quân tại

Côn Sơn và không được trở về căn cứ. Sài Gòn sụp đổ quá nhanh đến nỗi dương đã không kịp nhắn gọi mẹ và cả gia đình ra đi cùng với dương.

Dương vẫn khóc. Ba má tôi dùng hết lời để an ủi dương, nhưng vô ích. Dương buồn bực đến nỗi chỉ muốn quay về với người vợ đang mang thai và đàn con của dương. Ba tôi phải cắt nghĩa cho dương hiểu về tình hình ở Sài Gòn như thế nào, và những hiểm nguy đang rình rập một sĩ quan cao cấp như dương, một khi dương về lại đất liền ra sao. Ba tôi khuyên dương hãy bình tĩnh trước khi có bất kỳ một quyết định quá nông nổi. Dương lắng nghe ba tôi rồi đi vào buồng dành riêng cho thuyền trưởng và ngồi khóc.

Trong lúc ấy, tất cả chúng tôi đã lên tàu dương Hưng đầu vào đó. Những người trong tàu dương tỏ vẻ rất nể trọng chúng tôi. Biết chúng tôi là bà con của dương Hưng, họ ân cần dọn đồ ăn cho chúng tôi dùng bữa. Họ lại dọn cho ba má tôi một phòng có gắn máy lạnh, loại phòng dành riêng cho những yếu nhân đang thăm viếng và ở lại trên tàu. Phần chúng tôi thì được chỉ chỗ ở, nằm ở những tầng thấp hơn.

Tàu dương Hưng là một trong số rất ít những khu trục hạm được giao quyền điều khiển cho Hải Quân VNCH. Người Mỹ đã đóng những tàu này cho họ. Tàu này rộng mênh mông và có tới ba hoặc bốn tầng. Tầng trên cùng được trang bị súng hạng nặng và hệ thống kiểm soát bằng điện tử. Những tầng dưới dành cho thủy thủ trên tàu, đồ tiếp liệu và đủ loại vũ khí. Tàu dương Hưng có đầy đủ nhân sự chuyên về đi biển, trong đó có hơn 100 binh sĩ TQLC với đủ loại vũ khí và đồ quân dụng.

Sau khi thu xếp phòng ốc đầu vào đó, má tôi nói ba tôi xuống xem dương Hưng ra sao. May mà ba tôi đã làm theo. Ông bắt gặp dương Hưng trong phòng với khẩu súng lục đang dí vào đầu.

Ba tôi van dương hãy bỏ ý định ấy và chọn lấy cái sống. Dương Hưng lắng tai nghe lời khuyên của người bạn tốt của

ông, nhưng ông chán đời quá đỗi. Khi dựng thấy những đứa trẻ chạy nhảy tung tăng, ông liên tưởng đến gia đình mình và không thể cầm được nước mắt.

Chiều đến, Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ truyền lệnh cho cả đoàn tàu lên đường hướng về phía Phi-luật-tân. Khi nghe xong lệnh rời bến, nhiều binh sĩ và thủy thủ trên tàu, vốn không về thăm nhà đã lâu, xin dựng cho phép họ dùng những xuồng cấp cứu để bơi vào đất liền. Biết trước những hiểm nguy đang chờ đợi, dựng Hưng cố thuyết phục họ đừng về, nhưng cuối cùng, có mấy chục người quả quyết muốn về và dựng Hưng đành phải ra lệnh hạ thủy vài chiếc xuồng cấp cứu cho họ.

Buồn thay khi thấy những thủy thủ và binh sĩ dạn dày với binh nghiệp, nay phải rũ sạch quân trang và vận áo quần thường dân. Họ liêu chết vì còn nặng lòng với gia đình, chỉ để quay về một đất nước chẳng còn chút thiết tha gì với họ.

Vừa khi đoàn tàu lên đường đi Phi-luật-tân, dựng Hưng tìm cách nhảy vào một xuồng cấp cứu để đi theo những người trở về, khiến ba tôi, dựng Bảy và cậu Năm phải túm lấy dựng và ghì dựng xuống. Cả bốn người đều khóc. Nhiều người trong chúng tôi cũng rơm rớm nước mắt.

Từ Đảo Côn Sơn đến Subic Bay ở Phi-luật-tân, cuộc hành trình kéo dài ròng rã ba ngày liền trên biển. Suốt chuyến đi, dựng Hưng cho phép bọn con nít chúng tôi tha hồ chạy nhảy khắp nơi trên tàu, ngoại trừ những ổ súng và tầng dành riêng cho binh lính. Từ phòng kiểm soát của thuyền trưởng, ta có thể thấy được nhiều dặm đường biển. Có đến hơn bốn mươi hải thuyền thuộc Hải đội Hoa Kỳ và hàng trăm chiếc thuộc Hải đội VNCH, tàu bè của thường dân và ghe thuyền đủ loại trong đoàn tàu này. Tàu dựng Hưng có võ trang tự vệ nên được xếp đi ngay sau chiếc dẫn đầu. Nhờ thế, chúng tôi tha hồ ngắm nhìn cảnh đại dương bao la trải dài trước mắt cũng như thấy được một hải đoàn thật hùng hậu nối đuôi theo sau.

Mỗi ngày, khi nắng đã lên, sàn tàu nóng như hơi lửa đến nỗi ai đi chân đất có thể bị phỏng gan bàn chân được. Dựng Hưng

bảo thủy thủ đem trái khấp sần những tấm "tăng" nặng, loại của quân đội vẫn dùng, để chúng tôi có thể tha hồ chạy giỡn với nhau, thiệt là đã ! Chúng tôi đuổi nhau chạy tứ tán để rớt cuộc lại chui xuống bóng mát của những chiếc xuồng cấp cứu. Giờ ăn trưa, đầu bếp trên tàu dọn cho chúng tôi những món bún, com, và thịt vò viên. Chúng tôi mặc tình ăn uống, trò chuyện, cười đùa với nhau thả giàn, chả khác gì những khách nhàn du đang nghỉ mát trên những du thuyền đắt tiền. Chiều về, biển lồng lộng gió mang đến một cảm giác hồi sinh trên từng mảng da thớ thịt. Bữa ăn tối lúc nào cũng thế. Chúng tôi vừa hóng gió chiều hiu hiu, vừa ăn thịt, ăn com cho bữa tối, vừa ngắm cảnh chiều tà. Rồi đêm đến, tắt cả các tàu trong hải đoàn bật hết đèn điện làm sáng choang cả một vùng biển, khiến đoàn tàu trông như một đô thị di động.

Tôi thường nằm ngửa trên sàn tàu dưới bầu trời có muôn ngàn vì sao lấp lánh, thắc mắc cho thân phận của những bạn bè tôi đang bị bỏ lại. Là một học sinh giỏi lại vừa là trưởng lớp, các cha luôn nhờ tôi tính điểm và xếp hạng hàng tháng cho mọi người trong lớp; cho nên tôi nhớ tên tất cả các bạn học cùng lớp và mỗi đứa thường được xếp hạng mấy hàng tháng. Tôi cứ áy náy không hiểu các bạn tôi nghĩ gì khi thấy má tôi bắt tôi phải bỏ về giữa chừng. Tôi biết chắc rằng càng ngày càng có các bạn học của tôi bị kéo về và không biết nhà tu còn lại những ai, những người còn lại ắt sẽ vô cùng hoang mang. Tôi ray rức nghĩ đến các cha các thầy của tôi, không biết có ai bỏ ngang các học trò của mình để về giúp gia đình đi trốn.

Tôi cảm thấy nhớ những sinh hoạt đời tu, những buổi nguyện gẫm, những lúc chơi túc cầu, bóng chuyền, những bữa com đạm bạc và những giờ học dài đằng đằng. Tôi cầu nguyện thật nhiều cho các bạn tu của tôi và những người còn kẹt lại, và băn khoăn không biết đến bao giờ thì chúng tôi mới được dịp tái ngộ nhau trong đời.

Rồi tôi mơ tưởng đến nước Mỹ. Tôi đã xem nhiều phim chiếu bóng Mỹ và mừng tượng đến xứ sở của những chàng cao bồi, những sa mạc mênh mông ở miền viễn tây, những ngọn núi phủ đầy tuyết và những bông lúa chín vàng trên những cánh

đồng đang nằm rạp trước gió. Tôi mơ thấy những trái táo đỏ mọng, những thỏi sô-cô-la, kẹo chewinggum, đủ thứ kẹo ngọt và cà-rem thật ngon. Tôi sung sướng thả hồn vào giấc ngủ.

Chúng tôi đến Phi-luật-tân vào một buổi chiều. Nhìn từ xa, những quần đảo này thật là tuyệt vời, nước biển trong sạch như mơ, và những hòn đảo xanh đẹp vô cùng. Chúng tôi thấy những ngư phủ Phi đang đánh cá trên những ghe thuyền bằng ván. Những ghe này có những thanh gỗ chia ra hai bên lườn ghe; ở mỗi bên lườn, những thanh gỗ này được xâu vào một cái phao hoặc một thân cây để giữ cho ghe được thẳng bằng và không bị lật úp.

Đất nước này đẹp quá! Lại rất bình an. Không một dấu tích của chiến tranh.

Phía Hải quân Mỹ ban lệnh cho chúng tôi phải thả neo ở ngoài cảng. Tất cả các binh sĩ VNCH phải nộp hết vũ khí, tháo lon, và phải giao tất cả tàu thuyền cho thủy thủ Mỹ điều khiển. Cảnh tượng thật đau lòng. Tất cả binh lính và sĩ quan phải đứng xếp hàng trật tự như nhau. Từng người một, tất cả phải vứt hết súng đạn và phù hiệu binh chủng, cấp bậc xuống biển. Nhiều người rung rức khóc.

Hải quân Mỹ bấy giờ mới hạ thấp lá cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH xuống, rồi giương cao lá cờ Hoa Kỳ, giữa lúc bài quốc ca của họ được thổi lên. Tôi bắt gặp những khuôn mặt đẫm lệ của những binh lính và sĩ quan VNCH khi họ nhìn lá cờ Mỹ đang phất phới giương lên trên cột cờ. Ba tôi, dưỡng Bảy, cậu Năm đứng sát cánh bên nhau, cả ba người cố ngăn tiếng nấc nghẹn ngào và đưa tay gạt lệ.

Mãi đến khi tàu chúng tôi được phép cập cảng để mọi người đổ xuống bên thì lúc ấy đã hai giờ sáng. Các viên chức Mỹ lừa hết chúng tôi vào một nhà kho lớn, nơi đã có hàng ngàn người Việt tị nạn đang đứng đợi làm thủ tục hành chánh. Có người đi tị nạn, chỉ ra đi với hai tay không; có người mang theo va-li như đi nghỉ mát. Chúng tôi mang theo những túi áo gói khiêm tốn và ai nấy đều đi sát nhau thành từng tốp chặt chẽ hầu tránh bị

lạc.

Mọi người đứng xếp hàng, đợi cho đến lúc gần sáng. Một viên chức Mỹ đóng mộc in cái gì đó lên bàn tay mỗi người chúng tôi và gặp ai cũng chỉ hỏi một câu hỏi. Tuy chẳng hiểu gì, nhưng cậu Năm đã dặn trước với chúng tôi là cứ "Dạ" với họ là xong. Kế đến, chúng tôi đứng qua một bên để xếp hàng thành một hàng mới. Lại một viên chức khác đưa chúng tôi một tờ giấy và bảo phải ký vào đó mà chúng tôi chẳng hiểu mình đã ký cái gì, và đưa cho chúng tôi thêm ít đơn từ để giữ lại. Rồi tất cả lại bị lừa vào một khu vực chờ đợi, nơi đã có hàng chục ngàn người Việt tị nạn đang ngơ ngác đứng ngồi rải rác.

Đến trưa, chúng tôi được lệnh phải ra xếp hàng trước một tàu chuyên tải dầu thô siêu hạng, có tên là "Green Forest." (Rừng Xanh). Tàu Green Forest là một trong những tàu chuyên tải dầu thô lớn nhất vào thời đó. Lòng tàu có hơn sáu tầng và mỗi tầng có diện tích rộng bằng vài sân vận động cộng lại. Dầu thô trong lòng tàu chỉ được gấp rút chùi rửa nên vẫn còn nặng mùi dầu đến phát buồn nôn.

Phải mất hết mấy giờ liền mới đón hết mọi người vào bên trong con tàu khổng lồ. Mỗi gia đình được cấp cho một khoang rộng bằng chiếc chiếu đôi có xác định ranh giới bằng đường băng keo dán trên sàn kim loại nhầy nhựa. Gia đình chúng tôi đông người nên được chia cho hai khoang. Gia đình cậu Năm và dưỡng Bảy ở cạnh, và vì hai nhà cũng đông con không kém gì ba má tôi nên mỗi gia đình cũng được cấp hai khoang trên sàn tàu. Dưỡng Hưng thì nhập bọn với vài người đồng thân khác thành một gia đình. Chúng tôi nằm ngay giữa lòng tàu, không có cửa sổ, sống chen chúc với hàng ngàn người tị nạn khác.

Họ giữ chúng tôi ngồi yên tại khoang vài giờ, trong khi đợi tất cả mọi người lên tàu. Mùi dầu hăng hắc và không khí ngột ngạt làm ai cũng muốn bệnh và mau kiệt sức. Hà và Huy-Hoàng thì cứ khóc oe oe làm mọi người ngồi quanh càng thêm bứt rứt. Má tôi lấy đồ ăn MRE còn sót lại trong mấy túi áo gối và phát cho chúng tôi dùng bữa. Những gia đình bên cạnh thì đành nhịn đói vì không có chuẩn bị.

Tàu dầu này không có nhà vệ sinh ở những tầng dưới. Các viên chức Mỹ đã phải dựng những nhà vệ sinh tạm ghép bằng ván. Những nhà cầu này được treo lơ lửng song song bên mạn tàu, bên ngoài boong tàu và cách mặt nước biển độ chừng hai mươi mét. Để đi lên boong, chúng tôi phải dùng một cầu thang treo làm bằng những thanh gỗ đều nhau. Càng về sau, khi chiếc tàu càng đi xa ra biển, sóng gió và chuyển động lắc lư của con tàu đã khiến mỗi lần đi nhà cầu là cả một cuộc mạo hiểm đầy gian nan. Đối với những người không thích độ cao thì mỗi lần dùng nhà cầu quả là một thử nghiệm hãi hùng.



Tàu chở dầu siêu hạng Green Forest

Tàu dầu Green Forest rời vịnh Subic Bay vào xế chiều hôm ấy. Mọi người trên tàu reo hò rộn rã khi chiếc tàu từ từ rời xa bến cảng. Không ít người đua nhau dùng cầu thang gỗ trèo lên boong tàu để hít thở khí trời. Những người khác thì ùa nhau đến những khe hở giữa các tầng ngó ra biển để hóng gió. Chẳng những là sinh hoạt trên tàu bất tiện, lại thêm sóng gió ba đào trên biển mới khổ. Có những ngày sóng cuộn từng đợt cao đến mười, mười lăm mét, liên tục nhồi con tàu, như ta nhồi một

cái tàu đồ chơi trong bồn tắm vậy. Rồi đến những cơn gió mạnh ào ào kéo đến, trước khi bắt đầu một trận mưa phù phàng. Mỗi khi mưa giông kéo đến, những người ở bên bia, tức là những khoảng khe hở giữa các tầng của con tàu, phải lật đật chạy đi chỗ khác. Nước đọng từng vũng trên những mặt sàn làm sàn tàu trở nên trơn trượt, rất nguy hiểm. Mỗi khi có bão, nhiều người trên tàu say sóng, nôn ọe, đua nhau rên rỉ, ai nấy cũng đều chịu trận như nhau.

Những ngày trời quang đãng, không ít người trong chúng tôi thay phiên nhau lên boong tàu để hưởng khí trời, nhưng lại bị tạt nước ướt mềm. Nước này có khi là nước biển vỗ mạnh vào lườn tàu rồi dội ngược lên, hoặc nước từ những cầu tiêu treo ngang lườn tàu bị xóc ra. Vốn dễ bị say sóng hơn ai hết, tôi bị dập toi tả. Tùy theo điều kiện sóng gió ít nhiều trên biển, tôi phải trèo lên boong tàu vài lần trong ngày chỉ để nôn ọe. Lại một điều là trong lúc tôi bị bầm dập như thế thì các anh chị và các em tôi, ai cũng tỉnh bơ như không.

Cuối cùng thì chiếc Green Forest cũng vào đến đảo Guam. Thật là một ơn trời cho. Trước khi đi, chúng tôi mong được lên tàu nhanh chóng nào thì bây giờ chúng tôi càng muốn xuống tàu lẹ chừng này. Tàu cập bến lần này cũng vào lúc tối. Một lần nữa, phải đợi từ giờ này qua giờ khác mới trút hết hàng ngàn, hàng vạn người Việt tị nạn trên tàu xuống bến. Tôi chưa bao giờ thấy sung sướng khi đi trên mặt đất như lần này.

Đảo Guam là mảnh đất đầu tiên thuộc về lãnh thổ của Mỹ mà chúng tôi đặt chân lên. Rồi lại xếp hàng, nhiều hàng hơn cả trước đây. Tuy nhiên, lần này thì các nhân viên Mỹ tiến hành thủ tục khám sức khỏe sơ khởi cho mọi người. Trong khi tiến hành những thủ tục rườm rà thì ba gia đình chúng tôi bị tách rời ra. Sau đó, họ chất chúng tôi lên những chiếc quân xa, vốn đậu thành đoàn đến hàng trăm chiếc và đang đứng đợi, để được chở vào các trại tị nạn trên đảo.

Những trại tị nạn trên đảo đã được các lính Mỹ vội vàng dựng lên ở tuốt luốt cuối quần đảo. Những trại này có hàng rào nổi mắt xích bao bọc, bên trên có giăng thép gai. Khi xe đỗ chúng

tôi xuống công trại, tôi vẫn thắc mắc không biết những hàng rào kiểu này nhằm mục đích bảo vệ chúng tôi hay để ngăn không cho người biểu tình phản chiến ulla vào.

Khi đã vào trại hãn hòi, tôi thấy có hàng ngàn chiếc lều dựng ngay bên trên nền đất sét đỏ. Bên trong mỗi chiếc lều đã có hàng chục chiếc ghế bố căng sẵn. Mỗi lều chỉ có duy nhất một bóng đèn treo lác lẻo bằng một cọng dây kẽm, thả xuống ngay chính giữa. Cứ một dãy độ một chục chiếc lều như thế thì có hai nhà cầu tạm ở mỗi đầu dãy. Cứ mỗi một trăm lều thì có một hai nhà tắm công cộng, một cho đàn ông và một cho đàn bà. Các quân nhân Mỹ chở nước hằng ngày cho chúng tôi bằng những công xa để chúng tôi dùng vào việc tắm rửa hoặc dùng vào việc ăn uống.

Thật ra thì mỗi chiếc lều được dùng để chứa tối thiểu là hai gia đình, nhưng vì gia đình chúng tôi quá đông nên họ cấp cho ba má tôi hẳn một chiếc. Má tôi òa khóc khi nhân viên người Mỹ chỉ cho thấy chiếc lều của chúng tôi. Chúng tôi ngồi bệt xuống chiếc ghế bố và phẩy quạt tay lia lịa cho bớt oi bức trong khi ba tôi phải ráng hết sức để đỡ dành má tôi.

Mỗi trại tị nạn đều có một nhà đại sảnh dùng nhà ăn công cộng. Nhà "đại sảnh" này chẳng qua cũng chỉ là một chiếc lều lớn mênh mông mà người Mỹ vẫn dùng để nấu nướng và phục vụ nhu cầu ẩm thực. Chúng tôi cũng ngồi trên những băng ghế dài ở nhà ăn công cộng này để dùng bữa. Chưa chi đã thấy mấy trăm người đang xếp thành hàng dài để lấy cơm.

Tôi xin phép ba tôi cho tôi đến nhà ăn này để nghe ngóng. Rồi anh Hưng và tôi chạy ulla ngay đến đây để đứng xếp hàng đợi phân lãnh phần. Đợi được hơn một giờ đồng hồ thì chúng tôi được lãnh mỗi người hai khoanh bánh mì trắng, ít thịt hầm và một lát bánh ngọt làm bằng quả đào. Chúng tôi chạy vội về lều và đưa bằng nấy món cho ba má tôi thấy. Thế rồi mấy chị em gái của tôi, anh Hưng và tôi lại chạy ra nhà ăn để đứng xếp hàng lần nữa.

Sau cơm trưa, tôi tìm thấy nơi phát đồ ăn cho trẻ sơ sinh và tả cho bé Hà và Huy-Hoàng. Tôi rất sung sướng với khám phá này nên không ngại đứng xếp hàng lần nữa để lãnh đồ cho chúng. Má tôi rất vui khi người Mỹ không những đã nuôi chúng tôi, lại còn lo cho trẻ sơ sinh thật chu đáo. Để lãnh bữa ăn tối, mọi người lại bắt đầu xếp hàng từ ba giờ rưỡi chiều. Tôi đứng xếp hàng chờ phiên lần nữa, tái diễn sinh hoạt đã làm lúc trưa để lãnh phần ăn. Tôi cũng xếp hàng đi lãnh những thứ khác suốt cả ngày, lòng thấy vui vui.

Chiều hôm ấy, tôi ra bãi rác và lượm được một xô xách nước có dung tích độ 18 lít. Tôi mang nó ngay đến chỗ phát nước và xin một xô đầy nhóc rồi đem về lều. Má tôi lúc ấy rất cần nước để tắm cho hai em Hà và Huy-Hoàng. Tắm xong, cả hai trông vui nhộn và tươi tỉnh hẳn. Hai đứa nhỏ mặc tả rộng thùng thình nom thật khôi hài, trông như lọt thỏm vào một cái bị rộng quá khổ. Bóng đèn điện duy nhất của lều tự động sáng lên vào lúc 7 giờ tối. Nằm ngủ trên mấy chiếc ghé bố thiết là không thoải mái chút nào, nhưng ít ra là chúng tôi không phải nằm đất hoặc phải hít khói máy. Quá kiệt lực, chúng tôi lăn đùng ra ngủ lúc chín giờ tối. Và ai cũng ngạc nhiên là đảo Guam này không có muỗi.

Sáng hôm sau, ba tôi đi ngay lên Trung tâm Điều hành của trại để đăng ngay một thông báo tìm anh Hùng, may ra tìm được anh nếu anh đi thoát. Rồi ông đi kiếm cậu Năm và dưỡng Bảy cùng với gia đình họ. Ông tìm được gia đình cậu Năm trước ở một trại nằm tuốt dưới một khu vực xa nhất. Cậu Năm đã làm quen với một vài gia đình Việt Nam ở quanh lều của cậu. Khi biết cậu nói giỏi tiếng Anh, họ luôn đến nhờ cậu giúp đỡ mỗi khi cần thông dịch điều gì. Cậu Năm giờ trở thành một nhân vật quan trọng trong trại. Về sau, cậu tình nguyện lên văn phòng điều hành trại và làm việc với các nhân viên người Mỹ để giúp đỡ các đồng bào tị nạn khác.

Trên đường trở về trại, ba tôi gặp di Bảy, dưỡng Bảy và đàn con của họ ở trong một chiếc lều cách lều chúng tôi không xa lắm. Di , dưỡng Bảy mách rằng họ được phát đồ ăn ngon hơn, được phòng tắm vệ sinh hơn, bởi lẽ trại của họ còn thừa người,

chứ không phải lều nào trong trại cũng đều có người ở. Ba tôi rất vui khi thấy nhà nào cũng ổn định, xong xuôi đâu vào đấy.

Điều kiện vệ sinh của trại thật là tệ hết sức. Nhà cầu và phòng tắm nào cũng thô sơ và dơ dáy. Trên đảo lúc nào cũng có bụi cát thổi như quét vào mặt mũi, đồ ăn, áo quần, và chui cả vào lều ở của chúng tôi. Hậu quả là mắt, mũi của tôi và chị Lêvi bỗng nhiên bị nhiễm độc trầm trọng ngay từ lúc vừa bước chân vào trại. Hai chị em tôi phải vào bệnh xá của trại để xin thuốc trụ sinh nhỏ mắt và bị bắt ở riêng, không được chung chạ với những người khác trong gia đình cho đến khi khá hẳn. May mà trong nhà tôi không có ai khác bị lây bệnh. Có điều là trong lúc hai chị em tôi bị cách ly, anh Hưng phải lãnh trách nhiệm một mình đi lấy nước và xin tá cho hai đứa bé. Cho nên, anh mừng rỡ khi thấy bệnh tôi đã thuyên giảm và đã có thể giúp anh đi xách nước về dùng trong nhà.

Một ngày nọ, trong khi xách một xô nước đầy nhóc đi về lều, một quân nhân Mỹ đi cạnh hỏi tôi “Heavy?” và đưa tay ra dấu để diễn tả. Tôi ngỡ ngác không hiểu mô tê gì và đến đêm thì thức trắng, ráng nặn óc để hiểu ý của anh ta. Tôi chỉ biết là tôi chẳng làm gì đụng chạm đến anh, tôi cũng chăm chú không để nước trong xô trào ra một cách phí phạm, nhưng chỉ vì vốn liếng tiếng Anh của tôi chả có bao nhiêu nên không thể hiểu nổi người bạn Mỹ ráng nói với mình điều gì. Những năm học tiếng Pháp trong nhà dòng chẳng được ích gì cho tôi trong hoàn cảnh hiện nay. Sáng hôm sau, tôi hỏi ba tôi chữ “heavy” có nghĩa là gì. Từ đó, tôi mới nghiệm thấy cuộc sống mới ở nước Mỹ chắc chắn sẽ mang lại nhiều thách đố. Vấn đề bất đồng ngôn ngữ mới chỉ là một trong những thách đố ấy.

Gia đình chúng tôi sống ở trại tị nạn trên đảo Guam được hơn một tháng. Trong nhóm ba gia đình chúng tôi cùng đi tị nạn với nhau, gia đình cậu Năm được vào Mỹ định cư trước hết, phần lớn là nhờ cậu biết nói tiếng Anh. Nhờ tình nguyện làm thông dịch viên trong trại, hồ sơ tị nạn của gia đình cậu Năm được cứu xét chỉ trong vòng hai tuần sau khi nhập trại. Cả gia đình cậu rời đảo Guam để chuyển về trại Pendleton ở tiểu bang California. Chẳng bao lâu sau, dì Bảy, dượng Bảy và cả đàn

con cũng được đưa về trại Pendleton. Chúng tôi là những người trong nhóm còn sót lại.

Lòng tôi thật xao xuyến khi tiễn những người anh em họ của tôi rời trại. Dầu vui mừng và hớn hở khi thấy tất cả được đi Mỹ định cư, nhưng chúng tôi cũng thấy lòng dâng lên một nỗi buồn man mác và băn khoăn không biết ngày nào anh em chúng tôi lại có dịp tái ngộ với chúng. Cậu Năm và dì Bảy là những người dễ thương nhất trên cõi đời này. Con cái của cậu và dì rất biết cư xử và ai cũng dễ mến. Những đứa lớn thì đặc lực với việc nhà, trong khi những đứa bé hơn thì luôn lễ độ và ngoan ngoãn. Chúng rất hòa thuận với mấy anh em chúng tôi. Giọng nói của chúng tuy có nặng âm của người Nha Trang, nhưng ngoài ra, chúng cũng như anh em chúng tôi, một lũ con nít ham thích nô đùa, cùng lớn lên trên một quê hương đỏ nát vì chinh chiến.

Cậu mợ Năm, ba má tôi và dì dưỡng Bảy là những bậc cha mẹ trong một đại gia đình đã sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh trong những tháng gần đây. Chúng tôi quen nương tựa vào nhau để hợp lực và nâng đỡ tinh thần cho nhau. Những bậc cha mẹ này đã cùng ra tay che chở cho gia đình họ được an vui và đã dìu dắt nhau đến bến bờ tự do trong yên hàn. Không ai màng phải chịu bất kỳ một hy sinh gì, ngay cả mất mát toàn bộ gia sản và những gì chất chiu được của một đời làm lụng vất vả. Tất cả đã bình thân trước những thách đố và cùng hiệp lực với nhau để chăm lo cho chúng tôi. Má tôi buồn chết được khi chia tay với dì Bảy, người em ruột duy nhất có ràng buộc huyết thống từ quê nhà. Cả hai cứ quần quít bên nhau mãi đến lúc dì Bảy buộc phải lên xe công xa Mỹ để ra phi trường. Vừa vẫy tay chào, má tôi vừa khóc sụt sùi.

Trong thời gian ở trại tị nạn, anh Hưng tôi dạy cho tôi biết bơi ở một bãi biển gần trại. Anh Hưng lớn hơn tôi hai tuổi, và đi tu ở Tu Viện Sao Biển, một chủng viện tọa lạc ngay sát một bãi biển ở Nha Trang, gần nhà dì Bảy. Anh bơi như rái, nhưng cũng rất nhẫn nại để dạy tôi cách làm nổi thân hình trên mặt nước. Ở chủng viện, anh cũng được học tiếng Pháp và tiếng Anh, cho nên anh biết nói chút ít tiếng Anh. Anh Hưng cũng có

tài xã giao, một năng khiếu nổi bật và nhạy hơn tôi rất nhiều. Thế nên, hằng ngày, tôi đi với anh ra bãi và tập bơi, trong khi anh đi làm quen với mấy người bạn Mỹ. Những đứa anh em họ của chúng tôi rời trại cũng khá lâu rồi.

Một chiều nọ, ba tôi báo cho cả nhà biết rằng chúng tôi sẽ được chuyển qua một trại chờ đợi ở Mỹ, nằm trong khuôn viên của căn cứ Không Quân Eglin, tiểu bang Florida. Tôi cũng chẳng biết tại sao chúng tôi lại không được chuyển đi trại Pendleton để chúng tôi được ở cùng với cậu Năm, vợ và gia đình của họ. Dầu vậy, tôi cũng ba chân bốn cẳng chuẩn bị hành trang gấp rút để lên đường sang Mỹ ngay ngày hôm sau.

Tại phi trường, tôi mét ba tôi rằng tôi có thấy một loại máy bán bia thật sự. Dù tỏ vẻ hoài nghi, ông vẫn móc túi ra đưa tôi đồng 25 cent và bảo tôi đi mua cho ông một lon bia lạnh. Trong khoảnh khắc, tôi chạy về và đưa ông một lon "bia". Khoái quá, ông khui lon "bia" và làm ngay một hớp. Rồi ông nhăn cả mặt và đưa trả tôi lon "bia". Ông bảo cái này là "root beer". Tôi nào có hiểu "root" là gì. Ném thử thì nó như là xá xí ở Việt Nam, chứ không phải một loại bia rượu mà ba tôi vẫn ưa uống.

Người Mỹ cho chúng tôi đi máy bay dân dụng Boeing 747. Chuyến bay từ Guam đến Florida chỉ dừng một lần ở Hawaii. Chiếc máy bay khổng lồ này còn hoành tráng hơn tất cả những loại máy bay mà tôi từng đi ở Việt Nam nhập lại. Đồ ăn trên máy bay lại ngon và phục vụ rất đặc lực. Những cô tiếp viên xinh đẹp dọn bữa tối cho chúng tôi món bò kho ăn với khoai tây nghiền và uống nước coca cola. Gia đình tôi ngồi cả một đám với nhau. Các cô tiếp viên lúc nào cũng niềm nở và ân cần tiếp đồ ăn, đồ chơi liên tục cho Huy-Hoàng và Hà.

Giữa chuyến bay, má tôi bảo ba tôi xin cô tiếp viên mấy cái tả cho Hà. Thật buồn cười khi thấy ba tôi ra sức diễn tả điều ông xin bằng cách dùng tay ra hiệu. Tuy có phần ngơ ngác, cô tiếp viên nghe xong vẫn bỏ đi ít phút, chập sau quay trở lại với một hộp đầy tả con nít. Tôi dám cuộc là cô này thế nào cũng được

một trận cười ngặt nghẽo với những cô tiếp viên đằng sau.

Trong lúc máy bay dừng lại tại Hawaii, chúng tôi không được phép ra khỏi khu vực chờ đợi. Nhưng từ trong phi trường, chúng tôi có thể thấy những bãi biển thật đẹp với những hàng cây palm, na ná như những bãi biển ở Nha Trang.

Chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ vào đất Mỹ.

BAN ĐIỀU HÀNH CÁC DOANH TRẠI QUÂN ĐỘI
NHÓM HỖ TRỢ 45, GUAM
FPO SAN FRANCISCO, 96630

AFVG- ONL- CO

23 Tháng Sáu 1975

Lê Công Chính
"Chiến dịch Cuộc Đời Mới"
Căn cứ Hải quân Orote Point
FPO San Francisco 96630

Thưa ông Lê Công Chính,

Nhân cơ hội trại Rainbow ở căn cứ Hải quân Orote Point trên đảo Guam sắp đóng cửa, tôi xin mạn phép được bày tỏ lòng tri ơn của cá nhân tôi đến quý ông vì những giúp đỡ quý báu mà ông đã đóng góp để việc điều hành những công việc thiết yếu trong trại tiến hành một cách khá suông sẻ.

Khả năng tổ chức và duy trì trật tự mà ông đã nỗ lực để điều hành một phân bộ của trại chứa đến 2000 người tị nạn, là yếu tố thiết thực giúp chúng tôi giảm thiểu những khó khăn trong công tác quản trị một cách đáng kể. Những sáng kiến mới mẻ cũng như cách tổ chức ban điều hành của ông đã khiến ông phân phát kịp thời một số lượng khá lớn áo quần và những phẩm vật cứu trợ khác. Những việc làm của ông xuất phát từ lòng hăng say liên tục để cốt lo cho cuộc sống an vui của mọi người, và do đó, trại tị nạn đã trở nên một chặng dừng chân dễ sống hơn cho mọi người trên đường đi định cư ở Hoa Kỳ.

Những mối liên lạc mà ông đã thiết lập giữa những người trong trại và ban điều hành của quân đội đã giúp chúng tôi giải quyết nhanh chóng những vấn đề mà chúng tôi hay gặp phải.

Một lần nữa, tôi muốn nói lên lòng biết ơn của tôi đối với tinh thần hợp tác và hỗ trợ hữu hiệu của ông trong việc thi hành những chi tiết đa đoan của công tác điều hành trại. Nhân thế, tôi xin chúc ông và mỗi thành viên trong gia đình ông luôn

may mắn trong cuộc sống mới mà ông đang tìm đến.

Thành kính,

John D. O' Donohue

Đại Tá, TC

Chỉ Huy Trưởng

Trên đây là lá thư cảm ơn của Đại Tá John O' Donohue gửi ba tôi để cảm ơn ông về những công tác mà ông đã tình nguyện tham gia lúc còn ở Đảo Guam.

The Forgotten Generation

DEPARTMENT OF THE ARMY
HEADQUARTERS, 45TH SUPPORT GROUP, GUAM
FPO SAN FRANCISCO 96630

AFVG-ONL-CO

23 JUN 1975

Le Cong Chinh
"Operation New Life"
Orote Point Naval Station
FPO San Francisco 96630

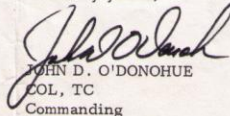
Dear Le Cong Chinh:

On the eve of closing Camp Rainbow at Orote Point, Naval Station, Guam, I would like to express my personal appreciation to you for your invaluable assistance in the smooth accomplishment of essential camp operations. Your skill in organizing and maintaining control over a section of the camp that was populated by as many as 2,000 persons was a prime factor in minimizing the number of administrative difficulties we encountered. Your many innovative ideas and the organization of your staff enabled you to distribute tons of donated clothing and other relief supplies. You continually kept the welfare of the people in mind and as a result of your actions, the camp was a much better place to stop over on the way to the United States.

The channel of communication that you opened between the people in the camp and the military administration, facilitated the timely resolution of many problems that were encountered.

Again, I want to express my appreciation for your co-operation and effective assistance in handling the multifaceted details of camp operations. I would like to take this opportunity to wish you and every member of your family continued good fortune in the new life you are embarking upon.

Sincerely yours,


JOHN D. O'DONOHUE
COL, TC
Commanding

CHƯƠNG NĂM

HOA-KỶ

Trải qua những năm chiến tranh Việt Nam, chính phủ Hoa Kỳ đã tiêu tốn 141 tỉ đô-la và thiệt hại 58.000 nhân mạng. Phía Việt Nam tổn thất hơn 1.000.000 binh lính của cả hai miền Nam Bắc và có đến 2.000.000 thường dân bị thương. Dầu vậy, người Mỹ cũng không thể ngăn chặn được cuộc chiến tàn bạo nhằm thống nhất Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Trong khi ấy, tình hình kinh tế ở nước Mỹ ngày càng tệ hại. Dân Mỹ tại bản xứ ngày càng chứng kiến nạn thất nghiệp gia tăng và đà lạm phát càng lúc càng cao. Tổng Thống Lyndon B. Johnson rút tên khỏi danh sách ứng viên tổng thống nhiệm kỳ thứ hai bởi lẽ đã thất bại trong cuộc giằng xép chiến cuộc. Tổng Thống Gerald Ford đã được thắng cử do những đề xuất khả dĩ hứa hẹn kết thúc chiến tranh Việt Nam một cách nhanh chóng.

Trong năm 1973, ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger và đại diện phái đoàn thương thuyết của Bắc Việt là Lê Đức Thọ đã ký Hiệp Định đình chiến ở Paris. Người Mỹ đã vội vàng gạt bỏ cuộc chiến qua một bên, nhưng giới cầm quyền ở Bắc Việt lại có một ý đồ khác. Chỉ hai năm sau khi ký hiệp định, vào lúc người Mỹ không ngờ, cộng sản Bắc Việt vượt giới tuyến và tiến chiếm Sài Gòn, thủ đô của Miền Nam Việt Nam.

Nói một cách khẳng định là miền Bắc đã chiến thắng. Tuy nhiên, người Mỹ cũng không hẳn là kẻ chiến bại. Hoa Kỳ đã kèm chế thành công chủ nghĩa cộng sản trong một thời gian đủ lâu để những chế độ dân chủ khác ở Đông Nam Á như Thái Lan, Mã lai Á, Nam Dương, Phi luật tân và Singapore có cơ hội nảy mầm và bén rễ.

Dẫu sao đi nữa, cùng với sự sụp đổ của Sài Gòn, người Mỹ bỗng lâm vào một tình trạng khủng hoảng nhân đạo cực lớn. Họ phải di tản hết các nhân viên, cộng sự viên của họ cùng với những viên chức Việt Nam đã cộng tác đặc lực với họ lúc còn tham chiến.

Số người tị nạn Việt Nam đi tìm tự do thực ra lớn hơn nhiều so với con số ước tính ban đầu là 125.000 của người Mỹ. Chỉ vài ngày sau khi Sài Gòn thất thủ đã có đến 200.000 người muốn

đào thoát khỏi Việt Nam, và số người đó vẫn gia tăng. Chính phủ Hoa Kỳ đã vội vàng chuẩn bị những trung tâm tiếp nhận người tị nạn ở Phi luật tân, Đảo Wake và đảo Guam (nơi gia đình tôi đã ở ngay từ những ngày đầu); để rồi không bao lâu sau họ khám phá ra một điều đơn giản là có các trại tị nạn nhỏ này đã không đủ chứa một số lượng quá lớn người tị nạn. Nhưng người Mỹ đã quyết không để tái diễn những sai lầm của thập niên 60 xảy ra. Cuộc khủng hoảng người tị nạn Việt Nam này cũng tương tự như cuộc khủng hoảng Cuba thuở ấy, lúc hàng lớp người tị nạn Cuba lũ lượt kéo về tràn ngập miền nam Florida, tạo nên khủng hoảng thất nghiệp nghiêm trọng và làm cạn kiệt các dịch vụ xã hội ở đây. Lần này, chính phủ Mỹ đã đối phó bằng cách thiết lập ba trung tâm chính để tiếp nhận người tị nạn trải khắp lãnh thổ Hoa Kỳ. Đó là các trại Pendleton ở miền Nam California, trại Fort Chaffee ở Arkansas và căn cứ Không Quân Eglin ở Florida. Ngoài ra họ còn dọn sẵn một trại nhỏ, rất ít người biết đến, ở Indianatown Gap, thuộc tiểu bang Pennsylvania.

Cậu Năm và cả gia đình cậu rời đảo Guam vào một đêm Thứ tư trên một chiếc vận tải cơ C130. Giữa chuyến bay, mọi người được thông báo là họ sẽ được đưa về Pennsylvania, chứ không phải miền Nam California như họ đã đăng ký lúc còn ở đảo Guam. Cậu Năm không còn biết làm sao hơn là phải chấp nhận như một sắp xếp nào đó của định mạng. Trại tị nạn ở Indianatown Gap là một doanh trại cũ của lính để lại từ thời Đệ Nhị Thế Chiến, nhưng được bảo trì khá toàn hảo. Hầu hết những người tị nạn lọt vào trại này đều, nếu không phải là những sĩ quan cao cấp, thì cũng là những yếu nhân của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cùng với gia đình họ.

Chỉ trong vòng một tuần sau khi nhập trại, Hội Sư Huynh Công Giáo Lasan ở Pennsylvania tìm đến anh Dzuy, con lớn nhất của cậu Năm, cũng là một Sư Huynh như họ. Họ liền bảo lãnh anh Dzuy ra khỏi trại. Chưa hết, họ còn ráo riết tìm giúp người bảo trợ cho đại gia đình của cậu. Ba tuần sau, Văn Phòng Hội Sư Huynh Công Giáo đón gia đình cậu ra khỏi trại và dọn cả nhà về tạm trú trong khuôn viên tu viện của họ gần thành phố Saint Louis. Gia đình cậu ở với các sư huynh khoảng một tháng cho

đến khi được một xứ đạo ở St. Louis đứng ra bảo lãnh. Những bản đạo của giáo xứ đã giúp Cậu tìm nhà ở tạm thời, tìm việc làm cho cậu và trường lớp cho các con của cậu.

Đến đầu tháng 8 năm 1975, Cậu Năm và gia đình đã có đủ khả năng dọn vào nhà riêng. Xứ đạo đã bảo lãnh gia đình Cậu Năm, nay lại bỏ tiền ra giúp cậu tiền down payment để mua mái ấm này. St.Louis trở thành nơi dung thân đầu tiên và duy nhất của gia đình Cậu Năm ở đất Mỹ.

Dượng Bảy lúc ấy rất muốn được đưa về trại Eglin ở Florida, nơi có khí hậu ấm áp mà cả nhà đều thích hợp, nhất là đứa con gái út tên Susie của dượng mới sanh được mấy tháng. Tuy nhiên, những viên chức Mỹ phụ trách người tị nạn lại khuyên dượng nên tìm chỗ khác, bởi vì em dượng đã được lựa đem về đó rồi. Họ không muốn có quá nhiều người có liên hệ thân thuộc cứ dây dưa với nhau trong cùng một trại. Họ e ngại người Việt tị nạn sẽ tập trung quá nhiều vào một chỗ. Họ hỏi dượng có muốn đi Indiantown Gap không, và dượng đã ưng thuận.

Dượng Bảy và cả gia đình lưu lại trại Pennsylvania được hai tháng. Chẳng một ai dám đoán hoài đến chuyện bảo lãnh một gia đình có đến 9 đứa con, lại chưa có đứa nào được 18 tuổi như gia đình dượng. Đến một ngày nọ, dượng tình cờ được một dì phước mách cho biết là có một xứ đạo ở Cincinnati, Ohio, có thể giúp dượng. Do sự chỉ dẫn của dì, Dượng Bảy đã liên hệ được với xứ đạo ấy và rốt cuộc cũng thuyết phục được họ đứng ra để bảo lãnh gia đình dượng.

Ngày 15 tháng 8, năm 1975, Dượng Bảy và toàn gia dọn về nhà mới của họ ở Cincinnati, dưới sự bảo lãnh của Giáo Xứ Đức Mẹ Lộ Đức và Thánh Lô-ren-sô. Dân bản đạo đã giúp dượng tìm được một việc làm nhân viên bảo trì, và tìm trường lớp cho các con của dượng. Dượng Bảy hằng say với công

việc, hy sinh tất cả cho con cái, và nhanh chóng trả bút nợ mua nhà. Đến nay thì cả Dượng và Di Bầy vẫn còn sống ở đây.

Trong khi đó, cuộc đời của gia đình tôi trên đất Mỹ không tiến hành suông sẻ như thế. Chiếc Boeing 747 đáp xuống phi trường quốc tế của thành phố Panama vào một sáng tinh sương, nơi đã có vài chiếc xe buýt loại dành chở binh lính đang xếp hàng chờ sẵn. Họ đợi để chở chúng tôi về trại tị nạn nằm trong căn cứ Không quân Eglin, độ ba mươi dặm về phía tây của phi trường. Ngay khi đặt chân xuống phi trường, chúng tôi bị một nhóm người biểu tình đón chào bằng những biểu ngữ tiếng Anh với những hàng chữ như "CÚT ĐI" trong những tiếng gào thét từ phía bên kia hàng rào.

Chúng tôi quả bị bối rối và ngỡ ngàng khi chứng kiến những thái độ trái ngược nhau từ phía người dân Mỹ ngay từ lúc chúng tôi còn chân ướt chân ráo đến xứ sở này. Một mặt, chúng tôi mang ơn họ vì đã rộng tay cứu giúp chúng tôi trốn thoát ách cai trị của chế độ cộng sản. Mặt khác, tôi bị ngỡ ngàng vì thái độ kém thiện chí của dân Mỹ khi phải thi hành một nghĩa cử bác ái lớn lao như thế. Về sau, tôi mới hiểu ra cái mâu thuẫn của xã hội tự do và đầy cá tính này của Mỹ. Đôi khi họ bảo thế mà thật ra không phải thế. Họ nói họ "mừng đón" bạn, nhưng đôi khi lại hàm ý muốn đuổi bạn đi cho khuất mắt.

Chúng tôi bị lừa vào những chiếc xe buýt đang đợi ấy và được chở ngay về trại tị nạn. Trên đường đi, chúng tôi có thể thấy trời tháng sáu ở Florida đẹp rực rỡ. Khí hậu thật dễ chịu, không oi bức như ở Guam hay ở Việt Nam. Những hàng cây thông xanh mướt trồng thẳng tắp dọc hai bên đường. Chúng tôi chạy ngang qua những khu thương xá bên đường và không khỏi trầm trồ về sự giàu có và tinh sạch của những thị trấn nhỏ ở Mỹ. Đường đi khá bằng phẳng và không hề có ổ gà nào. Hình như ai cũng di chuyển bằng xe hơi. Chẳng thấy một chiếc xe gắn máy hoặc một chiếc xích lô nào, cũng chẳng có ai bóp kèn để xin nhường đường. Trông tất cả những sinh hoạt

phổ phòng đều diễn ra rất trật tự và thật nhịp nhàng. Xa xa, những căn nhà mọc hai bên đường trông rất xinh xắn với những bức tường xây bằng gạch đỏ trong cảnh trí sung túc. Và những cảnh vật này chợt làm ta thấy thoáng thoảng đâu đó một cảm giác thật bình dị và êm ả.

Càng về đến công trại thì càng thấy xuất hiện nhiều người biểu tình chống đối. Dầu chẳng có mấy ai trong chúng tôi có thể đọc được tiếng Anh, chúng tôi vẫn có thể đoán biết ý nghĩa hàn học của những tấm biểu ngữ này qua nét mặt của họ. Trại được bao bọc bằng một hàng rào xích có bọc kẽm gai bên trên, và cũng do nơi vẻ mặt đầy căm phẫn của đám đông đang đón chúng tôi ở trước công trại, chúng tôi mới thấy biện pháp an ninh như thế thật chí lý.

Trại này cũng được sắp xếp với những lều bạt tương tự như ở đảo Guam, nhưng có điều là thay vì dựng lều ngay trên nền đất, họ dựng những lều bạt này trên những phản gỗ trôi hẵn bên trên mặt đất. Sau này tôi mới biết mục đích của những phản gỗ này là để ngăn cho lều chúng tôi không bị ngập nước mỗi khi có mưa lũ tràn về những vùng đất thấp như vùng này. Những tàn cây thông cao vút cho chúng tôi bóng mát trong những ngày oi bức; và mỗi khi gió từ đâu lùa về qua những hàng thông này tạo nên những tiếng vi vu êm đềm, càng làm chúng tôi ngạc nhiên và thêm khoan khoái, bởi vì cây thông không mọc ở miền Nam Việt Nam, ngoại trừ vùng Cao Nguyên Trung Phần.

Má tôi giờ đã an tâm vì chúng tôi đã đặt chân vào đất Mỹ. Bà biết chúng tôi sẽ nhanh chóng thích ứng với đời sống mới. Bà tôi coi như đã thoát chết và chắc rằng từ đây tương lai của con cái bà sẽ được bảo đảm trên quê hương còn mới mẻ này. Nhưng bà vẫn lo âu cho anh Hùng tôi và thúc đẩy chúng tôi phải tìm kiếm anh bằng mọi cách. Bà tôi đi thẳng lên lều của ban điều hành trại và đăng ngay bản tin tìm thân nhân trên bảng Thông Tin của trại. Ông còn gởi nhiều lá thư đi những trại tị nạn khác nằm rải rác ở khắp các bang California, Arkansas, và Pennsylvania để hỏi tông tích của anh Hùng. Cả đám anh em chúng tôi cũng đi lùng khắp trại để tìm anh. Dầu


vậy, anh Hùng vẫn bật vô âm tín, ba tôi cũng chẳng nhận được thư trả lời nào cả.

Tuy nhiên, chúng tôi tình cờ gặp lại những bè bạn cũ của gia đình và một số họ hàng. Ba Má tôi sung sướng vì được ở cạnh những người thân quen. Anh Hùng tôi quen một cô bạn và say đắm với cuộc tình vừa chớm, cho nên từ đó tôi không thể lém phếng đi theo anh nữa. Bù lại, tôi nhóm bạn với những người sống trong những lều bên cạnh để chơi bóng chuyền với họ. Chị Lêvi tôi thì trông coi mấy đứa em còn nhỏ và phụ với má tôi sửa lại những áo quần cũ do Hội Từ thiện Công Giáo Hoa Kỳ (USCC) phát tặng. Cũng như cậu Năm tôi đã làm trước đây, ba tôi tình nguyện giúp người Mỹ trong Ban Quản Lý để điều hành trại khiến ông luôn bận rộn, tự thấy mình còn hữu ích và cũng để yêu đời hơn. Cùng lúc ấy, ông lân la với Hội USCC nhằm mục đích tìm người bảo lãnh cả nhà chúng tôi. Nhưng ai mà dám đứng ra bảo lãnh cái gia đình vĩ đại này, bao gồm cả một đạo quân con nít?

Luật lệ của trại hồi đó có ấn định rằng không một ai có thể rời trại nếu không được sự bảo lãnh của một gia đình Mỹ hoặc một tổ chức nào đó khả dĩ chứng tỏ rằng họ có đủ khả năng tài chánh do chính phủ Mỹ đặt ra. Những luật này quả đã làm cho việc bảo lãnh người tị nạn thêm phần khó khăn hơn trong thời buổi kinh tế ngặt nghèo thuở ấy. Nhưng rồi thì những bạn bè và hàng xóm tị nạn trong trại chúng tôi cũng kiếm được người bảo lãnh và từ từ rời trại. Hết ngày này qua ngày khác, chúng tôi chứng kiến từng đoàn người và gia đình họ cuốn gói ra đi, lòng băng khuâng tự hỏi rồi ai sẽ đứng ra bảo lãnh gia đình mình? Càng đến gần mùa bão tố thì nỗi bất rút của chúng tôi ngày càng tăng theo. Những ngày mưa gió vẫn vũ cuối tháng sáu và tháng bảy lại càng làm chúng tôi thêm lo lắng, không biết lều mình có chịu nổi không hay cả trại sẽ bị mưa lũ cuốn sạch.

The Forgotten Generation

DEPARTMENT OF THE AIR FORCE
HEADQUARTERS EGLIN AFB NEW ARRIVAL TASK FORCE
EGLIN AIR FORCE BASE, FLORIDA 32542

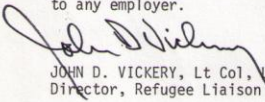



REPLY TO: NATF/RLO
ATTN OF: NATF/RLO
8 August 1975

SUBJECT: Letter of Appreciation

TO: Whom It May Concern

1. Mr. Le Cong Chinh arrived at the New Arrival Task Force Refugee Center, Eglin AFB, Florida, on 25 June 1975 and departed on 8 August 1975. During this period Mr. Chinh worked voluntarily with the Refugee Liaison staff in his assigned section as an interpreter, coordinator, and later as Chief of the Volunteer Vietnamese Council.
2. As Council Chief, he was responsible for organizing activities and work details concerning the health, recreation and welfare of the refugees of the Section. Mr. Chinh exhibited excellent managerial ability and accomplished numerous tasks requested by his Section staff, enthusiastically and efficiently.
3. Mr. Chinh is a dedicated and reliable worker and would be an asset to any employer.


JOHN D. VICKERY, Lt Col, USAF
Director, Refugee Liaison Office



(Trên đây là thư cảm ơn gửi ba tôi của Trung Tá Không quân Hoa Kỳ John Vickery, thuộc căn cứ Không Quân Eglin)

BỘ TƯ LỆNH KHÔNG QUÂN
BAN CHỈ HUY CĂN CỨ KHÔNG QUÂN EGLIN- TOÁN ĐẶC
NHIỆM ĐÓN NGƯỜI MỚI ĐẾN
CĂN CỨ KHÔNG QUÂN EGLIN, FLORIDA 32542

NATF/ RLO

Ngày 8 tháng 8, năm 1975

Thư Cảm ơn,

Kính gửi quý chức hữu quan,

1. Ông Lê Công Chính đã cộng tác với Trung tâm của Toán Đặc Nhiệm Đón Người Tị Nạn Mới Đến, tại Căn cứ Không quân Eglin, Florida từ ngày 25 tháng 6 năm 1975 cho đến ngày 8 tháng 8 năm 1975. Trong thời gian này, Ông Chính đã tình nguyện làm thông dịch viên, điều hợp viên cho Ban Liên lạc Người Tị Nạn của trại và sau đó là Hội Trưởng Hội Thiện Nguyễn Việt Nam.

2. Với chức vụ Hội Trưởng, ông có nhiệm vụ tổ chức và điều hành những chi tiết sinh hoạt của trại bao gồm Y Tế, Giải Trí, và Chăm Lo đời sống cho đồng bào tị nạn của ông trong khu vực. Ông Chính đã chứng tỏ tài quản trị lỗi lạc của ông và hoàn thành nhiều công tác do Ban điều hành khu vực đòi hỏi, một cách nhiệt thành và hiệu quả.

3. Ông Chính là một nhân viên mẫn cán và đáng tin cậy và sẽ là một thành viên đặc lực cho tổ chức nào muốn thu dụng ông.

(Ký tên)

JOHN D. VICKERY, Lt Col , USAF
Director, Refugee Liaison Office

(Trên đây là thư cảm ơn gửi ba tôi của Trung Tá Không quân Hoa Kỳ John Vickery, thuộc căn cứ Không Quân Eglin)

Một ngày nọ, ba tôi xông xộc chạy về từ văn phòng Ban Quản lý trại nơi ông đang làm việc với một lá thư trong tay, ông vừa thở hổn hển, vừa nói :

"Hùng qua được rồi !" ông hét lớn. Hùng đã trốn thoát! Ông ôm cứng má tôi. Cả hai nhảy tung tung khắp lều trong lúc bọn nhóc chúng tôi tròn mắt ngòì ngó.

Hình như, sau khi đợi ở nhà vài ngày mà không thấy chúng tôi quay lại, anh Hùng đã làm theo lời chỉ dẫn của ba tôi và dùng hết số tiền má tôi để lại vào việc tìm đường đào thoát ra khỏi nước. Anh lần mò theo lối đã đưa chúng tôi ra Cảng Sài gòn và nhảy vào một chiếc ghe nào đó trốn ra biển, y như chúng tôi đã làm. Anh được đón vào đảo Wake, rồi sau đó được đưa qua trại tị nạn ở Fort Chaffee, Arkansas. Đó cũng là nơi mà anh đã đọc được bản nhân tin tìm thân nhân của ba tôi ghim lên bảng thông cáo của trại.

Chúng tôi mừng khôn tả. Mọi người ngòì bệt ngay xuống để viết thư cho anh biết là chúng tôi rất mừng khi biết tin anh đã đến được Mỹ, và ai cũng nóng lòng sớm được đoàn tụ với anh. Vui thay khi thấy ba má tôi bỗng trở nên yêu đời sau những mất mát lớn lao trong những tháng ngày vừa qua!

Tuần kế tiếp, ba tôi nhận được thư phúc đáp của Đức Giám Mục Ernest Unterkoefler, đang cai quản Địa Phận Charleston, tiểu bang South Carolina. Giám Mục Ernest đã nhận được thư của ba tôi khẩn cầu ngài đứng ra đề bảo lãnh chúng tôi ra khỏi trại, và cho biết ngài đã nhận lời. Ngài và các bổn đạo của Giáo xứ St. John ở thành phố Bắc Charleston sửa sang lại một căn nhà gỗ nhỏ, tọa lạc tại số 47 nằm trên đường S.John's Avenue bằng một lớp sơn mới và gắn lại hệ thống ống nước. Cả một toán thợ do Ông Joseph P. Griffith miệt mài làm việc mấy ngày liền để chuẩn bị nhà cửa kịp thời. Ông Wolff, chủ một công ty bán đồ trần thiết, tặng chúng tôi giường ngủ. Thực phẩm và áo quần thì do các bổn đạo và dân chúng có lòng hảo

tâm khắp thành phố Charleston đóng góp. Căn nhà đã sẵn sàng để chờ đón chúng tôi.

Ba Má tôi không thể diễn tả hết nỗi hoan hỉ. Chặng kế tiếp : Charleston, tiểu bang South Carolina.

July 12, 1975

Dear Sir

I am a VN Refugee and understand from USCC (U.S. Catholic Church) that South Carolina will accept 10 VN Refugee families.

My family is one of these 10 families. I write to you with the great confidence you will help me and my family to be located in a parish in the city of Charleston and help me to get a job so we can have a good life.

About my family, I attended Seminary 7 years (1943-1950), I enlisted 1951 in the VN Army and I am an officer. I had 24 years in army and my rank was Lieutenant Colonel. I speak English and French.

My family contains 9 people (my wife, 4 daughters and 3 sons). The oldest daughter is 19 years old and attended 1st year university. One boy 16 years

old has 3 years in Seminary and last year he was in classe 11 in Saigon. One boy is 14 years old and also has 3 years in Redemptorist Convent. Both boys hope to have opportunity to continue their education.

I send to you the pictures of every one of my family and one catholic family certificate from our catholic parish in V.N.

I hope you will answer my letter as soon as possible or you will send some body as sponsor to come to Eglin AFB to receive my family to move to your location.

Thank you for your concern
Sincerely

Chue

Trên đây là lá thư ba tôi gửi cho
Đức Giám Mục Ernest Unterkoefler.

Ngày 12 tháng 7 năm 1975

Thưa Đức cha,

Con là một người tị nạn Việt Nam và có nghe Hội USCC bảo rằng tiểu bang South Carolina sẽ nhận bảo lãnh 10 gia đình tị nạn. Gia đình con cũng nằm ở trong số 10 gia đình ấy. Con viết lá thư này với niềm tin lớn lao rằng Đức Cha sẽ giúp gia đình con về sinh sống trong một xứ đạo thuộc thành phố Charleston, cũng như tìm cho con một việc làm để chúng con tạo nên một cuộc sống tốt đẹp.

Nói về gia đình con, con từng đi tu ở Đại chủng viện trong 7 năm (1943- 1950), con nhập ngũ năm 1951 trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và là một sĩ quan. Con phục vụ cho quân đội trong 24 năm trời và mang cấp bậc Trung Tá. Con nói được tiếng Anh và tiếng Pháp.

Gia đình con có 9 người (gồm vợ, 4 đứa con gái và 3 đứa con trai). Đứa con gái lớn nhất nhà nay được 19 tuổi và đã học xong năm thứ nhất ở trường Đại Học. Một đứa con trai 16 tuổi đã theo học 3 năm trong Chủng viện và đã học đến lớp 11 ở Sài Gòn hồi năm ngoái. Một đứa trai 14 tuổi cũng từng học 3 năm trong nhà Đệ Tử Dòng Chúa Cứu Thế. Cả hai con trai con đều mong có cơ hội để được tiếp tục việc học hành.

Con gửi Đức Cha những tấm ảnh của từng người trong gia đình con và một Giấy Chứng Nhận của giáo xứ trước đây của chúng con ở Việt Nam.

Con mong Đức Cha sẽ hồi đáp thư con càng sớm càng tốt hoặc Đức Cha cứ gửi người bảo lãnh đến tận căn cứ Không Quân Eglin này để đón chúng con về nơi của Đức Cha.

Con xin tri ân sự quan tâm của Đức Cha.

Kính thư,

(Ký tên)

The Forgotten Generation

Trên đây là lá thư ba tôi gửi cho Đức Giám Mục Ernest Unterkoefler. Và dưới đây là thư phúc đáp của Ngài:



OFFICE OF THE BISHOP

THE DIOCESE OF CHARLESTON

119 BROAD STREET
CHARLESTON, SOUTH CAROLINA 29401

July 18, 1975

Dear Mr. Chinh:

You were most kind to write to me on July 12, 1975, concerning your wishes to come to South Carolina. I am very interested in your application and am now in contact with the Very Reverend Joseph A. Wahl, the Chairman of our committee on Vietnamese refugees.

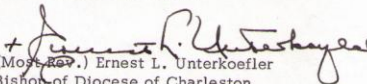
I am inquiring from Father Wahl the list of the families who have shown interest in sponsoring Vietnamese families in South Carolina. I see that your preference is for a place in the City of Charleston. I will do all I possibly can to explore such an opening and promptly I will be in touch with you about the matter.

I am impressed with your description of your family and also of your career. I was most attracted to the pictures of your family. Your family would be a great asset to the Catholic community here in Charleston.

When our Chairman, Father Wahl, communicates with me, I will attempt to do all I can to make it possible for you to come to Charleston; however, as you know, before I can do that, I must have firm commitments from persons who will carry through such a responsibility.

With friendly wishes and a blessing for you and your wonderful family, I remain

Sincerely yours in Christ,


(Most Rev.) Ernest L. Unterkoefler
Bishop of Diocese of Charleston

Mr. Le-Cong-Chinh
Section 1, Tent E 11
Eglin AFB, Florida 32542

*ĐỊA PHẬN CHARLESTON
9 Broad Street,
Charleston, South Carolina 29401*

Ngày 18 tháng 7 năm 1975

Thưa Ông Chính,

Ông đã sốt sắng viết thư cho tôi hôm 12 tháng 7 năm 1975 nhằm bày tỏ ước vọng của ông là được về sinh sống ở South Carolina. Tôi rất phấn khởi khi đọc lá đơn của ông và hiện tôi đang liên lạc với Đức Ông Joseph A. Wahl, chủ tịch Ủy ban đặc trách người Việt tị nạn.

Qua danh sách của Cha Wahl, tôi đang duyệt xét những nhà có hảo ý muốn bảo lãnh các gia đình tị nạn Việt Nam về sống ở South Carolina. Nhận thấy ông ưng về lập nghiệp ở thành phố Charleston, tôi sẽ làm những gì có thể được để tìm một chỗ như thế thật sớm. Tôi sẽ tiếp tục liên lạc với ông về chuyện này.

Tôi xúc động khi nghe ông nói về gia đình và đời binh nghiệp của ông. Bức ảnh gia đình ông đã thu hút tôi nhiều nhất. Gia đình ông nhất định sẽ trở nên một phần tử đáng kể cho cộng đồng Công giáo ở Charleston.

Khi Cha Hội trưởng Wahl liên lạc với tôi, tôi sẽ ráng tìm mọi cách có thể được để đưa gia đình ông về Charleston; tuy nhiên, trước khi có thể thực hiện ý định, tôi phải tìm cho ra những người có đủ quyết tâm nhận lãnh trách nhiệm bảo lãnh này.

Thân chúc ông nhiều điều tốt đẹp và gia đình tuyệt vời của ông được Chúa ban đầy ân sủng.

Thành tâm trong Chúa Ki tô,

*Giám Mục Ernest L. Unterkoefler
Tòa Giám Mục Địa Phận Charleston*

*Ông Lê Công Chính, Khu 1- Lều số E 1, Căn cứ Không Quân
Eglin, Florida 32542*

The Forgotten Generation

CHƯƠNG SÁU

**Charleston,
South Carolina**

Ba tôi bảo rằng: "Charleston lạnh lắm, phải mặc đồ thật ấm mới được". Thế nên, chúng tôi già từ Florida vào một ngày tháng tám nhiệt độ lên đến 100 độ, và bảo nhau trùm đồ len, áo chòang kín mít.

Huy Hoàng và Hà toát mồ hôi nhễ nhại dưới một đồng áo len, đồ khoác. Suốt chuyến bay ngắn độ hai giờ để đến Charleston, má tôi bắt hai đứa phải mặc đồ y nguyên như thế. Cả ba má tôi cũng đổ mồ hôi đầm đìa và liên tục đưa tay lên lau khô trán, nhưng đó ai lau khô nổi những nụ cười đang rộng mở trên khuôn mặt họ?

Chúng tôi đáp xuống phi trường Charleston khoảng giắc trưa. Lần này thì chẳng có ai biểu tình phản đối; trái lại, chỉ có Cha Charles Rowland, bí thư của tòa Giám Mục Địa Phận Charleston, các phóng viên và một nhóm giáo dân đã đến để đón mừng chúng tôi.

Ba tôi bắt tay chào Cha Rowland và những người đến đón. Chúng tôi lẻo đẹo theo sau ông, chẳng biết phải nói gì và nói thế nào với họ. Các máy ảnh thi nhau chớp, chúng tôi cũng lịch sự vừa mỉm cười vừa gật đầu nói "Cám ơn", và không quên lột bỏ hàng lớp áo len lẫn áo khoác trên người. Xứ này cũng thật là nóng!

Cha Rowland dẫn hết chúng tôi vào một xe van và chở tất cả về tổ ấm mới của chúng tôi, cách phi trường khoảng mười lăm phút lái xe. Trong khi đi đường, Cha Rowland cũng ráng nói chuyện vặt vớ ba tôi, nhưng chẳng thấy ba tôi nói gì ngoài hai chữ "Cám ơn".

Charleston, tiểu bang South Carolina, là một thị trấn nhỏ nằm sát bờ biển Đại Tây Dương. Nhà mới của chúng tôi ở vùng ngoại ô của thị trấn, trong một khu vực có tên là Charleston Heights. Khi chúng tôi đến đó thì thời tiết vẫn còn oi bức, nhưng lá trên cây đã bắt đầu ngã màu vàng úa, làm thành một chiếc thảm cầu vồng dệt suốt các đường đi.

S. Vietnamese Family Overwhelmed By Hospitality

By V. OLIVIA BRASHEAR
Staff Reporter

The weather is warm. The location is close to the sea. A hotelkeeper broadcasts an announcement for 19 families to go to South Carolina. And so it began that Lt. Col. Le-Cong-Chinh and his family have made Charleston their home.

The South Vietnamese lieutenant colonel and his wife and seven children arrived here this morning from a refugee camp at Eglin Air Force Base in Florida.

"When I heard the announcement on the loudspeaker at our camp, I got up quickly," Lt. Col. Le-Cong-Chinh said.

He went immediately to the U. S. Catholic Conference office and put his wheels in motion for a new beginning for his wife and family.

The family, which is being sponsored by the Catholic Charities Diocese of Charleston, found there was very little left for them to do since they arrived at their 22, Jeter's Avenue home. Parishioners had already cleaned and furnished the house. They also provided clothing for the family.

"I didn't know for a moment in this case. All we really needed was just a little house and a little food to eat. We came here and we already have everything," Lt. Col. Le-Cong-Chinh commented.

The Vietnamese family left everything behind during their evacuation from Saigon. They were also separated from their 13-year-old son during the evacuation. Lt. Col. Le-Cong-Chinh received a telegram just last week from his son leading him to a refugee camp in Fort Chaffee in Arkansas.

The Rev. Charles Rowland, who has been in charge of receiving the family in Charleston, said Lt. Col. Le-Cong-Chinh will be able to send for his son in the near future.

Lt. Col. Le-Cong-Chinh is looking forward to his new beginning in the United States. "I'm certain no one wants to leave their own home or their fatherland. But if I stayed at home, I would have been killed. I'm just happy to see a way to have life," he said.

When Lt. Col. Le-Cong-Chinh speaks of happiness it immediately becomes contagious. Life for him has been harder than most. He spent most of his youth in the army, and was forced to leave his home and bring nothing.

Lt. Col. Le-Cong-Chinh and his family have been at the Eglin Air Force Base since arriving in America in June. At the air base he worked voluntarily with the Refugee Liaison Staff as an interpreter and coordinator. He was later chief of the Volunteer Vietnamese Council.

After he's settled into his new home Lt. Col. Le-Cong-Chinh will begin the task of job-hunting. He expects that finding work will be difficult, because "for 21 years, from the time I finished school, I have been in the army."

Lt. Col. Le-Cong-Chinh has already more than proven that his army training has been an asset to him. He was cited for his leadership ability for his exercise of administrative and leadership abilities as chief of the Volunteer Vietnamese Council.



Staff Photo by Bill Stewart

Father Rowland Greets Vietnamese Family At Airport

Gia đình tôi được đưa về Charleston, tiểu bang South Carolina

Má tôi bật khóc khi mọi người diu dắt nhau vào căn nhà đơn sơ nằm trên một con đường vắng, ngay sát trường St. John. Trường Công Giáo St. John lại nằm sát mé Căn Cứ Hải Quân Charleston. Căn nhà gỗ, cũ kỹ, xinh xắn xây trên những cục gạch màu xám, được những cây sồi vĩ đại bao quanh và nằm khuất sau con đường chính. Nhà mới được tân trang, đèn nổi vẫn còn nặc mùi sơn. Đã có đồ ăn bày sẵn trong tủ lạnh và ít áo quần treo trong các tủ áo. Nhà được bày biện đầy đủ các giường, tủ, bàn, ghế, nhưng đáng kể nhất là có một máy lạnh nhỏ vắt ngang cửa sổ và có cả vòi nước nóng.

Căn nhà đơn sơ này nhất định chẳng phải là một lâu đài cao ốc với những chùm đèn treo lộng lẫy và những đồ bày biện xa hoa mà má tôi từng có ở Việt Nam, nhưng dầu sao, nó vẫn là một tổ ấm ngàn lần tốt hơn những lều bạt tạm bợ ở các trại tị nạn.

Ba tôi cứ bắt tay Cha Rowland nhiều lần và mãi nói "Cám ơn" lúc chúng tôi ngồi xuống ghế sofa và lần lượt lột từng lớp áo ấm trên người. Các Di phước ở Trường St. John, Di Carol và Di Sharon, cũng có mặt ở đây để rước chúng tôi vào nhà và chỉ cho chúng tôi cách xử dụng các đồ điện khí trong nhà. Các Di nói năng chậm rãi với má tôi và chị Lêvi, nhưng chắc chẳng ai để ý nghe, hoặc nếu có đi nữa thì cũng chẳng ai hiểu họ nói cái gì.

Căn nhà này là tài sản của bốn đạo thuộc giáo xứ St. John, vốn trước đây là một thư viện tạm thời của trường Tiểu trung học Công Giáo St. John ở bên cạnh. Nhà có ba phòng ngủ nhỏ, một phòng tắm, một nhà bếp bé tí teo nối liền với cửa hậu, một phòng ăn và phòng khách khiêm tốn. Ba má tôi chọn một buồng ngủ nhỏ để nhường buồng lớn nhất cho ba đứa con gái, buồng ngủ nhỏ nhất nhà nằm ngay chính giữa được dành cho hai bé Huy Hoàng và Hà. Vì căn nhà nhỏ quá so với đại gia đình chúng tôi, giáo xứ đã cho phép chúng tôi trưng dụng luôn cả một gian nhà nhỏ ở sát cạnh, vốn vẫn được dùng làm nơi hội họp của giáo xứ. Gian nhà này đã được dùng làm phòng ngủ chung cho cả mấy anh em trai chúng tôi.

Trường St. John là trường tư thục Công Giáo có non hai trăm học sinh theo học. Dì Carol và thêm năm Dì phước khác phụ trách việc điều hành sinh hoạt trường. Khác với các Dì phước ở Việt Nam, Dì Carol và các Dì ở đây đều mặc thường phục. Các Dì cắt tóc ngắn và ai cũng đeo một tượng thánh giá nhỏ, ngoài ra, khó ai biết được họ là các Dì phước Công Giáo. Các Dì phước ở xứ này hiền hòa và dễ thương hơn các Dì ở Việt Nam nhiều!

Vị linh mục chánh xứ của Họ Đạo St. John là cha Joseph Tabone cũng đến thăm chúng tôi. Cha Tabone là một người đàn ông nhỏ thó có giọng nói nặng âm của người gốc Âu Châu. Cha hay ngâm ổng píp và khuôn mặt lúc nào cũng có vẻ như sắp cười. Nghe ba tôi bảo rằng anh Hưng và tôi từng học trong trường tu ở Việt Nam, cha bỏ tên chúng tôi ngay vào danh sách các chú giúp lễ cho nhà thờ. Nhà thờ St. John nhỏ lắm, chứa không đến 120 giáo dân, nhưng là một nơi thờ tự trang nghiêm và long trọng. Nhà thờ họ đạo nối liền với nhà xứ, nơi cha Tabone cư ngụ và có một phòng khánh tiết ở phía bên kia để hội họp. Trước nhà thờ là một bãi đất trống dùng làm nơi đậu xe.

Mãi đến khi khách đến thăm và các ân nhân đã ra về, ba má tôi cũng đã kiệt sức. Thực tế thật đã hiển nhiên: chúng tôi không có tiền, không việc làm, cũng không nói được tiếng Anh. VẬY mà chưa chi chúng tôi đã mang nặng ơn nghĩa với người dân ở

xứ đạo St. John này. Má tôi lại khóc. Không biết bà khóc vì tủi thân hoặc đó là những giọt lệ mừng vì chúng tôi vẫn còn sống sau khi trốn khỏi Việt Nam và vẫn yên hàn sau những tháng ngày lẩn lóc ở các trại tị nạn? Nhưng tôi nhận thức rất rõ về nỗi băn khoăn của cả ba má tôi về vấn nạn phải làm gì để sống và để nuôi đàn con khôn lớn ở quê hương mới gọi là Mỹ quốc này.

Chủ nhật đầu tiên, Cha Tabone giới thiệu chúng tôi đến giáo dân trong thánh lễ. Chúng tôi đứng thẳng người lên ở hàng ghế đầu, quay mặt về phía giáo dân và cúi đầu chào tất cả. Cả nhà thờ vỗ tay mừng. Sau thánh lễ, họ đến chào chúng tôi, chúng tôi cũng mỉm cười lịch sự và cứ gật gật đầu mà kỳ thực là chẳng hiểu họ đã nói với mình những gì.

Ít ngày sau, có vài giáo dân đến tận nhà chúng tôi và cho tiền, thực phẩm, áo quần, đồ chơi, xe đạp, bàn ghế cũ và có người còn cho cả súng đồ chơi BB. Theo lời yêu cầu của cha Tabone, chủ nhân của một tiệm làm đồ mộc đã gọi ba tôi vào làm việc và ba tôi mừng rỡ nhận lời. Ngay hôm sau, ba tôi đứng đợi ở góc đường trước mặt nhà lúc bảy giờ sáng. Một chiếc truck hiệu Chevy đỗ lại và đón ông rất đúng giờ. Ba tôi háng hái nhảy phốc lên thùng xe đằng sau, tươi cười vẫy tay chào chúng tôi trong lúc cả nhà ngồi trông theo. Công việc bung dọn và đi giao hàng quả rất nặng nhọc với ba tôi, vì ông vừa bé con lại vừa gầy ốm, nhưng được trả lương \$2.10 một giờ, mà nhà tôi thì đang cần tiền.

Tuần kế tiếp, một ngác nhiên lớn xây đến cho chúng tôi. Đức Cha Ernest đã chấp thuận lời yêu cầu của ba tôi và bảo lãnh cho anh Hùng ra khỏi trại tị nạn Fort Chafee. Cuối cùng thì anh cũng về sum họp với gia đình dưới mái nhà mới ở Charleston. Khi Cha Rowland vừa bước vào nhà, theo sau là anh Hùng đang bén gót, má tôi nhảy xổ vào ôm chầm lấy anh. Bà ôm chặt lấy anh một hồi khá lâu và cứ mãi xin lỗi anh vì đã bắt anh ở lại giữ nhà trong buổi chiều định mạng ấy. Mắt bà tuôn những giọt lệ sung sướng. Ba tôi cứ vỗ vỗ lên lưng anh và chúng tôi thì vây quanh anh, nhao nhao hỏi anh làm thế nào anh đã đào thoát khỏi Sài Gòn.

Anh kể nhiều mẩu chuyện về cuộc đào thoát của anh ra khỏi Việt Nam ra sao, tàu anh cập vào đảo Wake thế nào, và rốt cuộc anh cũng được đưa qua trại tị nạn ở tiểu bang Arkansas, nơi anh đọc được mẩu tin nhắn của ba tôi. Cả ba má tôi đều vô cùng tri ân Đức Cha về nghĩa cử ngài đã mang anh Hùng về đoàn tụ với gia đình chúng tôi.

Một giáo dân trong xứ đạo, vốn rất thành thạo với hệ thống trợ cấp xã hội của Mỹ, đã giúp chúng tôi điền các đơn từ và giấy tờ để xin Phiếu Chân Cấp Thực Phẩm. Những phiếu này đã cứu vãn ngân sách gia đình chúng tôi rất nhiều.

Một ngày kia, chúng tôi đi chợ Winn-Dixie để mua ít đồ. Thường thì chúng tôi chỉ mua những món rẻ nhất vì không có nhiều tiền trong túi. Tôi thả dọc xuống một dãy kệ bày hàng và bắt gặp vài lon thịt nấu đóng hộp, có cả thịt bò và thịt gà. Trên mỗi hộp đều có đóng nhãn in hàng chữ: "Thức ăn thịt ngon lành". Chúng tôi thích ý quá nên mua về một mớ đầy giỏ.

Má tôi ráng trở tài nấu ăn để chế biến món thịt hộp này, nhưng ăn vào nó cứ làm sao sao ấy! Thế rồi ai nấy cũng lăm bằm rằng người Mỹ ăn uống kiểu gì mà quái gỡ thế!

Về sau, một bà cũng ở trong xứ đạo tình cờ ghé thăm để biết sinh hoạt gia đình tôi như thế nào, bà bắt gặp những hộp thịt ấy và hỏi nhà chúng tôi có chó mà sao bà không thấy. "Chúng tôi đâu có nuôi chó", câu trả lời của chúng tôi đã khiến bà phá ra cười sặc sụa. Thì ra, những lon thịt đóng hộp ấy là đồ ăn của chó do công ty Alpo sản xuất. Chúng tôi cũng cười theo, nhưng thật ra thì chả thấy gì đáng vui để mà cười. Sau hôm ấy, các Di phước mới chịu bỏ thì giờ ra để dạy tiếng Anh cho cả nhà.

Cũng cùng thời gian ấy, chúng tôi vừa làm việc, vừa tiếp tục học. Những người trong xứ đạo đã nghe chuyện anh Hùng và có người kêu anh đi làm trong một tiệm tạp hóa tên là "*Red and White*". Công việc của anh là chất hàng lên kệ để bày bán, với tiền lương là \$1.80 một giờ. Anh Hùng chịu khó lắm. Mỗi

ngày, anh chạy xe đạp băng qua hai xa lộ lớn và một chiếc cầu để đến chỗ làm, dù nắng hay mưa cũng thế. Đêm đến, anh theo học ở một trường Huấn Nghệ gần đó.

Chị lớn nhất nhà tôi là chị Lêvi, từng là sinh viên xuất sắc đã học xong năm dự bị y khoa ở Đại Học Sài Gòn, tìm được một chỗ làm vú nuôi cho một cặp vợ chồng giàu có ở downtown thành phố Charleston. Cặp vợ chồng tử tế này đã khuyến khích chị tiếp tục việc học, nên chị đã ghi tên theo học năm dự bị y khoa tại trường Cao Đẳng Charleston. Chị chỉ về nhà vào những dịp cuối tuần.

Anh Hưng tôi theo học ở trường Trung học Bishop England, gần downtown Charleston. Đây là một trường tư thục Công Giáo, nơi có khá đông đảo con em của những gia đình giàu có theo học, nhưng Đức Cha Ernest gợi gắm cho anh được học miễn phí. Mỗi buổi sáng, anh đứng chàng mào ở khúc quanh đầu ngõ, rồi có mấy đứa học trò cùng ở trong xứ cho anh đi quá giang đến trường. Tan trường, anh đi xe buýt thẳng đến tiệm Piggly-Wiggly, nơi anh làm việc cũng ở gần downtown. Anh làm việc cho đến khi tiệm đóng cửa thì anh lại nhảy lên một xe buýt khác để về nhà ở Charleston Heights, lúc trời đã rất khuya. Anh Hưng nói tiếng Anh khá lắm và rất siêng năng làm việc. Anh làm việc bảy ngày trong một tuần. Chẳng bao lâu sau, anh được đưa lên đứng quầy tính tiền. Đồng thời, anh vẫn giữ liên lạc với cô bạn gái người Việt của anh, lúc ấy đã rời trại tị nạn và về sinh sống ở Pensacola, Florida.

Phần tôi, mặc dù đã học hết lớp tám ở trường An-Phong, ba má tôi vẫn khuyên tôi nên học lại lớp tám tại trường St. John để học thêm tiếng Anh. Sau này tôi mới biết là ba má tôi đã không muốn thêm gánh nặng cho Đức Cha vì tiền học phí mắc mỏ mà Đức Cha có thể sẽ phải trả, nếu cả hai anh em tôi theo học ở trường Trung Học Bishop England cùng một lúc. Vì vậy, tôi ghi danh học lại lớp tám, em gái tôi tên Huyền học lớp bảy, đứa em gái kế tên Huyền (Tí) vào học lớp năm ở Trường St. John. Giáo xứ cho chúng tôi đi học miễn phí, bù lại, mỗi ngày sau khi tan trường, tôi và em Huyền phụ trách việc lau

dọn trường. Các Di phước rất hài lòng với công việc của anh em tôi nên đưa trả ba má tôi \$200 mỗi tháng.

Mấy anh chị em chúng tôi làm việc rất cần cù và gom chung tất cả tiền kiếm được rồi đưa hết cho ba má chúng tôi. Má tôi thỉnh thoảng vẫn khóc ròng vì quá bận rộn với việc nấu nướng và chăm sóc cho cả đàn con tám đứa. Hồi còn ở Việt Nam trước đây, bà từng nuôi mấy người ở đợ đặng lo việc nấu nướng, trông coi con nít và làm nhiều việc linh tinh trong nhà; vì vậy, giờ đây phải đơn thân lo hết việc nội trợ cho cả nhà thì đối với bà quả là một nỗ lực phi thường mà bà phải cam chịu mỗi ngày. Thuở đó chúng tôi chưa sắm được xe hơi, cho nên các Di phước thỉnh thoảng vẫn chở ba má tôi đi chợ mua thực phẩm cũng như đồ gia dụng. Nếu không, chúng tôi phải xếp thành một hàng dài đi bộ thẳng đến tiệm Winn- Dixie nằm cách nhà khoảng năm cây số để đi chợ.

Một ngày vào mùa đông đầu tiên, căn nhà chúng tôi đang ở lạnh lẽo quá. Bé Hà đã được chùng một tuổi và hôm ấy bỗng lên cơn sốt. Má tôi xoa dầu cù là khắp người và cho nó uống aspirin, nhưng cơn sốt vẫn không giảm. Càng lúc em càng sốt hơn làm cả nhà lo lắng lên. Ba tôi và tôi đi vội ra tiệm thuốc tây Eckerd, ngay bên cạnh tiệm Winn-Dixie vào lúc khá khuya và tiệm đang sắp đóng cửa. Ba tôi ra sức cất nghĩa cho người bán hàng biết ông đang cần gì, nhưng vì vốn liếng chữ nghĩa của ông quá thiếu thốn nên người bán hàng đâm ra bực bội, đối xử với cha con tôi như phường phá phách và chỉ muốn đuổi chúng tôi xéo đi cho khuất mắt.

Ba tôi năm ấy đã bốn mươi lăm tuổi, từng chỉ huy hàng ngàn binh lính dưới quyền, lúc ấy chỉ chực trào nước mắt vì phải tìm cách diễn đạt ý muốn cứu sống đứa con gái của ông, nhưng chẳng biết nói sao nên đành đứng câm lặng. Ông muốn mua thuốc điều trị cơn sốt của Hà, chỉ có thế. Một bà lão đi ngang và dừng lại để nghe chuyện. Không hiểu nhờ đâu mà bà hiểu được ý chúng tôi và bảo người bán hàng kiểm đúng thứ thuốc mà chúng tôi đang muốn mua. Ba tôi móc tiền trả rồi hai cha con lặng lẽ ra về. Tôi biết ông đang thầm tạ ơn Chúa, vì Ngài đã gọi một thiên thần đến để giải cứu cho ông.

Một thời gian sau đó không lâu, ba tôi mua được chiếc xe đầu tiên. Đó là một chiếc Plymouth Alliance cũ rích với giá \$200. Chiếc xe tàn tạ đến nỗi toàn bộ giàn động bị hoen rỉ và bên trong thì chỉ còn ghế ngồi của tài xế. Cốp xe thông với lòng xe nên chúng tôi trải một miếng ván ép lên sàn xe, cho miếng ván chạy từ khoảng ghế cạnh tài xế trải liền ra sàn xe ở hàng ghế đằng sau. Trên miếng ván ép, chúng tôi trải một cái mền để ngăn không cho bụi lọt vào khi xe phải chạy trên đường đất. Giá xăng lúc ấy chỉ có 29 cent một gallon và chiếc xe quả đã là vị cứu tinh của gia đình chúng tôi. Chúng tôi không phải đi bộ đến chợ trong những ngày trời lạnh nữa. Ba tôi cũng không còn đứng dưới trời lạnh lẽo để đợi chiếc xe truck màu trắng đến đón ông đi làm hằng ngày như trước kia, vì ông đã có thể tự lái xe riêng để đi làm.

Với đồng lương ba tôi kiếm được là \$2.10 một giờ, gia đình gồm mười người chúng tôi sống vô cùng chật vật. Chúng tôi làm cật lực và phải tiện tặn từng xu một. Mỗi cuối tuần thường có vài giáo dân đến kêu tôi đi phụ họ làm vườn. Sau khi cắt cỏ, tỉa vén các rìa mép bãi cỏ và nhặt hết cỏ dại trong vườn hoa, họ cho tôi 5 đôla và đôi khi một lon nước Coca. Tôi thường nuốt ực lon coke và khi về đến nhà, tôi đưa má tôi hết cả năm đô vừa kiếm được. Các anh chị em tôi cũng làm y như thế. Chúng tôi giao tiền hết cho bà, kể cả tiền tip lẻ.

Chúng tôi nghèo thật, nhưng má tôi lúc nào cũng cho chúng tôi ăn no bụng. Đồ ăn thường chẳng phải cao lương mỹ vị, và chúng tôi ăn rất nhiều cá và thịt gà. Có lần, Di Carol chở má tôi đi chợ ở một siêu thị. Má tôi với lấy một khay thịt bò bíp-têch lên coi, chỉ vì tò mò muốn biết giá cả bao nhiêu, rồi bà khế đặt nó về chỗ cũ. Di Carol bắt gặp và nhất quyết muốn mua khay thịt ấy biểu chúng tôi.

Lòng từ tâm và biết bao nghĩa cử mà các Di đã làm cho chúng tôi sẽ luôn in sâu vào ký ức mọi người. Chúng tôi quên thế nào được những công ơn của Giám Mục Địa phận Charleston, Đức Cha Ernest Unterkoefler và những sự giúp đỡ của biết bao nhiêu người tốt bụng ở địa phận này.

Đức Cha Ernest, chúng tôi vẫn gọi người đàn ông khổng lồ hiền lành này như thế, đã điều động các giáo dân của ngài, bảo lãnh chúng tôi với cả tâm lòng rộng mở. Chính Ngài và địa phận ngài trông coi đã thanh toán các hóa đơn tiền điện, khí đốt, nước dùng, điện thoại, và cả học phí cho chúng tôi nữa. Họ nâng đỡ chúng tôi tận tình và vô điều kiện. Những ân tình và sự tử tế của họ là những bài học vô giá cho chúng tôi biết về lòng quảng đại của người Mỹ.

Một hồng ân nữa là nhà chúng tôi ở ngay bên cạnh nhà thờ St. John. Chúa hằng hiện hữu trong đời sống hằng ngày của gia đình chúng tôi, từ hồi còn ở Việt Nam và ngay cả bây giờ ở xứ Mỹ. Hễ thuận tiện là chúng tôi đi lễ, nhưng riêng tôi thì tự ý quyết tâm phải đi lễ hàng ngày vào lúc 7 giờ tối. Đó là cũng là một cách làm tôi hồi tưởng một cuộc sống tu hành năm xưa, đồng thời tìm thấy bình an cho chính mình. Tôi vào nhóm giúp lễ và cứ mỗi thứ bảy, tôi cắt cỏ và cẩn thận tỉa những mép rìa sân cỏ để nhà thờ trông được đẹp mắt hơn cho những sinh hoạt cuối tuần của giáo xứ. Hội Thiếu Niên Công Giáo có mời tôi vào sinh hoạt với họ, nhưng tôi nói tiếng Anh kém quá nên đành chịu, không dám nhận lời.

Một tuần ba lần, mấy chị em gái trong nhà và tôi cùng đi xe buýt lên Trường Cao đẳng Cộng Đồng để học thêm tiếng Anh-chương trình ESL- mà lớp học chỉ toàn người ngoại quốc. Tiếng Anh là một ngôn ngữ khó nuốt, nhưng chúng tôi dứt khoát phải theo học để còn đuổi kịp với các bạn học cùng lớp. Phải nói là mấy chị em gái của tôi học tiếng Anh nhanh hơn và dễ dàng hơn tôi rất nhiều.

Một hôm, má tôi đi chợ K-Mart mua về một tivi RCA trắng đen, màn ảnh rộng 13 inch, và đây mới chính là động lực khiến chúng tôi học tiếng Anh nhanh hơn trước. Bọn con nít chúng tôi thường xem những phim truyện nhiều tập như *Donny and Marie*, *Happy Days* và *Wild Wild West*. Tôi thích nhất là bộ phim truyện *Star Trek*, má tôi thì ưa xem đấu vật *Wrestling*. Mấy anh lớn tôi thì bận đến nỗi không thể xem tivi được nên vẫn thích nghe nhạc của mấy ban nhạc như *Eagles* và *Rolling*

Stones.

Ngay trong mùa đông đầu tiên, ba tôi đã kiếm được một việc làm trả lương cao hơn. Ban Xử Lý Phế Phẩm Rắn, thuộc Phân Bộ Dịch Vụ Công Ích nằm ở vùng ngoại ô, lúc ấy đang cần một người phụ trách phân loại phế phẩm và họ chịu trả lương \$2.44 một giờ. Việc này chẳng cần mấy tiếng Anh nên ba tôi thảy đơn vào xin làm và được mượn ngay. Nhiệm vụ của ông là phân loại rác từ những đồng rác đã đổ trên bãi do các xe truck gom từ nhà dân chúng chở về. Nơi làm việc của ông rất là hôi hám, và khâu nhập hàng nơi ông đứng phía cuối đường dây chuyền tải rác thì thật là gớm guốc. Mỗi lần về nhà sau một ngày làm việc, ông đi thẳng vào phòng tắm để tắm gội sạch sẽ trước bữa ăn, nếu không thì chẳng ai có thể nuốt nổi miếng cơm vì mùi hôi tanh từ áo quần ông bốc ra. Nhưng đó chính là Ba tôi. Ông không ngại hy sinh để cho đời chúng tôi được vươn lên.

Một sáng nọ, Dan Rather, một ký giả lão thành chuyên ngồi đọc tin cho đài truyền hình CBS, bỗng xuất hiện trước cửa với toán chuyên viên thu hình để làm một phóng sự về ba tôi. Ông ta gọi phóng sự ấy là "*Cựu Trung Tá VNCH trở thành phu dọn rác ở đất Mỹ.*"



Le-Cong-Chinh

(Photo by Jackson)

Former Colonel Grateful For Trash-Sorting Job

By SARA DILLERY

Lt. Col. Le-Cong-Chinh, a former regional commander for the South Vietnamese Army, is now sorting trash for Charleston County.

For eight hours a day at \$2.44 an hour, he stands by a conveyor belt piled high with trash of all shapes, sizes and smells, and extracts large pieces of metal which cannot be processed.

Le-Cong-Chinh, who had seven years of seminary training and served in the army for 26 years, is grateful for his job. He says his salary is high by Vietnamese standards.

He admits to being bored and describes his working environment as "noisy, smelly and dusty." He maintains a cheerful attitude, however.

"It's not so bad," he said. "If I see good magazine, I pick it up." His English is good, but he speaks with a strong accent. He speaks French fluently and, of course, Vietnamese.

No trace of his harrowing life can be found in his appearance. He looks much younger than his 44 years and laughs easily. His eyes twinkle.

Talking to him, it is hard to realize this is the first time in his life he has lived out of the shadow of war.

When asked how he and his family like the United States, he answered, "We are very happy. We can get good sleep at night."

Le-Cong-Chinh's trip from Vietnam to South Carolina was a long and dangerous one.

When he heard on the radio that communists had begun to occupy his province, he put his wife and eight children on a small boat and guided the craft through occupied territory at night.

When he reached the ocean, a larger boat picked them up. They changed hosts in the ocean again, this time to a U.S. Navy ship which carried them and several thousand others to Guam.

At the refugee camp in Guam, Le-Cong-Chinh was put in charge of 2,000 refugees. He received a citation from the U.S. Navy for his work.

From Guam, he and his family flew on "a very big and beautiful" airplane to Eglin Air Force Base, Fla. He then wrote to the Catholic Charities Diocese of Charleston for a sponsor.

The Rev. Charles Rowland of St. John's Parish in Charleston Heights brought Le-Cong-Chinh and his family to their house at 147 St. John's Ave.

"Everything we have is from the church — our uniform (clothes), our house, our furniture," Le-Cong-Chinh said.

His children, except the two youngest, are either in school or working. They are all learning English.

Le-Cong-Chinh finds the way of life in the U.S. considerably different than in Vietnam.

"In Vietnam, the street is all the time full of people and there are not so many houses and cars. In the U.S. there is no one in the street. They are all in the house or in the car," he said.

Then he laughed, seeming to consider it a huge joke. "You never see each other!"

Le-Cong-Chinh and his family are hanging on to their Vietnamese culture. They speak Vietnamese at home and eat traditional food. They chose to come to South Carolina because it most closely resembled their native province.

Most of his friends and family have left Vietnam or have been killed. He has received one letter from an uncle since he left.

"There are many assassinations and not enough rice," Le-Cong-Chinh said. "Any place with communists is a bad place to be."

The communists are very, very bad. I wish I had the words in English to say more."

CHARLESTON, S.C., MONDAY, NOVEMBER 17, 1975

Từ Chỉ Huy Trưởng đến phu dọn rác

Họ quay phim cảnh căn nhà nhỏ trong lúc cả nhà đang ăn sáng trước khi chúng tôi đi học. Rồi họ chạy theo chiếc xe cà tàng của ba tôi vào tận nơi làm việc. Họ thu toàn cảnh ba tôi đang đứng phân loại những đồ phế thải đã thổi rửa. Chỉ có thể mà đã quá sức chịu đựng của họ, đến nỗi toàn quay phim phải dừng lại mấy bận để chạy ra ngoài tìm chỗ nôn mửa. Trên phần tin tức phát hình lúc 5 giờ chiều ngày hôm sau, tôi thấy ba tôi hiện trên màn ảnh là một người cương quyết và hãnh diện. Ba tôi chăm chỉ làm lụng mà khuôn mặt không hề mang một vẻ mặc cảm tự ti nào, chỉ để kiếm đồng tiền lương thiện nuôi gia đình. Tôi cũng thấy mắt của phóng viên Dan Rather ướt ướt khi tả lại những nỗi đoạn trường của chúng tôi, nên tự hỏi phải chăng những gian nan mà chúng tôi từng trải đã làm ông xúc động. Phải chăng mùi hôi thối từ sở rác, nơi ba tôi đã làm lụng đầu tắt mặt tối từ ngày này qua ngày khác mà không hề thốt nên một lời ta thán, đã đánh động tình cảm của vị phóng viên lão thành này chăng?

Sau khi thiên phóng sự được phát hình, ba tôi được cất nhắc lên một việc khá hơn ở Ban Xử Lý Phế Phẩm Rắn. Ông được quyền lái những xe máy xúc to kèn ở bãi rác. Rác ở ngoài bãi cũng có mùi hôi thối chẳng khác chi công việc trước, nhưng dầu sao, không khí ngoài trời cũng làm ông đỡ ngột hơn nhiều.

Giáng Sinh đầu tiên ở đất Mỹ thật nghèo hèn. Thay vì một cây thông Giáng Sinh với đầy quà tặng dưới đế như chúng tôi đã từng có hồi còn ở Việt Nam; sau lễ, chúng tôi ăn gà chiên và coi đồ vật wrestling trên chiếc tivi trắng đen nhỏ. Ba má tôi hứa rằng rồi ngày mai sẽ khá hơn và anh em chúng tôi đều tin vào điều đó.

Đến Tết Việt Nam, tức là tháng hai năm 1976, má tôi mua thêm một chiếc xe hơi, chiếc Dodge Polara với giá \$500. Chiếc xe này lớn, có đầy đủ ghế ngồi cả đằng trước lẫn đằng sau, có radio và có gắn máy lạnh. Anh Hùng tôi từ đây sẽ không phải đạp xe đi làm và đi học dưới khí trời lạnh lẽo! Anh lại có thể chở chúng tôi đi chợ mà không cần phải đợi xe ba tôi đi làm về. Chúng tôi vẫn nghèo, nhưng ít nữa là chúng tôi

không còn cần phải xin Phiếu Chấn cấp thực phẩm của chính phủ nữa.

Tháng năm đến, tôi hoàn tất chương trình học ở trường St. John. Má tôi dắt tôi ra chợ K-Mart và mua cho tôi một bộ vest đầu tiên trong đời. Đó là một bộ com-plê có đủ ba phần, vải polyester màu xanh nhạt và đang bán với giá hạ là \$20. Tôi mặc bộ vest này trong ngày lễ trao bằng tại nhà thờ St. John, và ngạc nhiên khi nghe gọi tên mình đã đoạt giải học sinh xuất sắc của niên học ấy, do Hội Đạo Binh Hoa Kỳ trao tặng. Mọi người tham dự trong nhà thờ hôm ấy đã đứng lên vỗ tay khen ngợi, làm ba má tôi vô cùng hãnh diện và làm cho tôi xúc động mãnh liệt. Những đêm còn lênh đênh trên chiếc tàu của Dượng Hưng, tôi đã thầm cầu xin cho có ngày tôi sẽ làm cho các bạn bè và thầy dạy của tôi ở An Phong Học Viện hãnh diện vì tôi. Giờ phút này, tôi mong là tôi đã giữ tròn lời hứa ấy.

Mùa hè năm ấy, anh Hưng tôi xin cho tôi được vào làm ở tiệm Piggly-Wiggly, với phần việc gói hàng cho khách. Má tôi mua cho anh một chiếc Ford Capri nhỏ đăng hai anh em tôi chở nhau đi làm hàng ngày. Khách hàng thích anh Hưng lắm. Anh được ông chủ tăng lương và luôn miệng khen anh làm việc giỏi. Cũng thời gian ấy, chị Lêvi tôi tiếp tục nghề coi trẻ, vẫn đeo đuổi việc học và làm thêm một việc nữa tại một nhà hàng Tàu ở cuối phố đăng phụ giúp chút ít vào ngân sách gia đình.

Ba má tôi vẫn giữ liên lạc với gia đình Cậu Năm và Dượng Bảy. Qua ba má tôi, chúng tôi biết rằng cuộc sống họ cũng đã ổn định và những người anh em họ của chúng tôi cũng đang lớn mạnh, học giỏi. Cả ba lần má tôi còn tìm ra thêm nhiều bạn hữu và bà con xa gần ở khắp nước. Họ giữ liên lạc với nhau bằng thư từ qua lại và những cú điện thoại ngắn. Để có đủ tin tức về người Việt Nam ở những nơi khác trên toàn cõi nước Mỹ, ba má tôi đặt mua những tạp chí thông tin tiếng Việt.

Chỉ một năm sau khi người Việt đầu tiên đến nước Mỹ, và mặc dù đã bị các cơ quan di trú các cấp cố tình phân tán họ ra toàn cõi Hoa Kỳ, những cộng đoàn người Việt vẫn thi nhau mọc lên ở những đô thị lớn ở các tiểu bang California, Texas, Virginia,

Washington, Florida và New York. Louisiana trở thành ô thương mại chính của những người Việt xa xứ. Phúc trình của một cuộc nghiên cứu Mỹ cho biết có đến 250 ngàn dân Việt Nam đã đến Mỹ định cư. Đa số những người này đã được đào luyện trong các ngành y tế hoặc chuyên gia kỹ thuật, hoặc là những nhà quản trị kinh tế. Khoảng 70 phần trăm người Việt tị nạn có gốc gác là dân đến từ các thị thành ở Việt Nam. Bản phúc trình còn cho biết những thương vụ do người Việt làm chủ như tiệm tạp hóa, các cửa hiệu, các phòng mạch của bác sĩ, các nhà hàng và các văn phòng luật đều phục vụ cho khách hàng của họ bằng tiếng Việt.

Là người háo thời cơ, má tôi luôn ước mong có ngày cả nhà sẽ dọn về ở một thị tứ, nơi bà có thể gặp gỡ người Việt và khả dĩ tính đến chuyện buôn bán này nọ. Bà bàn với Di Bảy và Cậu Năm, định rủ họ cùng dọn nhà đi với bà, nhưng họ gạt phất ý định ấy. Cậu Năm không muốn phụ lòng những người đã bảo lãnh cậu, nhất là Dòng Sư Huynh, nên không muốn đi đâu cả. Dượng Bảy thì đang có việc làm tốt, và vì các con dượng còn quá nhỏ, dượng thà lưu lại chốn Cincinnati lạnh lẽo hơn là dọn đi nơi khác. Má tôi đành tạm gác ý định dọn nhà sang một bên.

Năm thứ nhì ở xứ lạ quê người, cả gia đình chúng tôi vẫn cật lực làm việc và học hành như trước giờ. Anh Hùng tôi, dù vẫn theo học tại trường Cao Đẳng Kỹ Thuật, nhưng đã kiếm được một chân phụ việc cho thợ sửa máy để kiếm thêm tiền dành dụm. Việc học hành lớp dự bị y khoa của chị Lêvi khá trôi chảy và chị vẫn tiếp tục làm thêm ở nhà hàng Tàu. Anh Hưng và tôi tiếp tục học ở trường Bishop England và làm việc ở tiệm Piggly-Wiggly. Huyền ở lại học ở trường St. John và được má tôi tiếp tay làm công việc lau dọn cuối ngày trong trường. Tí trông coi hai đứa nhỏ nhất nhà và phụ việc nhà được tí nào hay tí nấy. Hai bé Huy-Hoàng và Hà thì vẫn chóng lớn, khỏe mạnh và hạnh phúc.

Tháng 5 năm 1977, Huyền mãn học ở trường St. John và đoạt nhiều giải thưởng hơn tất cả các giải của các bạn cùng lớp cộng lại. Huyền là tâm điểm của buổi lễ tốt nghiệp, các bạn của em và cha mẹ chúng vây quanh em và chúc mừng em. Gia đình

tôi vô cùng hạnh diện. Má tôi đã làm một bữa tiệc thật đặc biệt để cả nhà ăn mừng.

Niên khóa ấy, anh em chúng tôi ai cũng học giỏi. Má tôi mua cho anh Hùng một chiếc Oldsmobile Cutlass Supreme mới toanh và trả hết bằng tiền mặt. Chiếc xe thật chiến! Nó có đầy đủ thiết bị tiện nghi như tay lái điện, máy lạnh, radio AM/FM/máy cassette stereo, cửa sổ quay điện lên xuống và nhiều thứ khác. Anh vô cùng xứng đáng với phần thưởng ấy. Ba tôi cho chiếc Plymouth cà tàng về vườn và lái chiếc Dodge đi làm hằng ngày. Chúng tôi bắt đầu biết hết đường sá của thị trấn nơi chúng tôi ở và những khu lân cận nhiều hơn, nên chúng tôi xuống bãi biển vào những ngày cuối tuần. Những khi khác, chúng tôi đi bắt cua, lượm hên. Chúng tôi còn mang cả Huy-Hoàng và Hà đi xem chiếu bóng ngoài trời, cho chúng ngồi bệt ngay trên mũi chiếc Dodge Polara để xem chiếu bóng và tha hồ ăn bắp nổ. Mọi sự xem ra đã khá hơn, và cuộc sống ngày càng thêm phấn khởi vì giờ đây chúng tôi đã hiểu tiếng Anh hơn trước nhiều.

Một đêm nọ sau ba năm về Charleston, trong lúc cả nhà tôi đang say sưa ngủ với các cửa sổ hé mở cho thoáng khí, một kẻ nào đó thò tay vào lôi cái tivi trắng đen nhỏ nằm sát cửa sổ ở phòng khách. Tiếng động phát ra đã làm ba tôi choàng tỉnh và chạy xuống đường để rượt theo hắn. Tôi nghe những động tĩnh, chụp vội khẩu súng đồ chơi BB rồi chạy theo sau ba tôi và tên trộm. Bất chợt cả hai cha con tôi thấy mình bị lạc vào giữa một xóm toàn nhà của bọn cô hồn, nằm cách nhà chúng tôi độ hai cây số. Vài người lạ mặt trông có vẻ bặm trợn từ trong nhà lừ đừ bước ra và trừng mắt nhìn chúng tôi, hai cha con tôi đành phải rút về nhà. Biến cố này gây nên một hậu quả là đã khiến chúng tôi tăng thêm quyết tâm đi tìm một nơi khác mà sinh sống.

The Forgotten Generation



County of Charleston

Charleston, South Carolina
August 6, 1976

SOLID WASTE DISPOSAL PLANT
13 ROMNEY STREET
CHARLESTON, S. C. 29403

TO WHOM IT MAY CONCERN:

Mr. Chinh C. Le has been associated with Charleston County as an employee of the Solid Waste Reduction Center since November 3, 1975. As an employee of the Solid Waste Reduction Center, he has shown great ability to perform any duty assigned to him.

It is with much regret that I accept his resignation and I am sure that our loss will be someone else's gain.

I wish Mr. Le much success in his future employment and should he ever seek employment with Charleston County again he would be accepted without hesitation provided there is an opening.

Sincerely,

Lenard Singletary, Manager
Solid Waste Reduction Center

LS/km

*Trên đây là thư do Ông Lenard Singletary, Giám Đốc Phân Bộ
Phế Liệu Rắn, viết để giới thiệu ba tôi*

Thị Trần Charleston
Charleston, South Carolina
Ngày 6 Tháng 8 Năm 1976

Công Trường Đào Thái Phế Phẩm Rắn
13 Romnet Street
Charleston, S.C. 29605

Kính thưa quý chức hữu quan,

Ông Lê Công Chính là một nhân viên đã phục vụ cho Thị Trần Charleston tại Trung Tâm Điều Giám Phế Phẩm Rắn từ ngày 3 tháng 11 năm 1975. Là một nhân viên của Trung Tâm này, ông đã chứng tỏ khả năng cao độ của ông khi thực hiện bất kỳ một công tác nào ông được giao phó.

Tôi rất nuối tiếc khi phải chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông, và tôi biết chắc chắn rằng mất mát này của tôi đồng thời sẽ là một lợi nhuận cho kẻ khác.

Tôi cầu chúc ông Chính được nhiều thành công lớn nơi nhiệm sở tương lai và thoảng như ông có ý định trở lại làm việc cho thị trấn Charleston, chúng tôi sẽ không ngần ngại thu dụng ông, miễn là chúng tôi có nhu cầu nhân sự thích đáng.

Thành kính,

(Ký tên)

Lenard Singletary, Giám Đốc
Trung Tâm Điều Giám Phế Phẩm

*Trên đây là thư do Ông Lenard Singletary, Giám Đốc Phân Bộ
Phế Liệu Rắn, viết để giới thiệu ba tôi.*

The Forgotten Generation

CHƯƠNG BẢY

Houston, Texas

Ngay sau lễ nghỉ mừng năm mới (New Year) năm 1978, một người bà con phía bên nội là anh Trường, đã thuyết phục được ba tôi về Houston, nơi có nhiều triển vọng lập nghiệp cho tương lai.

Anh Trường là người có lắm tài lạ, đáng kể nhất là tài mua đi bán lại. Vợ chồng anh và bảy đứa con cư ngụ ở Pasadena, Texas. Anh làm việc trong một công ty sản xuất hóa chất, nhưng lại quen biết rộng rãi với đồng đạo người Việt ở Houston. Khi biết tin gia đình tôi hiện vẫn sống ở Charleston, anh gọi điện thoại cho chúng tôi và hứa sẽ tìm được một việc làm cho ba tôi ở Houston. Thoạt đầu thì ba tôi rất ngại. Ông không muốn phụ lòng giáo dân của xứ đạo St. John, cha sở Tabone, Di Carol cùng những di phước khác. Ông càng ái ngại hơn nữa khi nghĩ đến Đức Cha Ernest và những người tốt bụng đã tận tình nâng đỡ chúng tôi trong những ngày đầu còn chân ướt chân ráo trên đất Mỹ. Mặt khác, ông cũng lo lắng vì phải bắt con cái đi tìm đất mới trong khi chúng tôi chỉ mới lấy nơi này làm quê hương được có vài năm. Lo hơn nữa là giá cả thường vẫn luôn đắt đỏ trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày ở một thành phố lớn cỡ Houston.

Má tôi nêu ngay một yếu tố quan trọng rằng, căn nhà chúng tôi đang ở chẳng phải là nhà của mình, mình chả bị ràng buộc gì với chuyện nợ nần trả góp. Nếu chúng tôi ra đi thì may ra cuộc sống tương lai ở thành phố lớn sẽ có cơ khảm khá với nhiều môi trường học tập tốt và nhiều cơ hội tiến thân hơn. Do đó, cả má tôi lẫn anh Trường đã thuyết phục được ba tôi dọn về Houston một cách không mấy khó khăn.

Houston là thành phố lớn hàng thứ tư ở Hoa Kỳ. Khí hậu quanh năm ở đây lúc nào cũng oi bức và hầm hơi ẩm, như thời tiết ở Sài Gòn vậy. Người Việt tị nạn ư tu tập sinh sống ở đây lắm. Đối với đa số dân Việt ta, Houston là điểm dừng chân thứ hai sau ngày đặt chân đến Hoa Kỳ. Ngoài khí hậu thích hợp ra, lối sống trà trộn của dân tứ xứ ở thành phố này đã khiến người Việt cảm thấy thích ứng mau lẹ hơn với cuộc sống ở đây. Giá cả của những nhu cầu căn bản như thực phẩm, nhà cửa và nhiên liệu thì không mắc, nếu so sánh với cả nước. Hệ thống

giáo dục lại tương đối tốt đối so với một thành phố lớn ở Mỹ, và vấn đề kiếm công ăn việc làm thì cũng khá dễ dàng.

Năm 1978, có ít nhất là năm mươi ngàn người Việt sinh sống ở Houston. Phần lớn, họ làm việc trong ngành khai thác dầu hỏa tập trung về phía đông của thành phố. Các hãng lọc dầu mướn khá nhiều nhân công Việt Nam. Những người Việt còn lại thì sống rải rác khắp thành phố với nghề buôn bán hoặc cung cấp dịch vụ. Người Việt đã mở nhiều thương vụ như nhà hàng, tiệm may, mỹ viện, quán nhạc, văn phòng bác sĩ và nha sĩ, văn phòng luật sư và đủ loại các hàng quán bán lẻ khác nằm đầy ở gần khu dọc theo downtown của thành phố Houston, đến nỗi người bản xứ đã đặt tên cho khu phố ấy là “Little Saigon” (Tiểu Sài gòn).

Anh Trưởng bảo ba tôi lái xe về Houston đặng anh giới thiệu ông với ông Ali, viên quản lý khu vực của công ty Southland Corporation, vốn đang tuyển mộ nhân viên để điều hành các cửa tiệm 7- Eleven do ông làm chủ. Vừa gặp xong, ông mướn ngay ba tôi vào đứng quầy tính tiền cho một cửa tiệm của ông. Lúc ấy, ba tôi vẫn ở tạm trong căn apartment của anh Trưởng ở Pasadena, Texas. Về sau, Ali khám phá ra ba tôi từng là một sĩ quan quân đội và dư sức quản lý những việc lớn hơn, nên ông gọi ba tôi đi học thêm về quản lý cửa hiệu. Quả không có gì làm ba tôi mãn nguyện hơn.

Học xong, Ali giao hẳn một cửa tiệm 7-Eleven của ông cho ba tôi trông coi. Ai còn lạ gì chuyện một viên quản lý mới ra nghề thường được giao phó một nhiệm sở tệ hại nhất để thử tài của y? Thế nên, Ali giao cho ba tôi trông coi một cửa tiệm nằm ngay giữa một xóm đầu gấu. Ba tôi chỉ lăm, nhưng phải làm việc đầu tắt mặt tối để canh cho tiệm không bị cướp, lại phải trông chừng hàng hoá và tiền bạc để không bị cả khách hàng lẫn nhân viên lấy trộm.

Ba tôi phải gọi anh Hùng cầu cứu. Anh liền quảy khăn gói và leo lên chiếc Oldsmobile đi ngay một mạch. Ba tôi mướn một cái apartment nhỏ có một phòng ngủ ở cạnh cửa tiệm để hai cha con có thể thay phiên nhau đi về và trông coi hàng quán.

Cả hai miệt mài làm việc như thế 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần suốt mấy tháng liền. Làm việc nhiều giờ tuy dài đằng đẵng, nhưng lại kiếm được bội tiền. Sướng một điều là, ba tôi không sẽ còn phải làm ngoài trời giữa những bãi rác hôi thối nữa.

Anh Hưng năm ấy mới vừa chập chững bước vào ngưỡng cửa của trường Cao Đẳng Charleston. Anh vẫn làm việc ở tiệm Piggly-Wiggly và vừa đi học. Lúc ấy anh đang nghỉ hè, cho nên má tôi hồi anh đi gấp xuống Houston để phụ việc cho ba tôi. Anh liền xin nghỉ việc, chia tay các bạn học cũ và đóng gói hành trang rồi leo ngay lên chiếc Ford Capri của anh, đi liền một lèo về Houston. Ở đó, anh lăn ngay vào công việc ở tiệm 7-Eleven với ba tôi và anh Hùng trong mấy tháng liền.

Cũng như các cửa hiệu bán lẻ khác, khách hàng do những cửa hiệu tiện ích 7-Eleven phục vụ thường là những dân cư ở những khu phố lân cận. Tiệm chuyên bán những thức thông dụng như cà-phê, bia, nước ngọt, thuốc lá, bánh kẹo, đồ gia dụng linh tinh và đôi khi cũng có tiệm bán hàng đi kèm với trạm xăng. Các tiệm này mọc rải rác khắp các địa điểm trong thành phố. Những địa điểm này thì tốt có, xấu cũng có; nhưng tất cả thường được giao quyền quản lý cho những người có trình độ thấp, những ngoại kiều không nói thạo tiếng Anh, hoặc cho những gia đình thuộc giới hạ lưu bình dân điều hành. Việc trông coi cửa tiệm cũng chẳng có gì khó khăn, bao gồm việc đứng quầy tính tiền, đặt mua hàng hóa, chất hàng vào các giá kệ hoặc tủ lạnh để bày bán và giữ cho cửa tiệm lúc nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp.

Thường thì phiên làm việc trong tiệm phải chia làm 3 ca: ca sớm bắt đầu từ 7 giờ (như phần đầu cái tên của tiệm) cho đến 3 giờ chiều; ca thứ nhì bắt đầu làm từ 3 giờ cho đến 11 giờ khuya (như phần sau tên tiệm); và ca đêm bắt đầu từ 11 giờ khuya cho đến 7 giờ sáng hôm sau. Chẳng ai lấy làm lạ khi thấy cửa tiệm nào nằm trong những phố ổ chuột thường bị cướp nhiều hơn là những tiệm tọa lạc ở những chỗ đàng hoàng. Nhưng rất cuộc, dù tiệm có nằm ở đâu đi nữa thì cũng có khi bị cướp đến viếng, không lúc này thì cũng lúc khác. Những cửa tiệm lọt vào

những xóm nghèo thường bị mất trộm hàng hóa hơn những tiệm nằm trong khu nhà giàu. Nói chung, những cửa tiệm tiện ích này rất thích hợp cho những gia đình Việt Nam chịu làm ăn cần cù như gia đình chúng tôi, vốn là những người tuy biết tiếng Anh rất hạn chế, nhưng lại không quản ngại làm việc trong nhiều giờ liền.

Ba tôi và hai ông anh sống trong cái apartment một phòng ngủ ở cạnh đó và miệt mài ngày đêm với công việc ở cửa tiệm. Ba tôi làm việc ca sớm nhất. Đến khi anh Hưng ra thay thế, ông nán lại để làm sổ sách, bỏ thêm hàng vào tủ lạnh để bày bán và phụ coi cửa tiệm. Khi ông về nghỉ thì đến phiên anh Hùng ra thế. Cả hai anh em làm chung với nhau cho đến lúc trời tối hẳn, trước khi anh Hưng ra về để đánh thức ba tôi dậy đi làm. Hằng ngày, phiên làm tuần tự nhau như thế cứ lập đi lập lại chỉ với mục đích là lúc nào tiệm cũng có hai người túc trực đứng bán.

Một ngày nọ, khi anh Hưng vừa ra về và ba tôi vẫn chưa kịp đến, một gã lạ bước vào tiệm và đòi mua bia, dù đã khuya và đã quá giờ qui định. Anh tôi từ chối không bán khiến y la lối om sòm bằng những từ ngữ sặc mùi kỳ thị và phá phách cả những đồ đạc trong tiệm. Đến khi bị anh Hùng đuổi thì hắn vung văng bỏ đi, miệng vẫn chửi bới đông đông.

Một chốc sau, hắn quay lại, đi thẳng đến chỗ anh Hùng đang đứng và chia một khẩu súng vào mặt anh, bắt anh phải đưa bia và giao cho hắn tất cả tiền bạc còn nằm trong máy. Anh Hùng thân nhiên bỏ hết tiền vào túi vải và giao cho tên ăn cướp. Hắn vồ lấy túi tiền, quơ hai lố 6 lon bia, và linh đi nhanh chóng. Anh Hùng liền gọi cảnh sát để tường thuật vụ cướp. Khi ba tôi đến thì đã thấy đèn xe cảnh sát chớp đầy quanh tiệm, làm ông tưởng có chuyện gì đã xảy ra cho anh Hùng. Kể từ đó, lúc nào ông cũng giấu một khẩu súng ngắn trong tiệm và không bao giờ đi trễ nữa. Ông cũng không hề kể việc này lại với má tôi.

Thấy cửa tiệm do ba tôi quản lý ngày thêm phát đạt, Ali quyết định tăng lương và giao cho ông một cửa tiệm lớn hơn trong một khu xóm đàng hoàng hơn trước. Tiệm mới này có đông

người vắng lai hơn nên cả ba cha con phải làm việc vô cùng cật lực. Ba tôi đành phải kêu thêm “quân” về cứu viện.

Chị Lêvi bây giờ đang theo học lớp hè ở trường North Charleston và vẫn làm việc thêm ban đêm cho một nhà hàng Tàu ở mãi cuối phố. Má tôi vừa mới mua cho chị một chiếc Toyota hãng còn mới toanh với giá 2, 000 đô, trả bằng tiền mặt, vì anh Hưng lúc ấy đã lái chiếc Ford Capri đi luôn về Houston. Phần tôi thì đã có việc làm full-time ở tiệm Piggly-Wiggly và cắt dọn vườn tược cho nhà thờ St. John vào những ngày cuối tuần. Má tôi đã bảo cho mọi người biết ý định dọn nhà về Houston của bà. Cho nên ai nấy đều đã lục đục nhặt nhanh đồ đạc riêng tư, đồng thời chuẩn bị thu xếp đồ đoàn cho mấy đứa em út đang chờ ngày lên đường.

Viễn ảnh dọn nhà về sống ở Houston làm anh em chúng tôi háo hức, nhưng cũng e ngại về nơi chốn mình chưa mấy may biết tí gì này. Tôi có hỏi chuyện với cha Tabone và cha tân chánh xứ Leigh Lehocky về chuyện ra đi sắp tới. Cả hai lộ vẻ buồn khi thấy phải xa lìa chúng tôi, nhưng luôn tin rằng ba má tôi đã quyết định đúng cho tương lai của đàn con. Di Carol và Di Sharon ở bên trường St. John cũng rầu rĩ không kém, nhưng thông cảm cho ước vọng tiến thân của gia đình tôi và mong thấy chúng tôi sẽ thoả nguyện khi được sống với một cộng đồng có nhiều người Việt hơn ở đây.

Chị Lêvi và tôi rời Charleston trong một sáng chủ nhật đầy sương mù, trong khi má tôi và những đứa em còn lại vẫn đứng trước hiên nhà vẫy tay chào tạm biệt.

Chị Lêvi và tôi nói với nhau đủ thứ chuyện trên đời trong suốt 24 giờ đồng hồ lái xe về Houston. Chị và tôi rất giống nhau trên nhiều phương diện. Cả hai chị em tôi đều thích tự lập và bướng bỉnh ngay từ lúc chúng tôi còn bé ở Việt Nam. Chị là con lớn nhất nhà, cho nên trong khi má tôi lo khuếch trương chuyện buôn bán, chị phải thay má tôi trông coi cả đàn em dại. Dần dà, chị trở nên lạnh lợi và khôn ngoan trước tuổi rất nhiều.

Một ngày nọ năm xưa, Chị Lêvi có viết một lá thư cho má tôi để than van rằng chị cảm thấy ngột ngạt vì bị bà kềm kẹp chặt chẽ quá, nhưng lại không được bà nâng đỡ đúng mức. Năm ấy chị đã được tròn 18 tuổi và đã bước vào đại học. Trong thư, chị cho rằng má tôi còn áp bức hơn cả Việt cộng. Chị chỉ xin má tôi hãy cư xử nhu mì và dịu dàng hơn, như Di Bảy em của bà vậy.

Chao ơi! Ăn nói kiêu này vẫn là điều có thể chấp nhận được theo phong tục của người Mỹ, vốn luôn thẳng thắn, cởi mở và thành thật về những chuyện đại loại như thế. Nhưng trong xã hội Việt Nam chúng ta, những hành vi thẳng thắn và tiến bộ, theo kiểu lá thư chị Lêvi đã viết, là mất dạy và không thể dung túng được. Má tôi rất tức tối với chị và quan hệ giữa hai người đã không bao giờ bình thường trở lại như trước. Dù chẳng bao giờ ân hận vì đã viết lá thư ấy, nay chị lại thấy xót xa cho má tôi sau những truân chuyên của đời tị nạn mà cả gia đình cùng trải qua. Sự chứng kiến cảnh lên voi xuống chó trong một sớm một chiều của má tôi đã làm chị Lêvi thấu hiểu hơn và biết đề cao lối sống của một gia đình Việt Nam.

Má tôi xưa từng một thời là một người làm ăn buôn bán sắc sảo, linh động và thành công. Nay bà bỗng xuống cấp thành một người đàn bà kém cỏi, không biết nói tiếng Anh, một loại người lỡ thời phải gắng hết sức chỉ để tập tành sống theo phong tục mới. Chị còn nhớ má tôi đã có nhiều quyền thế ra sao khi ngay cả các ông, các bà có máu mặt ở Việt Nam trước đây vẫn phải cầu cạnh bà để bà dùng tiền bạc và sự quen biết của mình hầu giúp họ đạt được nhiều mục đích. Chị còn cho tôi biết về những mưu mẹo má tôi đã sử dụng để mua bán bất động sản trên toàn cõi đất nước, với mục đích tích lũy thật nhiều tiền của để truyền lại cho chúng tôi. Má tôi luôn mơ những điều thật to tát cho con cái bà.

Là một người mẹ Việt Nam điển hình, má tôi luôn mong muốn trong các con của bà, ít nhất phải có một đứa làm bác sĩ và một đứa làm linh mục. Bà vẫn kỳ vọng chị Lêvi sẽ trở thành bác sĩ, và anh Hưng hoặc tôi sẽ trở thành linh mục. Bà ước mong tất cả anh em chúng tôi phải ăn học thành tài và được xã hội trọng

vọng. Bà lại muốn có nhiều và thật nhiều cháu chắt, nên hồi còn ở Việt Nam, bà đã làm việc cật lực hầu đạt được những ước nguyện ấy.

Cuộc đời ở nước Mỹ đã làm thay đổi tất cả những dự tính của bà. Bà không còn là một người có đầy quyền thế như trước nữa. Còn đâu những người hầu kẻ hạ, cơm bưng nước rót, dinh thự nguy nga, chẳng còn cảnh lên xe xuống ngựa mà cũng chẳng còn những bạn bè trong giới thượng lưu đâu nữa để mà lui tới. Nói đúng ra, bên cạnh những họ hàng ruột thịt như cậu Năm và Dượng Bảy, bà cũng có một vài người bạn sống rải rác đó đây trong thị trấn Charleston nhỏ bé này. Bà học tiếng Anh không vô. Trừ chữ viết xem ra có vẻ không mấy phức tạp, bà thấy cách phát âm tiếng Anh mới thật là lãng nhách. Hơn nữa, người Mỹ nói năng gì mà nhanh quá, y như lúc nào họ cũng phải chạy đua với thời gian không bằng. Cho nên, ít khi nào thấy bà chịu ra khỏi nhà, hoặc nếu có đi nữa thì cũng chỉ vì phải đi chung với ba tôi và con cái bà.

Má tôi lại thấy khẩu vị bà khó làm quen được với đồ ăn ở xứ này. Cả đời bà, cơm và bún là những món ăn cơ bản cho các bữa ăn, nhưng ở Charleston, gạo bán ở chợ Winn-Dixie và Piggly-Wiggly ăn đã chẳng ra gì mà lại mắc. Tìm khắp Charleston thì chỉ thấy bán đây đây mì sợi pasta kiểu của Ý, nhưng bún Việt Nam thì không biết mua đâu cho ra một cọng.

Hồi còn ở quê nhà, cứ mỗi sáng là có một chị ở xách giỏ ra chợ Nancy (Chợ lộ thiên Nancy) gần đó để mua về toàn đồ tươi: nào thịt, nào tôm cá biển, nào rau cải đủ loại để nấu ăn cho cả nhà. Vì vậy, chúng tôi ít phải dùng đến những cái tủ lạnh to kèn hoặc kho chứa thực phẩm trong nhà. Ngược lại, ở Charleston, chợ nào gần nhất cũng nằm cách đó ít nhất là 5 cây số, và mọi thứ bày bán nếu không là đồ đóng hộp thì cũng là đồ đóng trong bao ny-lông, hoặc bày trên những cái khay bằng mốp có phủ plastic. Trông thì có vẻ tiện lợi đấy, nhưng chả có thứ gì là đồ còn tươi cả. Chưa hết, người Mỹ thường chỉ nêm muối và tiêu vào đồ ăn của họ, trong người Việt thì tùy thứ đồ đang ăn mà dùng đến hàng bao nhiêu thứ tương khác nhau để nêm vào. Má tôi quả thật đã lúng túng khi phải nấu

những bữa ăn thường nhật mà phải dùng đến những công thức nấu nướng lấy về từ siêu thị.

Chị Lêvi và tôi luôn cầu nguyện rằng, với thời gian trôi qua, má tôi sẽ quên đi những hào quang dĩ vãng năm xưa của bà, hầu tìm thấy niềm vui trong cuộc sống hiện tại ở Mỹ.

Rồi chúng tôi bàn đến những ước muốn tương lai của mỗi người. Chị Lêvi luôn mong ước trở thành nha sĩ và có phòng khám nha khoa của riêng mình. Chị cho rằng nếu chị cứ cố gắng liên tục và chăm chỉ học hành, cuối cùng thì chị cũng sẽ học thành nha sĩ và có thể kiếm nhiều tiền để phụ giúp gia đình. Tôi thắc mắc với chị rằng đó phải chăng chính là ước muốn của chị hoặc chẳng qua vì đó là nguyện vọng của má tôi. Chị đáp: cả hai. Rồi chị khẽ nhếch miệng cười, như để tự thuyết phục rằng chị thành tâm tin vào điều mình vừa nói. Tự đáy lòng, tôi biết chị Lêvi có thể thực hiện bất kỳ một điều gì, một khi chị đã quyết ý. Tôi chỉ mong sao vấn đề tài chánh của gia đình sẽ không làm chị nhụt chí.

Chị hỏi về ước vọng của tôi và tôi đáp rằng tôi muốn trở thành một kiến trúc sư. Tôi muốn phát họa và xây cất nhà cửa, dinh thự. Tôi kể với chị rằng tôi luôn thán phục cách làm việc nhậm lẹ và hữu hiệu của người Mỹ khi thấy họ xây cất nhà cửa, đường sá, ngay cả cầu cống. Chiến tranh đã tàn phá quê hương Việt Nam của chúng ta từ năm này qua năm khác. Hệ thống hạ tầng cơ sở của Việt Nam, nếu có đi nữa, thì cũng thô sơ và thiếu bảo trì. Đường sá chẳng những đã đầy dẫy ổ gà lại còn bị mưa lũ sói mòn, và cầu cống thì chả an toàn tí nào cho xe cộ lẫn người đi bộ.

Bởi đường sá xấu quá nên việc chuyên chở các thứ vật liệu để xây dựng nhà cửa và cao ốc, cũng như chính việc xây cất những công trình ấy, cũng không thể thực hiện được một cách suông sẻ và hữu hiệu. Tôi chỉ muốn làm cách nào đó để mình cũng có một đóng góp trong việc tái thiết xứ sở Việt Nam. Cho nên, cách tốt nhất là phải trở thành một kiến trúc sư trước đã. Chị Lêvi cười lớn và vỗ lên đầu tôi. Chị bảo tôi có mơ thì mơ vừa vừa thôi chứ, tôi chưa học hết trung học kia mà! Tôi

thấy lòng sung sướng, vì được dịp tâm sự với chị trong chuyến lái xe đi xuyên bang về Houston lần này.

Cả hai chị em tôi chưa ai từng ra khỏi tiểu bang South Carolina bao giờ, nên vô cùng ngỡ ngàng trước một nước Mỹ thật mênh mông. Từ Charleston, South Carolina, chúng tôi phải lái hơn ba giờ đồng hồ mới đến chỗ giáp ranh với tiểu bang Georgia. Tiết trời vừa chớm vào hạ nên không khí đang làn hồi trở nên oi ả. Những hàng cây dọc hai bên xa lộ phủ một màu lá xanh rì. Đi khắp tiểu bang Georgia, đâu cũng thấy những con đường đồi dốc lên xuống và đâu cũng thấy mọc lên những cây sồi vĩ đại. Chúng tôi chạy băng qua thành phố Savannah hiền hòa với những đôn điền vây quanh và những cây sồi cổ thụ. Ở đây, chúng tôi chỉ ghé vào một trạm bên đường để đổ xăng và mua ít nước uống.

Quãng đường từ Savannah đến Jacksonville, Florida, chẳng có gì đáng nói, nhưng có điều Jacksonville là thành phố lớn nhất mà chúng tôi từng thấy ở xứ này. Chúng tôi vào đến thành phố nhằm vào giờ tan sở buổi chiều, cho nên xe cộ bắt đầu bị kẹt. Xe chạy theo xa lộ 95 vào thẳng downtown Jacksonville và chúng tôi bỗng thấy choáng ngợp bởi những gì đang đập vào mắt. Con đường xa lộ 95 chỉ có hai làn đường ở ngoài vòng đai thành phố, nay bỗng mở rộng ra thành sáu hoặc bảy làn, với những con đường băng ngang bên trên và có đủ loại xe hơi, xe trọng tải chạy nối đuôi nhau không ngớt. Hai chị em tôi ngây ngất trước những tòa nhà chọc trời đồ sộ ở downtown đang lờ mờ hiện ra từ phía chân trời. Càng đến gần, chúng tôi càng thấy hiện rõ một con sông bao la đang lượn mình uốn khúc khắp châu thành. Hai bên bờ sông có vô số tàu trọng tải hàng hóa đang cập bến, và các phu bến cảng đang bận rộn dỡ hàng xuống rồi lại chất hàng lên. Họ dùng đến những trục cầu hàng lớn chưa từng thấy. Khu công nghiệp này thật ra lớn hơn một khu tương tự mà chúng tôi từng thấy ở Philippines năm nào, có điều là những trang thiết bị thật tân kỳ ở đây làm cả hai chị em tôi phải trầm trồ khâm phục. Xa xa, những chiếc xà lan và tàu hoa tiêu đang từ từ rẽ sóng trên dòng sông xanh biếc. Cảnh này không khỏi làm tôi liên tưởng đến những ngày cuối cùng trên

sông Sài gòn, chỉ có điều là giờ đây chúng tôi sống an toàn hơn ở một xứ sở thật thanh bình.

Xa lộ xuyên bang (IH) số 10 giáp với xa lộ IH-95 ở downtown Jacksonville. Tôi rẽ xe đi theo hướng IH-10 về miền tây. Tôi bảo chị Lêvi rằng một ngày nào đó, tôi sẽ trở lại thăm thành phố dễ thương này. Suốt quãng đường vừa qua, chiếc Toyota Corolla chạy thật trơn tru. Chiếc xe này chẳng trang bị gì phức tạp, chạy bằng số tay, nhưng đây là chiếc xe đầu tiên tôi đã đi với má tôi để giúp bà mua nó về.

Chẳng qua là một ngày nọ, má tôi xem mục quảng cáo trên tivi. Người rao bán trong tiết mục quảng cáo nói rằng, chúng tôi có thể làm chủ một chiếc Toyota Corolla mới toanh, chỉ với giá là \$2,000. Ngay hôm sau, bà kêu tôi ra ngân hàng với bà và tôi thấy bà rút \$2,000 tiền mặt rồi cẩn thận bỏ vào một bì giấy. Rồi bà đòi đi ngay đến đại lý bán xe hơi. Vì không nói được tiếng Anh, bà nói tôi bảo nhân viên đứng bán xe rằng bà muốn mua chiếc xe với giá \$2,000 mà bà thấy quảng cáo trên tivi. Lão già đứng bán xe bai bai nói rằng trên đời này làm gì có xe nào bán với giá đó? Nhưng má tôi cứ khăng khăng bảo ông ta rằng bà đã thấy quảng cáo nó như thế trên tivi thì nó phải có như thế !

Bà nhất định cho mình là đúng nên rốt cuộc lão đàn ông phải chỉ cho bà một chiếc Corolla còn mới, nhưng trần trụi, chẳng thêm thắt gì ngoài thiết bị căn bản. Má tôi bảo là chính nó. Bà muốn mua chiếc xe ấy. Tuy nhiên, nếu kể cả tiền thuế, chi phí sang nhượng chủ quyền, bằng số, giá tổng cộng phải đến \$2,200. Tuy chỉ có \$2,000 nhưng má tôi vẫn nhất quyết là bà có thể mua về chiếc Corolla mới toanh đúng như người quảng cáo trên tivi đã nói. Tôi phải vừa đóng vai thông dịch viên, vừa là trung gian điều đình. Độ một tiếng đồng hồ sau thì lão bán xe thua lý và đàn ông phải chịu theo ý của má tôi.

Bỏ mặc viên quản lý đang bất bình, má tôi cứ điềm nhiên rút \$2,000 ra và đếm từng tờ cho anh ta thấy. Họ hỏi chúng tôi ra tuốt đằng sau văn phòng, đếm tiền lại và đưa má tôi chùm chìa khóa của chiếc Toyota Corolla mới. Thế rồi chúng tôi ra về

với đúng chiếc xe má tôi muốn mua. Xe lăn bánh ra khỏi bãi, trong lúc bà ngồi một bên cười đắc thắng. Khi hai má con về đến nhà, bà đưa chìa khóa xe cho chị Lêvi và nói bà cho chị chiếc xe ấy. Từ đó về sau, chị Lêvi không còn phải đi xe buýt để đi học hoặc đi làm nữa.

Tôi kể chị Lêvi từ đầu đến cuối câu chuyện mua chiếc Toyota này rồi cả hai chị em cười ngất ngư. Mãi đến hôm nay, tôi vẫn hồ nghi, không biết có phải là hôm ấy má tôi đã vờ vịt không biết nói tiếng Anh và dùng tôi làm bình phong, hoặc là bà đã thật sự không biết nói ?

Trên xe có cả máy radio AM-FM, nhưng chúng tôi không buồn mở ra nghe chỉ vì âm thanh phát ra có lúc được có lúc không trong lúc xe đang chạy bon bon trên đường IH-10. Chúng tôi dừng lại một trạm nghỉ giữa chừng và chị Lêvi để tôi cầm lái thế cho chị. Tôi lái xe đi trong đêm trong lúc chị ngủ gật ở ghế bên cạnh. Xa lộ ban đêm thật yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng có vài chiếc xe trọng tải 18 bánh chạy qua đánh vù một cái, xa lộ lúc nào cũng vắng vẻ và thình lạng. Xa lộ I-10 chạy xuyên qua toàn vùng bình nguyên Florida, giữa Jacksonville và Tallahassee, nên nhảm chán lắm, nhưng được cái là trí óc tôi lại có dịp rảnh rỗi để nghĩ ngợi mông lung.

Tôi bỗng nhớ đến các bạn bè ở Việt Nam và cuộc sống xô bồ ở Sài Gòn năm nào. Đường sá ở Việt Nam tuy xấu nếu so sánh với Mỹ, nhưng lúc nào cũng huyền ảo với đủ loại xe gắn máy luôn bấm còi inh ỏi, hết xe này lạng để tránh ỏ gà, xe kia chen vào, đến xe nọ rẽ qua đường khác. Những ngã tư đường tuy có đèn xanh đèn đỏ chớp chớp, nhưng chả mấy ai thèm lưu tâm đến chúng. Người ta nhường nhau trong một sự hỗn loạn có giàn xếp.

Một ngày nọ hồi còn ở Việt Nam, anh Hưng và tôi đi bộ băng qua đường Trần Hưng Đạo. Xe cộ lúc ấy đang kẹt lắ, nhưng chúng tôi vẫn nhón chân bước từng chút một xuống lòng đường. Nhón đến giữa đường thì có một chiếc xe lam chở khách đang tiến đến, bác tài xế phải lách chiếc xe qua một bên để tránh anh em tôi. Một thanh niên đang chạy chiếc Honda

bồng từ đầu đêm tối, nhưng anh phải lách thật nhanh qua phía bên kia để khỏi đụng chiếc xe lam, không dè xe anh ta lại ủi ngay vào hông anh Hưng. Chiếc xe tông anh Hưng mạnh quá, đến nỗi anh bị hất bổng lên không rồi rớt dè ngay trên người tôi giữa lúc xe cộ vẫn qua lại đông đảo. Anh Hưng bị sung bầm và hai cánh tay bị trĩ nặng. Tôi tuy bị một cú hết hồn hết vía, nhưng lại không hề hấn gì.

Chàng thanh niên cũng té nhào xuống đường và trông bức bối ra mặt. Nhưng, tôi đoán, anh ta bổng nhắc thấy phong cách ăn mặc của anh em tôi nên có vẻ nghi nghi chúng tôi là con nhà giàu có và quyền thế. Anh ta diu hai anh em tôi vào lề đường trong lúc anh Hưng vẫn còn đau điếng và tức giận. Tôi chỉ về phía nhà chúng tôi và bảo anh ta là chúng tôi cư ngụ ở đó, đồng thời xin anh ta đem anh Hưng về đây. Chàng thanh niên ấy, có lẽ chỉ mới ngoài hai mươi, ẵm anh Hưng lên và bế anh về tận nhà chúng tôi.

Cả má tôi và chị Lêvi hốt hoảng chạy xuống thang lầu đón anh Hưng, trong khi chàng thanh niên đứng cạnh với cặp mắt long lanh niềm ân hận. Mặc dù tai nạn xảy ra không phải là lỗi của anh ta, anh vẫn nơm nớp lo không biết anh sẽ bị đối xử ra sao. Má tôi khám xét anh Hưng thật kỹ và thấy anh tuy bị tím bầm, nhưng không đến nỗi bị thương tích gì đáng kể, ngoại trừ vài chỗ trầy xước ngoài da. Bà gọi anh thanh niên lại, xạt anh ta một trận cho anh biết là phải lái xe cẩn thận ra sao, rồi cho anh ta về. Không bảo hiểm, không cảnh sát, và không ai làm khó dễ gì nhau. Vài ngày sau, anh chàng này lại đến nhà chúng tôi. Anh đến hàng ngày để xem anh Hưng đã khá chưa, đôi khi còn mang cả kẹo đến biếu.

Anh Hưng không sao thật, nhưng tôi biết anh chàng này đến nhà là cốt ý để dò la làm quen với chị Lêvi, chứ chẳng phải để ngó ngang gì đến anh em tôi. Chỉ tội mỗi cái là anh ta không phải là loại thanh niên mà chị Lêvi muốn giao tiếp. Đó là cách những đôi nhân tình làm quen nhau ở quê hương tôi ngày xưa, nơi đôi khi chỉ vì tránh ô gà, hoặc tình cờ băng qua một con đường đầy nghẹt xe, đều có thể trở thành những manh mối cho những cuộc gặp gỡ bất ngờ.

Ngược lại, những con đường đúc bê tông thành thang ở xứ sở này trông sao vô duyên, trống vắng và cô đơn lạ! Những lời ca trong bản "*Desperado*" của ban nhạc "*Eagles*" như :

*"...Và tự do, ôi tự do, chao ôi, đó chỉ là lời nói suông;
ngục tù chính là sự cô đơn..."*

... bỗng trở nên thấm thía hơn với chúng tôi trên xa lộ về đêm thật thanh vắng này. Nhớ sao cho cùng những tung bùng và sôi nổi của một Sài Gòn đầy bon chen năm nào!

Sáng sớm ra, chúng tôi chạy ngang qua căn cứ Không Quân Eglin. Mới có vài năm mà tưởng như đã lâu lắm rồi, kể từ lúc chúng tôi còn sống tạm ở đây. Từ đó đến nay, tôi cũng không biết đã có những thay đổi gì trong căn cứ này. Tuy đã biết chắc chắn là họ đã dẹp hẳn những lều bạt dành cho người tị nạn năm nào, nhưng tôi vẫn thấy bất mãn ở chỗ là một sự kiện lịch sử như thế lại không được nhắc nhở bằng một bia tưởng niệm, hoặc một nghi thức thường niên nào đó để ghi nhớ. Tôi đoán sự kiện ấy có lẽ là một chương sử đen tối của xứ này nên mọi người chỉ muốn quên khuấy nó đi. Dầu sao nơi ấy vẫn đóng một vai trò quyết định trong cuộc đời tôi và của hàng ngàn người Việt tị nạn khác. Đó chính là ngưỡng cửa đã đưa dắt chúng tôi vào đất Mỹ.

Mặt trời uể oải mọc lên phía sau xe và chúng tôi vẫn tiếp tục cuộc hành trình đi miền tây về Texas. Sau khi dừng lại để đổ xăng và ăn sáng ở ngoại ô thành phố Mobile, Alabama, đến phiên chị Lêvi lái xe. Tôi ngủ gật được một chốc thì thức dậy khi xe chạy vào đến thành phố Baton Rouge, Louisiana. Chúng tôi dừng lại ăn trưa ở một quán nhỏ bên đường, đồng thời cho chiếc Corolla nghỉ máy. Món súp đặc sệt và bánh mì Pháp ở đó rất ngon, nhằm lúc hai chị em tôi đang đói quá nên chúng tôi ngốn sạch cả bữa ăn vào bụng chỉ trong thoáng chốc. Tôi tự nhủ rằng tôi sẽ ghé còn thăm Louisiana trong tương lai hẳn mỗi khi có dịp. Sau cơm trưa, chúng tôi tươi tỉnh hẳn ra và sẵn sàng đi nốt quãng đường còn lại của cuộc hành trình. Đến

phiên tôi lái xe và bắt đầu nghe chị Lêvi tâm sự nỗi nhớ nhung của chị về những người bạn cũ còn ở Việt Nam.

Người bạn thân nhất của chị tên là Thanh. Họ quen nhau từ hồi còn cấp sách đi học với nhau ở trường trung học đệ nhất cấp Thánh Linh, và đã lớn lên với nhau trong cùng môi trường ấy. Chúng tôi vẫn gọi chị ấy là Thanh Đen, vì nước da ngăm đen của chị. Gia đình chị nghèo lắm. Ba chị là một công chức làm việc cho chính phủ miền Nam Việt Nam, trong khi mẹ chị thỉnh thoảng đi làm mướn cho những gia đình giàu có ở Sài Gòn. Đôi mắt chị Thanh Đen lúc nào cũng u buồn nhưng chị lại có nụ cười rất tươi mỗi khi chị mỉm cười. Chị Lêvi và chị Thanh Đen tuy xuất thân từ hai giai cấp giàu nghèo đối nghịch nhau trong xã hội Việt Nam, nhưng họ lại chơi rất thân với nhau. Chị Lêvi vốn học giỏi hơn nên thường hay giúp chị Thanh Đen làm những bài tập đem ở trường đem về. Ngược lại, chị Thanh Đen rất nhạy bén về chuyện tình cảm nên vẫn bày vẽ cho chị Lêvi biết thế nào là tâm lý của bọn con trai. Lúc nào cũng thấy hai chị rộn rã và thân thiết với nhau.

Chị Thanh Đen thường đến thăm và giao du với chị tôi. Cả hai đèo nhau đi chiếc xe Honda của chị Lêvi chạy khắp phố. Sau khi lấy tú tài xong, chị tôi vào thẳng đại học để học năm dự bị y khoa. Chị Thanh Đen kém may mắn hơn. Khóa thi tú tài hai năm ấy, chị đậu điểm thấp hay sao đó mà chị không được nhận vào trường đại học. Cho nên trong khi chị tôi lên đại học thì chị Thanh Đen vẫn thất nghiệp, và chỉ làm lụng lấy lắt đủ thứ việc chỉ để sống qua ngày.

Cứ hễ rảnh rỗi là họ đến thăm nhau. Trước khi gia đình tôi rời Sài Gòn, chị tôi có khuyên chị Thanh Đen nên về bảo cả nhà chuẩn bị tìm đường đi tị nạn, nhưng gia đình chị không muốn hoặc có lẽ không có tiền để làm chuyện ấy. Hôm trước ngày ra đi của gia đình tôi, chị Thanh Đen có đến chào chị tôi, cả hai ôm lấy nhau khóc sụt sùi.

Chị Lêvi cũng lên tiếng rủ chị Thanh Đen cùng đi trốn với gia đình chúng tôi, nhưng chị đã khước từ. Vì thế cả hai chị đều hứa là sẽ giữ liên lạc với nhau, một khi tất cả mọi sự đã ổn định đâu vào đó. Tôi vẫn không thể nào quên được tiếng khóc nã

nè của chị Lêvi trong buổi đưa tiền thê lương ngày hôm ấy, lúc đưa chị Thanh Đen đi ra cửa. Giờ thì chị Lêvi lại bắt đầu sụt sùi nghẹn ngào khi kể chuyện về những người bạn của chị. Càng nghe chị, lòng tôi càng dâng lên vô vàn niềm thương cảm cho người chị thân yêu. Cũng như hàng bao nhiêu người Việt tị nạn khác, tôi cũng đã từng trải qua cảnh ngộ phải bỏ lại đằng sau vô số bè bạn. Chiến tranh kết thúc thật đột ngột cho nên cảnh bạn bè bịn rịn chia tay nhau là chuyện lãng xẹt ít thấy. Rồi cả hai chị em tôi chìm vào trầm tư mặc tưởng cho đến khi xe vào đến Houston.

Ba tôi đã đứng đợi chúng tôi ngay góc đường số 45 và đường Calvacade tự bao giờ. Chúng tôi cho xe chạy bám theo đuôi chiếc Dodge Polara của ông cho đến khi về đến cái apartment chỗ ông đang ở. Trông ba tôi có vẻ mệt mỏi, nhưng ông rất mừng khi thấy chúng tôi đi đến nơi, về đến chốn an toàn. Tuần lễ kế tiếp, ba tôi và hai ông anh huấn luyện cho chúng tôi về những việc mới ở trong tiệm.

Cũng trong vòng tuần ấy, ba tôi kiếm được một căn apartment khác có hai phòng ngủ nằm trên đường 34 Street để chuẩn bị dọn cả nhà về Houston. Đến chủ nhật, ba tôi và anh Hưng phóc lên chiếc Dodge Polara để chạy trực chỉ về lại Charleston.

Ngày 1 tháng 6 năm 1978, cả nhà chúng tôi dọn về căn apartment mới ở Houston, Texas. Vui quá là vui! Gia đình chúng tôi lại đoàn tụ dưới một mái nhà với nhau, dầu tổ ấm mới chỉ là một nhà chung cư quá nhỏ hẹp so với một gia đình gồm mười người. Thật ra, số người trong nhà lúc đông nhất cũng không thể hơn 8 người, chỉ vì trong nhà luôn phải có hai người túc trực ngoài tiệm 7-Eleven, nằm trên đường Calvacade. Ba má tôi và hai đứa nhỏ nhất là Huy Hoàng và Hà ở chung một phòng, phòng kia dành cho ba chị em gái. Ba anh em trai tụi tôi thay phiên nhau ngủ trên chiếc sofa hoặc ngay trên sàn nhà ở phòng khách, khi không phải ra tiệm.

Té ra ba má tôi rất thích sống ở Houston và thích những người bạn mới quen. Cứ mỗi chủ nhật sau thánh lễ, họ đi thăm bạn bè hoặc những người có họ hàng xa gần ở rải rác khắp thành

phố. Và hễ rảnh là cả hai rủ nhau đi chợ Việt Nam nằm trên đường Milam Street, gần downtown Houston, để mua đủ thứ đồ ăn Việt Nam. Ba tôi tiếp tục công việc quản lý thật đặc lực cho những tiệm 7-Eleven mà ông được chủ giao phó. Bốn anh em chúng tôi chúng tôi cũng ra sức phụ lực với ông để may ra ông được giao cho trông coi những tiệm khá hơn. Ông Ali xếp của ba tôi trông hài lòng ra phết với tác phong làm việc của mọi người trong gia đình chúng tôi nên cứ cất nhắc ba tôi sau mỗi quý (3 tháng). Anh Hùng ghi danh học ngành thợ máy tại một trường huấn nghệ để mong được cấp bằng hành nghề. Chị Lêvi và anh Hưng đăng ký vào Đại Học Houston. Chị Lêvi vẫn theo học lớp dự bị y khoa và anh Hưng thì theo ngành Thương nghiệp. Huyền và tôi thì ghi danh nhập học ở trường Trung Học Waltrip nằm ở mạn đông bắc Houston. Ba má tôi cho cả hai đứa Tí và Huy Hoàng học ở một trường tư thục Công Giáo có tên là Trường Ki-tô Vua, ở phía bắc đường Main. Và Hà thì vẫn còn ở nhà với má tôi. Ai cũng cặm cùi học hành và làm việc suốt năm đầu tiên ấy ở Houston. Tiệm 7-Eleven thật là nguồn vui sống của ba tôi và của cả mọi người trong nhà.

Một đêm nọ, tôi nán lại làm việc trễ với ba tôi. Ông vốn thích giao cho tôi làm việc trễ vào cuối phiên, bởi ông biết chắc chắn rằng tôi luôn chất đầy nhóc hàng vào cái tủ lạnh nằm sát cửa ra vào. Bằng nấy đồ thật ra đủ để bán cho khách trong nhiều ngày liền. Chưa hết, tôi còn xếp những hàng hóa nằm ngổn ngang khắp tiệm cho thật ngăn nắp, trút hết đồ ra khỏi thùng chứa và quét dọn cả tiệm sạch sẽ. Tôi thường quét nhà bằng móp khô trước khi dùng móp ướt với nước nóng hai lần, rồi mới phết một lớp sáp mỏng lên mặt sàn nhà. Sở dĩ tôi thành thạo chuyện này là vì trước đây, tôi và Huyền vẫn làm công việc tương tự ở trường St. John từ ngày này qua ngày khác. Đêm hôm ấy, như thường lệ, tôi chất hàng vào tủ lạnh và lau quét sàn nhà trước khi ngồi một tí để nghỉ xả hơi.

Khoảng 2 giờ rưỡi sáng, một gã lạ mặt dáng người thấp lùn với mái tóc màu sẫm tối, trên người phủ kín một chiếc áo mưa, bước vào tiệm. Hắn bước ngang tiệm đến thẳng tủ lạnh để lấy ít bia, nhưng tôi đã khóa tủ ấy từ hồi giữa khuya. Nóng nẩy,

hắn rảo nhanh đến tủ đựng sandwich gần dãy hàng có quầy tính tiền. Tôi chào hắn và tính bắt chuyện với hắn, nhưng hắn không đã không trả lời mà cũng chẳng thèm ngó tôi một cái.

Vài phút sau, hắn bước ra khỏi tiệm, trông có vẻ bực bội. Tôi cứ tưởng là mọi chuyện vẫn bình thường, nên chẳng buồn thức ba tôi, lúc ấy đang ngủ khò trên một chiếc ghế bố đặt sâu bên trong nhà kho. Nửa giờ sau, gã lạ mặt ấy quay lại. Lần này, hắn đi thẳng đến trước mặt tôi ngay quầy tính tiền và đòi lấy tiền. Hắn giở vạt áo hắn ra, chỉ đủ rộng để cho tôi thấy một nòng súng lục hắn đang mang lác lẻo.

Khẩu súng lục 45 tự động run lấy bầy trên tay hắn. Hắn có vẻ bồn chồn và hốt hoảng, có lẽ không mấy khác với tâm trạng tôi lúc ấy. Tôi bảo hắn bình tĩnh và tôi sẽ với tay lấy một bao giấy để bỏ tiền vào cho hắn. Hắn đảo mắt liếc nhanh, gật đầu đồng ý trong lúc tôi mở két ra và bỏ hết tiền vào bao giấy. Hắn chụp vội bao giấy trên tay tôi và phóng nhanh ra cửa. Hắn tông một phát thật mạnh vào cánh cửa bên trái. Hắn không biết là cánh cửa ấy lúc nào chúng tôi cũng khóa lại sau nửa đêm và chỉ mở cánh bên phải. Tôi nhìn lên thước đo kẻ dọc theo chiều cao khung cửa thì biết hắn cao khoảng 5 feet 5 inch. Hắn bèn lên cười gượng, mở cánh cửa bên phải ra và biến mất trong đêm tối. Tôi đánh thức ba tôi dậy và ông gọi phen ngay cho cảnh sát để báo cáo sự việc. Không lâu sau vụ cướp cận ấy, ba tôi đã yêu cầu Ali chuyển ông qua một tiệm mới khá hơn chỗ này.

Tháng 7 năm 1979, giấc mộng thường theo lối Mỹ của gia đình tôi, đó là làm chủ một căn nhà của chính mình, đã thành sự thật. Má tôi mua một căn nhà ở mạn tây nam của Houston. Căn nhà nằm trong một khu thuộc giới trung lưu, có bốn phòng ngủ, hai phòng tắm lớn, một nhà bếp, phòng khách, phòng ăn, phòng họp mặt gia đình và một ga-ra chứa được hai xe xây ròi ra. Căn nhà nằm ngay góc đường nên có sân sau rộng lớn. Ai cũng hớn hờ khi dọn vào ở một căn nhà có sức chứa được mười người trong cùng một lúc như nhà này.

Đến giờ ba tôi đã có nhiều uy tín đến nỗi ông có quyền chọn bất kỳ một cửa tiệm 7-Eleven nào mà ông ưng quản lý. Thế nên, ông chọn ngay một tiệm nằm cách nhà chúng tôi chỉ khoảng năm cây số. Rồi Huyền và tôi chuyển qua trường Trung Học Đệ Nhị Cấp Sharpstown, cũng ở khá gần nhà. Tí, lúc đó đã học hết chương trình tiểu học ở Trường Ki-tô Vua với hạng danh dự, nay cũng được vào học ở một trường tư thục Công Giáo khác tên là St. Francis De Sale với Huy Hoàng và Hà.

Những ngày có lớp dạy ở trường, anh Hùng, anh Hưng và chị Lêvi làm việc mỗi khi có giờ rảnh chiếu theo lịch trình học tập của trường họ đang học. Còn tôi thì mỗi ngày sau khi tan trường, tôi làm phiên thứ nhì trong ngày, và ba tôi thì làm phiên ban đêm. Mỗi cuối tuần, tôi làm một ca ban đêm và các anh tôi lãnh những ca đêm còn lại. Công việc tuy có dài giờ, nhưng có mấy ai kiếm tiền rủng rỉnh như gia đình tôi, giữa con khủng hoảng kinh tế đang dần vạt nước Mỹ thời đó.

Houston quả là nơi đất lành chim đậu cho gia đình chúng tôi. Sự hiện hữu của một cộng đồng người Việt đông đảo ở đây, có nghĩa là có đủ loại chợ búa, nhà hàng, cửa hiệu và dịch vụ để mà lựa chọn. Nói cho sâu xa hơn là vì các thương vụ phải cạnh tranh nhau nên hàng bán ra tốt hơn, từ thức ăn cho đến đồ tạp hóa, dịch vụ hành chánh, nhà thờ, và nhiều cơ hội làm ăn hơn. Lại cũng có nghĩa là lớp trẻ Việt Nam thế hệ mới lớn sẽ có cơ hội gặp gỡ và giao du với nhau.

Chị Lêvi tôi đã gặp và phải lòng một anh sinh viên Việt Nam đang theo học tại Đại Học Houston. Anh tên là Nguyễn Sơn. Anh cũng xuất thân từ một gia đình biết chịu khó làm ăn, hiện đang sinh sống ở một thị trấn nhỏ nằm cách Houston độ tám chục cây số về phía đông nam. Đó là thị trấn Lake Jackson, còn được gọi là quê hương của đại công ty Hóa phẩm Dow USA.

Anh Sơn là anh cả trong một gia đình có đông con. Ba má anh cũng đến Mỹ định cư khoảng cùng thời gian với gia đình tôi. Người đứng đơn bảo lãnh họ lúc ấy đang ở Lake Jackson, cho

nên gia đình anh dọn về lập cư ở đây. Cũng như gia đình chúng tôi, gia đình anh ta cũng tàn tảo làm lụng rồi gom tất cả tiền kiếm được và để dành chung. Họ mua lại một cơ sở của nhà hàng Dennys' và biến nó thành nhà hàng Tàu-Việt duy nhất và rất đặc khách trong thị trấn ấy. Anh Sơn đi học để ra kỹ sư hóa chất ở Đại học Houston, và cũng chính nơi ấy, anh đã gặp chị Lêvi. Hai người xem rất xứng đôi vừa lứa và ai trong gia đình tôi cũng thích anh Sơn.

Anh Hưng cũng học ở Đại học Houston. Anh trông bảnh trai, sắc sảo và rất dễ hòa đồng với mọi người. Anh làm trong ban điều hành của Hiệp Hội Sinh Viên Việt- Mỹ cũng nằm trong khuôn khổ của trường Đại học, và các nàng sinh viên Việt Nam mê anh lắm. Anh Hưng học ngành Quản trị Thương Nghiệp và mong một ngày nào đó sẽ điều hành một công ty do chính anh sáng lập.

Anh Hùng hoàn tất chương trình đào tạo nghề thợ máy xe vào năm 1979 và được một chi nhánh Toyota thuê dụng. Anh là một thợ máy cừ khôi và rất yêu nghề. Huyền và tôi theo học cho đến hết chương trình trung học ở trường Sharpstown và tốt nghiệp hạng nhất trong ngày lễ mãn khóa. Học hành xong xuôi, anh em tôi lại chúm đầu vào làm việc cho tiệm 7-Eleven của ba tôi. Dù chẳng ai có thì giờ đi dự tiệc mãn khóa, đi nhảy hoặc tham dự những sinh hoạt của nhà trường, nhưng chúng tôi đều cảm thấy thỏa nguyện khi dùng chính tay mình để góp phần cho sự an vui và thăng tiến cho gia đình.



Trên đây là Giấy chứng nhận ba tôi đã học xong khóa quản trị viên của tiệm 7-Eleven

The Forgotten Generation

CHƯƠNG TÁM

5 NĂM SAU

1980

Năm 1980 là một năm khốn đốn cho người Mỹ. Cuộc khủng hoảng con tin ở Iran đã chiếm lĩnh hết tâm trí của mọi người. Chính sách ngăn chặn lãi xuất tăng vọt của tổng thống Jimmy Carter đã thất bại nã nê. Chả trách có khối người phải giao trả nhà lại cho ngân hàng và nền kinh tế Mỹ do đó càng thêm phần nguy ngập.

Ngay ở Houston mà cũng có những hàng xe dài đứng đợi đến phiên mua xăng. Công ăn việc làm thật khó kiếm, cho dù người di dân Việt Nam sẵn sàng làm bất cứ việc gì.

Đến cuối năm 1980 thì con số người Việt tị nạn đến Mỹ định cư đã có trên 600,000 người. Rồi làn sóng tị nạn thứ hai của người Việt lại ập đến, do kết quả của chính sách trả thù của nhà nước cộng sản đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Những đô thị lớn có khí hậu ấm áp ở Mỹ thu hút khá nhiều người Việt. Dân số càng tăng thì càng có nhiều người kéo về. Tuy nhiên, người Việt từ ấy không còn là nguyên nhân làm cạn kiệt phúc lợi xã hội nữa, nhưng lại tạo nên một luồng sinh khí cho những nơi đang ngập ngoài về mặt kinh tế.

Ở Houston, khu phố xập xệ nằm mé tây nam thành phố đã được hồi sinh bằng những cửa hiệu thương buôn, những nhà hàng do người Việt làm chủ. Đồng thời, người Việt Nam thường lãnh phần quản lý những cửa tiệm tiện ích nhỏ, vốn rất thích hợp cho một gia đình điều hành như : 7- Eleven, U-Totem, Stop-n-Go và nhiều tiệm khác. Với thực trạng kinh tế tiêu điều và số người thất nghiệp ngày càng tăng, nhiều người dân ở địa phương Houston bắt đầu ganh tức với những tiến bộ âm thầm của những cư dân Việt Nam mới. Tuy nhiên, lòng tị hiềm của họ chẳng mấy chốc biến lành sự ngưỡng mộ. Nếu chỉ nói về học lực mà thôi, chính con em họ theo học ở những trường trung học và cao đẳng cũng đang thua kém con em của những cư dân gốc Á, những người chỉ biết bập bẹ đôi ba chữ tiếng Anh đạo mới đến Mỹ lập nghiệp.

Khác với những xáo trộn lớn lao khi chiến tranh Việt Nam kết liễu, lúc tâm trí ba tôi bị giằng co giữa lòng yêu nước và bôn

phận với gia đình, giờ thì cả ba má tôi đều cương quyết phải tận dụng tôi đa những cơ hội đang có ở đất Mỹ để nuôi con cái hầu chúng có thể tranh đua với những tinh hoa của người Mỹ bản xứ. Ba tôi giờ là một người điềm đạm, thấu hiểu ý nghĩa của cuộc đời, và hằng nỗ lực hết lòng để giúp chúng tôi xây đắp một ngày mai tươi sáng hơn cho gia đình.

Từ khi đến Mỹ lập nghiệp, ông luôn cần cù làm việc. Từ công việc làm phu dọn rác trong những ngày đầu cho đến khi trở thành quản lý viên của một cửa hiệu tiện ích, ông phải vừa cố gắng đề tiến thân, lại vừa nâng cao mức sống của cả gia đình. Ông chẳng còn thì giờ để bị chia trí vì những mồi mọc hoặc áp lực của những người đồng lứa tuổi nhằm lôi kéo ông tham gia vào những sinh hoạt chính trị địa phương. Thay vì vậy, ông tiếp tục tập trung vào việc quản lý cửa hiệu ông được giao, ngõ hầu con cái ông được tiếp tục việc bút nghiên và đạt kết quả khả quan trong học vấn.

Ngày nào cũng thế, ông ra tiệm và luôn giành làm việc ban đêm để chúng tôi không phải ra. Lý do vì nếu như tiệm có bị cướp viếng thì thường chỉ xảy ra vào ban đêm. Ông làm việc ban đêm chỉ vì muốn hứng chịu hết mọi hiểm nghèo thay cho chúng tôi. Cửa tiệm của ông quả có bị cướp viếng mấy bận, nhưng may mắn là ông không bị hề hấn gì. Ông vẫn không màng và cho rằng đó chỉ là những tai nạn nghề nghiệp.

Ngoại trừ ngày lễ Giáng Sinh bị buộc phải nghỉ, ba tôi không hề nghỉ một ngày nào. Ông làm việc trong những ngày lễ nghỉ, kể cả ngày Tết và lễ Tạ Ơn, dù chúng tôi có hay không ra tiệm thay thế, để ông được nghỉ ở nhà và mừng lễ đi nữa. Dầu sao ông cũng buồn vô hạn khi không thể ngồi ăn cơm tối chung với cả nhà trong nhiều năm liền, ngoại trừ những ngày Lễ Giáng Sinh.

Niên hoan lạc và tự hào nhất đời ông là được thấy con cái mình thành đạt khả quan ở học đường. Ông vẫn bảo chúng tôi rằng con người giàu hay nghèo là do nơi mình, miễn mình tự biết, dù mình có làm gì đi nữa.

Lòng ngoan đạo vẫn là yếu tố hàng hiện hữu trong cuộc sống của ông và cả gia đình. Ba tôi đi lễ mỗi chủ nhật và luôn nhắc nhở chúng tôi làm theo ông. Một sự hiện hữu hàng có thứ nhì trong đời ông là má tôi. Bà là kiến trúc sư tinh thần của cả gia đình, người đã dự kiến, xây dựng, và thúc đẩy anh em chúng tôi sống đời vươn lên hầu đạt đến một tương lai thành đạt và thăng hoa cho chính mình.

Từ những ngày đầu tiên chúng tôi đến Mỹ, cuộc đời má tôi chỉ thấy toàn những trắc trở. Trong nhiều tháng liền, bà khóc lóc và vất vả trong mọi cố gắng thích ứng với cuộc sống đạm bạc và khó nghèo ở xứ này. Mãi cho đến lúc bà chấp nhận thực tại, óc thời cơ sẵn có trong bà lại bùng dậy. Trong thâm tâm bà, xứ sở đây cơ hội này toàn là lợi thế cho chúng tôi, nhưng thay vì tạo những bước tiến cho chính bản thân, bà lại quyết tâm bồi đắp cho cuộc đời của chúng tôi từ con số không. Bà không ngừng thúc đẩy anh em chúng tôi phải học hành siêng năng hơn, làm việc chuyên cần hơn để tận dụng tiềm năng của chính mình. Bà luôn bảo: “Hồi còn chiến tranh điều tàn ở Việt Nam, mình không có những cơ hội như vậy, xứ sở này bây giờ chính là cơ hội của mình.”

Bà cũng không còn trông mong gì anh Hưng và tôi trở thành linh mục và không ép buộc anh em tôi nữa. Có lẽ vì bà cũng thấy là người Mỹ họ không trọng vọng chức vụ cao cả này so với sự tôn kính mà giáo dân vẫn dành cho các cha, như hồi còn ở Việt Nam. Dầu sao đi nữa, bà vẫn hãnh diện vì những thành đạt khiêm tốn của anh em chúng tôi. Bà khoe với cậu Năm, dì Bảy và tất cả bà con họ hàng về từng đứa con của bà, nhưng dè dặt không nói gì nhiều trước mặt chúng tôi. Bà muốn chúng tôi phải nhìn cao hơn và cố gắng hơn, đừng bao giờ ngừng tiến và tự mãn với những thành quả của mình.

Bà sung sướng khi nghe nói gia đình cậu Năm và dì Bảy cũng khá giả không kém. Má tôi thích sống ở Houston lắm. Kể từ lúc chúng tôi dọn về nhà mới, bà lại thấy hạnh phúc hơn nữa. Bà tha hồ mua thức ăn Việt Nam và giao du với bạn bè đồng hương ở Houston. Cuộc sống ở đây làm bà thấy gần gũi hơn với phong tục, tập quán, và ngôn ngữ Việt Nam. Năm nào bà

cũng chuẩn bị ăn tết thật lớn và gom về nhà thật nhiều bà con và bạn hữu để ăn mừng ngày lễ truyền thống này. Bà đã thấy thoái mái ở đây và gọi Houston là quê hương của bà.

Má tôi là chất keo để gắn mọi người liền nhau. Cả nhà cùng làm việc và dồn chung tiền kiếm được, rồi giao cho má tôi làm thủ quỹ. Bà thanh toán hết các tiền chi phí trong gia đình và phát tiền khi chúng tôi cần đến. Chưa bỏ được máu buôn bán trong người, bà luôn khuyên anh Hưng mở tiệm làm ăn. Bà lại khuyến khích chị Lêvi và Huyền em tôi nên nghĩ đến chuyện mở phòng mạch riêng, ngay từ lúc cả hai vẫn chưa hết nợ đèn sách ở trường đại học.

Bà còn là một người ngoan đạo. Như hồi còn ở Việt Nam, bà đi lễ mỗi chủ nhật và sau đó là đi chợ để mua thực phẩm và đồ gia dụng linh tinh. Bà luôn tạo những sinh hoạt ở đây sao cho tương tự như những gì bà từng có năm xưa ở Việt Nam. Thật không còn gì làm cho chúng tôi sung sướng hơn là thấy bà càng ngày càng mãi nguyện về mình và gia đình mình.

Năm năm đầu ở đất Mỹ thật gian nan cho chúng tôi, nhưng với niềm vui mới được sống tự do và triển vọng về những giàu có, dù chỉ ngoài mặt hay ở trong lòng, gia đình chúng tôi đã thích ứng và thăng tiến. Ba tôi xưa nay vẫn bảo rằng: “Phải đặt móng làm nền cho thật chắc chắn và kiên cố trước đã, rồi mới nói đến chuyện xây nhà.”

Gia đình tôi đã xây dựng cuộc đời mới trên đất Mỹ trên một nền tảng kiên cố vậy.

The Forgotten Generation

CHƯƠNG CHÍN

CẬU NĂM

Thứ sáu ngày 28 tháng 11 năm 2008

Cậu Năm nằm mê man trên giường. Căn nhà thật là tối tăm và oi bức. Con sốt thiêu đốt từ bên trong cơ thể gây guộc của cậu. Mồ hôi cậu toát ra đầm đìa làm ướt cả chiếc khăn trải giường nhàu nát. Khoảng cách giữa những cơn nóng lạnh càng lúc càng ngắn dần. Liều thuốc cậu uống cách đây một tiếng, giờ đang đánh lừa cảm giác của cậu, làm trí óc cậu lúc nào cũng tựa như treo lơ lửng giữa mê và tỉnh.

Là người con trai duy nhất trong một gia đình đông con ở Việt Nam, Cậu Năm được quý trọng và cưng chiều. Ông Ngoại thương yêu và cưng nhất cậu từ hồi cậu còn nhỏ. Những chị lớn hơn cậu là dì Hai, dì Ba, dì Bốn cũng cưng cậu. Má tôi và dì Bảy là những người bị cậu Năm cai trị. Cậu Năm đẹp trai. Dáng cậu cao dong dong, hai mắt nâu to tròn và sáng mũi dọc dừa; cậu học cao và rất biết xử thế. Cũng như ông Ngoại, cậu Năm là một người nghiêm khắc đến nỗi một người quyền thế như má tôi cũng phải khẹp nép mỗi khi ở gần cậu.

Hồi còn ở Việt Nam, cậu là Viện Trưởng của Đại Học Viện Nha Trang và là một người có uy thế trong tỉnh. Cậu lập gia đình từ lúc trẻ và đến lúc cậu bốn mươi tuổi thì đã có với vợ Năm mươi mốt con, bảy trai và ba gái. Cậu rất ngoan đạo, nhưng rất nghiêm khắc với con cái. Các con cậu vừa thương cậu nhưng cũng sợ tính nóng nảy của cậu. Hễ chúng tranh giành nhau điều gì hoặc cãi vã nhau ồn ào, chúng sẽ bị cậu bạt tai ngay.

Mợ Năm là một người hiền lành và ít nói. Mợ có trình độ học thức cao và từng là giáo sư dạy trường trung học ở Nha Trang. Các con mợ rất kính nể mợ, chúng rất đàng hoàng và có nề nếp. Các anh trai con mợ thì vui tính và các chị con gái rất nết na và hay thẹn thùng.

Cậu Năm từng làm việc với giới chức Hoa Kỳ và nói tiếng Anh thông thạo. Khả năng ngôn ngữ của cậu đã giúp chúng tôi không ít trên đường đào thoát khỏi Việt Nam và cũng giúp cậu tìm được người bảo lãnh cho đại gia đình cậu khá nhanh,

nhưng cuộc sống gia đình cậu trên đất Mỹ lại không êm xuôi cho lắm.

Gánh nặng phải nuôi một gia đình đông con đã làm cho cả cậu lẫn vợ kiệt lực. Cậu vợ không ngớt cãi cọ, chẳng qua cũng về chuyện tiền bạc và có đôi khi về cách nuôi dạy con cái. Cuối thập niên 80, cậu và vợ tách riêng ra, sống ly thân. Có lúc cậu đã dọn về Houston và làm việc với ba tôi tại tiệm 7-Eleven. Hai người trở thành bạn thân và cứ cách tuần thì thường rủ nhau đi câu cá.

Khoảng năm 1990, cậu Năm quen một người đàn bà Việt tính tình hiền hòa mà chúng tôi gọi là cô Lisa và cả hai dọn về ở chung với nhau tại Houston. Là một tín hữu Công Giáo thuần hành, má tôi thấy điều này quả là chướng mắt. Cho nên về sau, má tôi và cậu cũng ít nói chuyện với nhau. Tuy nhiên, tình anh em của họ vẫn còn đó. Hoàn cảnh của cậu Năm không ngăn được cái thú đi câu mà cậu và ba tôi vẫn đi với nhau vào những ngày cuối tuần. Má tôi vẫn nhắc nhở chúng tôi đến thăm cậu và phải luôn lễ phép với cậu. Dầu sao, cậu Năm cũng là một người cô đơn từ hàng bao nhiêu năm nay, ngay cả mười đứa con của cậu cũng hiếm khi thấy đến thăm cha.



Cậu Năm ở Galveston

Mỗi khi gặp cậu Năm, chúng tôi thích gọi cho cậu kể về những chuyến cậu đi câu cá với ba tôi, về những lý do cậu hay phỉnh má tôi để bà “cho phép” ba tôi đi câu với cậu. Cậu thao thao hàng giờ diễn tả cậu đã giúp ba tôi bung mấy thùng ướp đá

lạnh và đồ đi câu như thế nào, chỉ vì ba tôi không được khỏe lắm; chuyện cậu phải bỏ tiền mua xăng, vì ba tôi không bao giờ mang theo tiền túi; và về tài sát cá của cậu vì lúc nào cậu cũng câu được nhiều cá hơn ba tôi. Lần nào cũng thế, cậu thao thao bất tuyệt nói với tất cả sự hào sảng và tự tin.

Khi kể chuyện về các con của cậu, lúc nào cậu cũng rộn rã và cao giọng. Cậu khoái được lên chức “Ông Cố”, bởi vì anh Tân con thứ hai của cậu đã được chịu chức linh mục, gọi là “cha Tân”. Cậu nói chuyện về con gái lớn của cậu là chị Dạ Thu cùng với anh Danh, con rể cậu với cả niềm mãn nguyện. Cậu ca tụng về trình độ học vấn và óc thoáng đạt của anh Quốc, con trai út của cậu. Dù cậu sôi nổi ra sao đi nữa, chúng tôi ai cũng thương mến cậu vì tính linh hoạt và lanh trí của cậu.

Một cái giật mình khê làm cậu ho sặc sụa. Con ho làm cả thân hình ốm yếu của cậu run bắn lên, rồi thành một cơn đau vật vã. Cậu hớp hớp không khí như người đang chết đuối. Phổi cậu như bị ai đốt khiến cậu càng hít hơi vào càng thấy ngột thở, cổ họng cậu nóng rát như những miếng giấy nhám cọ xát vào nhau. Mắt cậu long lanh và chỉ thấy mờ mờ cảnh vật xung quanh. Cậu thấy buồn nôn và chóng mặt. Cậu suyt ngất đi, nhưng cơn ho dữ dội đã làm cậu tỉnh thức. Cậu ho cho đến khi không còn hơi trong phổi để ho tiếp, rồi mới ngã chúi xuống chiếc gối ướt sũng.

Trong phòng khách, anh Quốc ngưng trò chuyện với chúng tôi và chăm chú lắng nghe.

“Ông không sao đâu.” Anh khê nói, giọng chùng xuống. “Hôm nay ông khá hơn đó chứ. Hôm qua, bác sĩ đã phải rút cả lít nước trong phổi ông ra, cho nên hôm nay ông thở dễ hơn.”

Dung vợ tôi và tôi đưa mắt nhìn nhau. Ai cũng biết phổi có nước là triệu chứng của bệnh gì rồi. Anh Quốc, một thanh niên nhỏ con, cao khoảng một mét sáu và cân nặng chừng năm chục kí lô, đột nhiên trông như già hơn nhiều so với lần trước chúng tôi gặp anh, chỉ mới cách đây độ một tuần. Đuôi tóc cật tùm

của anh vẫn như cũ, nhưng nụ cười lịch sự giờ đã nhuốm nhiều vẻ mệt mỏi và ưu tư.

Anh Quốc, con út của cậu Năm, về thăm cậu cách đây một tuần. Trước đây, anh từng làm kế toán cho một công ty cỡ trung bình ở tiểu bang Missouri và đã chán với công việc. Đến một ngày đẹp trời nọ, anh bỏ việc và xin làm tài xế cho một công ty chuyên chở hàng hóa. Anh nói là anh chỉ muốn được tự do để đi đây đi đó và thực tế là đã lái xe chở hàng từ hơn một năm nay. Mới gần đây, nhân chuyến chở hàng băng ngang qua phía bắc Texas, anh tạt vào Houston để thăm cậu Năm. Số mạng run rủi làm sao mà chiếc xe trọng tải 18 bánh của anh bị quái xế “thối” mất, mất luôn cả đồ tư trang còn bỏ trong xe mới đến! Đã thế thì cứ thế, anh quyết định dừng chân lại đây để chăm sóc ba anh. Nghề với nghiệp gì thì cũng phải đợi kiếm cho ra cái xe đã chứ, nhưng đó không phải là mối bận tâm hàng đầu của anh trong lúc này.

Anh Quốc đi tới để phụ cô Lisa, lúc bấy giờ đang vất vả đỡ cậu Năm ngồi dậy, nhưng cậu thì khăng khăng đòi ra khỏi giường. Anh Quốc đành chịu ý, dìu cậu đến ngồi tại bàn ăn. Bằng ấy cố gắng đã làm cậu kiệt quệ, nhưng khi thấy Dung và tôi đang ngồi sẵn tại đó, trông cậu tươi hẳn lên. Cô Lisa bung cho cậu một chén súp nhỏ, còn anh Quốc thì đi pha trà. Trước mặt vợ chồng tôi là một cậu Năm đáng mồn mõi, vừa nói chuyện vặt, vừa ráng hít hà không khí để khỏi bị hụt hơi.

Cậu nhắc lại chuyện hồi cậu đến thăm chúng tôi lần đầu tiên tại nhà ở Houston. Minh, con út chúng tôi, năm ấy chỉ mới được hai tuổi và ghiền ngậm mấy cái ty. Dù là một trẻ thông minh và sáng trí, Minh vẫn không thích nói. Thay vì nói, nó ngậm ty cả ngày và khi nào ăn uống thì mới chịu nhả ty ra. Nó gọi cái ty của nó là “wy” và không bao giờ rời cái “wy” của nó.

Tình nghịch, cậu Năm giựt cái ty của Minh ra khỏi miệng để bắt nó nói chuyện, nó dứt liền một cái ty khác vào miệng thay thế. Cậu Năm giựt luôn cái ty ấy, nó lại thay thế bằng ty khác. Trò ấy cứ tiếp diễn cho đến khi Minh không còn cái ty nào nữa. Rốt cuộc, Minh phải chịu thua và phải năn nỉ, i ôi sao đó nghe

cho bù tai, cậu mới trả mấy cái ty lại cho nó. Được trả mấy cái ty rồi, Minh nhét cả bốn hoặc năm cái ty một lượt vào miệng, rồi lêu lêu chọc quē cậu Năm và bỏ chạy mất. Kể xong, cậu nở một nụ cười hiền muộn, than nhớ con, nhớ cháu.

Ở tuổi 75, cậu Năm đã có cả thầy mười con và mười hai đứa cháu nội ngoại. Cậu thương chúng lắm, nhưng ít có thời gian để gần gũi chúng. Những tranh chấp giữa cậu và vợ Năm vẫn triền miên và thường chỉ mang đến những cay đắng. Chuyện có lúc căng thẳng đến nỗi cậu đã nói và làm những chuyện đáng tiếc. Cậu biết cậu là người đã tạo những chuyện đau buồn ấy cho đàn con, vốn phải sống dưới một mái nhà không có hạnh phúc.

Hồi còn ở Việt Nam, cậu vợ đều phải đi làm cật lực, nhưng ít ra là cũng nuôi nổi mười đứa con. Cậu và vợ tuy có nhiều điều dị biệt, nhưng cuộc sống gia đình tương đối vẫn có sự thuận thảo. Các con cậu hồi đó còn nhỏ và phải chịu lối sống kỷ luật mà cậu bắt chúng tuân theo răm rắp, do vì chế độ gia trưởng cai trị vốn vẫn là nề nếp trong một gia đình Việt Nam.

Cuộc sống ở Mỹ khác hẳn và những luật lệ khắc khe của cậu chẳng còn hiệu nghiệm nữa. Càng lớn, các con cậu càng tập tành theo lối sống của người Mỹ hơn là người Việt. Lối suy nghĩ độc đoán của một người cha Việt Nam trở thành những cuộc đụng độ văn hóa với lối suy nghĩ tự do và độc lập theo kiểu của người Mỹ. Các con cậu vì thế cứ đi đi, về về mà chẳng bao giờ thèm xin phép của cậu. Chúng còn mặc tình ăn nói, hành động mà không màng đến những lời dạy bảo của cậu nữa chứ. Càng ngày cậu càng bứt rứt, cáu kỉnh vì thấy mình bị coi thường. Nhưng dù có bị đè nén thế nào đi nữa, cậu vẫn luôn thương yêu và cầu nguyện cho chúng.

Em gái tôi là Tí bỗng bước vào, mắt cậu Năm sáng lên. Lúc gần đây, Tí vẫn mang Minh Thánh đến cho cậu chịu lễ hằng ngày. Riêng đối với cậu, rước lễ mới chính là phần cao điểm của một ngày sống. Giờ thì những kết quả thử nghiệm để định bệnh chưa về, nhưng cậu đoán ắt phải có gì nghiêm trọng vì những con ho của cậu vẫn kéo dài liên tục. Trong mấy tháng

qua, con ho khúc khắc của cậu trở nên dai dẳng. Kể đó, cậu trở nên biếng ăn, rồi sụt cân nhanh chóng.

Con ho của cậu ngày càng dữ dội hơn và phổi cậu nóng như thiêu theo từng cơn ho ấy. Mấy chủ nhật liền, cậu không còn đủ sức để đi lễ được nữa. Thành thử, cảm ơn Chúa vì đã có Tí đem Minh Thánh về cho cậu.

Cảnh một người chưa từng biết sợ là gì nay bỗng trở nên hiền lành, vốn làm cho ai chứng kiến cũng phải mềm lòng. Tôi cầu xin cho cậu mau lành bệnh. Cả Dung và tôi, hợp với Tí, cậu Năm, anh Quốc và cô Lisa ngồi quây quần quanh chiếc bàn. Tôi lâm râm khẩn xin Chúa nhủ lòng thương xót cậu Năm; cậu xin Chúa mở lượng nhân từ đối với tôi tớ của Người và ban bình an cho bản thân cậu cũng như toàn gia quyến của cậu. Rồi tôi cầu xin Chúa thêm sức cho anh Quốc cũng như những anh chị em của anh, hầu mọi người có can đảm đương đầu với những ngày sắp tới.

“Và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con...” tôi đọc tiếp. Tí nhẹ nhàng cho cậu Năm rước lễ, chỉ là một cử chỉ đơn thuần, nhưng chất chứa bao niềm thương yêu ấy đã làm tôi rung rung xúc động. Tôi thầm ước phải chi tôi là người có quyền ban phép Minh Thánh Chúa, như ba tôi đã từng đặt hoài vọng về tôi năm xưa.

Cậu Năm hớn hờ và nói năng nhiều hơn sau khi chịu lễ. Không hiểu vì sao cậu ngừng ho. Có lẽ chút đồ ăn lót lòng đã làm cậu thấy dễ chịu. Phải chăng Minh Thánh Chúa đã đem bình an đến cho tâm hồn cậu?

Mọi người quây quần ngồi trong phòng khách và trò chuyện với cậu một hồi lâu. Trông cậu sung sướng lắm. Cô Lisa cũng tươi tỉnh không kém. Cô cầu nài rằng cậu đã chẳng chịu ăn uống mà cũng chẳng chịu để cho cô chăm sóc, nhưng cô thấy hạnh phúc khi được mọi người hỏi chuyện cả cậu lẫn cô. Anh Quốc thì âm thầm ngồi nghe chuyện một cách lý thú.

Chúng tôi ra về lúc trời đã tối hẳn. Dung nhắc tôi nhớ mang cho cậu Năm Nước Thánh mà Dung đã múc về từ Lộ Đức. Tôi khẽ hôn tay nàng, thăm tạ ơn Chúa vì đã cho chúng tôi có nhau trong đời.

Thứ hai, ngày 5 tháng 1 năm 2009

Một đêm nọ, Huyền em tôi ghé thăm cậu Năm lúc cậu đang ho một trận rũ rượi. Huyền đã quyết định ở lại qua đêm để theo dõi hơi thở của cậu. Ngay hôm sau, Huyền vội đưa cậu vào Ban Cấp Cứu của bệnh viện Memorial vì xét thấy tình trạng của cậu đã quá suy sụp.

Vài ngày trước, ngay trong ngày lễ đầu năm (New Year), cậu Năm được tin báo cậu đang bị ung thư phổi ở vào giai đoạn bốn, làm cậu buồn chán khôn tả. Cậu chả thiết gì đến chuyện ăn uống và cơn ho của cậu trở nên dữ dội hơn. Các anh chị và các em tôi thay phiên nhau đi thăm cậu mỗi ngày để cậu lên tinh thần. Càng ngày, cậu càng trở nên tuyệt vọng trong nỗi niềm thương nhớ các con cậu, cậu chỉ mong được gặp lại tất cả.

Anh Quốc đã trở về Missouri để thu xếp ít chuyện riêng, cho nên cậu Năm càng cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Tôi gom địa chỉ email của tất cả những bà con ruột thịt và cắt nghĩa cho mọi người hiểu là tôi sẽ liên lạc thường xuyên để cập nhật tình trạng sức khỏe của cậu Năm với các con của cậu và gia đình họ. Huy Hoàng cũng tiếp tay với tôi để giữ liên lạc và thông tin với mọi người. Phần Tí, mặc dù có hai đứa con dại, Tí vẫn thu xếp để đến nhà cậu Năm hằng ngày để cho cậu chịu lễ và cầu nguyện với cậu. Huyền cũng ghé thăm thường xuyên để cậu biết là cậu vẫn luôn được kính trọng và thương yêu.

Từ lúc dọn về Houston đến nay, cậu Năm rất gần gũi với Huyền. Lòng từ tâm và tính quyết đoán của Huyền làm cậu nhớ con gái của cậu. Huyền đã trở thành bác sĩ nhãn khoa như ý nguyện và có mở hai phòng mạch thật đắt khách. Một trong

hai phòng khám ấy lại ở gần nhà cậu Năm, cho nên cậu thường ghé thăm và mang theo đồ ăn làm quà. Tình cậu cháu vì thế khá đầm ấm. Các nhân viên làm việc cho Huyền cũng thích khi thấy cậu ghé thăm.

Mỗi lần ghé thăm Huyền tại phòng mạch, cậu mang đồ ăn ê hề đến cho mọi người. Toàn là những món ăn Việt Nam như chả giò, gỏi gà, cháo gà, rau còng cua trộn sà lách, nem nướng, cá kho, thịt kho, bánh bao... rồi là những món ăn trưa thông dụng như thịt gà, cơm, canh, sà lách, heo quay, cá chiên... lại có cả pizza ! Rồi cậu cháu ngồi xuống ăn uống vui vẻ với nhau. Những lần cậu thăm viếng thường xuyên như thế rất có ý nghĩa với Huyền. Cậu Năm cô đơn quá nên đã coi Huyền như con gái cậu, mà Huyền thì cũng thích được cậu đối xử như thế.

Khi nghe tin cậu Năm bị ung thư, Huyền buồn lắm, nhưng ráng làm mọi cách cho cậu vui. Huyền chăm sóc cậu rất chân tình, coi cậu không kém gì cha ruột của mình vậy.

Ở Ban Cấp Cứu, Huyền làm thủ tục nhập viện cho cậu Năm và đứng đợi cho đến khi họ đẩy cậu vào phòng cứu khẩn cấp. Ở đó, các y tá và bác sĩ thay nhau ghim đủ thứ kim lên khắp người cậu, rồi ráp các ống nhựa nối những chiếc kim ấy với những thiết bị y khoa để chuyên thuốc giảm đau vào cơ thể của cậu. Sau đó Huyền phải đi làm, để chúng tôi thay phiên nhau đến trông chừng cậu.

Tình cờ cũng vào buổi sáng hôm ấy, Huy Hoàng đưa ba tôi vào bệnh viện, cũng là nơi cậu Năm đang nằm. Mấy năm qua, ba tôi bị yếu tim, những van tim của ông không thực hiện chức năng đóng mở bình thường như trước nữa. Hậu quả là ông dễ bị mệt và đầu thì nhức như búa bổ. Lần bị nhiễm cúm gần đây làm ông bị rút nước trong người, khô đến nỗi ông không thể nuốt nổi bất kỳ loại đồ ăn thức uống nào vô bụng. Huy Hoàng đưa ba tôi vào bệnh viện lần này để được gặp một bác sĩ Việt Nam và được bác sĩ làm thủ tục nhập viện tức thì.

Coi, hai trong ba vị gia trưởng năm xưa từng liều mạng trên biển để đưa gia đình con cháu họ, tức là chúng tôi, đi đến bến

bờ tự do, giờ đang nằm trong cùng một bệnh viện. Cả hai từng thoát chết trong chiến tranh Việt Nam, sống lây lất qua hàng bao nhiêu tháng trời trong các trại tị nạn và cuối cùng chấp nhận kiếp sống thấp hèn để nuôi nấng con cái được khôn lớn ở chốn tha hương. Giờ thì cả hai phải chiến đấu để giành lấy sự sống cho chính bản thân mình.

Thứ tư, ngày 8 tháng 1 năm 2009

Tình trạng sức khỏe của cậu Năm xuống cấp rất nhanh, trong khi sức khỏe ba tôi lại khá hơn nhiều sau vài ngày được chuyển nước biển. Tôi lập một nhánh tin blog trên Internet để có thể thông báo cho mọi người biết về những gì đang xảy ra. Anh Quốc đã lật đật trở về với cậu, làm cậu phấn khởi khi gặp lại đứa con trai.

Không lâu sau đó, ba tôi khỏe hẳn và được phép xuất viện, nhưng sức khỏe của cậu Năm thì càng lúc càng tệ hơn. Dưới đây là những ghi nhận của Huy Hoàng:

“Ngực cậu Năm bọng những nước. Chính chất lỏng ấy đã ngày càng đè nặng lên ngực cậu, làm cậu thêm khó thở. Bác sĩ muốn tiến hành một ca trị liệu bằng cách chích một lượng dung dịch kiềm vào ngực cậu, thông qua ống nhựa chuyên vô ngực, nhằm mục đích kích thích phổi của cậu, vốn đang có nhiều khoang bị bọng nước, khiến cho phổi buộc sẽ phải co bóp và đẩy bớt nước ra ngoài. Chỉ có vậy mới làm cho cậu dễ thở hơn.”

“Ba đã được xuất viện và đi qua phòng cậu, ngay trước lúc các bác sĩ tiêm dung dịch ấy vào ống chuyên vô ngực của cậu Năm. Ba bồn chồn ngồi xuống và đợi bên ngoài, còn tôi thì phải ở lại để theo dõi những diễn biến của ca trị liệu này. Mặc dù cậu Năm đã được chích morphin trước khi bắt đầu, cơn đau buốt (rất) tạo ra từ dung dịch kiềm và sự tăng cường áp suất cơ thể làm cậu như bị đè quá mạnh ngoài sức chịu đựng. Cậu chụp

lấy tay tôi, thảng thốt: “Con, cậu Năm chết!”. Tôi nói với cậu là tôi sẽ canh chừng và sẽ không thể để cậu chết như thế.”

“Tôi bảo các bác sĩ rằng dung dịch ấy làm ông buốt quá và đang đau chịu không thấu. Các bác sĩ tiêm thêm morphin cho cậu để có thể hoàn tất ca trị liệu này.

Ba lộ rõ sự khiếp đảm khi ông chứng kiến những gì đã xảy ra, cho nên tôi phải chờ ông về lại với má tôi ở nhà. Về đến nhà, ông kể hết cho má nghe những điều ông đã thấy qua ca trị liệu mà họ làm cho cậu Năm khiến bà thất kinh và đứng ngồi không yên. Bà muốn đi thăm cậu Năm lắm, nhưng sợ phải thấy cảnh người anh đáng thương của mình trong cơn nguy kịch như thế.

“Tôi phải ở lại qua đêm với má tôi, vì bà lo sợ cho cả ba lẫn cậu Năm. Bà chẳng màng gì đến ăn uống. Bà lảo rảo đi quanh khắp nhà và lại lên máu cao. Bà cứ buồn nôn và chóng mặt. Tối qua, tôi phải ép bà ăn uống chút đỉnh và ngồi nghe bà kể lể chuyện đời tư cho đến khi bà thắm mệt và muốn đi ngủ. Tôi phóng ngay xuống buồng ngủ hồi xưa của tôi và lăn đùng xuống đánh ngay một giấc. Mãi đến khi nghe tiếng động càn cạch của má đang làm việc vất quanh nhà buổi sáng, tôi mới thức giấc. Tôi nhồm dậy, hỏi bà đêm qua có ngủ được không và bà ra dấu bảo được. Trông má có vẻ tỉnh táo hơn đêm qua, cho nên tôi ra về.”

Thứ tư, ngày 14 tháng 1 năm 2009

Càng lúc, bệnh tình cậu Năm càng vô phương cứu chữa. Anh Quốc dùng email và phi báo tin này lên blog, cùng với lời khẩn khoản yêu cầu mọi người trong gia đình hãy thu xếp về thăm cậu Năm một lần cuối. Phần tôi, tôi không thể tập trung tâm trí vào công việc làm ăn được nữa. Cả ngày, chuyện cậu Năm, má tôi, ba tôi và dì Bảy đã chiếm trọn tâm tư khiến tôi chẳng thấy còn việc nào quan trọng hơn.

Thuốc men mới nhất ở một đất nước văn minh nhất hoàn cầu, cộng với bao nhiêu tài năng của các bác sĩ lỗi lạc chuyên trị ung thư tại đây đã không cứu nổi cậu Năm. Họ đành bó tay và chuyển cậu qua khu tuyệt mệnh, nơi không còn áp dụng phương thức điều trị nào khác, ngoài việc cho bệnh nhân thở dưỡng khí và bắt quá là những liều thuốc giảm đau khi cần. Họ quấn một vòng băng nhựa màu tím quanh cổ tay cậu, trên có ghi chữ DNR , nghĩa là “*không làm hồi sinh*” (Do Not Resuscitate or Revive). Nghĩa là khi phổi ngưng thở, họ phải để cậu ra đi.

Lá thư email anh Quốc tường thật lại việc cậu Năm đã được chuyển qua khu tuyệt mệnh nháy liên hồi trên màn hình computer của tôi, tôi thật biết ơn anh Quốc đã gửi cho tôi lá thư này. Tôi quơ tay ôm đại hai thùng giấy rỗng và phóng nhanh xe về bệnh viện Memorial. Khi tôi đến đó thì đang giữa trưa và thấy cậu Năm đang nằm nghỉ. Trong phòng đã có anh Quốc, chị Dạ Thu, Hà em gái tôi, Sơn con trai dì Bảy, vốn cũng là một bác sĩ, cô Lisa cùng với hai đứa con trai của cô.

Anh Quốc nhếch một nụ cười mệt mỏi lúc ra đón tôi vào căn phòng chật ních người. Anh thức cả đêm hôm qua với ba anh nên trông đuối lắm. Trong thư email mới đây, anh có đề cập chuyện cậu Năm khó ngủ ra sao trong mấy ngày vừa qua. Cậu chỉ thấy ác mộng và cứ phản ứng dữ dội trong từng cơn ác mộng ấy. Anh Quốc cũng tiêu tụy không kém, vì anh đã chầu chực cạnh giường ba anh suốt mấy đêm liền. Để ngủ được hai giờ đồng hồ mỗi đêm trong mấy đêm vừa rồi, anh phải nằm chèo queo trên chiếc ghế bô cón con đặt bên dưới cái cửa sổ lạnh lẽo của căn phòng. Mười đêm liền thức trắng đã làm cái thân thể vốn luôn ốm yếu của anh càng thêm phần tàn tạ. Anh không cạo râu mà cũng chẳng buồn chải đầu làm gì. Cặp mắt đỏ hoe đủ nói hết những dày vò thân xác mà anh đã phải chịu. Tôi lại càng không hiểu do đâu mà anh chàng nhỏ con này vẫn còn sức chịu đựng và còn đủ tâm trí mà lo cho người khác.

Thình lình, như có ai thò tay tắt cái nút không khí tưởng tượng đầu đó làm cậu Năm nghẹt thở , cậu choàng dậy, vung cả hai tay lên như đang đấu quyền với một đối thủ vô hình nào đó.

Mắt cậu mở tròn ra nhìn trần trời như đang nhìn về một cõi xa xăm hoặc chẳng nhìn gì cả. Khuôn mặt cậu lộ nguyên vẻ sợ sệt kinh hoàng. Cậu hít hà tới đa để thở, nhưng không hớp được không khí. Cậu mở miệng ra kêu gào, nhưng cổ họng không thốt nên một âm thanh nào. Cậu ráng đưa tay quơ cào, nhưng chẳng có gì để chụp lại. Ất cậu đang trong cơn hấp hối, nhưng vẫn chưa muốn lìa đời.

Anh Quốc chạy đến bên cạnh và cố trấn an cậu, nhưng cậu bỗng mạnh phi thường trong cơn mê sảng. Vừa khóc, chị Dạ Thu vừa nắm chặt cánh tay phải của cậu Năm và van lơn, “*Ba ráng thở đi ba.*”

Hà ghì mặt nạ dưỡng khí trên mặt cậu Năm và bảo, “*Cậu Năm không thở, má con sẽ rầy.*”

Lúc ấy, cô Lisa đứng đầu giường bên cạnh anh Quốc và khóc tức tưởi. Hai cậu trai nhỏ con của cô cũng thút thít khóc theo mẹ. Sơn (bác sĩ) lao vội ra khỏi phòng và xin y tá cho gấp một liều thuốc giảm đau. Cô y tá nhỏ thó chạy lăng quăng đâu đó một hồi rồi quay lại và đưa cho anh một ống tiêm vĩ đại, trong có hút đầy sẵn một thứ thuốc gì đó chỉ có trời mới biết. Sơn đề cậu Năm xuống để cô y tá rảnh tay tiêm cho cậu mũi thuốc ấy. Tôi rời khỏi phòng để đọc một kinh nguyện ngắn và để gọi Dung.

Tôi bảo Dung rằng cậu Năm đang hấp hối và có lẽ sẽ không còn sống thêm bao lâu nữa. Tôi có cảm tưởng như tim Dung đang se thắt. Dung nghẹn ngào hỏi, “*Anh có sao không?*”. Mãi đến lúc ấy tôi mới biết là mình đang khóc. Tôi cũng không biết tôi khóc vì sợ hoặc vì quá buồn, nhưng tôi biết là tôi cần có Dung hơn bao giờ hết. Tôi bảo Dung là tôi yêu nàng.

Tôi quay trở về phòng cậu Năm và mọi sự lúc ấy đang chìm lắng trong thình lạng. Liều thuốc Sơn cho tiêm vào người cậu đã có hiệu nghiệm ngay tức khắc và cậu Năm đã thiếp đi. Ngực cậu nhấp nhô lên xuống một cách khó khăn. Anh Quốc, lúc ấy vẫn lập cập đứng bên cạnh giường, lau vội cặp mắt đang ngấn lệ và bảo tôi rằng bệnh tình của cậu có phần nguy kịch

hơn tôi hôm qua rất nhiều. Tôi chỉ e rằng anh sẽ òa khóc vào bất kỳ lúc nào. Cô Lisa ngồi búi gối lặng lẽ trong một góc phòng. Người đàn bà trông thật tội nghiệp, lạc lõng và cô đơn quá. Tôi cũng chẳng biết phải an ủi bà ta như thế nào nên tự nhủ *“Chỉ nên để bà yên và phải tôn trọng nỗi đau của bà là đủ.”* Nụ cười lúc nào cũng có sẵn trên khuôn mặt của chị Dạ Thu nay không còn nữa. Chị đứng trầm ngâm cạnh cậu Năm, vuốt bớt mồ hôi trên trán cậu và nước mắt chị tuôn đầm đìa trên má.

Đến một giờ chiều thì có xe cứu thương đến đón cậu. Hai cán sự y tế người Mỹ nhẹ nhàng cáng người đàn ông đang hôn mê lên chiếc giường di động rồi chỉ dẫn cho mọi người biết họ phải đi đâu và phải làm gì. Tôi ra xe để đi đón ba má tôi và dì Bảy, lúc ấy cũng đang ở nhà với ông bà. Anh Quốc tháp tùng trong xe cứu thương, đi cùng với cậu Năm.

Hà đã gọi về nhà báo trước, cho nên khi tôi về đến lối đi vào ga-ra thì ba má tôi và dì Bảy đã sẵn sàng. Dì Bảy bay từ Cincinnati đến Houston từ đêm hôm qua và đi thẳng đến bệnh viện để gặp cậu Năm. Thấy cả dì Bảy lẫn má tôi vào thăm, cậu mừng quá và phải liên tục chống chọi với liều thuốc ngủ để đủ tỉnh trí mà trò chuyện với cả hai người. Cậu đưa một tay ra nắm lấy tay dì Bảy, tay kia cậu nắm lấy tay má tôi. Cậu cười bằng cả miệng, nắc nê vì nghẹn ngào rồi bảo cậu thương hai chị em vô cùng, làm cả hai òa khóc.

“Dì Bảy xuống được làm tôi mừng lắm. Tôi cứ sợ là sẽ chết trước khi gặp lại dì”. Cậu thều thào nói. Cậu gương nở một nụ cười đau khổ và ráng nói sao cho thành câu.

“Anh Năm ráng ăn uống để lấy sức. Tôi và mấy cháu sẽ cố lo lắng cho anh,” dì Bảy đáp.

Rồi dì lại nức nở, *“Mấy đứa con của anh sắp về tới nơi rồi, nên ráng lên anh ơi.”*

Cậu hỏi thăm dì Bảy về dưỡng và các con của dì, rồi bảo dì rằng cậu sắp lia đời. “*Anh có chết, hai em nhớ cầu nguyện cho anh.*”

Má tôi không thể kèm hãm được nữa, bà òa khóc lớn tiếng và cúi xuống hôn tay cậu Năm. “*Anh Năm đừng bỏ tụi em*”. Bà van lơn.

Cậu Năm nhìn bà với vẻ triu mến và nói, “*Cho anh cảm ơn mấy đứa con em. Tụi nó đã hy sinh và lo lắng cho anh rất nhiều. Anh sẽ cầu xin Chúa ban ơn lành cho gia đình tụi em.*”

Rồi cậu chìm vào giấc ngủ, dì Bảy nắm lấy tay má tôi khóc, “*Anh Năm ốm quá vậy chị. Cũng may là tôi đến đây kịp lúc.*”

Hai chị em ôm nhau khóc. Chập sau thì cả hai cùng ra về. Và đó cũng là lần cuối cùng hai chị em trò chuyện với người anh yêu dấu của mình.

Khi xe tôi lăn bánh vào lối đi trước nhà thì thấy ba tôi đang đợi sẵn trong ga-ra. Bỏ qua cả phần thăm hỏi nhau, ông hỏi ngay, “*Cậu Năm ra sao rồi, con?*”. Nhìn ông cuống cuống lo lắng cho người bạn tri kỷ, cộng với khuôn mặt đau khổ của ông, tôi không cầm nổi nước mắt. Tôi báo cho ông biết là xe cứu thương đã rước cậu Năm đi rồi. Ba tôi chăm chú nghe, rồi lặng lẽ quay mặt đi nơi khác để chùi nước mắt. Tôi thật đau lòng khi thấy ba tôi khóc.

Ngồi trong xe, tôi kể lại những diễn tiến trong ngày cho má và dì Bảy tôi nghe. Má tôi ngồi khóc ỉ ôi và dì Bảy cũng khóc. Dì Bảy là cô em gái dễ thương của má. Không nghiêm khắc và cứng rắn như má, dì Bảy lại dịu dàng và hiền hậu. Suốt những năm tôi biết dì và gia đình dì, tôi chưa bao giờ nghe dì lớn tiếng với con cái. Hễ mà dì ở đâu thì nơi đó cũng thấy dễ chịu lây.

Ở bệnh viện mới, tôi đậu xe không đúng bãi nên bắt mọi người phải cuốc bộ một đỗi khá xa để đến khu tuyệt mệnh. Trời Houston tuy đẹp, nhưng ớn lạnh. Tôi rảo bước, tay xách túi

hành lý và tư trang của cậu Năm lẫn anh Quốc mang theo từ bệnh viện Memorial. Sau tôi là hai chị em má tôi nắm tay diu dắt nhau, lom khom đỡ lấy nhau trước từng luồng gió mạnh đang lùa về qua ngõ ngách của những toà nhà cao ốc. Xa hơn về phía sau, ba tôi khoan thai bước theo, chẳng qua cũng chỉ vì tìm ông cho phép ông hoạt động có chừng đó mà thôi. Tôi đọc một kinh ngắn, thầm cảm ơn Chúa đã ban cho tôi một gia đình như thế.

Khi chúng tôi vào đến phòng cậu Năm ở khu tuyệt mệnh thì thấy cậu Năm đang nằm trên giường. Thấy cậu nằm sóng sượt và mê man, má tôi đau lòng quá. Bà khóc lớn tiếng và níu chặt lấy anh Quốc, chùng như sắp ngất xỉu. Anh Quốc phải đưa bà ra phòng khách và diu bà ngồi xuống ghế sô-pha rồi kiểm lời trấn an bà.

Trong lúc ấy, mắt dì Bảy lại hoen đỏ, hai giong lệ rung rung lại tuôn lã chã trên khuôn mặt. Dì vịn lấy má tôi như để an ủi mà cũng như để được an ủi.

Sau khi giúp người y tá thay chiếc khăn trải giường ướt sũng dưới lưng cậu Năm, tôi đi ra căng tin dành cho khách thăm viếng để đỡ lấy má tôi, lúc ấy cơ hồ như không còn đứng vững một mình được nữa. Nỗi thương tâm vì thấy bệnh tình cậu Năm ra nông nổi này đã vượt quá sức chịu đựng của bà.

Trong phòng tuyệt mệnh, cậu Năm vẫn nằm mê man và giành giựt từng hơi thở. Trông cậu già và héo rũ. Cả má tôi lẫn dì Bảy ngồi trên chiếc ghế sô-pha không ngớt khóc. Ba tôi ngồi kế cửa sổ, miệng lâm râm cầu nguyện. Chị Dạ Thu, chị Dạ Thảo – con gái út của cậu Năm, anh Quốc, Sơn – bác sĩ, và tôi đứng tần ngần quanh quẩn, chẳng biết phải làm gì, chỉ đứng đấy để mà đứng.

Tí bỗng đến và rủ mọi người cùng nhau cầu nguyện. Cảm ơn Chúa đã gọi Tí! Trong lúc mọi người bắt đầu lần chuỗi Mân Côi, tôi lên ra ngoài và đánh xe đi phi trường Hobby để đón mợ Năm. Chị Dạ Thảo cũng muốn đi cùng, nhưng tôi từ chối

vì không nỡ để chị rời xa ba chị trong lúc này. Một mặt khác tôi muốn được yên tĩnh một mình.

Ngồi vào xe, tôi gọi anh Hùng và được biết là anh đã xuống chỗ cậu Năm ở phòng tuyệt mệnh. Tôi gọi chị Lêvi và chị bảo là chị đang bị cúm, không thể thăm cậu Năm được. Rồi tôi gọi anh Hưng để báo tin. Anh bảo rằng anh sẽ xuống cậu Năm gấp, một khi thu xếp xong công việc ở sở. Tôi không hiểu vì sao tôi đã gọi mọi người như thế, nhưng có lẽ vì tự thâm tâm, tôi hằng mong mỗi liên hệ giữa đám con cháu chúng tôi vẫn được giữ chặt chẽ, như tôi đã thấy giữa má tôi, dì Bảy và cậu Năm.

Ở phi trường, tôi thấy một người đàn bà dáng thấp bé, tuổi trạc ngoài thất tuần. Bà đang lững thững bước ra cổng và khi nhìn thấy tôi thì mắt bà sáng lên. Dù không thấy nhau đã trên ba mươi năm nay, linh tính vẫn bảo tôi rằng đây chính là mẹ Năm.

Mẹ Năm mỉm cười và nói, “*Con ông Chính phải không?*”

Và mẹ tiếp tục bảo tôi rằng tôi giống ba tôi lắm. Mẹ chậm rãi bước bên tôi và vịn vào tay tôi trong lúc hai mẹ cháu đi nhận hành lý của mẹ.

Trên đường về chỗ cậu Năm, mẹ Năm tuy có vẻ bồn chồn và nhấp nhồm, nhưng vẫn nói chuyện huyền thuyên suốt đoạn đường dài một tiếng rưỡi. Mẹ nói về Chúa, lòng đạo đức, và những giấc mơ cú tái diễn của mẹ; rồi mẹ kể chuyện gia đình mẹ và nhà thờ xứ đạo của mẹ. Càng về đến khu tuyệt mệnh, trông mẹ càng dao động. Mẹ không nói nữa khi chúng tôi bước xuống hành lang, cuối cùng mẹ mới hỏi, “*Cậu Năm sao, con?*”

Tôi đáp cậu Năm giờ đã rã rượi lắm rồi và tôi chắc chắn là cả cậu lẫn các con mẹ sẽ rất mừng khi gặp mẹ. Trông mẹ không vui lắm với câu trả lời của tôi, nhưng mẹ vẫn thình lạng. Vừa bước vào phòng, cả đám con mẹ ủa ra đón, có chị Dạ Thảo, chị Dạ Thu và anh Quốc; nhưng mẹ lại ngượng ngượng khi thấy

có cả cô Lisa đang ở đây. Khi thấy cả ba má tôi lẫn dì Bảy đã ra về, tôi mừng quá và rút lui nhanh chóng để kịp ra phi trường quốc tế đón thêm hai người con của cậu Năm nữa, đó là anh Kiệt và anh Bé.

Trông cả hai đều mệt mỏi vì đường xa, nhưng cũng như mọi Năm, anh Kiệt nói lảng chuyện khác để che dấu tâm trạng bồn chồn của mình trong lúc anh Bé âm thầm ngồi khóc. Mỗi khi anh Bé ráng mở miệng muốn nói cái gì đó, anh chỉ lắp bắp được mấy chữ rồi lại nghẹn ngào trong cổ họng. Anh Bé nhắc lại thuở còn nhỏ ở Việt Nam, lúc anh vẫn được cậu đèo lên chiếc Vespa chở đi chơi quanh phố sau giờ làm việc. Anh Bé về Việt Nam mới quay lại Mỹ đây, cho nên còn mang theo những lối suy nghĩ, lời nói, và những dư hương của chuyến đi vừa qua, tôi đoán thế.

Chúng tôi chạm trán với chị Lêvi và anh Sơn ở bãi đậu xe của khu tuyệt mệnh. Tôi dư biết chị Lêvi vẫn khó chịu vì bị cảm, nhưng tôi mừng khôn tả khi thấy chị đã hy sinh luôn cả sự nghi ngại trên chiếc giường êm ấm của chị, chỉ vì chị muốn đến đây để tỏ lòng kính mến với cậu Năm trong lúc cậu còn sống.

Khi chúng tôi vào đến phòng tuyệt mệnh, cậu Năm đã mê man, nhưng đã có một đám đông bao quanh cậu. Mọi Năm, Dạ Thu, Dạ Thảo, anh Quốc, một người con trai khác của cậu Năm là anh Vũ, nay lại có thêm anh Kiệt và anh Bé. Bác sĩ Sơn, con dì Bảy, em trai Huy Hoàng và các em gái tôi Hà, Tí, Huyền cùng hai anh tôi là anh Hùng và anh Hưng cũng có mặt đầy đủ.

Anh Kiệt chụp rất nhiều ảnh của mọi người. Anh bảo đã lâu lắm mới có buổi đoàn viên này, anh cần có ảnh gia đình, cho nên anh cứ chớp lia lia. Anh Bé vừa bay từ Việt Nam về sau khi nhận tin khẩn anh Quốc báo trên blog. Nay thấy cảnh ba mình đang nằm hấp hối, anh đau lòng lắm.

Các gia đình Việt Nam vẫn mang một truyền thống là người con trai cả trong nhà thường phải lãnh phần nuôi dưỡng cha mẹ lúc họ về già. Nếu một trong hai đấng song thân qua đời, người anh cả thường có trách nhiệm tụ tập gia đình lại để lo

việc tống táng. Tuy nhiên, từ lúc cậu mợ Năm sống ly thân nhau, tình cha con giữa cậu Năm và con trai cả là anh Dzuy bị sút mẻ trầm trọng. Sau khi cậu mợ Năm tách rời nhau, anh Dzuy đã dọn về California ở hẳn, và từ đó cũng rất ít khi liên lạc với cậu.

Người con trai kế tiếp là anh Tân, nhưng anh Tân hiện đang là một linh mục. Anh là người làm việc cho nhà Chúa và cậu Năm thì không muốn anh phải gánh vác thêm phiền toái vì cậu. Cho nên, khoảng hơn một năm trời trước khi lâm trọng bệnh, cậu Năm gọi phen cho anh Bé, người con trai kế anh Tân.

Cú phen làm anh Bé kinh ngạc vì không ngờ anh là người cuối cùng trong tôn ti gia đình mà lại được người cha già chiếu cố để lo việc hậu sự. Anh Bé xưa từng là một đứa con ngoan ngoãn và tính hay phá phách của anh đã làm cho cậu mợ Năm rất lo lắng.

Anh Bé thường hay gây sự ấu đả ở nhà trường và không chịu học hành chăm chỉ như những anh chị khác con của cậu Năm. Anh phá đến nỗi có lúc cậu Năm chịu hết nổi, phải gọi anh về sống với ông ngoại trong một thời gian khá lâu.

Nói đi thì cũng có nghĩ lại. Bản tính lì lợm và hỗn hào của anh Bé đã nhắc lại cho cậu Năm thời thơ ấu của chính cậu. Cậu rất thương anh, nhưng không bao giờ có thể tỏ bày hết tình thương của mình đối với các con của cậu.

“Nếu ba có chết thì ba muốn con là người đứng ra lo lắng công việc chôn cất cho ba,” Cậu Năm nói trong phen.

“Ừ, ba bị gì vậy?” Anh Bé ngạc nhiên và hỏi lại lần nữa, *“Ba có sao không?”*

“Ba không bị gì cả, mà chỉ muốn con lo lắng cho ba thôi. Tao đâu có chết đâu mà sợ.” Cậu Năm đáp.

“Ba đừng có lo. Con sẽ lo cho ba.” Anh Bé trả lời cậu Năm một cách khẳng khái.

Cậu Năm muốn được hỏa táng và tro cậu được đem về để trong Nhà Thờ Chợ Mới ở Nha Trang, nơi cậu từng đi lễ mỗi ngày chủ nhật. Cậu đưa tiền cho anh Bé, số tiền cậu đã để dành để con cái lo việc mai táng cho mình, nhưng anh Bé khước từ số tiền ấy. Thay vào đó, anh xuất tiền túi ra để trả trước cho dịch vụ hỏa táng, luôn cả những chi phí để sắp đặt cho đám tang. Anh còn hứa là anh sẽ bưng tro về quê cũ, như cậu Năm đã ước nguyện.

Cảnh cậu Năm đang nằm thều thào chờ chết trên giường bệnh làm anh Bé mất cả tinh thần. Anh cứ nắm chặt tay cậu Năm khóc mùi mẫn. Trông như cảnh đứa con hoang đàng, nay trở về mái nhà xưa để giữ tròn lời hứa. Tôi thầm cảm ơn Chúa vì đã cho cậu Năm lẫn anh Bé cơ hội để chuộc lỗi với nhau.

Đến 10 giờ tối thì con cả của cậu Năm là anh Dzuy, cùng với vợ là chị Chi về đến phòng tuyệt mệnh. Cả hai bay từ California qua đây và anh lớn tôi là anh Hùng đã ra phi trường đón họ về. Chúng tôi đứng vây quanh cậu Năm và ráng lay cậu dậy. Huyền nói chuyện linh tinh với cậu chỉ với mục đích bắt cậu phải trả lời, mà cậu thì chỉ nhúc nhích khe khẽ, chừng như cũng ráng hết sức để tỉnh dậy. Tôi thăm thò vào tai cậu, bảo rằng anh Dzuy hiện đang có mặt ở đây và đang muốn thừa chuyện với cậu. Nhưng có gắng lắm cũng chỉ được cậu đáp lại bằng cách siết chặt tay từng người và cố nhướn mày để mở mắt ra. Anh Dzuy, anh Bé và tất cả con cái cậu đều nói chuyện với cậu, và gia đình chúng tôi (mọi người thuộc gia đình di Sáu và Sơn) rủ nhau đi qua Phòng Thanh Tịnh ngay cạnh đó để gia đình cậu Năm có ít thời giờ riêng tư với nhau.

Bây trong số mười đứa con của cậu đã đứng cạnh giường cậu đêm hôm ấy. Anh Tân (cha Tân) đang có công tác mục vụ ở Việt Nam và đang trên đường về lại Mỹ. Cậu còn có thêm một đứa con gái là chị Lan Anh và một đứa con trai nữa là anh Hào, cả hai cũng đang trên đường về đây. Tôi nghe nhiều tiếng cười, rồi lại thấy những giọt nước mắt đau khổ của những người ở trong phòng cậu Năm hôm ấy, một buổi họp mặt hiếm có của cả gia đình.

Tôi mong cậu Năm có đủ tỉnh táo để chứng kiến cảnh này. Có lẽ cậu sẽ tỉnh dậy, có lẽ cậu cười hay khóc hoặc cũng có lẽ cuối cùng rồi cậu sẽ vĩnh viễn ra đi trong an bình.

Đêm hôm ấy, anh Quốc lại ở qua đêm cùng phòng với cậu Năm lần nữa, sau khi mọi người đã lần hồi ra về. Anh Kiệt, anh Bé ngủ ở nhà tôi. Chúng tôi hàn huyên chuyện đời đến một giờ sáng. Lần trước chúng tôi gặp nhau, kể cũng đã rất lâu, cho nên tôi rất mừng được tái ngộ với hai anh.

Ngày hôm sau, những đứa con còn lại của cậu Năm đến gặp cậu. Anh Hào và vợ là chị Quỳnh đến từ sáng sớm, một chốc sau thì chị Lan Anh cũng đến cùng với một người bạn. Ngay cả cha Tân ở tuốt bên Việt Nam, nay cũng đã về tới.

Vài đứa con của dì Bảy bay xuống Houston để chào từ biệt với cậu Năm và cũng để ở gần má của chúng. Thu, con gái lớn nhất của dì Bảy, òa lên khóc lớn tiếng khi chứng kiến tình trạng của cậu Năm. Thu gọi phôn về để kể lại cho mấy đứa em nhỏ biết chuyện, và ngay ngày hôm sau, hai em gái của Thu là Trâm và Susie, cùng với con trai lớn của dì Bảy là Trung cùng bay về Houston.

Toàn bộ gia đình của cậu Năm giờ đã qui tụ về đây để chào từ biệt cậu. Đến giờ thì cậu đã quá yếu và quá nặng đầu vì thuốc, đến nỗi cậu chỉ có thể chớp chớp mắt và siết tay từng người một. Nhưng cậu ý thức được rằng mọi người đều đã tề tựu về đây, và điều này ắt đã làm cho cậu vô cùng mãn nguyện trước khi nhắm mắt lìa đời.

ĐOẠN KẾT

Cậu Năm mất lúc 1 giờ 11 phút, sáng Chủ nhật, ngày 18 tháng 1 năm 2009.

Con của cậu, cha Tân, đã làm lễ cầu hồn tại nhà ba má tôi. Ba má tôi và di Bầy thay nhau đọc lời thương tiếc cậu trước mặt đại gia đình, và ai cũng sụt sùi khóc.

Đến thứ hai, chúng tôi dự lễ an táng cậu Năm tại nhà thờ thánh Phan-xi-cô đệ Sa-lê. Cha Tân và cha Huy cùng đồng tế và anh Quốc đã đọc một bài điệu thật cảm động. Sau đó, mọi người lục tục ra về bằng máy bay hoặc đi xe. Anh Quốc thì vẫn ở lại Houston với cô Lisa.

Thứ năm, ngày 22 tháng 1, vào lúc mười giờ rưỡi sáng, khi anh Quốc bước lên bấm chiếc nút đỏ của lò thiêu xác để hỏa táng xác cậu Năm, bước tận cùng ấy của cái chết đã làm má tôi rúng động. Bà khóc lóc thảm thiết, toàn thân bà run lên, nhưng bà vẫn cố ghì lại tấm thân xiêu vẹo. Bà ngấp ngoái như không còn hơi để thở, như tim bà sắp ngừng đập, và như cảm thấy chính thân xác bà đang bị nướng bằng ngọn lửa đang thiêu đốt xác cậu Năm trên giàn hỏa táng.

Khuôn mặt bà nhòa nhẹt những thống khổ và nước mắt bà tuôn xuống như mưa bắc. Bà lâm râm nói đi nói lại một câu, "*Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi*".

Trông bà thật mỏng manh, yếu đuối và bơ vơ. Tôi quàng tay quanh má tôi để giữ cho bà đừng ngã, để rồi sau đó tự hỏi mình đang đỡ ai đây. Giữa má tôi và tôi, ai mới là người cần được đỡ cho khỏi ngã?

Trong thời gian từ lúc cậu Năm nằm bệnh viện cho đến khi cậu qua đời, tôi thấy nước mắt bà rơi xuống nhiều hơn tất cả những lần bà đã khóc trước đây cộng lại mà đời tôi từng chứng kiến. Nhưng sáng nay, tiếng khóc ấy nghe sao mà khang khác. Ba mươi bốn năm sống tha hương với những phong tục và ngôn ngữ xa lạ, đã làm cho má tôi già nua như trở thành một con người khác. Một người từng thành công rực rỡ trên thương trường nay bỗng hóa kiếp thành một bà già lạc lõng, vẫn lúng

túng về cách phải sống sao cho thích hợp trong một môi trường tuy dễ dàng mà lại nhiều trắc trở như nền văn hóa mới này.

Còn đâu cuộc sống quen thuộc năm nào, mất rồi những phong tục xa xưa, đến nay thì sự mất mát người anh ruột yêu quý đã làm bà đau đớn cùng cực. Bà thấy thế giới quanh bà đang sụp đổ. Những kỳ vọng và ước đoán của bà nay đã tan biến. Bà nhìn quanh quất và thấy lèo tèo vài người thân thuộc, chỉ đếm được trên mấy đầu ngón tay, đã đến dự nghi lễ tiễn biệt này. Bà cảm thông cho nỗi hiu quạnh của một người anh chỉ hơi lớn tuổi hơn bà một chút. Bà thấy nóng ran vì nhiệt nằng phát ra từ thứ máy móc cơ giới, gọi là giàn hỏa thiêu này, và biết rằng rồi đây cậu Năm cũng sẽ không có đến một nắm mồ cho bà lui tới thăm viếng. Bà khóc nức nở.

Bà nhớ vô cùng những người chị bà còn ở Việt Nam và không biết họ sẽ phản ứng ra sao khi được tin cậu Năm đã khuất núi? Họ có còn nhớ chăng những kỷ niệm êm đềm xa xưa với đứa em trai duy nhất của họ? Họ có đề cao cuộc đời và những gì cậu đã làm được ở đất Mỹ hay không? Và không biết họ có thấu hiểu những hy sinh mà cậu đã chịu đựng để nuôi con cái cậu lớn khôn ở xứ sở này? Thêm một tiếng nấc nã nê.

Bà băn khoăn nghĩ đến những đứa con của cậu Năm, không biết chúng có thường nhớ đến ba của chúng không. Về sau, chúng có tổ chức lễ giỗ để tưởng nhớ và đọc kinh cầu nguyện cho ba chúng hàng năm theo lễ giáo Việt Nam hay không? Hay rồi cuộc sống bon chen ở Mỹ sẽ khiến chúng không có đến một thoáng chốc để hồi tưởng đến ông? Bà lại nghẹn ngào rơi lệ.

Bà khóc vì xót thương cậu Năm, nhưng cũng có thể vì xót xa cho thân phận của chính mình. Những giọt lệ ấy có khi vì nỗi tiếc quá khứ của bà ở Việt Nam, thương nhớ những ngày xa xưa được lớn lên trên một quê hương toàn những bạn bè và thân quyến, nhớ da diết giọng nói và phong tục nơi quê cha đất tổ, và cũng có lẽ vì luyện tiếc cho dĩ vãng vàng son của mình năm nào. Chỉ có má tôi mới biết chắc chắn nguyên nhân nào

đã làm bà khóc, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn cảm nhận nơi bà sự tủi thân của một tâm hồn cô lẻ.

Rồi nhiệt độ trên giàn hỏa thiêu đã lên đến 1,800 độ F, má tôi ngồi sững sờ, mắt tròn tròn nhìn vào một chốn xa xôi vời vợi nào đó đằng trước. Nước mắt bà tuôn lả chả. Trông bà như già thêm mười tuổi đời chỉ trong vòng mười ngày qua. Đôi mắt bà trũng sâu trên khuôn mặt nhợt nhạt và cặp kính mát không che nổi những vết quầng thâm bên dưới. Mái đầu không chải của bà toàn tóc bạc. Tay bà lạnh ngắt và run rẩy. Bà đang đứng giữa những người thân trong gia đình, nhưng lại thấy sao mình hiu quạnh. Tôi đứng cạnh bà và cũng thấy lòng mình đang nức nở.

Cuối cùng, má tôi chỗi dậy bằng cả sự cố gắng để nói lên lời cảm tạ với từng người khách tham dự buổi lễ, lúc họ đến gặp bà để ngỏ lời phân ưu. Bà đã lấy lại được thăng bằng và sự điềm tĩnh. Rồi, anh Quốc đã có một quyết định tuyệt vời. Anh trao cho má tôi tấm ảnh có đóng khung của cậu Năm. Má tôi nhận lấy và trịnh trọng ôm vào lòng. Trong một thoáng thật nhanh, tôi thấy mắt bà lóe lên vẻ triu mến sâu xa. Hình như người anh yêu quý của bà vẫn còn đâu đó.

Sau nghi lễ hỏa táng, tôi thả bộ đi cùng với ba má tôi ra xe của ông bà. Má tôi vẫn còn rên siết với nỗi niềm thương tiếc. Bà tôi vừa mở cửa xe cho bà, vừa quay qua tôi và nói, "*Cám ơn nhe Vui. Thôi con về đi làm đi.*". Vai ông khum thấp xuống và đôi mắt vẫn hoen đỏ, nhưng ông vẫn cố ra vẻ bình thường. Bà tôi, người hùng muôn thuở trong chiến tranh lẫn hòa bình, nay trông thật hiền hòa như sương khói.

Khi tôi quẹo xe qua bên phải để rẽ xuống đường Gessner và xe ba má tôi đã khuất đi trên chiếc kiếng chiếu hậu, nước mắt tôi bỗng trào ra. Thế hệ của họ đang lụi tàn. Con cái và cháu chắt họ, có còn ai nhớ đến họ và những hy sinh của họ chẳng?

Anh Bé đã đem tro của cậu Năm về cố hương ở Việt Nam, nơi sẵn có dì Hai, dì Ba và dì Bốn để nói lời vĩnh biệt với đứa em trai của họ. Ngày 9 tháng 2, các dì đã đem tro của cậu lên đặt ở

bức tường kính nhớ người quá vắng trong Nhà Thờ Chợ Mới, như cậu Năm đã dặn dò.

Trong một thời gian khá lâu, tôi thường không để ý đến Chiến Tranh Việt Nam, nơi mà chính ba tôi đã từng vào sanh ra tử để bảo vệ tổ quốc. Chúng tôi sống ở Sài Gòn trong cảnh tương đối thanh bình, nơi ngay cả người dân thành phố cũng chẳng quan tâm gì đến những thực tại tàn khốc của cuộc chiến. Hơn nữa, đời sống tu hành đã dạy tôi phải xa lánh những đấu tranh của thế tục và chỉ chú tâm về cuộc sống hòa bình, tín thác và tình thương. Giáo huấn lý tưởng về cách giải quyết những tranh chấp qua những thảo luận và đạt được giải pháp một cách hoà bình là những gì tôi đã học được. Ngay cả lúc chiến tranh đã kết thúc và cả gia đình tôi đã sang Mỹ định cư, tôi vẫn không thể hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra cho quê hương năm nào của tôi và đâu là nguyên cớ đã làm ba tôi phải căm thù sâu xa bọn cộng sản như bây giờ.

Viết lên cuốn sách này, tôi vẫn tự hỏi tại sao tôi viết nó và viết để cho ai. Trong khi suy niệm, tôi cứ thấy rõ mòn một trước mắt hình ảnh má tôi và di Bảy nắm tay dịu dặt nhau, với ba tôi lê bước theo sau trên đường đến thăm cậu Năm ở phòng tuyệt mệnh. Tôi thoáng thốt nhận ra rằng thế hệ rồi sẽ qua đi này, vẫn còn nhiều điều đáng kể.

...

Chiến tranh Việt Nam đã không có người thắng. Những kẻ tuy bại trận thê thảm nhưng rút cuộc lại là người chiến thắng chính là thế hệ người Việt tha hương bị lãng quên này, quen gọi là *Việt kiều*.

Ba tôi và những người sống cùng thế hệ đã từng hy sinh xương máu để gìn giữ miền Nam Việt Nam trước bọn cộng sản xâm lược. Đến khi tàn chiến cuộc, họ phải vứt hết tất cả những gì họ sở hữu, ngay cả bạn bè, thân nhân quyến thuộc và cả quê cha đất tổ, để đem con cái họ đến những bên bờ tự do. Một khi đã đến Mỹ, họ tự hạ mình đi làm bất kỳ việc gì có thể làm

được, mặc cho bao trắc trở, ngõ hầu con cái họ được đến trường và có cơ hội tranh đua với đời, ngay trên đất nước này.

Trong lúc bè lũ cộng sản Việt Nam viết lại lịch sử theo luận điệu của chúng, lòng can đảm và những gương anh hùng của nhân dân Miền Nam đã bị chúng cố tình ếm nhem. Và trong lúc người Mỹ vội vã quên đi Chiến Tranh Việt Nam, cả một thế hệ người dân Miền Nam Việt Nam như ba má tôi đã hoàn toàn bị quên lãng. Nhưng cũng nhờ thế hệ ấy mà thế hệ tôi đang sống, những con cháu của họ lớn lên ở đất Mỹ, đã có cơ hội thăng tiến.

Sự ra đi của Cậu Năm đã khiến tất cả mọi người trong đại gia đình chúng tôi về lại với nhau. Chúng tôi đến để nói lên lời tiễn biệt với một trong ba người gia trưởng đã đem chúng tôi đến xứ sở này. Tôi muốn ghi nhớ những hy sinh của thế hệ ấy và tôi cũng muốn con cái, cháu chắt tôi hãy nhớ ơn họ.

Thế hệ lãng quên này có nhiều chuyện đáng kể, và tôi muốn nêu lên chỉ một phần nhỏ những hy sinh của họ.

Đối với tôi, thế hệ bị lãng quên mới chính là những người chiến thắng.

Nguyên tác: “The Forgotten Generation”

Tác giả : Vui Le

Chuyển ngữ: Trần Ngọc Hà

Ghi Nhận

Tác giả xin bày tỏ lòng tri ân đến những người sau đây:

Young (Dung) Lê, vợ tôi,
về những tận tâm, khuyến khích và hỗ trợ cho những nỗ lực
trong công việc của tôi.

Ba tôi,
người hùng không tuyên dương.

Gia đình tôi,
những người đã khích lệ và giúp tôi điều chỉnh chính xác
những sự kiện.

Và cũng xin cảm ơn thật nhiều những thành viên trong gia đình
của cậu Năm và dì Bảy.

Cảm ơn Anh Trần Ngọc Hà đã thông dịch.

Về Cậu Năm:

*Xin Chúa chúc lành và gìn giữ người
Xin Chúa để dung nhan Ngài tỏa sáng trên người
Và mở lượng từ bi cho người
Xin Chúa dõi mắt nhân từ trên người,
Và cho người được bình an.*

Nm 6:24-26